05/11
2025
HÀ NỘI

CHỦ TRÌ | HOSTED BY

BỘ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION

ĐỒNG CHỦ TRÌ | CO-HOSTED BY

BAN CHÍNH SÁCH, CHIẾN LƯỢC TRUNG ƯƠNG
THE CENTRAL COMMISSION FOR POLICY AND STRATEGY

CƠ QUAN PHỐI HỢP CHUYÊN MÔN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN | CONTENT SUPPORTED & CO-ORGANIZED BY

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊNH CƯ CON NGƯỜI LIÊN HỢP QUỐC (UN-HABITAT)
UNITED NATIONS HUMAN SETTLEMENTS PROGRAMME (UN-HABITAT)

NGÂN HÀNG THẾ GIỚI (WB)
WORLD BANK

CỤC CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NATIONAL AUTHORITY OF DIGITAL TRANSFORMATION MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

HỘI QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM
VIETNAM URBAN PLANNING AND DEVELOPMENT ASSOCIATION

VỤ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC BỘ XÂY DỰNG
DEPARTMENT OF PLANNING AND ARCHITECTURE MINISTRY OF CONSTRUCTION

CỤC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỘ XÂY DỰNG
URBAN DEVELOPMENT AGENCY MINISTRY OF CONSTRUCTION

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM
VIETNAM FEDERATION OF CIVIL ENGINEERING ASSOCIATION

TỔNG CỤC KINH TẾ LIÊN BANG THỤY SỸ (SECO)
SWISS STATE SECRETARIAT FOR ECONOMIC AFFAIRS (SECO)

BỘ HỢP TÁC KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN CHLB ĐỨC (THỰC THI BỞI GIZ)
GERMAN FEDERAL MINISTRY FOR ECONOMIC COOPERATION AND DEVELOPMENT (IMPLEMENTED BY GIZ)

CƠ QUAN PHÁT TRIỂN PHÁP VÀ LIÊN MINH CHÂU ÂU (AFD - EU)
THE AGENCE FRANÇAISE DE DÉVELOPPEMENT AND EUROPEAN UNION (AFD - EU)

DIỄN ĐÀN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM 2025

VIETNAM URBAN SUSTAINABILITY SUMMIT 2025

NGÀY ĐÔ THỊ VIỆT NAM
VIETNAM URBAN DAY
08 THÁNG 11 · NOVEMBER 08th

KỶ YẾU
EVENT DIRECTORY

vietnamurbansummit.vn

CHUYÊN ĐỀ 1

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO - ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH VIỆT NAM

05.11.2025 MELIÁ HANOI HOTEL

Chủ trì:

- *Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng*
- *Tổng Hội Xây dựng Việt Nam*

Thời gian: 08:00 - 12:00 | Thứ Tư ngày 05/11/2025 *(Diễn ra song song với chuyên đề 2,3)*

08:00	**ĐĂNG KÝ ĐẠI BIỂU**
08:30	**TUYÊN BỐ LÝ DO & GIỚI THIỆU ĐẠI BIỂU**
08:35	**PHÁT BIỂU KHAI MẠC** ***Ông Trần Quốc Thái*** *- Cục trưởng, Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng*
08:45	**PHÁT BIỂU ĐỀ DẪN** ***Ông Đặng Việt Dũng*** *- Chủ tịch Tổng Hội Xây dựng Việt Nam*
	PHÁT BIỂU THAM LUẬN
08:55	**Kiến tạo đô thị thông minh dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số** ***Ông Hoàng Hữu Hạnh*** *- Phó Cục trưởng, Cục chuyển đổi số quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ*
09:10	**Chuyển đổi số dịch vụ hành chính công - Kinh nghiệm từ Thành phố Đà Nẵng** ***Ông Đinh Thế Vinh*** *- Phó Giám đốc, Sở Xây dựng Thành phố Đà Nẵng*
09:25	**Hợp tác Việt Nam - Hàn Quốc trong phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam** ***Ông Lưu Đức Minh*** *- Phó giám đốc Học viện Chiến lược, Bồi dưỡng cán bộ xây dựng, Bộ Xây dựng, Giám đốc dự án VKC*
09:40	**Định hướng đầu tư cơ sở hạ tầng chiến lược cho phát triển đô thị thông minh bền vững** ***Ông Sovanarith Sieng*** *- Chuyên gia Phát triển Đô thị tại Văn phòng UN-Habitat Khu vực Châu Á và Thái Bình Dương*
09:55	**Đô thị thông minh bắt đầu từ quy hoạch thông minh: Cách tiếp cận mới trong quản trị đô thị** ***Ông Hán Minh Cường*** *- Viện trưởng Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng AIST kiêm Chủ tịch HĐQT, CTCP Tập đoàn SGROUP Việt Nam*

10:10	❖	**Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong mô hình thành phố thông minh, bền vững** ***Ông Phan Thanh Sơn*** *- Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Phát triển Kinh doanh Khối Doanh nghiệp FPT IS, Tập đoàn FPT*
10:25		**TIỆC TRÀ**
		PHIÊN THẢO LUẬN
10:45	❖	**Điều phối:** ***- Ông Trần Quốc Thái*** *- Cục trưởng, Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng* ***- Ông Đặng Việt Dũng*** *- Chủ tịch Tổng Hội Xây dựng Việt Nam*
11:50		**PHÁT BIỂU BẾ MẠC** ***Ông Đặng Việt Dũng*** *- Chủ tịch Tổng Hội Xây dựng Việt Nam*
12:00		**KẾT THÚC HỘI THẢO**

CONFERENCE SESSION 1

INNOVATION - THE DRIVING FORCE FOR VIETNAM'S SMART CITY DEVELOPMENT

05.11.2025 | MELIÁ HANOI HOTEL

Host:

- *Urban Development Agency, Ministry of Construction*
- *Viet Nam Federation of Civil Engineering Association*

Time: 08:00 - 12:00 | Wenesday, November 5th 2025 *(In parallel with session 2,3)*

08:00	**DELEGATE REGISTRATION**
08:30	**VIP INTRODUCTION**
08:35	**OPENING REMARKS** ***Mr. Tran Quoc Thai*** *- Director General, Urban Development Agency, Ministry of Construction*
08:45	**ORIENTATION REMARKS** ***Mr. Dang Viet Dung*** *- Chairman, Viet Nam Federation of Civil Engineering Association*
	KEYNOTES
08:55	**Building Smart Cities Based on Science, Technology and Innovation, Digital Transformation** ***Mr. Hoang Huu Hanh*** *- Deputy Director General, National Authority of Digital Transformation, Ministry of Science and Technology*
09:10	**Digital Transformation of Public Administrative Services: Experience from Da Nang City** ***Mr. Dinh The Vinh*** *- Deputy Director, Da Nang Department of Construction*
09:25	**Viet Nam - Korea Cooperation in Developing Smart Cities in Viet Nam** ***Mr. Luu Duc Minh*** *- Vice President, the Academy of Construction Strategy and Cadres Training, Ministry of Construction, Director of the VKC Project*
09:40	**Strategic Investment Directions for Sustainable and Smart Urban Development** ***Mr. Sovanarith Sieng*** *- Urban Development Specialist, UN-Habitat Regional Office for Asia and the Pacific*
09:55	**Smart Cities Start with Smart Planning: A New Approach to Urban Governance** ***Mr. Han Minh Cuong*** *- Director of Institute of Science and Technology of Construction ACUD - Chairman of the Board of Directors of S-GROUP*
10:10	**AI Application in Developing Sustainable, Smart Cities** ***Mr. Phan Thanh Son*** *- EVP and Chief Business Development Officer of FPT IS*

10:25	**TEA BREAK**
	PANEL DISCUSSION
10:45	**Moderator:** ***- Mr. Tran Quoc Thai*** *- Director General, Urban Development Agency, Ministry of Construction* ***- Mr. Dang Viet Dung*** *- Chairman, Viet Nam Federation of Civil Engineering Association*
11:50	**CLOSING REMARKS** ***Mr. Dang Viet Dung*** *- Chairman, Viet Nam Federation of Civil Engineering Association*
12:00	**END OF CONFERENCE SESSION 1**

CHUYÊN ĐỀ 2

ĐÔ THỊ AN TOÀN VÀ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU HƯỚNG TỚI TĂNG TRƯỞNG XANH, BỀN VỮNG

05.11.2025 MELIÁ HANOI HOTEL

Chủ trì:

- *Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng*
- *Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức GIZ;*
- *Tổng Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sỹ SECO;*
- *Cơ quan Phát triển Pháp (AFD)*

Thời gian: 08:00 - 12:00 | Thứ Tư ngày 05/11/2025 *(Diễn ra song song với chuyên đề 1,3)*

08:00	**ĐĂNG KÝ ĐẠI BIỂU**
08:30	**TUYÊN BỐ LÝ DO & GIỚI THIỆU ĐẠI BIỂU**
08:35	**PHÁT BIỂU KHAI MẠC** ***Bà Sibylle Bachmann*** *- Trưởng Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Sỹ*
08:45	**PHÁT BIỂU CỦA CƠ QUAN PHÁT TRIỂN PHÁP** **Phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu** ***Ông Julien Seillan*** *- Giám đốc Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) Việt Nam*
	PHÁT BIỂU THAM LUẬN
08:55	**Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng giai đoạn 2026-2030** ***Ông Nguyễn Cao Viên*** *- Phó Cục trưởng, Cục Phát triển Đô thị, Bộ Xây dựng* ***Ông Nguyễn Dư Minh*** *- Trưởng phòng, Phòng thẩm định dự án đầu tư phát triển đô thị, Cục Phát triển Đô thị, Bộ Xây dựng*
09:10	**Phòng chống ngập lụt đô thị các tỉnh ven biển miền Trung - Vấn đề và giải pháp** ***Ông Phạm Doãn Khánh*** *- Phó trưởng phòng, Phòng Hợp tác quốc tế, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Môi trường*
09:25	**Ứng phó với biến đổi khí hậu tại các đô thị Việt Nam: Góc nhìn và trải nghiệm của người dân** ***Bà Sabina Stein*** *- Trưởng Ban Quản trị và Tham gia, Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam*
09:40	**Lồng ghép ứng phó biến đổi khí hậu vào Quy hoạch chung và Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch Đầu tư tại các khu vực đô thị** ***Ông Antoine Mougenot*** *- Chuyên gia Phát triển đô thị, Cơ quan Phát triển Pháp (AFD)*

09:55	❖	**Đầu tư vào hạ tầng đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu** ***Ông Steven Louis Rubinyi*** *- Chuyên gia cao cấp về quản lý rủi ro thiên tai, Ngân hàng Thế giới*
10:10	❖	**Một số giải pháp thoát nước đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu - kinh nghiệm từ vùng đồng bằng sông Cửu Long** ***Ông Nguyễn Hồng Tiến*** *- Cán bộ Dự án cấp cao và* ***Ông Nguyễn Công Thành*** *- Chuyên gia cao cấp, Dự án Thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (MCRP), Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức GIZ*
10:25	❖	**Phim ngắn giới thiệu kết quả của Dự án Thích ứng với Biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long liên quan đến Hợp phần phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu**
10:30		**TIỆC TRÀ**
		PHIÊN THẢO LUẬN
10:50	❖	**Điều phối:** ***- Ông Nguyễn Cao Viên*** *- Phó Cục trưởng, Cục Phát triển Đô thị, Bộ Xây dựng* ***- Ông Nguyễn Hồng Tiến*** *- Cán bộ Dự án cấp cao, Dự án Thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (MCRP), Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức GIZ*
11:50		**PHÁT BIỂU BẾ MẠC** ***Bà Dana Julia Loew*** *- Giám đốc Dự án Thích ứng với Biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long (MCRP), Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức GIZ*
12:00		**KẾT THÚC HỘI THẢO**

CONFERENCE SESSION 2

SAFE AND CLIMATE - RESILIENT CITIES TOWARDS GREEN AND SUSTAINABLE GROWTH

05.11.2025 MELIÁ HANOI HOTEL

Host:

- *Urban Development Agency, Ministry of Construction*
- *Viet Nam Federation of Civil Engineering Association*

Time: 08:00 - 12:00 | Wenesday, November 5th 2025 *(In parallel with session 1,3)*

08:00	**DELEGATE REGISTRATION**
08:30	**INTRODUCTION**
08:35	**OPENING REMARKS** ***Ms. Sibylle Bachmann*** *- Head of Cooperation, Embassy of Switzerland in Viet Nam*
08:45	**ORIENTATION REMARKS** **Climate-Resilient Urban Development** ***Mr. Julien Seillan*** *- Country Director, The Agence Française de Développement (AFD) in Viet Nam*
	KEYNOTES
08:55	**Development of Climate Resilient Cities in the Period of 2021-2025 and Orientation for 2026-2030** ***Mr. Nguyen Cao Vien*** *- Deputy Director General, Urban Development Agency, Ministry of Construction* ***Mr. Nguyen Du Minh*** *- Head of Urban Development & Project Appraisal Division, Urban Development Agency, Ministry of Construction*
09:10	**Urban Inundation Prevention in the Central Coastal Provinces - Issues and Solutions** ***Mr. Pham Doan Khanh*** *- Deputy Director of International Cooperation Department, Viet Nam Disaster and Dyke Management Authority, Ministry of Agriculture and Environment*
09:25	**Citizen Perspectives: Experiences and Responses to Climate Resilience in Viet Nam's Major Cities** ***Ms. Sabina Stein*** *- Assistant Resident Representative, Head of Governance and Participation, UNDP Viet Nam*
09:40	**Integration of Climate Change Response in Master Planning and Socio - Economic Development and Investment Plans in Urban Areas** ***Mr. Antoine Mougenot*** *- Urban Development Specialist, The Agence Française de Développement (AFD)*

09:55	❖	**Investing in Climate Resilient Urban Infrastructure** ***Dr. Steven Louis Rubinyi*** *- Senior Disaster Risk Management Specialist, the World Bank*
10:10	❖	**Some Urban Drainage Solutions Adapting to Climate Change - Experiences from the Mekong Delta** ***Mr. Nguyen Hong Tien*** *- Senior Project Officer MCRP - GIZ* ***Mr. Nguyen Cong Thanh*** *- Senior Urban Drainage Expert, MCRP - GIZ*
10:25	❖	**Short Movie Summarizing Results of MCRP-Urban Component**
10:30		**TEA BREAK**
		PANEL DISCUSSION
10:50	❖	**Moderator:** ***- Mr. Nguyen Cao Vien*** *- Deputy Director General, Urban Development Agency, Ministry of Construction* ***- Mr. Nguyen Hong Tien*** *- Senior Project Officer, MCRP - GIZ*
11:50		**CLOSING REMARKS** ***Ms. Dana Julia Loew*** *- MCRP Director, GIZ*
12:00		**END OF CONFERENCE SESSION 2**

CHUYÊN ĐỀ 3

QUY HOẠCH VÀ QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ HIỆN ĐẠI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SỐNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM

05.11.2025 | MELIÁ HANOI HOTEL

Chủ trì:

- *Vụ Quy hoạch - Kiến trúc, Bộ Xây dựng*
- *Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam*

Thời gian: 08:00 - 12:00 | Thứ Tư ngày 05/11/2025 *(Diễn ra song song với chuyên đề 1,2)*

08:00	**ĐĂNG KÝ ĐẠI BIỂU**
08:30	**TUYÊN BỐ LÝ DO & GIỚI THIỆU ĐẠI BIỂU**
08:35	**PHÁT BIỂU KHAI MẠC** ***Bà Trần Thu Hằng*** *- Vụ trưởng, Vụ Quy hoạch - Kiến trúc, Bộ Xây dựng*
08:45	**PHÁT BIỂU CỦA CƠ QUAN PHÁT TRIỂN PHÁP** ***Ông Trần Ngọc Chính*** *- Chủ tịch Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam*
	PHÁT BIỂU THAM LUẬN
08:55	**Bảo tồn bền vững và nâng cao khả năng đáng sống cho đô thị di sản tiêu biểu - Trường hợp Cố đô Huế, Việt Nam** ***Ông Phan Thanh Hải*** *- Uỷ viên Hội đồng di sản văn hoá quốc gia, Giám đốc Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Huế*
09:10	**Quy hoạch quản lý phát triển đô thị phù hợp với chính quyền địa phương hai cấp** ***Ông Trương Văn Quảng*** *- Phó Tổng thư ký Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam*
09:25	**Giải pháp lập và thực hiện quy hoạch đô thị của chính quyền địa phương hướng tới phát triển đô thị bền vững** ***Ông Hoàng Vĩnh Hưng*** *- Viện trưởng Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn Quốc gia*
09:40	**Quản trị đô thị - nông thôn theo chính quyền hai cấp ở Việt Nam** ***Ông Nguyễn Quang*** *- Nguyên Giám đốc UN Habitat tại Việt Nam*
09:55	**Khung chính sách đa cấp nhằm hỗ trợ Việt Nam đạt được phát triển bền vững và phát triển đô thị thông minh** ***Bà Elena Boni*** *- Điều phối viên về lĩnh vực phát triển đô thị và quản lý tri thức tại Văn phòng UN-Habitat Khu vực châu Á và Thái Bình Dương*

10:10 ❖ **Từ cải tạo đến tái thiết đô thị: Hướng tiếp cận đô thị bao trùm và bền vững phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp**
Ông Nguyễn Vũ Phương *- Phó giám đốc Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng, Bộ Xây dựng*

10:25 ❖ **Kinh nghiệm quốc tế về cải tạo, chỉnh trang đô thị. Bài học áp dụng cho các đô thị Việt Nam**
Ông Đỗ Hậu *- Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký, Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam*

10:40 **TIỆC TRÀ**

PHIÊN THẢO LUẬN

11:00 ❖ **Điều phối:**
- Bà Trần Thu Hằng *- Vụ trưởng, Vụ Quy hoạch - Kiến trúc, Bộ Xây dựng*
- Ông Trần Ngọc Chính *- Chủ tịch Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam*

11:50 **PHÁT BIỂU BẾ MẠC**
Ông Trần Ngọc Chính *- Chủ tịch Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam*

12:00 **KẾT THÚC HỘI THẢO**

CONFERENCE SESSION 3

MODERN URBAN PLANNING AND GOVERNANCE - ENHANCING THE QUALITY OF URBAN LIFE IN VIET NAM

05.11.2025 MELIÁ HANOI HOTEL

Host:

- *Department of Planning and Architecture - Ministry of Construction*
- *Viet Nam Urban Planning and Development Association (VUPDA)*

Time: 08:00 - 12:00 | Wenesday, November 5th 2025 *(In parallel with session 1,2)*

08:00		**DELEGATE REGISTRATION**
08:30		**INTRODUCTION**
08:35	❖	**OPENING REMARKS** ***Ms. Tran Thu Hang*** *- Director of the Department of Planning and Architecture, Ministry of Construction*
08:45	❖	**ORIENTATION REMARKS** ***Mr. Tran Ngoc Chinh*** *- Chairman, Viet Nam Urban Planning and Development Association*
		KEYNOTES
08:55	❖	**Sustainable Conservation and Enhancing Livability for a Heritage City - The Case of Hue, Vietnam** ***Mr. Phan Thanh Hai*** *- Member of the National Cultural Heritage Council, Director of the Thua Thien Hue Department of Culture and Sports*
09:10	❖	**Urban Planning and Development Management in Accordance with Two-level Local Government** ***Mr. Truong Van Quang*** *- Deputy General Secretary, Viet Nam Urban Planning and Development Association*
09:25	❖	**Solutions for Urban Planning and Implementation of Local Government toward Sustainable Urban Development** ***Mr. Hoang Vinh Hung*** *- Director, National Institute for Urban and Rural Planning*
09:40	❖	**Urban-rural Governance under the Two-level Government in Viet Nam** ***Mr. Nguyen Quang*** *- former Director, UN-Habitat in Viet Nam*

09:55	❖	**Multi-level Policy Frameworks Supporting Viet Nam to Achieve Sustainable and Smart Urban Development** ***Ms. Elena Boni*** *- Coordinator on Urban Development and Knowledge Management, UN-Habitat Regional Office for Asia and the Pacific*
10:10	❖	**From Urban Renewal to Urban Regeneration: An Inclusive and Sustainable Urban Approach Aligned with Vietnam's Two-tier Local Government Model** ***Mr. Nguyen Vu Phuong*** *- Vice President, Academy of Construction Strategy and Cadres Training (ACST)*
10:25	❖	**International Experience in Urban Renewal and regeneration. Lessons for Viet Nam's Cities** ***Mr. Do Hau*** *- Vice Chairman cum General Secretary, Viet Nam Urban Planning and Development Association*
10:30		**TEA BREAK**
		PANEL DISCUSSION
10:50	❖	**Moderator:** ***- Ms. Tran Thu Hang*** *- Director of the Department of Planning and Architecture, Ministry of Construction* ***- Mr. Tran Ngoc Chinh*** *- Chairman, Viet Nam Urban Planning and Development Association*
11:50		**CLOSING REMARKS** ***Mr. Tran Ngoc Chinh*** *- Chairman, Viet Nam Urban Planning and Development Association*
12:00		**END OF CONFERENCE SESSION 3**

PHIÊN TOÀN THỂ

DIỄN ĐÀN ĐÔ THỊ VIỆT NAM 2025 - PHÁT TRIỂN THÔNG MINH, BỀN VỮNG VÀ BAO TRÙM

05.11.2025 MELIÁ HANOI HOTEL

Chủ trì:

- *Bộ Xây dựng;*
- *Ban Chính sách, chiến lược Trung ương*

Thời gian: 13:30 - 16:30 | Thứ Tư ngày 05/11/2025

13:30		**ĐĂNG KÝ ĐẠI BIỂU**
14:00		**PHIÊN KHAI MẠC**
14:00	❖	**TUYÊN BỐ LÝ DO & GIỚI THIỆU ĐẠI BIỂU**
14:05	❖	**PHÁT BIỂU CỦA LÃNH ĐẠO BỘ XÂY DỰNG** ***Ông Nguyễn Tường Văn*** *- Thứ trưởng, Bộ Xây dựng*
14:20	❖	**PHÁT BIỂU CỦA LÃNH ĐẠO BAN CHÍNH SÁCH CHIẾN LƯỢC TRUNG ƯƠNG** ***Ông Nguyễn Duy Hưng*** *- Phó Trưởng Ban, Ban Chính sách, Chiến lược trung ương*
14:35	❖	**Phim ngắn về phát triển đô thị thông minh bền vững**
14:45		**PHIÊN BÁO CÁO CHÍNH**
14:45	❖	**Phát biểu tổng kết Chuyên đề 1** ***Ông Đặng Việt Dũng*** *- Chủ tịch Tổng Hội Xây dựng Việt Nam*
14:52	❖	**Phát biểu tổng kết Chuyên đề 2** ***Bà Michaela Baur*** *- Giám đốc Quốc gia, Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức GIZ tại Việt Nam*
14:59	❖	**Phát biểu tổng kết Chuyên đề 3** ***Ông Trần Ngọc Chính*** *- Chủ tịch Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam*
15:06	❖	**Đổi mới phát triển đô thị Việt Nam** ***Ông Trần Quốc Thái*** *- Cục trưởng, Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng*
15:20	❖	**Hợp tác Việt Nam - Thụy Sỹ vì phát triển đô thị bền vững** ***Ông Thomas Gass*** *- Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên bang Thụy Sỹ tại Việt Nam*
15:35	❖	**Tài trợ nâng cao năng lực thích ứng đô thị trong bối cảnh mới của Việt Nam** ***Bà Mariam Sherman*** *- Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, Campuchia và Lào*
15:50		**PHÁT BIỂU BẾ MẠC** ***Ông Nguyễn Tường Văn*** *- Thứ trưởng, Bộ Xây dựng*
16:30		**KẾT THÚC PHIÊN TOÀN THỂ**

PLENARY SESSION

VIETNAM URBAN SUMMIT 2025 - SMART, SUSTAINABLE AND INCLUSIVE DEVELOPMENT

05.11.2025 MELIÁ HANOI HOTEL

Host:

- *Ministry of Construction*
- *The Central Policy and Strategy Commission*

Time: 13:30 - 16:30 | Wenesday, November 5th 2025

13:30		**DELEGATE REGISTRATION**
14:00		**OPENING SESSION**
14:00	❖	**VIP INTRODUCTION**
14:05	❖	**REMARKS OF LEADERSHIP FROM MINISTRY OF CONSTRUCTION** ***Mr. Nguyen Tuong Van*** *- Deputy Minister, Ministry of Construction*
14:20	❖	**REMARKS OF LEADERSHIP FROM THE CENTRAL POLICY AND STRATEGY COMMISSION** ***Mr. Nguyen Duy Hung*** *- Vice Chairman, The Central Policy and Strategy Commission*
14:35	❖	**Displaying Video on Sustainable Smart Cities**
14:45		**KEYNOTES**
14:45	❖	**Conference Session 1 Summary Report** ***Mr. Dang Viet Dung*** *- Chairman, Viet Nam Federation of Civil Engineering Association*
14:52	❖	**Conference Session 2 Summary Report** ***Ms. Michaela Baur*** *- Country Director, Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH in Viet Nam*
14:59	❖	**Conference Session 3 Summary Report** ***Mr. Tran Ngoc Chinh*** *- Chairman, Viet Nam Urban Planning and Development Association*
15:06	❖	**Innovating Urban Development in Viet Nam** ***Mr. Tran Quoc Thai*** *- Director General, Urban Development Agency, Ministry of Construction*
15:20	❖	**Viet Nam - Switzerland Partnership for Sustainable Urban Development** ***Mr. Thomas Gass*** *- Ambassador Extraordinary and Plenipotentiary of the Swiss Confederation in Viet Nam*
15:35	❖	**Financing Urban Resilience in Vietnam's New Context** ***Ms. Mariam Sherman*** *- Division Director for Viet Nam, Cambodia, and Lao PDR, The World Bank*
15:50		**CLOSING REMARKS** ***Mr. Nguyen Tuong Van*** *- Deputy Minister, Ministry of Construction*
16:30		**END OF PLENARY SESSION**

PHIÊN TOÀN THỂ

DIỄN ĐÀN ĐÔ THỊ VIỆT NAM 2025 - PHÁT TRIỂN THÔNG MINH, BỀN VỮNG VÀ BAO TRÙM

PLENARY SESSION

VIETNAM URBAN SUMMIT 2025 - SMART, SUSTAINABLE AND INCLUSIVE DEVELOPMENT



BÀ MICHAELA BAUR
MS. MICHAELA BAUR

- **Giám đốc Quốc gia, Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức tại Việt Nam**
- *Country Director, Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) GmbH*

TIỂU SỬ | BIO

Bà Michaela Baur hiện là Giám đốc Quốc gia của Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) tại Việt Nam kể từ tháng 5 năm 2024.

Trước đó, trong giai đoạn 2019 - 2023, bà giữ chức Tổng Giám đốc GIZ, phụ trách Vụ châu Âu, Địa Trung Hải và Trung Á tại trụ sở GIZ ở Eschborn, Đức. Từ 2015 - 2019, bà là Giám đốc Quốc gia GIZ tại Jordan và Lebanon, và trước đó từng đứng đầu Ban Giáo dục nghề nghiệp và Thị trường lao động tại trụ sở GIZ trong bảy năm.

Trong giai đoạn 2002 - 2008, bà Baur là Giám đốc Chương trình cho một số dự án về giáo dục nghề nghiệp và thị trường lao động tại Trung Quốc. Bà có chuyên môn sâu rộng trong các lĩnh vực chính sách thị trường lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bình đẳng giới, chính sách kinh tế và phát triển khu vực tư nhân.

Trước khi gia nhập GIZ, bà từng làm việc trong lĩnh vực tư vấn, học thuật và các tổ chức phi lợi nhuận về chính sách việc làm và chuyển đổi kinh tế. Bà có tiến sĩ Khoa học Chính trị của Đại học Tự do Berlin và từng học khoa học chính trị và kinh tế tại các trường đại học ở Marburg, Frankfurt và Berlin.

As of May 2024, Dr. Michaela Baur has been serving as the Country Director of the Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ) in Vietnam.

From 2019 to 2023, she was Director General at GIZ Headquarters in Eschborn, Germany, responsible for the Department "Europe, Mediterranean and Central Asia."

Between 2015 and 2019, she served as GIZ Country Director in Jordan and Lebanon, and prior to that, she headed the Technical and Vocational Education and Training (TVET) and Labor Market Division in the Sector Department at GIZ Headquarters for seven years.

From 2002 to 2008, Dr. Baur worked as Program Director for several TVET and labor market projects in China. Her professional expertise covers labor market policy, employment, vocational education and training, gender equality, economic policy, private sector development, and regional structural policy.

Before joining GIZ, she worked in consulting, academia, and non-profit organizations in the fields of employment policy and economic transition.

Dr. Baur holds a Ph.D. in Political Science from the Free University of Berlin and studied political science and economics at the universities of Marburg, Frankfurt, and Berlin.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

PHÁT BIỂU TỔNG KẾT CHUYÊN ĐỀ 2

CONFERENCE SESSION 2 SUMMARY REPORT



ÔNG THOMAS GASS
MR. THOMAS GASS

- **Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên bang Thụy Sỹ tại Việt Nam**
- *Ambassador Extraordinary and Plenipotentiary of the Swiss Confederation in Viet Nam*

TIỂU SỬ | BIO

Ông Thomas Gass hiện là Đại sứ Thụy Sĩ tại Việt Nam và đã bắt đầu nhiệm kỳ của mình tại Hà Nội từ tháng 1 năm 2023. Ông mang đến Việt Nam bề dày kinh nghiệm trong hợp tác phát triển song phương và đa phương, cũng như trong lĩnh vực khoa học tự nhiên ứng dụng cho phát triển.

Trước khi đảm nhận cương vị này, Đại sứ Gass từng là Đặc phái viên của Hội nghị cấp cao về Hiệu quả Phát triển và Đồng Chủ tịch đại diện cho OECD/DAC và các đối tác phát triển trong khuôn khổ Đối tác Toàn cầu vì Hiệu quả Hợp tác Phát triển (GPEDC). Từ tháng 1 năm 2018 đến tháng 9 năm 2022, ông giữ chức Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng Ban Hợp tác Nam của Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Sĩ (SDC), thuộc Bộ Ngoại giao Liên bang Thụy Sĩ.

Trong giai đoạn 2013 - 2017, ông đảm nhiệm vị trí Trợ lý Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc tại Vụ Các vấn đề Kinh tế và Xã hội (DESA), trụ sở New York.

Trước khi làm việc tại Liên Hợp Quốc, từ năm 2009 đến 2013, ông Gass là Đại sứ kiêm Trưởng Phái đoàn Thụy Sĩ tại Nepal. Từ năm 2004 đến 2009, ông là Trưởng Ban Kinh tế và Phát triển tại Phái đoàn Thường trực của Thụy Sĩ tại Liên Hợp Quốc ở New York, đại diện cho Thụy Sĩ tại Hội đồng Kinh tế và Xã hội (ECOSOC), các Ủy ban trực thuộc, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc và Hội đồng điều hành của các Quỹ và Chương trình lớn của Liên Hợp Quốc. Trong thời gian này, ông cũng từng là Chủ tịch Nhóm Các nhà tài trợ của Sáng kiến Toàn cầu Liên Hợp Quốc (UN Global Compact).

Trước đó, ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng khác như Phó Trưởng Đại diện thường trú của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Guyana (2002 - 2004); Cố vấn chính sách và Cán bộ chương trình của Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Sĩ (SDC) (1998 - 2002); và Giám đốc Khu vực châu Âu của Viện Tài nguyên Di truyền Thực vật Quốc tế tại Rome (1996 - 1998).

Ông Thomas Gass sinh năm 1963, có bằng Tiến sĩ Khoa học Tự nhiên và Thạc sĩ Kỹ sư Nông nghiệp của Viện Công nghệ Liên bang Thụy Sĩ tại Zurich (ETH Zurich).

Ambassador Thomas Gass is the Ambassador of Switzerland to the Socialist Republic of Viet Nam and arrived in Hanoi in January 2023. He brings with him a wide-ranging experience in bilateral and multilateral development cooperation, as well as in natural sciences applied to development.

Before this appointment, Ambassador Gass was Special Envoy to the High-Level Conference on Development Effectiveness and Co-Chair representing the OECD/DAC and the Development partners within the Global Partnership for Effective Development Cooperation (GPEDC). From January 2018 to September2022 he served as Assistant Director General and Head of the South Cooperation Department of the Swiss Agency for Development and Cooperation (SDC), within the Federal Department of Foreign Affairs.

From 2013 - 2017, he served as Assistant Secretary General at the Department for Economic and Social Affairs of the United Nations Secretariat in New York.

Prior to his position at the United Nations, he served from 2009 to 2013 as Ambassador and Head of the Mission of Switzerland to Nepal.

Before his posting to Nepal, from 2004 to 2009, Mr. Gass was Head of the Economic and Development Section at the Permanent Mission of Switzerland to the UN in New York, where he represented Switzerland's interests in the Economic and Social Council (ECOSOC), its subsidiary Commissions, the General Assembly and the Executive Boards of the major UN Funds and Programmes. During this time, Mr Gass was also the Chair of the Donor Group of the UN Global Compact.

Mr. Gass has also served as Deputy Resident Representative of the United Nations Development Programme (UNDP) in Guyana (2002 - 2004), as Policy Advisor and Programme Officer for the Swiss Agency for Development and Cooperation (1998 - 2002), and as Regional Director for Europe with the International Plant Genetic Resources Institute in Rome (1996 - 1998).

Born in 1963, Thomas Gass holds a PhD in natural sciences from the Swiss Federal Institute of Technology in Zurich and a MSc and engineering diploma in agricultural sciences from the same Institute.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

HỢP TÁC VIỆT NAM - THỤY SỸ VÌ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG

VIET NAM - SWITZERLAND PARTNERSHIP FOR SUSTAINABLE URBAN DEVELOPMENT



BÀ MARIAM SHERMAN
MS. MARIAM SHERMAN

- **Giám đốc Quốc gia, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, Campuchia và Lào**
- *Division Director for Viet Nam, Cambodia and Lao PDR, The World Bank*

TIỂU SỬ | BIO

Bà Mariam J. Sherman được bổ nhiệm làm Giám đốc Quốc gia của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, Campuchia và Lào, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 5 năm 2024, với trụ sở chính tại Hà Nội. Bà Sherman gia nhập Ngân hàng Thế giới vào năm 1997 và đã đảm nhiệm nhiều vai trò và vị trí lãnh đạo ở nhiều khu vực bao gồm Đông Á và Thái Bình Dương, Nam Á, Trung Đông và Bắc Phi, Châu Âu và Trung Á. Trước vị trí hiện tại, bà Sherman từng giữ chức vụ Giám đốc Quốc gia tại Myanmar, Campuchia và Lào với trụ sở chính tại Yangon, Myanmar. Bà có quốc tịch Anh.

Mariam J. Sherman has been World Bank Division Director for Viet Nam, Cambodia and Lao PDR since May 1, 2024. She is based in Ha Noi. A British national, Ms. Sherman joined the World Bank in 1997 and has held diverse operational and leadership roles throughout her career across various regions including East Asia and Pacific, South Asia, the Middle East and North Africa, and Europe and Central Asia. Prior to her current appointment, Ms. Sherman served as the Country Director for Myanmar, Cambodia and Laos based in Yangon, Myanmar

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

TÀI TRỢ NÂNG CAO NĂNG LỰC THÍCH ỨNG ĐÔ THỊ TRONG BỐI CẢNH MỚI CỦA VIỆT NAM

FINANCING URBAN RESILIENCE IN VIETNAM'S NEW CONTEXT

TÓM TẮT | ABSTRACT

Quá trình đô thị hóa của Việt Nam đang diễn ra trong bối cảnh rủi ro khí hậu và thiên tai ngày càng gia tăng, đe dọa trực tiếp đến những thành quả phát triển đã đạt được. Các hiện tượng như ngập lụt, bão, xâm nhập mặn và xói lở ảnh hưởng đến các đô thị, với tổng thiệt hại ước tính khoảng 3,75 tỷ USD mỗi năm, tương đương 1,5% GDP. Biến đổi khí hậu sẽ làm gia tăng lượng mưa cực đoan, nhiệt độ và mực nước biển dâng, tạo thêm áp lực lên hạ tầng và dịch vụ công đô thị. Việc đầu tư nâng cao năng lực thích ứng đô thị vì vậy là cần thiết để bảo vệ con người, tài sản và duy trì năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Việt Nam đang đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giúp các tỉnh và thành phố có vai trò lớn hơn trong quy hoạch và đầu tư hạ tầng. Thách thức đặt ra là phải bảo đảm tính thống nhất để các dự án đầu tư tại địa phương cùng góp phần các mục tiêu khí hậu và phát triển ở cấp quốc gia. Bộ Xây dựng có thể đóng vai trò trung tâm trong nỗ lực này, thông qua việc thiết lập tiêu chuẩn kỹ thuật, giúp định hướng các chương trình đầu tư và tăng cường phối hợp giữa các ngành và địa phương.

Mối quan hệ hợp tác lâu năm giữa Ngân hàng Thế giới và các đô thị Việt Nam đã cho thấy lợi ích của việc lập kế hoạch thích ứng tổng hợp. Các dự án tại Cần Thơ, Vĩnh Long và Thái Nguyên đã góp phần giảm thiểu rủi ro ngập lụt, bảo vệ sinh kế và nâng cao hiệu quả của hạ tầng đô thị. Trên cơ sở đó, Ngân hàng Thế giới và SECO đang hỗ trợ các thành phố lớn tích hợp yếu tố thích ứng với biến đổi khí hậu vào lĩnh vực quy hoạch và tài chính. Mở rộng các nỗ lực này trên phạm vi toàn quốc sẽ góp phần hỗ trợ các đô thị Việt Nam trở thành những thành phố đáng sống, với năng suất và năng lực thích ứng cao, sẵn sàng đóng góp vào các mục tiêu tăng trưởng dài hạn.

Vietnam's rapid urbanization is taking place amid rising climate and disaster risks that increasingly threaten hard-earned development gains. Floods, typhoons, saline intrusion, and erosion now disrupt urban systems, with annual losses estimated at about US$3.75 billion, or 1.5 percent of GDP. Climate change will intensify rainfall, heat, and sea-level rise, placing growing pressure on urban infrastructure and public services. Investing in urban resilience is therefore essential to safeguard lives, protect assets, and sustain economic competitiveness.

As Vietnam's decentralization reforms expand the authority of provinces and cities over infrastructure planning and investment, the challenge is to ensure coherence-so that local projects collectively advance national climate and development goals. The Ministry of Construction is uniquely positioned to guide this effort by setting technical standards, aligning investment programs, and strengthening coordination across regions and sectors.

The World Bank's long-standing partnership with Vietnam's cities demonstrates the benefits of integrated resilience planning. Projects in Can Tho, Vinh Long, and Thai Nguyen have reduced flood risks, safeguarded livelihoods, and strengthened infrastructure performance. Building on this experience, the World Bank and SECO are supporting large cities to integrate climate resilience into planning and financing. Expanding these efforts nationwide will be key to ensuring that Vietnam's cities remain livable, productive, and resilient engines of growth.

CHUYÊN ĐỀ 1

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO - ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH VIỆT NAM

CONFERENCE SESSION 1

INNOVATION - THE DRIVING FORCE FOR VIETNAM'S SMART CITY DEVELOPMENT



ÔNG SOVANARITH SIENG
MR. SOVANARITH SIENG

- **Chuyên gia Phát triển Đô thị, Văn phòng UN-Habitat Khu vực Châu Á và Thái Bình Dương**
- *Urban Development Specialist, UN-Habitat Regional Office for Asia and the Pacific*

TIỂU SỬ | BIO

Là Chuyên gia Phát triển Đô thị tại Văn phòng UN-Habitat Khu vực Châu Á và Thái Bình Dương, ông phụ trách hỗ trợ kỹ thuật cho các đô thị trong khuôn khổ Dự án "Thúc đẩy thực hiện Chiến lược Đô thị Bền vững ASEAN giai đoạn II". Công việc của ông tập trung vào việc hỗ trợ địa phương phát triển các đề xuất đô thị toàn diện, thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược và nâng cao năng lực nhằm thúc đẩy phát triển đô thị lấy con người làm trung tâm.

Trước khi làm việc cho UN-Habitat, ông từng làm việc tại Tổ chức Hợp tác quốc tế Đức (GIZ), trong lĩnh vực hỗ trợ phát triển chính sách và triển khai các dự án giao thông bền vững tại nhiều thành phố trong khu vực ASEAN, đặc biệt là trong lĩnh vực phát triển định hướng giao thông công cộng (TOD) và quy hoạch giao thông. Ông cũng có nhiều kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực phát triển đô thị và phân cấp, phân quyền đô thị tại Pháp và Tunisia, đặc biệt trong lĩnh vực: nhà ở xã hội, khả năng tiếp cận thể thao và chất lượng không khí.

As an Urban Development Specialist at the UN-Habitat Regional Office for Asia and the Pacific, he is responsible for providing technical support to cities under the project "Promoting the Implementation of the ASEAN Sustainable Urbanization Strategy - Phase II." His work focuses on assisting local governments in developing integrated urban proposals, fostering strategic partnerships, and strengthening capacities to promote people-centered urban development.

Before joining UN-Habitat, he worked at the Deutsche Gesellschaft für Internationale Zusammenarbeit (GIZ), where he supported policy development and implemented sustainable transport projects across various cities in the ASEAN region, particularly in the areas of Transit-Oriented Development (TOD) and transport planning. He also has extensive international experience in urban development and decentralization in France and Tunisia, particularly in the fields of social housing, accessibility to sports facilities, and air quality improvement.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG CHIẾN LƯỢC CHO PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH BỀN VỮNG

STRATEGIC INVESTMENT DIRECTIONS FOR SUSTAINABLE AND SMART URBAN DEVELOPMENT



ÔNG PHAN THANH SƠN
MR. PHAN THANH SON

- **Phó Chủ tịch kiêm Giám đốc Phát triển Kinh doanh Khối Doanh nghiệp FPT IS, Tập đoàn FPT**
- *EVP and Chief Business Development Officer of FPT IS*

TIỂU SỬ | BIO

Ông Sơn có hơn 30 năm kinh nghiệm về quản lý kinh doanh, hệ thống đối tác, phát triển thị trường, tư vấn, kỹ thuật và điều hành trong ngành ICT. Ông đã làm việc với các khách hàng ở nhiều ngành khác nhau như lĩnh vực công, viễn thông, dịch vụ tài chính, dầu khí, sản xuất, giáo dục, an ninh, quốc phòng, bất động sản/ xây dựng/ khách sạn, bán lẻ, y tế và giao thông.

Trước đây, ông đã làm việc cho các tập đoàn lớn như Cisco, Equant (nay là Orange Business), Liên doanh dầu khí Việt-Nga Vietsovpetro, công ty TRADEVICO-IBC, Simitri Group và T&C với nhiều vai trò khác nhau.

Gia nhập FPT năm 2017 với vai trò Giám đốc Công nghệ/ CTO, tiếp đến là Giám đốc Phát triển kinh doanh/ CBDO và hiện nay là Phó chủ tịch - CBDO, Khối Doanh nghiệp, FPT IS, Tập đoàn FPT. Ở vị trí này ông có nhiệm vụ dẫn dắt phát triển thị trường mới, chiến lược của FPT IS cùng với các khách hàng, đối tác và các ngành dọc trọng điểm Khối doanh nghiệp ở cả Việt Nam và Toàn cầu. Bên cạnh đó ông được giao kiêm nhiệm Giám đốc, Trung tâm Tư vấn Doanh nghiệp và Giải pháp tích hợp (Business Consulting & Integrated Solutions/ BCIS) để hỗ trợ tăng cường tư vấn Chuyển đổi số/ DX, Chuyển đổi Xanh/ GX và Chuyển đổi thông minh/ IX trong cả khối doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp ở thị trường toàn cầu. Ông còn là một giảng viên tích cực trong đào tạo kỹ năng mềm, văn hóa DN, quản lý chiến lược trong FPT và FPT School of Business & Technology/ FSB.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Khoa học Máy tính, ĐH Bách khoa TP.HCM và học khoa Thông tin, Học viện Kỹ thuật Quân sự. Ông cũng đã hoàn thành chương trình Phát triển kỹ năng lãnh đạo do Harvard Business Publishing, Harvard Business School thực hiện

Son has more than 30 years experience in ICT sales management, channel management, business development, consulting, technical and general management. He has worked with customers in various industry segments including Public Sector, Telco, FSI, Oil&Gas, Manufacturing, Education, Military, Real Estate/ Construction/ Hospitality, Retail, Education, Healthcare and Transportation.

Prior to FPT, Son worked for corporations including Cisco, Equant (now Orange Business Services), Vietsovpetro, Tradivico-IBC, Simitri Group and T&C in various roles.

Joining FPT in 2017 as Chief Technology Officer/CTO, then as Chief Business Development Officer for FPT IS/ CBDO and now Son get the new assignment as VP & CBDO, Enterprise Sector, FPT IS, FPT Corporation. In this role, Son lead the new business opportunities for future growths and in new areas of Enterprise Sector including Vietnam and Global. Beside that, he got additional role as General Director of Business Consulting & Integrated Solutions (BCIS) to accelerate Digital Transformation/DX, Green Transformation/GX and Intelligent Transformation/IX in State Owned Enterprise, Private Enterprises and Global Market. He is also an active lecturer in Soft skills training, Corporate culture, Strategic management in FPT and FPT School of Business & Technology/ FSB.

Son holds a Bachelor of Computer Science from HCMC Polytechnic and studied Communications at Vietnam Academy of Military Technology. He successfully completed the Leadership Excellence and Accelerated Development program by Harvard Business Publishing, Harvard Business School.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG MÔ HÌNH THÀNH PHỐ THÔNG MINH, BỀN VỮNG

AI APPLICATION IN DEVELOPING SMART CITIES

TÓM TẮT | ABSTRACT

Sự phát triển của đô thị thông minh đang bước vào giai đoạn mới, nơi trí tuệ nhân tạo (AI) trở thành nhân tố thúc đẩy chuyển đổi mô hình quy hoạch, phát triển, xây dựng và quản trị/ vận hành đô thị cũng như hệ sinh thái, cộng đồng của đô thị. Từ góc nhìn của FPT, bài trình bày phân tích vai trò của AI trong việc chuyển hóa dữ liệu đô thị thành giá trị phục vụ chính quyền, doanh nghiệp và người dân. AI giúp hình thành hệ sinh thái đô thị thông minh toàn diện, bao gồm giao thông, năng lượng, y tế, giáo dục, môi trường, và quản trị công.

Với ngữ cảnh Chuyển đổi Ba chiều (Triple Transformation) - Chuyển đổi số, Chuyển đổi xanh/ ESGvà Chuyển đổi thông minh/ AI, FPT đề xuất cách tiếp cận tích hợp giữa AI và các công nghệ chính khác như IoT, Blockchain, Big Data để kiến tạo các thành phố bền vững và đáng sống. Thông qua các giải pháp "Made by FPT" như FPT.AI, Smart City Platform và các AI Factory, FPT đã và đang đồng hành cùng nhiều địa phương và ngành Bất động sản - Xây dựng trong quá trình hiện thực hóa mô hình đô thị thông minh ở cả tiếp cận từ chính quyền, từ doanh nghiệp cũng như PPP.

Bài trình bày nhấn mạnh rằng AI không chỉ là công nghệ, mà còn là nền tảng ra quyết định mới của đô thị hiện đại, góp phần xây dựng xã hội số, kinh tế số và đô thị xanh - bền vững, hướng tới các mục tiêu xây dựng Thành phố thông minh và bền vững Việt Nam trong thời kỳ mới do Đảng và Chính phủ đã đề ra.

The development of smart cities is entering a new phase, where Artificial Intelligence (AI) is becoming a key driver in transforming urban planning, development, construction, and management - as well as the ecosystems and communities within cities.

From FPT's perspective, this presentation explores the role of AI in transforming urban data into actionable value for governments, businesses, and citizens. AI enables the creation of a comprehensive smart urban ecosystem that spans transportation, energy, healthcare, education, environment, and public administration.

Within the context of the Triple Transformation - Digital Transformation, Green/ESG Transformation, and Intelligent/AI Transformation - FPT proposes an integrated approach that combines AI with other core technologies such as IoT, Blockchain, and Big Data to build sustainable and livable cities.

Through its "Made by FPT" solutions - including FPT.AI, the Smart City Platform, and AI Factories - FPT has been partnering with local governments and the Real Estate - Construction sector to realize smart city models across various approaches: government-led, enterprise-driven, and public - private partnerships (PPP).

The presentation emphasizes that AI is not merely a technology, but a new decision-making foundation for modern cities - contributing to the development of a digital society, digital economy, and green, sustainable urban environments. This aligns with the national vision and goals set forth by the Party and the Government of Vietnam toward building smart and sustainable cities for a new era.



ÔNG HÁN MINH CƯỜNG
MR. HAN MINH CUONG

- **Viện trưởng Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng AIST kiêm Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn SGROUP Việt Nam**
- *Director of Institute of Science and Technology of Construction ACUD – Chairman of the Board of Directors of S-GROUP*

TIỂU SỬ | BIO

TS. Hán Minh Cường là chuyên gia trong lĩnh vực quản lý và phát triển đô thị thông minh, hiện đảm nhiệm cương vị Viện trưởng Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng ACUD (AIST); đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Tập đoàn SGROUP Việt Nam.

Với hơn 15 năm kinh nghiệm nghiên cứu và tư vấn trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và giải pháp quản lý đô thị thông minh, TS. Hán Minh Cường đã tham gia nhiều dự án quy hoạch, xây dựng và quản lý đô thị tại các tỉnh, thành phố trên cả nước. Ông là tác giả của: Phần mềm Quản lý đô thị thông minh - CGIS, sản phẩm đã vinh dự nhận Giải thưởng Quy hoạch đô thị quốc gia lần thứ nhất tại Việt Nam, Giải thưởng Sao Khuê 2025; Giải pháp Quản lý các khu đô thị và chung cư thông minh - iLang.

Bên cạnh hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, TS. Hán Minh Cường còn là tác giả của nhiều công trình, bài nghiên cứu và tham luận chuyên sâu về quy hoạch, phát triển đô thị thông minh và chuyển đổi số trong quản lý đô thị.

Dr. Han Minh Cuong is an expert in the field of smart urban management and development, currently serving as Director of the ACUD Institute of Construction Science and Technology (AIST); and also Chairman of the Board of Directors of SGROUP Vietnam Corporation.

With more than 15 years of experience in research and consulting in the field of urban planning and smart urban management solutions, Dr. Han Minh Cuong has participated in many urban planning, construction and management projects in provinces and cities across the country. He is the author of: The Smart Urban Management software - CGIS, a product that was honored to receive the first National Urban Planning Award in Vietnam, the Sao Khue Award 2025; Smart Urban and Apartment Management Solution - iLang.

In addition to research and application of science and technology, Dr. Han Minh Cuong is also the author of many works, research articles and in-depth discussions on planning, smart urban development and digital transformation in urban management.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

ĐÔ THỊ THÔNG MINH BẮT ĐẦU TỪ QUY HOẠCH THÔNG MINH: CÁCH TIẾP CẬN MỚI TRONG QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ

SMART CITIES START WITH SMART PLANNING: A NEW APPROACH TO URBAN GOVERNANCE

CHUYÊN ĐỀ 2

ĐÔ THỊ AN TOÀN VÀ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU HƯỚNG TỚI TĂNG TRƯỞNG XANH, BỀN VỮNG

CONFERENCE SESSION 2

SAFE AND CLIMATE - RESILIENT CITIES TOWARDS GREEN AND SUSTAINABLE GROWTH



BÀ SIBYLLE BACHMANN
MS. SIBYLLE BACHMANN

- **Trưởng Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Sỹ**
- *Head of Cooperation, Embassy of Switzerland in Viet Nam*

TIỂU SỬ | BIO

Bà Sibylle Bachmann - Trưởng Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Sỹ, Đại sứ quán Thụy Sỹ tại Việt Nam, từ ngày 1 tháng 4 năm 2024. Bà Bachmann chịu trách nhiệm giám sát và quản lý chương trình hợp tác kinh tế và phát triển của Thụy Sỹ tại Việt Nam. Trước đó, bà giữ chức Phó Trưởng bộ phận Hợp tác từ tháng 9 năm 2021.

Trước khi gia nhập Văn phòng Hợp tác Thụy Sỹ tại Việt Nam, bà Bachmann làm việc tại trụ sở Cục Thương mại Liên bang Thụy Sỹ (SECO) tại Bern, Thụy Sĩ, với vai trò Quản lý Chương trình trong nhóm tài trợ cơ sở hạ tầng thuộc Phòng Hợp tác Kinh tế và Phát triển của SECO từ năm 2015 đến 2021. Trong thời gian này, từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2018, bà đảm nhận vai trò Phó Trưởng bộ phận tạm quyền tại Văn phòng Hợp tác Thụy Sỹ ở Belgrade, Serbia. Trước khi làm việc tại SECO, bà Bachmann là Cộng tác viên Chương trình cho Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) tại Nepal trong lĩnh vực tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu nông thôn.

Bà Bachmann tốt nghiệp Thạc sĩ Nghiên cứu Quốc tế với chuyên ngành Khoa học Chính trị tại Viện Sau đại học về Nghiên cứu Quốc tế và Phát triển ở Geneva, Thụy Sỹ.

Ms Sibylle Bachmann - Head of Cooperation, Embassy of Switzerland in Vietnam, since 1 April 2024. Ms Bachmann oversees and manages Switzerland's economic cooperation and development program in Vietnam. Before this, she has been the Deputy Head of Cooperation since September 2021.

Prior to joining the Swiss Cooperation Office in Vietnam, Ms Bachmann worked at the headquarters of the State Secretariat for Economic Affairs (SECO) in Berne, Switzerland as a Program Manager in the team of infrastructure financing in SECO's Economic Cooperation and Development Division from 2015 to 2021. During this time, from January to June 2018, she assumed the role of Deputy Head ad interim at the Swiss Cooperation Office in Belgrade, Serbia. Before joining SECO, Ms Bachmann worked as a Programme Associate for the United Nations Development Program (UNDP) in Nepal in the field of rural climate resilience.

Ms. Bachmann holds a Master's degree in International Studies with a specialisation in Political Science from the Graduate Institute of International and Development Studies in Geneva, Switzerland.



ÔNG JULIEN SEILLAN
MR. JULIEN SEILLAN

- **Giám đốc, Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) Việt Nam**
- *Country Director, The Agence Française de Développement (AFD) Viet Nam*

TIỂU SỬ | BIO

Ông Julien Seillan hiện là Giám đốc Quốc gia của Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) tại Việt Nam. Trước khi đảm nhận vị trí này, ông từng là Giám đốc Điều hành Nhân sự tại Ban Giám đốc của AFD, nơi ông phụ trách chiến lược nhân sự toàn cầu. Ông gia nhập AFD năm 2013 và từng giữ các chức vụ quan trọng như Giám đốc Nhân sự khu vực châu Phi và Giám đốc Tuyển dụng - Phát triển nghề nghiệp. Trước khi làm việc cho AFD, ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực viện trợ nhân đạo và quản lý nhân sự cho các tổ chức phi chính phủ, từng tham gia các dự án nhân đạo tại Cộng hòa Dân chủ Congo. Ông Julien Seillan tốt nghiệp Thạc sĩ Lịch sử tại Đại học Paris 1 Panthéon-Sorbonne và Đại học Lyon II, đồng thời sở hữu bằng Thạc sĩ Khoa học Quản lý và Nhân sự. Trong vai trò hiện nay tại Việt Nam, ông định hướng chiến lược phát triển của AFD nhằm hỗ trợ chuyển đổi năng lượng xanh, phát triển đô thị bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần thúc đẩy các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam đến năm 2050.

Mr. Julien Seillan is currently the Country Director of the Agence Française de Développement (AFD) in Vietnam. Prior to this position, he served as the Executive Director for Human Resources at AFD's Headquarters, where he was in charge of the global human resources strategy. He joined AFD in 2013 and has held several key positions, including Human Resources Director for Africa and Director of Recruitment and Career Development. Before joining AFD, he accumulated years of experience in humanitarian aid and human resources management for non-governmental organizations, having participated in humanitarian projects in the Democratic Republic of Congo. Mr. Julien Seillan holds a Master's degree in History from Paris 1 Panthéon-Sorbonne University and Lyon II University, as well as a Master's degree in Management and Human Resources. In his current role in Vietnam, he steers AFD's development strategy to support green energy transition, sustainable urban development, and climate change adaptation, contributing to Vietnam's sustainable development goals by 2050.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

PHÁT BIỂU CỦA CƠ QUAN PHÁT TRIỂN PHÁP
PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

REMARKS OF LEADERSHIP FROM AFD
CLIMATE-RESILIENT URBAN DEVELOPMENT



ÔNG PHẠM DOÃN KHÁNH
MR. PHAM DOAN KHANH

- **Phó Trưởng phòng, Phòng Hợp tác quốc tế - Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Môi trường**
- *Deputy Director of International Cooperation Department, Viet Nam Disaster and Dyke Management Authority, Ministry of Agriculture and Environment*

TIỂU SỬ | BIO

Ông Phạm Doãn Khánh hiện là Phó trưởng Phòng Hợp tác Quốc tế, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai (VDDMA) - Bộ Nông nghiệp và Môi Trường. Ông có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài nguyên nước, quản lý thiên tai và kỹ thuật công trình biển.

Từ năm 2009, ông Khánh đã tham gia vào công tác phòng chống thiên tai, tập trung vào các nhiệm vụ lập kế hoạch, xây dựng chính sách và điều phối các biện pháp công trình và phi công trình để giảm thiểu rủi ro thiên tai. Ông đã tích cực tham gia vào các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, thiết lập hệ thống cảnh báo sớm và ứng dụng khoa học công nghệ trong phân tích rủi ro thiên tai.

Mr. Pham Doan Khanh is currently the Deputy Director of International Cooperation Department, Viet Nam Disaster and Dyke Management Authority (VDDMA), Ministry of Agriculture and Environment . He has extensive experience in water resource management, disaster management, and coastal engineering.

Since 2009, Mr. Khanh has been engaged in disaster prevention and control, focusing on planning, policy development, and coordinating both structural and non-structural measures to reduce disaster risks. He has been actively involved in community-based disaster risk management activities, the establishment of early warning systems, and the application of science and technology in disaster risk analysis.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

PHÒNG CHỐNG NGẬP LỤT ĐÔ THỊ CÁC TỈNH VEN BIỂN MIỀN TRUNG - VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

URBAN INUNDATION PREVENTION IN THE CENTRAL COASTAL PROVINCES - ISSUES AND SOLUTIONS



BÀ SABINA STEIN
MS. SABINA STEIN

- **Trưởng Ban Quản trị và Tham gia, Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) tại Việt Nam**
- *Assistant Resident Representative, Head of Governance and Participation, UNDP Viet Nam*

TIỂU SỬ | BIO

Sabina bắt đầu làm việc tại Liên Hợp Quốc vào năm 2014 cho UNDP Colombia. Trong vai trò công tác tại Văn phòng Điều phối viên Thường trú Liên Hợp Quốc, bà đã hỗ trợ các nỗ lực trên toàn hệ thống của Liên Hợp Quốc nhằm thúc đẩy đối thoại cấp quốc gia và địa phương về phát triển bao trùm và tiếp cận công lý, bao gồm cả chuyển đổi công lý. Công việc của bà tập trung vào việc tích hợp nhu cầu và ưu tiên của các khu vực và nhóm xã hội yếu thế vào các kế hoạch phát triển quốc gia và địa phương.

Năm 2016, Sabina gia nhập Ban Xây dựng Hòa bình và Chính trị (DPPA) của Liên Hợp Quốc, nơi bà hỗ trợ thiết kế các tiến trình đối thoại và hòa giải tại các quốc gia khủng hoảng và hậu khủng hoảng ở Tây và Trung Phi. Các tiến trình này tập trung vào việc thúc đẩy công bằng kinh tế xã hội và các thể chế toàn diện hơn. Bà cũng lãnh đạo các nỗ lực xây dựng năng lực và quản lý kiến thức về hỗ trợ của Liên Hợp Quốc cho đối thoại địa phương trong khuôn khổ Chương trình Chung DPPA/UNDP về Xây dựng Năng lực Quốc gia để Phòng ngừa Xung đột.

Sau đó, Sabina làm việc với tư cách là Cán bộ Chính trị tại Phái bộ Ổn định Tích hợp Đa chiều của Liên Hợp Quốc tại Cộng hòa Trung Phi (MINUSCA). Từ năm 2018 đến năm 2020, bà đã hỗ trợ các chiến lược của Phái bộ về cải cách lĩnh vực an ninh, quản trị địa phương và chuyển đổi công lý. Bà thúc đẩy đối thoại xã hội với phụ nữ, thanh niên, các dân tộc thiểu số, người di cư và các nhóm dễ bị tổn thương khác để thiết kế các chính sách hòa nhập ở cấp quốc gia và địa phương.

Năm 2020, Sabina gia nhập UNDP Syria với vai trò là Cố vấn Cao cấp về Xung đột Nhạy cảm, tư vấn cho ban lãnh đạo UNDP và UNCT về các phương pháp tiếp cận hòa nhập trong việc cung cấp hỗ trợ phục hồi sớm. Bà đã hỗ trợ thiết kế và triển khai các chương trình chung của Liên Hợp Quốc nhằm thúc đẩy các dịch vụ địa phương có trách nhiệm và bao trùm hơn, đồng thời khôi phục sự gắn kết xã hội trong các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi xung đột.

Sabina bắt đầu sự nghiệp của mình tại Trung tâm Nghiên cứu An ninh ở Thụy Sĩ, nơi bà tham gia về các quy trình hòa giải hòa bình của Thụy Sĩ tại Sri Lanka, Myanmar và Thái Lan. Bà mang quốc tịch Thụy Sĩ, Venezuela và Ý. Cô có bằng Cử nhân Khoa học Quan hệ Quốc tế của Trường Kinh tế và Khoa học Chính trị London và bằng Thạc sĩ Nghiên cứu So sánh và Quốc tế của Viện Công nghệ Liên bang Thụy Sĩ.

Sabina began her career with the United Nations in 2014 at UNDP Colombia. Working at the Office of the UN Resident Coordinator, she supported system-wide efforts to promote national and local dialogues on inclusive development and access to justice, including transitional justice. Her work focused on integrating the needs and priorities of disadvantaged regions and social groups into national and local development plans.

In 2016, Sabina joined the UN Department of Political and Peacebuilding Affairs (DPPA), where she supported the design of dialogue and reconciliation processes in crisis and post-crisis countries across West and Central Africa. These initiatives focused on advancing socioeconomic justice and building more inclusive institutions. She also led capacity-building and knowledge management efforts related to the UN's support for local dialogue under the DPPA/UNDP Joint Programme on Building National Capacities for Conflict Prevention.

Later, Sabina served as a Political Affairs Officer with the United Nations Multidimensional Integrated Stabilization Mission in the Central African Republic (MINUSCA). From 2018 to 2020, she contributed to the Mission's strategies on security sector reform, local governance, and transitional justice. She facilitated social dialogue with women, youth, minorities, migrants, and other vulnerable groups to design inclusive policies at both national and local levels.

In 2020, Sabina joined UNDP Syria as Senior Advisor on Conflict Sensitivity, providing strategic advice to UNDP leadership and the UN Country Team on inclusive approaches to early recovery support. She helped design and implement UN joint programmes aimed at promoting more accountable and inclusive local services, as well as restoring social cohesion in conflict-affected communities.

Sabina began her professional journey at the Swiss Center for Security Studies, where she contributed to Switzerland's peace mediation processes in Sri Lanka, Myanmar, and Thailand. She holds Swiss, Venezuelan, and Italian nationalities. Sabina earned a Bachelor of Science in International Relations from the London School of Economics and Political Science and a Master's degree in Comparative and International Studies from the Swiss Federal Institute of Technology.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI CÁC ĐÔ THỊ VIỆT NAM: GÓC NHÌN VÀ TRẢI NGHIỆM CỦA NGƯỜI DÂN

CITIZEN PERSPECTIVES: EXPERIENCES AND RESPONSES TO CLIMATE RESILIENCE IN VIET NAM'S MAJOR CITIES



ÔNG ANTOINE MOUGENOT
MR. ANTOINE MOUGENOT

- **Chuyên gia phát triển đô thị, Cơ quan Phát triển Pháp (AFD)**
- *Urban Development Specialist, The Agence Française de Développement (AFD)*

TIỂU SỬ | BIO

Ông Antoine Mougenot là một chuyên gia người Pháp trong lĩnh vực quy hoạch và phát triển đô thị, với hơn 20 năm kinh nghiệm làm việc tại nhiều quốc gia như Pháp, Việt Nam, Thái Lan, Lào và các nước trong khu vực. Ông tốt nghiệp Thạc sĩ Quy hoạch đô thị tại Trường Đại học Kiến trúc Nancy (Pháp), là kiến trúc sư chuyên ngành quy hoạch đô thị và đã hoàn thành chương trình đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực đô thị tại Trường Khoa học Chính trị Pháp (Sciences Po). Trước khi gia nhập Cơ quan Phát triển Pháp (AFD), ông từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng như Trưởng dự án tại Trường Cầu đường quốc gia Pháp (ENPC), Trưởng dự án tại Cơ quan quốc gia về đổi mới đô thị của Pháp (ANRU) và Tổng Giám đốc Văn phòng AREP tại Việt Nam. Hiện nay, ông giữ vai trò Trưởng dự án - Chuyên gia phát triển đô thị tại AFD, phụ trách các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư trong lĩnh vực phát triển đô thị bền vững, quy hoạch tích hợp và thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Mr. Antoine Mougenot is a French expert in urban planning and development, with over 20 years of professional experience in France, Vietnam, Thailand, Laos, and other countries in the region. He holds a Master's degree in Urban Planning from the University of Architecture of Nancy (France), is a qualified architect specialized in urban planning, and completed an advanced training program in urban studies at Sciences Po (Institute of Political Studies of France). Before joining the French Development Agency (AFD), he held key positions such as Project Manager at the French National School of Bridges and Roads (ENPC), Project Manager at the French National Agency for Urban Renewal (ANRU), and General Director of AREP Office in Vietnam. He is currently serving as a Team Leader and Urban Development Specialist at AFD, in charge of technical assistance and investment programs related to sustainable urban development, integrated urban planning, and climate change adaptation in Vietnam and the Southeast Asia region.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

LỒNG GHÉP ỨNG PHÓ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀO QUY HOẠCH CHUNG VÀ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TẠI CÁC KHU VỰC ĐÔ THỊ

INTEGRATION OF CLIMATE CHANGE RESPONSE IN MASTER PLANNING AND SOCIO - ECONOMIC DEVELOPMENT AND INVESTMENT PLANS IN URBAN AREAS



ÔNG STEVEN LOUIS RUBINYI
DR. STEVEN LOUIS RUBINYI

- **Chuyên gia cao cấp về quản lý rủi ro thiên tai, Ngân hàng Thế giới**
- *Senior Disaster Risk Management Specialist, The World Bank*

TIỂU SỬ | BIO

TS. Steven Louis Rubinyi là Chuyên gia Cao cấp về Quản lý Rủi ro Thiên tai tại Ngân hàng Thế giới, nơi ông đã làm việc hơn mười năm trong các lĩnh vực tài chính hạ tầng đô thị, phát triển các-bon thấp và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong danh mục đầu tư của Ngân hàng. Hiện ông đang công tác tại Hà Nội, Việt Nam và phụ trách các hoạt động trong khu vực Đông Á. Ông có bằng Tiến sĩ tại Viện Nghiên cứu Biến đổi Môi trường (Environmental Change Institute) thuộc Đại học Oxford.

Dr. Steven Louis Rubinyi is a Senior Disaster Risk Management Specialist at the World Bank, where he has worked for over a decade at a thematic level on urban infrastructure finance, low carbon development, and climate resilience across the World Bank investment portfolio. In his current role, he is based in Hanoi, Vietnam where he works across the East Asia region. He holds a PhD from the Environmental Change Institute at the University of Oxford.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

ĐẦU TƯ VÀO HẠ TẦNG ĐÔ THỊ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

INVESTING IN CLIMATE RESILIENT URBAN INFRASTRUCTURE

TÓM TẮT | ABSTRACT

Các đô thị Việt Nam đóng vai trò then chốt trong tăng trưởng kinh tế, góp phần tạo ra hơn 70% GDP và gần 90% việc làm mới. Tuy nhiên, sự thành công này phụ thuộc vào khả năng thích ứng trước các rủi ro khí hậu và thiên tai ngày càng gia tăng. Gần 60% dân số và 70% tài sản kinh tế nằm tại các khu vực ven biển và đồng bằng dễ bị tổn thương, với thiệt hại thiên tai hàng năm ước tính hơn 3,75 tỷ USD (~1,5% GDP). Với những hiện tượng như mưa bão, nhiệt đô thị và xâm nhập mặn ngày càng gia tăng, những rủi ro này đang gây gián đoạn về giao thông, năng lượng và công nghiệp, ảnh hưởng đến ổn định tài khóa và niềm tin của nhà đầu tư.

Đầu tư vào hạ tầng đô thị thích ứng với khí hậu không phải là chi phí, mà là một chiến lược tăng trưởng. Mỗi USD đầu tư cho khả năng thích ứng giúp tiết kiệm khoảng bốn USD chi phí thiệt hại và khắc phục. Hạ tầng bền vững giúp các hệ thống logistics, năng lượng và nước hoạt động không bị gián đoạn, là nền tảng cho năng suất, việc làm và nguồn thu tài chính ổn định.

Đối với Việt Nam, nâng cao năng lực thích ứng đô thị nghĩa là xác định, phòng tránh và quản lý rủi ro một cách tích hợp - thông qua dữ liệu rủi ro, quy hoạch dựa trên rủi ro, hệ thống hạ tầng chống chịu và cơ chế phục hồi nhanh. Qua quá trình lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và những nỗ lực đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, Việt Nam có cơ hội đưa thích ứng với biến đổi khí hậu vào các dự án đầu tư công, góp phần xây dựng các đô thị an toàn, thích ứng, và là nền tảng cho phát triển trong tương lai.

Vietnam's cities power its economic growth, generating over 70% of GDP and nearly 90% of new jobs. Yet their continued success depends on how well they adapt to mounting climate and disaster risks. Nearly 60% of the population and 70% of economic assets lie in hazard-prone coastal and delta regions, and annual disaster losses already exceed US$3.75 billion (~1.5% of GDP). As rainfall, heat, and salinity intrusion intensify, these risks increasingly disrupt transport, utilities, and industry, straining fiscal stability and investor confidence.

Investing in climate-resilient urban infrastructure is therefore a growth strategy, not a cost. Each dollar spent on resilience saves about four in avoided losses and recovery costs, while reliable infrastructure ensures continuity of logistics, energy, and water services that underpin productivity. Building resilience strengthens competitiveness, reduces volatility in production, and safeguards jobs and fiscal revenue.

For Vietnam, resilience means identifying, avoiding, and managing risks in an integrated way-using hazard and exposure data, risk-informed planning, resilient infrastructure systems, and rapid recovery mechanisms. With the 2026 - 2030 MTIP and new decentralization reforms, Vietnam can now embed resilience across public investments-turning safer, more adaptive cities into the foundation of future development.



ÔNG NGUYỄN HỒNG TIẾN
MR. NGUYEN HONG TIEN

- **Cán bộ Dự án cấp cao, Dự án Thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (MCRP), Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức GIZ**
- *Senior Project Officer, MCRP - GIZ*

TIỂU SỬ | BIO

PGS.TS. Nguyễn Hồng Tiến là chuyên gia trong lĩnh vực phát triển đô thị, quy hoạch đô thị và quản lý hạ tầng kỹ thuật. Nguyên là Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật, Bộ Xây dựng ông đã có nhiều đóng góp trong việc xây dựng cơ chế chính sách, các quy định quản lý về hạ tầng kỹ thuật đô thị như giao thống, cấp, thoát nước, quản lý chất thải rắn và chiếu sáng đô thị. Ông còn có nhiều kinh nghiệm trong tư vấn, thiết kế cấp thoát nước đô thị, quy hoạch đô thị… và chuyên gia tư vấn trong các dự án hạ tầng kỹ thuật… hiện nay ông ấy là cán bộ cao cấp chương trình "Thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long - MCRP, GIZ"

Assoc Prof.Dr. Nguyen Hong Tien is a leading expert in urban studies, urbanization, urban planning, and technical infrastructure management. As former Director General of the Administration of Technical Infrastructure Department, Ministry of Construction, he has significantly contributed to national policies and strategies for urban technical infrastructure, including transportation, water supply, wastewater management, solid waste management, and urban lighting. Dr. Tien has extensive experience in advising and designing urban water supply, drainage, wastewater planning, and technical infrastructure works. With a proven track record in managing large-scale infrastructure projects and coordinating with international partners, Dr. Tien's strategic vision and technical expertise make him an invaluable asset to urban development initiatives. Now, Dr Tien is Senior Programme Officer - Urban Development and Infrastructure, MCRP, GIZ.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU - KINH NGHIỆM TỪ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

SOME URBAN DRAINAGE SOLUTIONS ADAPTING TO CLIMATE CHANGE - EXPERIENCE FROM THE MEKONG DELTA

TÓM TẮT | ABSTRACT

Có rất nhiều giải pháp thoát nước, trong thời gian vừa qua, MCRP - GIZ đã thực hiện một số giải pháp và đã đem lại hiệu quả. Bài trình bày tổng hợp và chia sẻ các kinh nghiệm này hy vọng có thể nhân rộng

There are many drainage solutions, in the part time, MCRP-GIZ has piloted a number of solutions and achieved results. The presentation summarizes and shares experiences, hoping to replicate them.



ÔNG NGUYỄN CÔNG THÀNH
MR. NGUYEN CONG THANH

- **Chuyên gia cao cấp thoát nước đô thị, Dự án Thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng Sông Cửu Long (MCRP), Tổ chức GIZ**
- *Senior Urban Drainage Specialist, MCRP - GIZ*

TIỂU SỬ | BIO

Ông Thành được đào tạo từ những năm 70 của thế kỷ trước bởi Liên ban Xô Viết (cũ). Đã có 12 năm kinh nghiệm công tác giảng dậy tại trường Đại học Xây dựng Hà Nội; 6 năm công tác tại chương trình cấp nước Hà Nội, do chính phủ Phần Lan tài trợ; 14 năm là chuyên gia cao cấp ban phát triển đô thị đồng thời là trưởng chương trình Cấp nước và Vệ sinh của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam; và gần 20 năm làm việc cho các tổ chức quốc tế khác (BTC, GTZ/GIZ, DANIDA, MFA (Phần Lan), v.v…

Các dự án ông Thành đã tham gia phần lớn trong lĩnh vực phát triển đô thị, cấp thoát nước đô thị và nông thôn, quản lý tài nguyên nước.

Trong các dự án đó, ông Thành đã đảm nhiệm nhiều nhiệm vụ khác nhau, bao gồm kỹ thuật, thể chế thực hiện dự án, tổ chức quản lý vận hành sau khi dự án kết thúc, đúc kết các bài học kinh nghiệm từ mỗi dự án để chia sẻ với các bên liên quan.

Mr. Thanh was trained in the 70s of the last century by the former Soviet Union. He has 12 years of teaching experience at the Hanoi University of Civil Engineering; 6 years working at the Hanoi Water Supply Program, supported by government ò Finland; 14 years as a senior operation officer in the Urban Development Unit and Head of the Water and Sanitation Program of the World Bank in Vietnam; and nearly 20 years working for other international organizations (BTC, GTZ/GIZ, DANIDA, MFA (Finland), etc.

The projects Mr. Thanh has participated in are mostly in the fields of urban development, urban and rural water supply and sanitation, and water resources management.

In those projects, Mr. Thanh has undertaken many different tasks, including technical, institutional arrangement for project implementation, organization for operation and maintenance after the project ends, documentation lessons learned from each project to share with stakeholders.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG MÔ HÌNH THÀNH PHỐ BỌT BIỂN TRONG THOÁT NƯỚC MƯA ĐÔ THỊ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI PHƯỜNG LÝ VĂN LÂM, TỈNH CÀ MAU

PROPOSAL FOR APPLYING THE SPONGE CITY MODEL IN URBAN RAINWATER DRAINAGE ADAPTABLE TO CLIMATE CHANGE IN LY VAN LAM WARD, CA MAU PROVINCE

TÓM TẮT | ABSTRACT

Bằng một ví dụ cụ thể đề xuất xây dựng mô hình thành phố bọt biển tại phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, bài trình bày mô tả quá trình lựa chọn các giải pháp kỹ thuật thiết yếu - cơ sở hạ tầng thoát nước "xanh" của thành phố bọt biển và lồng ghép chúng vào các quy hoạch đô thị, các nhóm chức năng sử dụng đất khác nhau, nhằm giảm các diện tích bề mặt không thấm nước (mái tôn, nhựa đường, bê tông, v.v…) trong đô thị, tạo điều kiện cho việc lưu giữ, thấm, điều tiết nước mưa giúp giảm dòng chảy đỉnh, giảm hệ số dòng chảy khi tính toán cơ sở hạ tầng thoát nước "xám". Giúp làm giảm chi phí đầu tư và chi phí vận hành và bảo dưỡng, đồng thời tạo điều kiện điều hòa và tái sử dụng nước mưa cho các mục đích không yêu cầu chất lượng nước cao.

Bài trình bày cũng so sánh với các phương án thoát nước mưa, chống ngập úng truyền thống để nêu rõ các lợi ích về kinh tế, môi trường và xã hội của thoát nước mưa đô thị áp dụng theo mô hình thành phố bọt biển.

Using a specific example on proposing a sponge city model in Ly Van Lam ward, Ca Mau province, the presentation describing the process of selecting technical essential solutions - "green" drainage infrastructure of the sponge city and integrating them into urban planning, different land use functional groups, to reduce impermeable surface areas (corrugated iron roofs, asphalt, concrete, etc.) in the urban area, creating conditions for retention, infiltration, and regulation of rainwater to help reduce peak flows, reduce the flow coefficient when calculating "grey" drainage infrastructure. This helps reduce investment and operating maintenance costs, while creating conditions for regulating and reusing rainwater for purposes that do not require high water quality.

The presentation also comparing with traditional rainwater drainage and flood prevention options to highlight the economic, environmental and social benefits of sponge city model



BÀ DANA JULIA LOEW
MS. DANA JULIA LOEW

- **Giám đốc Dự án Thích ứng với Biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long (MCRP), Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức GIZ**
- *MCRP Director, GIZ*

TIỂU SỬ | BIO

Bà Dana Julia Loew có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý phát triển quốc tế, đặc biệt trong các chủ đề về quản trị tốt, bình đẳng giới, chuyển đổi số và biến đổi khí hậu.

Tại GIZ, bà Dana chịu trách nhiệm quản lý và triển khai các hợp phần liên quan đến xã hội dân sự và nghị viện với ngân sách hơn 8 triệu euro, điều phối cơ chế tài trợ nhỏ cho hơn 50 tổ chức xã hội dân sự, và đồng dẫn dắt nhóm công tác về danh mục số hóa tại Lào và Việt Nam. Trước đó, bà từng là Cố vấn về Giới, Biến đổi khí hậu và Đổi mới sáng tạo tại trụ sở GIZ ở Đức, tư vấn cho Bộ Hợp tác Kinh tế và Phát triển Liên bang Đức (BMZ) trong việc lồng ghép các yếu tố giới và số hóa vào chính sách phát triển.

Bà Dana có bằng Thạc sĩ Khoa học về Quản lý và Phát triển quốc tế tại Đại học Lund (Thụy Điển) và Cử nhân Xã hội học & Kinh tế học tại Đại học Hamburg (Đức). Ngoài tiếng Đức (bản ngữ) và tiếng Anh (thành thạo chuyên nghiệp), bà còn sử dụng được tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp và tiếng Việt ở trình độ cơ bản.

Ms. Dana Julia Loew has over ten years of experience in international development management, with a strong focus on good governance, gender equality, digital transformation, and climate change.

At GIZ, she is responsible for managing and implementing programme components related to civil society and parliamentary engagement with a total budget of over €8 million. She coordinates a small grants mechanism supporting more than 50 civil society organizations, and co-leads the digital portfolio working group in Laos and Vietnam.

Previously, Ms. Loew served as Advisor for Gender, Climate Change, and Innovation at GIZ Headquarters in Germany, where she provided policy advice to the Federal Ministry for Economic Cooperation and Development (BMZ) on mainstreaming gender and digitalization into development policies.

She holds a Master of Science in International Development and Management from Lund University (Sweden) and a Bachelor's degree in Sociology and Economics from Hamburg University (Germany). In addition to her native German and professional English, she also speaks Spanish, French, and basic Vietnamese.

CHUYÊN ĐỀ 3

QUY HOẠCH VÀ QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ HIỆN ĐẠI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SỐNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM

CONFERENCE SESSION 3

MODERN URBAN PLANNING AND GOVERNANCE - ENHANCING THE QUALITY OF URBAN LIFE IN VIET NAM



ÔNG PHAN THANH HẢI
MR. PHAN THANH HAI

- **Uỷ viên Hội đồng di sản văn hoá quốc gia, Giám đốc Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Huế**
- *Member of the National Cultural Heritage Council, Director of the Thua Thien Hue Department of Culture and Sports*

TIỂU SỬ | BIO

TS. Phan Thanh Hải nhận bằng Tiến sĩ sử học năm 2008 tại Viện Sử học, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Ông đã công tác tại Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế trong 27 năm (1992 - 2019), trước khi đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao - thành phố Huế (từ tháng 3 năm 2019 đến nay).

Trong quá trình công tác, ông đã tham gia nhiều dự án hợp tác nghiên cứu quốc tế với các tổ chức đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Pháp và nhiều quốc gia khác, tập trung vào bảo tồn di sản văn hóa và lịch sử kiến trúc cung điện Đông Á.

Hướng nghiên cứu chính của ông tập trung vào bảo tồn và phát huy giá trị di sản, đồng thời nghiên cứu lịch sử văn hóa Việt Nam và khu vực Đông Á. Ông đã tham dự nhiều diễn đàn học thuật quốc tế và công bố nhiều bài nghiên cứu khoa học về các chủ đề này.

Dr. Phan Thanh Hai earned his Ph.D. in History in 2008 from the Institute of History, under the Vietnam Academy of Social Sciences.

He worked at the Hue Monuments Conservation Center for 27 years (1992 - 2019) before assuming his current position as Director of the Department of Culture and Sports of Hue City (since March 2019).

Throughout his career, Dr. Hai has participated in numerous international research cooperation projects with organizations from Japan, South Korea, France, and several other countries, focusing on the preservation of cultural heritage and the architectural history of East Asian palaces.

His main research interests lie in heritage conservation and promotion, as well as the study of Vietnamese and East Asian cultural history. He has also attended various international academic forums and published numerous scientific papers on these subjects.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

BẢO TỒN BỀN VỮNG VÀ NÂNG CAO KHẢ NĂNG ĐÁNG SỐNG CHO ĐÔ THỊ DI SẢN TIÊU BIỂU - TRƯỜNG HỢP CỐ ĐÔ HUẾ, VIỆT NAM

SUSTAINABLE PRESERVATION AND ENHANCING LIVABILITY IN A HERITAGE CITY - THE CASE OF HUE, VIETNAM



ÔNG TRƯƠNG VĂN QUẢNG
MR. TRUONG VAN QUANG

- **Phó Tổng thư ký, Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam**
- *Deputy General Secretary, Viet Nam Urban Planning and Development Association*

TIỂU SỬ | BIO

Ông Trương Văn Quảng - Phó tổng thư ký Hội quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam (VUPDA), Nguyên Phó viện trưởng Viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn Quốc gia (BXD)

1. Sinh ngày 16.10.1955

2. Cơ quan công tác: Hội Quy hoạch phát triển Đô thị Việt Nam

3. Học hàm, học vị: TS.KTS

4. Lĩnh vực chuyên môn: Quy hoạch đô thị, NCKH, đào tạo

5. Chủ nhiệm, chủ trì và tham gia:

- Điều chỉnh định hướng phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ 445/TTg - CP, ngày 07/04/2009)

- Điều chỉnh QHXD vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2050 (QĐ 768/QĐ-TTg, ngày 06/5/2016)

- Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ 1259/QĐ - TTg, ngày 26/ 07/2011)

- Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Móng cái, tính Quảng Ninh đến năm 2030, tầm nhìn 2050 (QĐ 1626/QĐ-TTg, ngày 18/9/2015)

- Giải pháp thiết kế quy hoạch không gian công cộng ven biển cho các đô thị du lịch nhằm tăng cường khả năng tiếp cận và thích ứng với biến đổi khí hậu (Đề tài NCKH Nghị định thư Việt Nam - Cu Ba)

Tham gia công tác đào tạo sinh viên, sau đại học tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tham gia viết bài trên các tạp chí Kiến trúc (Hội KTS VN), Tạp chí QHXD (VIUP), Tạp chí QH Đô thị (VUPDA)

Dr. Phan Thanh Hai earned his Ph.D. in History in 2008 from the Institute of History, under the Vietnam Academy of Social Sciences.

He worked at the Hue Monuments Conservation Center for 27 years (1992 - 2019) before assuming his current position as Director of the Department of Culture and Sports of Hue City (since March 2019).

Throughout his career, Dr. Hai has participated in numerous international research cooperation projects with organizations from Japan, South Korea, France, and several other countries, focusing on the preservation of cultural heritage and the architectural history of East Asian palaces.

His main research interests lie in heritage conservation and promotion, as well as the study of Vietnamese and East Asian cultural history. He has also attended various international academic forums and published numerous scientific papers on these subjects.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

QUY HOẠCH VÀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ PHÙ HỢP VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

URBAN PLANNING AND DEVELOPMENT MANAGEMENT IN ACCORDANCE WITH TWO-LEVEL LOCAL GOVERNMENT

TÓM TẮT | ABSTRACT

Quá trình đô thị hoá tại Việt Nam có nhiều khả năng sẽ bị tác động mạnh khi triển khai tái cấu trúc không gian lãnh thổ, sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (cấp 1 gồm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cấp 2/cấp dưới tỉnh gồm: phường, xã, đặc khu), bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Trong bối cảnh mới, tương lai đô thị Việt Nam không thể không được nghiên cứu, định hình lại, gắn kết một cách biện chứng giữa quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước với quá trình đô thị hoá quốc gia nhằm đạt được mục tiêu bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình - thịnh vượng, hùng cường của dân tộc.

Để đạt được khát vọng này tỷ lệ đô thị hoá của Việt Nam phải đạt ngưỡng như các nước phát triển: Liên hiệp vương quốc Anh 91%, Thuỵ Điển 87%, LB Đức 85%, Pháp 78%, Mỹ 77%, Canada 76%, Australia 89%, New Zealand 85%, Israel 89%, Nhật Bản 78%. Điều đó có nghĩa tỷ lệ đô thị hoá của Việt Nam phải đạt mức 70% - 80% vào năm 2045.

Nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết 06 của Bộ Chính Trị và Nghị quyết 148/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 06 của Bộ Chính Trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, trước mắt cần quan tâm, thống nhất một số vấn đề sau:

A/ Về quy hoạch đô thị - nông thôn

(i) Đô thị vẫn luôn được khẳng định là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp; là trung tâm tổng hợp hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ; được tổ chức, quản lý phát triển theo quy hoạch và quy luật của quá trình đô thị hoá.

(ii) Hệ thống đô thị quốc gia tiếp tục được phân cấp, phân loại phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

(iii) Nhận diện đô thị, khu vực đô thị, khu vực phát triển đô thị, ranh đô thị, vùng đô thị hoá thông qua ĐƠN VỊ ĐÔ THỊ là cấp PHƯỜNG. (Phường là nhân tố chính tạo dựng cấu trúc khu vực đô thị...)

(iv) Việc xác định đô thị/hệ thống đô thị trong quy hoạch tỉnh cần dựa vào các tiêu chí về chức năng, mật độ và không gian thay vì chỉ dựa vào đơn vị hành chính truyền thống. Điều này đòi hỏi sự đổi mới trong cách tiếp cận và xây dựng quy hoạch đô thị...

B/ Về quản lý phát triển đô thị - nông thôn

(i) Cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch chung cho từng vùng chức năng, bao gồm cả các vùng đô thị trọng điểm và vùng đô thị hóa. Quy hoạch tỉnh cần xây dựng các chiến lược, tầm nhìn phát triển đô thị/hệ thống đô thị, định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật cho toàn tỉnh, bao gồm cả các khu vực đô thị và nông thôn...

(ii) Sau khi quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung được phê duyệt, cấp xã/phường lập quy hoạch chi tiết, cụ thể hóa quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung, tập trung vào các dự án quy mô nhỏ, các khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật và xã hội cấp cơ sở.

(iii) Sửa đổi, hoàn thiện thể chế và quy hoạch

(iv) Nâng cao năng lực quản lý và thực thi. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về quy hoạch, quản lý đất đai và xây dựng cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã/phường. Ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý quy hoạch, cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên quan đến đất đai và xây dựng...

(v) Phân cấp, phân quyền mạnh mẽ

(vi) Minh bạch và tham gia của cộng đồng

The urbanization process in Vietnam is likely to be strongly impacted when implementing the restructuring of territorial space, merging some provincial-level units, not organizing the district level, merging some commune-level units; implementing the 2-level local government model (level 1 includes provinces and centrally-run cities; level 2/sub-provincial level includes: wards, communes, special zones), ensuring streamlining, efficiency, effectiveness and efficiency.

In the new context, the future of Vietnam's urban areas cannot help but be studied, reshaped, and dialectically linked between the country's industrialization and modernization process and the national urbanization process to achieve the goal of entering a new era - the era of national growth, prosperity, and strength.

To achieve this aspiration, Vietnam's urbanization rate must reach the same level as developed countries: the United Kingdom 91%, Sweden 87%, Germany 85%, France 78%, the United States 77%, Canada 76%, Australia 89%, New Zealand 85%, Israel 89%, Japan 78%. That means Vietnam's urbanization rate must reach 70% - 80% by 2045.

In order to continue implementing Resolution 06 of the Politburo and Resolution 148/NQ-CP of the Government promulgating the Government's Action Program to implement Resolution 06 of the Politburo on planning, construction, management and sustainable development of Vietnamese urban areas to 2030, with a vision to 2045 effectively, in accordance with the two-level local government model, it is necessary to pay attention to and agree on the following issues:

A/ Regarding urban-rural planning

(i) Urban areas have always been affirmed to be areas with high population density and mainly operating in the non-agricultural sector; are general or specialized centers, with the role of promoting the socio-economic development of the country or a territory; are organized and managed according to the planning and laws of the urbanization process.

(ii) The national urban system continues to be decentralized and classified in accordance with the two-level local government model.

(iii) Identify urban areas, urban areas, urban development areas, urban boundaries, urbanized areas through URBAN UNITS at the WARD level. (Wards are the main factor in creating the structure of urban areas...)

(iv) The identification of urban areas/urban systems in provincial planning should be based on criteria of function, density and space instead of relying solely on traditional administrative units. This requires innovation in the approach and development of urban planning.

B/ Regarding urban-rural development management

(i) The provincial level is responsible for organizing the preparation of general planning for each functional area, including key urban areas and urbanized areas. Provincial planning needs to develop strategies, visions for urban/urban system development, spatial development orientations and technical infrastructure for the entire province, including urban and rural areas...

(ii) After the provincial planning and general planning are approved, the commune/ward level will establish detailed planning, concretizing the provincial planning and general planning, focusing on small-scale projects, residential areas, and grassroots technical and social infrastructure.

(iii) Amending and perfecting institutions and planning

(iv) Improving management and enforcement capacity. Strengthen training and fostering of professional knowledge on planning, land management and construction for commune/ward level officials and civil servants. Apply information technology and artificial intelligence (AI) in planning management, providing online public services related to land and construction....

(v) Strong decentralization and delegation of authority

(vi) Transparency and community participation



ÔNG HOÀNG VĨNH HƯNG
MR. HOANG VINH HUNG

- **Viện trưởng, Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn quốc gia**
- *Director, National Institute for Urban and Rural Planning*

TIỂU SỬ | BIO

PGS.TS. Hoàng Vĩnh Hưng là Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP), Bộ Xây dựng. Trước khi làm việc tại VIUP, PGS. Hưng đã từng là Trưởng phòng Quản lý phát triển đô thị, Cục Phát triển đô thị và Phó chủ nhiệm Khoa Quản lý đô thị, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

TS. Hưng nhận bằng Tiến sỹ về quy hoạch tại Đại học Kyoto, Nhật Bản; và đã từng nghiên cứu sau tiến sỹ tại Viện Phát triển vùng và đô thị tại Đại học California tại Berkeley, Hoa kỳ.

Sở trường công tác hiện nay bao gồm: Nghiên cứu, xây dựng chính sách, văn bản pháp luật và tư vấn về quy hoạch đô thị - nông thôn, quản lý phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu.

Hoang Vinh Hung is Director General of Vietnam Institute for Urban and Rural Planning (VIUP). Before coming to VIUP, he has worked in Urban Development Agency, Ministry of Construction. He has previously served in Faculty of Urban Management, Hanoi University of Architecture as an associate professor.

Dr. Hung received Ph.D. degree in urban planning and disaster risk management from Kyoto University. He had been a visiting scholar in Institute of Urban and Regional Development, University of California, Berkeley. His scholarly research focused on urban planning, urban development policy, climate change mitigation and adaptation. His applied research and practice comprised works for MOC on policies of urbanization and climate change; and for provincial authorities in Vietnam on regional and urban development plans.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

GIẢI PHÁP LẬP VÀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG

SOLUTIONS FOR URBAN PLANNING AND IMPLEMENTATION OF LOCAL GOVERNMENT TOWARD SUSTAINABLE URBAN DEVELOPMENT

TÓM TẮT | ABSTRACT

Bài trình bày này tổng quan về vai trò của đô thị; những đặc điểm, xu hướng và thách thức của quá trình đô thị hóa; và các giải pháp trong lập và thực hiện quy hoạch mà chính quyền địa phương hai cấp cần thực hiện nhằm hướng tới phát triển đô thị bền vững ở Việt Nam.

This presentation provides an overview of the role of cities; the characteristics, trends, and challenges of urbanization; and the solutions in planning and implementation that local governments at both levels need to undertake to achieve sustainable urban development in Vietnam.



ÔNG NGUYỄN QUANG
MR. NGUYEN QUANG

- **Nguyên Giám đốc, UN Habitat tại Việt Nam**
- *Former Director, UN-Habitat in Viet Nam*

TIỂU SỬ | BIO

Tiến sĩ Nguyễn Quang gia nhập Chương trình Phát triển Định cư Con người Liên Hợp Quốc (UN-HABITAT) vào giữa năm 2005 và được bổ nhiệm làm Quản lý Chương trình UN-HABITAT tại Việt Nam vào tháng 7 năm 2007. Kể từ đó, ông là cán bộ liên lạc của UN-HABITAT tại Nhóm Quốc gia Liên Hợp Quốc và điều phối các dự án đô thị và nhà ở liên quan tại Việt Nam. Từ ngày 1 tháng 9 năm 2021, Tiến sĩ Nguyễn Quang nghỉ hưu tại UN-Habitat nhưng vẫn tiếp tục làm việc với tư cách là cố vấn cấp cao cho chương trình phát triển của UN-Habitat và các tổ chức khác tại Việt Nam.

Làm việc tại UN-Habitat, ông đã vận dụng kiến thức và kinh nghiệm của mình để tạo ra ảnh hưởng to lớn đến quá trình hoạch định chính sách và quy hoạch đô thị tại Việt Nam, góp phần nâng cao nhận thức không chỉ của các quan chức chính phủ ở cấp trung ương và địa phương mà còn của Nhóm Quốc gia Liên Hợp Quốc về các vấn đề đô thị mới nổi và mối tương tác giữa đô thị hóa, phát triển kinh tế xã hội, bền vững môi trường, sáng tạo văn hóa, công nghệ số.

Ông đã vận dụng các phương pháp tiếp cận sáng tạo và có sự tham gia của nhiều bên trong quy hoạch và phát triển đô thị bền vững, bao gồm các vấn đề về tính bao trùm, khả năng phục hồi và tính bền vững vào quá trình quy hoạch đô thị, góp phần nâng cao nhận thức và năng lực của địa phương về phát triển đô thị bền vững, đặc biệt là tại các thành phố Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, Cần Thơ và Quảng Nam.

Dr. Nguyen Quang joined the United Nations Human Settlements Development Programme (UN-HABITAT) in mid 2005 and was appointed as the UN-HABITAT Programme Manager in Viet Nam in July 2007. Since then, He has been UN-HABITAT liaison officer in the UN Country Team and coordinated related urban and shelter projects in the country. Since 1 September 2021, Dr. Nguyen Quang retired from UN-Habitat but continue working as a senior advisor for the UN-Habitat programme development and other organizations in the country.

Working with UN-Habitat he has been able to utilize his knowledge and experience to create a great influence on urban policy making and planning process in Viet Nam, contributing to the improvement of awareness of not only government officials at both national and local levels but also the UN Country Team on emerging urban issues and the interaction between urbanization, socioeconomic development, environmental sustainability, cultural creativity, digital technology, equity and urban governance in order to mobilize multi-sectoral engagement in sustainable urban planning and development. His innovative and participatory approach of integrating inclusiveness, resilience and sustainability issues in urban planning process has been proved by successful implementation of UN-Habitat programs and projects, which have contributed to significant improvement of local awareness and capacity on sustainable urban development in Viet Nam, especially in Hanoi City, Ho Chi Minh City, Da Nang city, Can Tho city and Quang Nam province.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN THEO CHÍNH QUYỀN HAI CẤP Ở VIỆT NAM: THÁCH THỨC, CƠ HỘI VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THỂ CHẾ

URBAN-RURAL GOVERNANCE UNDER THE TWO-LEVEL GOVERNMENT IN VIETNAM: CHALLENGES, OPPORTUNITIES AND SOLUTIONS TO IMPROVE INSTITUTIONAL SYSTEMS

TÓM TẮT | ABSTRACT

Báo cáo này nhằm phân tích và làm rõ những thách thức, cơ hội và giải pháp hoàn thiện khung pháp lý, thể chế trong quản trị phát triển đô thị và nông thôn theo chính quyền hai cấp ở Việt Nam, trong bối cảnh xây dựng Luật Quản lý Phát triển Đô thị (QLPTĐT) năm 2025 và các chương trình đổi mới thể chế quản lý địa phương.

Báo cáo cho thấy:

- Hệ thống pháp luật về quản lý phát triển đô thị và nông thôn còn phân tán, thiếu tính tích hợp;
- Cơ chế phân quyền hai cấp (tỉnh - cấp dưới tỉnh) mới được hình thành, chưa chứng minh được hiệu quả;
- Các địa phương tiên phong như Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, Bình Dương, Quảng Ninh, Thừa Thiên Huế đã có những thử nghiệm mô hình quản trị đáng chú ý;

- Tuy nhiên, còn tồn tại thiếu phối hợp liên ngành, thiếu công cụ tài chính đô thị, năng lực quản lý hạn chế, và bất cập dữ liệu số hóa.

Báo cáo đề xuất nhóm giải pháp đột phá:

1. Hoàn thiện khung pháp lý Luật QLPTĐT 2025 theo hướng tích hợp đô thị - nông thôn;
2. Đổi mới cơ chế phân cấp, phân quyền hai cấp rõ ràng, gắn với trách nhiệm giải trình;
3. Xây dựng hệ thống quy hoạch tích hợp vùng đô thị - nông thôn, gắn với kinh tế - xã hội - môi trường;
4. Tăng cường công cụ tài chính, huy động PPP, trái phiếu đô thị;
5. Nâng cao năng lực quản trị và chuyển đổi số;
6. Ban hành chính sách khung cấp trung ương về quản trị đa cấp và phát triển bền vững đô thị - nông thôn.

This report aims to analyze and clarify the challenges, opportunities, and solutions for improving the legal and institutional framework in urban and rural development governance under the two-tier government system in Vietnam, in the context of drafting the Law on Urban Development Management (UDML) in 2025 and ongoing programs for institutional renovation in local governance.

The report indicates that:

- The legal system for urban and rural development management remains fragmented and lacks integration;

- The two-tier decentralization mechanism (provincial - sub-provincial level) is newly established and has yet to prove its effectiveness;

- Pioneering localities such as Hanoi, Ho Chi Minh City, Da Nang, Binh Duong, Quang Ninh, and Thua Thien Hue have conducted noteworthy governance model trials;

- However, there remains a lack of inter-sectoral coordination, a shortage of urban finance tools, limited management capacity, and inadequacies in digitized data.

The report proposes a group of breakthrough solutions:

1. Perfecting the legal framework of the UDML 2025 towards urban-rural integration;

2. Innovating the two-tier decentralization and delegation mechanism to be clear and linked with accountability;

3. Building an integrated urban-rural regional planning system, linked with socio-economic and environmental aspects;

4. Strengthening financial tools, mobilizing PPP (Public-Private Partnership), and urban bonds;

5. Enhancing governance capacity and digital transformation;

6. Issuing a central government framework policy on multi-level governance and sustainable urban-rural development.



BÀ ELENA BONI
MS. ELENA BONI

- **Điều phối viên về lĩnh vực phát triển đô thị và quản lý tri thức, Văn phòng UN-Habitat Khu vực Châu Á và Thái Bình Dương**
- *Coordinator on Urban Development and Knowledge Management, UN-Habitat Regional Office for Asia and the Pacific*

TIỂU SỬ | BIO

Bà Elena Boni hiện là Điều phối viên về lĩnh vực phát triển đô thị và quản lý tri thức tại Văn phòng Khu vực Châu Á và Thái Bình Dương của UN-Habitat (Chương trình Định cư Con người của Liên Hợp Quốc). Công việc chính của bà tập trung vào giai đoạn thứ hai của dự án "Thúc đẩy triển khai Chiến lược Đô thị hóa Bền vững ASEAN", trong đó bà phụ trách các hoạt động quản lý tri thức, vận động chính sách ở cấp quốc gia và tổ chức sự kiện cấp khu vực.

Trước khi gia nhập UN-Habitat, bà Elena đã có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực phát triển bền vững tại châu Á, từng tư vấn cho UNICEF, Ủy ban Kinh tế - Xã hội Liên Hợp Quốc khu vực châu Á - Thái Bình Dương (UN ESCAP) và ICLEI về quản trị địa phương, chính sách môi trường và hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Trước khi làm việc cho Liên Hợp Quốc, bà từng là chuyên viên quy hoạch đô thị cho chính quyền địa phương tại Vương quốc Anh và làm việc trong khu vực tư nhân với các dự án đô thị hóa tại châu Á, châu Phi và Trung Đông. Ngoài ra, bà Elena còn là giảng viên thỉnh giảng tại Đại học Thammasat, Thái Lan.

Ms. Elena Boni is a Urban Development Adviser and Knowledge Management Coordinator with UN-Habitat Regional Office for Asia and the Pacific. The main focus of her work is the second phase of the project 'Accelerating the implementation of the ASEAN Sustainable Urbanisation Strategy', where she is responsible for knowledge management, national advocacy and regional events.

Prior to joining UN-Habitat, Elena worked for several years in sustainable development in Asia, having consulted UNICEF, UN ESCAP and ICLEI on local governance, environmental policy and climate action. Before joining the United Nations, she worked as urban planner for a local authority in the UK and for the private sector on urbanization projects in Asia, Africa and Middle East. Elena is also a guest lecturer at Thammasat University in Thailand.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

KHUNG CHÍNH SÁCH ĐA CẤP NHẰM HỖ TRỢ VIỆT NAM ĐẠT ĐƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH

MULTI-LEVEL POLICY FRAMEWORKS SUPPORTING VIET NAM TO ACHIEVE SUSTAINABLE AND SMART URBAN DEVELOPMENT



ÔNG NGUYỄN VŨ PHƯƠNG
MR. NGUYEN VU PHUONG

- **Phó Giám đốc, Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng, Bộ Xây dựng**
- *Deputy Director, Academy of Construction Strategy and Cadres Training (ACST)*

TIỂU SỬ | BIO

CHUYÊN MÔN

- 1995 - Tốt nghiệp Kiến trúc sư tại Đại học Kiến trúc, Xây dựng và Trắc địa Sofia (University of Architecture, Civil Engineering and Geodesy - UACEG), Sofia, Bulgaria.
- 1996 - Đào tạo SĐH quốc tế về "Quy hoạch Vùng và Đô thị" tại Đại học Bách khoa Szczecin, Ba Lan.
- 1999 - Thạc sĩ chương trình "Kiến trúc, Xây dựng và Đô thị cho các nước đang phát triển"; luận văn: "Cải tạo và hồi sinh đô thị", tại Đại học Bách khoa Turin (Politecnico di Torino), Ý.
- 2006 - Tiến sĩ Kiến trúc tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội; đề tài: "Bảo tồn và phát huy giá trị di sản kiến trúc - đô thị khu vực trung tâm lịch sử đô thị Hà Nội gắn với di sản văn hóa bền vững".
- 2014 - Được bổ nhiệm học hàm Phó Giáo sư (Giảng viên cao cấp).

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1995 - 2009: Giảng viên, Khoa Kiến trúc, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội - HAU
- 2009 - 2011: Phó Trưởng khoa Sau đại học, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội - HAU
- 2011 - 2018: Trưởng Khoa Kiến trúc, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội - HAU; Trưởng Bộ môn Lý luận và Bảo tồn di sản
- 2018 - 2022: Hiệu trưởng, Trường Đại học Xây dựng Miền Trung - MUCE (Bộ Xây dựng).
- 2023 - 2025: Phó Giám đốc, Học viện Cán bộ Quản lý Xây dựng và Đô thị (Bộ Xây dựng).
- Từ 01/03/2025 - nay: Phó Giám đốc, Học viện Chiến lược, Bồi dưỡng Cán bộ Xây dựng (ACST) (Bộ Xây dựng).

EDUCATION

- *1995 - Graduated as Architect from the University of Architecture, Civil Engineering and Geodesy (UACEG), Sofia, Bulgaria.*
- *1996 - International postgraduate training in Regional and Urban Planning at the Szczecin University of Technology, Poland.*
- *1999 - M.Sc. in "Architecture, Construction and Urban Development for Developing Countries"; thesis: "Urban Renewal and Revitalization", Politecnico di Torino, Italy.*
- *2006 - Ph.D. in Architecture, Hanoi University of Architecture; dissertation: "Conservation and Promotion of Architectural-Urban Heritage Values in the Historic Center of Hanoi towards Sustainable Cultural Heritage".*
- *2014 - Conferred the academic title of Associate Professor*

PROFESSIONAL EXPERIENCE

- *1995 - 2009: Lecturer, Faculty of Architecture, Hanoi University of Architecture - HAU*
- *2009 - 2011: Deputy Dean for Graduate Studies, Hanoi University of Architecture - HAU*
- *2011 - 2018: Dean, Faculty of Architecture, Hanoi University of Architecture - HAU, Head of the Division of Theory and Heritage Conservation*
- *2018 - 2022: Rector, Mientrung University of Civil Engineering - MUCE (Ministry of Construction).*
- *2023 - 2025: Deputy Director, Academy for Managers of Construction and Urban Development - AMC (Ministry of Construction).*
- *Mar 1, 2025 - present: Deputy Director, Academy of Construction Strategy and Training - ACST (Ministry of Construction)*

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

TỪ CẢI TẠO ĐẾN TÁI THIẾT ĐÔ THỊ: HƯỚNG TIẾP CẬN ĐỘ THỊ BAO TRÙM VÀ BỀN VỮNG PHÙ HỢP VỚI MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN HAI CẤP

FROM URBAN RENEWAL TO URBAN REGENERATION: AN INCLUSIVE AND SUSTAINABLE URBAN APPROACH ALIGNED WITH VIETNAM'S TWO-TIER LOCAL GOVERNMENT MODEL

TÓM TẮT | ABSTRACT

Bài tham luận đề xuất chuyển dịch tư duy từ Urban renewal (cải tạo/chỉnh trang) sang Urban regeneration (tái thiết/tái sinh) như một chiến lược trung tâm để đạt đô thị bao trùm, bền vững và thích ứng khí hậu (SDG 11) trong bối cảnh Việt Nam áp dụng mô hình chính quyền địa phương hai cấp từ 01/7/2025. Trọng tâm là hình thành mô hình Quản trị Tái thiết Đô thị - URG (Urban Regeneration Governance) dựa trên liên kết thể chế - tài chính - công nghệ, điều phối ở cấp tỉnh/thành phố và thực thi, giám sát cộng đồng ở cấp xã/phường, gắn với vùng chức năng đô thị (FUA) theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Về công cụ, tham luận nhấn mạnh chuyển đổi số và quản trị tích hợp dữ liệu (BIM, GIS, CIM, Digital Twin, dashboard KPI) để tăng minh bạch, giám sát tiến độ - hiệu quả đầu tư và hỗ trợ quyết định dựa trên dữ liệu. Về tài chính, khuyến nghị đa dạng hóa nguồn lực thông qua PPP, quỹ tái thiết, vốn xanh, song song cơ chế tái cơ cấu đất và chuẩn mực đánh giá theo ISO 37120/37122/37123.

Kinh nghiệm quốc tế (Seoul, Singapore, Tokyo, Barcelona, Vương quốc Anh, Hong Kong) cho thấy URG chỉ thành công khi chính quyền điều phối mạnh nhưng cộng đồng là động lực, đồng thời kiểm soát rủi ro gentrification.

Khuyến nghị chính sách gồm: ban hành hướng dẫn quốc gia về URG, thiết lập quỹ tái thiết, nâng cao năng lực cấp cơ sở, thí điểm liên phường/xã trong FUA, và phát triển mạng lưới "5 Nhà" (Trung ương - Chính quyền - Viện/Trường - Doanh nghiệp - Cộng đồng). ACST giữ vai trò hạt nhân đào tạo, tư vấn chính sách và kết nối hệ sinh thái tri thức - công nghệ - thực tiễn để hiện thực hóa URG "Made in Vietnam".

The paper advocates a shift in mindset from urban renewal (cải tạo/chỉnh trang) to urban regeneration (tái thiết/tái sinh) as a central strategy to achieve inclusive, sustainable, and climate-resilient cities (SDG 11) in the context of Viet Nam's adoption of a two-tier local government model from July 1, 2025. The focus is on establishing an Urban Regeneration Governance (URG) model built on the integration of institutions, finance, and technology-with coordination at the provincial/municipal level and community-based implementation and oversight at the ward/commune level-aligned with Functional Urban Areas (FUA)

On instruments, the paper emphasizes digital transformation and integrated data governance (BIM, GIS, CIM, Digital Twin, KPI dashboards) to enhance transparency, monitor progress and investment effectiveness, and support evidence-based decision-making. On finance, it recommends diversifying resources through PPP mechanisms, regeneration funds, and green finance, alongside land readjustment and evaluation standards in line with ISO 37120/37122/37123.

International experience (Seoul, Singapore, Tokyo, Barcelona, the United Kingdom, Hong Kong) shows that URG succeeds when government provides strong coordination while communities act as the driving force, with concurrent safeguards against gentrification.

Policy recommendations include: issuing national URG guidelines; establishing urban regeneration funds; building capacity at the local (ward/commune) level; piloting inter-ward/commune initiatives within FUAs; and developing the "Five-Actor" network (central government - local government - universities/research institutes - enterprises - communities). ACST serves as the core hub for training, policy advisory, and for connecting the ecosystem of knowledge, technology, and practice to realize a "Made-in-Viet Nam" URG.



ÔNG ĐỖ HẬU
MR. DO HAU

- **Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký, Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam**
- *Vice Chairman cum General Secretary, Viet Nam Urban Planning and Development Association*

TIỂU SỬ | BIO

Đỗ Hậu là giảng viên cao cấp với hơn 50 năm kinh nghiệm đào tạo và nghiên cứu trong lĩnh vực quy hoạch và quản lý đô thị. Ông từng giảng dạy đại học và sau đại học, hướng dẫn thạc sĩ và tiến sĩ tại Đại học Kiến trúc Hà Nội và Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời giảng dạy chuyên đề tại nhiều trường đại học ở Ba Lan, Canada, Tây Ban Nha, Hàn Quốc. Ông đã viết nhiều cuốn sách về xã hội học đô thị, quy hoạch đô thị, quản lý đô thị, bất động sản và quản lý đất đai đô thị, quy hoạch có sự tham gia của cộng đồng... Bên cạnh đó, ông còn tham gia tư vấn cho nhiều dự án. Ông là chủ nhiệm nhiều dự án quy hoạch đô thị và thiết kế kiến trúc. Ông là giám đốc và trưởng nhóm của nhiều dự án nghiên cứu do EU, ADB, CIDA, DANIDA, JICA, Ford Foundation... tài trợ về quy hoạch đô thị, quản lý đô thị và đánh giá tác động và thích ứng với biến đổi khí hậu. Ông là chủ nhiệm nhiều đề tài nghiên cứu cấp nhà nước cũng như các đề tài nghiên cứu của Bộ Xây dựng và các thành phố Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Lào Cai... trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và quản lý đô thị.

Do Hau is a senior expert and he has more than 50 -year experience of training and research in the fields of urban planning and urban management. He has been giving lectures at undergraduate and graduate level, supervising undergraduate, Master and PhD students in Hanoi Architectural University and University of Architecture of Hochiminh city as well as giving thematic lectures in many universities in Poland, Canada, Spain, Korea. He has written many books in the fields of urban sociology, urban planning, urban management,urban real-estate and land management, planning with community participation...Besides, he works as consultant in many projects. He is the head of many urban planning and architecture design projects. He was the director and team leader of many research projects sponsored by EU, ADB, CIDA, DANIDA, JICA, Ford Foundation... on urban planning, urban management and climate change impact and adaptation assessments. He was the head of many national research projects as well as research projects for Ministry of Construction and Hanoi, Ho Chi Minh, Da Nang, Lao Cai... cities in the fields of urban planning and urban management.

CHỦ ĐỀ TRÌNH BÀY | TOPIC

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ CẢI TẠO, CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ. BÀI HỌC ÁP DỤNG CHO CÁC ĐÔ THỊ VIỆT NAM

INTERNATIONAL EXPERIENCES IN URBAN RENEWAL AND REGENERATION. LESSONS FOR VIETNAMESE CITIES

TÓM TẮT | ABSTRACT

Các đô thị có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Tại nhiều đô thị trên thế giới, chính quyền đô thị đã quan tâm đến công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị và đã đạt được nhiều kết quả tốt góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, cải thiện bộ mặt đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Cải tạo, chỉnh trang đô thị trở thành một xu hướng tất yếu nhằm cải thiện môi trường sống và nâng cao chất lượng sống đô thị, hướng đến phát triển bền vững, Mỗi một quốc gia có một cách tiếp cận khác nhau trong quá trình cải tạo, chỉnh trang đô thị. Một số mô hình tốt mà một số quốc gia trên thế giới áp dụng trong quá trình cải tạo, chỉnh trang đô thị.có thể sẽ là bài học giúp cho công tác cải tạo, chỉnh trang trong các đô thị ở Việt nam tham khảo. Bài viết này giới thiệu một số bài học kinh nghiệm của một số nước trên thế giới về cải tạo, chỉnh trang đô thị. Từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị ở Việt Nam.

Cities play an important role in the development of the country. In many cities around the world, the urban authorities have paid attention to urban renovation and beautification and have achieved many good results, contributing to improving the quality of life for people, improving the urban appearance and promoting socio-economic development. Urban renovation and beautification has become an inevitable trend to improve the living environment and enhance the quality of urban life, aiming at sustainable development. Each country has a different approach in the process of urban renovation and beautification. Some good models that some countries in the world apply in the process of urban renovation and beautification may be lessons for the renovation and beautification work in urban areas in Vietnam to refer to.

This article introduces some lessons learned from some countries in the world on urban renovation and beautification. From there, some lessons are drawn for urban renovation and beautification in Vietnam.

TỔNG HỢP BÀI VIẾT

PHIÊN TOÀN THỂ

DIỄN ĐÀN ĐÔ THỊ VIỆT NAM 2025 - PHÁT TRIỂN THÔNG MINH, BỀN VỮNG VÀ BAO TRÙM

PLENARY SESSION

VIETNAM URBAN SUMMIT 2025 - SMART, SUSTAINABLE AND INCLUSIVE DEVELOPMENT

REMARKS OF MS. MARIAM J. SHERMAN
WORLD BANK DIVISION DIRECTOR FOR VIET NAM, CAMBODIA AND LAO PDR
AT THE "VIETNAM URBAN FORUM"
HA NOI, NOVEMBER 5, 2025

Opening

- The World Bank has partnered with Viet Nam for over three decades to strengthen cities as engines of growth and opportunity.
- This year's Forum takes place at a pivotal time, as the Government deepens decentralization and pursues reforms that will shape the next generation of infrastructure and economic transformation.

A new landscape of decentralization

- In 2025, Viet Nam consolidated not only ministries but also provinces, granting them larger territories, stronger fiscal capacity, and broader mandates for planning and investment.
- Line ministries and local governments now have more authority to approve ODA and public investment projects.
- Provinces and cities account for **70-80%** of infrastructure investment, from urban roads and bridges to drainage, wastewater, and flood protection.
- This creates both opportunity and challenge: local investments must align with national priorities and shared resilience goals.

Why investing in cities and urban resilience matters

- Viet Nam's development has been accompanied by rapid urbanization, with nearly **40%** of the population living in cities. Cities have become the country's main engines of growth, generating over **70%** of GDP and driving job creation, innovation, and service delivery.
- Yet this success is increasingly at risk as nearly **60%** of Viet Nam's population and **70%** of economic assets are concentrated in low-lying, hazard-prone areas. Hazards such as typhoons, floods, saline intrusion, and erosion cause billions of dollars in annual losses.
- Climate change will only intensify rainfall, sea-level rise, and urban heat, further straining already overstretched urban infrastructure. Drainage, wastewater, and transport systems in many cities were not designed for current climate conditions and require upgrading and integration.
- Investing in resilient, well-planned cities is therefore both an **economic and social imperative**. Each dollar invested in resilient infrastructure can save four dollars in avoided losses and productivity disruptions.

The scale of investment ahead

- Vietnam's 2026-2030 Medium-Term Public Investment Plan (MTIP) foresees a total investment demand of about **USD 330 billion**, three times that of the previous cycle.
- The Government expects to fund fewer than **3,000** projects nationwide and emphasizes focus and efficiency over fragmentation.
- For urban development, this means prioritizing coordinated, high-impact investments in resilient infrastructure and service delivery.
- National objectives already point to where investments are most needed:
  - Reduce fatalities from flash floods and landslides by **50%** and keep annual disaster losses below **1.2% of GDP**.
  - Collect and treat **50% of municipal wastewater** in (previously) class-II cities and above.
  - Build **5,000 km of resilient expressways** connecting regions and economic centers.

- These goals can only be achieved through coordinated investment frameworks that align provincial infrastructure planning with national targets.

A political and social mandate for action

- Urban resilience has become an economic and social priority. Recent floods in multiple cities have disrupted transport, manufacturing, and services-demonstrating how climate risks can translate into lost growth and employment.
- The Party and Government leadership have called for durable, large-scale investments to manage flooding, protect infrastructure, and maintain productivity in the face of increasing climate stress.
- Citizens and businesses alike expect visible progress-cities that can withstand shocks, sustain jobs, and continue driving national development.

MOC's coordinating role

- With responsibilities spanning urban development, construction, and transport, the Ministry of Construction plays a central role in guiding Viet Nam's next phase of resilient growth.
- MOC can help to:
  1. Set and enforce technical standards for resilient, durable infrastructure.
  2. Align provincial infrastructure pipelines with national strategies such as Resolution 06-NQ/TW, Resolution 148, and the SEDS 2021-2030.
  3. Facilitate knowledge sharing and data-driven monitoring among provinces to strengthen performance and accountability.
- Strong coordination from MOC will help ensure that decentralized investments yield national-scale results for resilience and competitiveness.

The World Bank's partnership and support

- The World Bank's global experience in many countries shows that resilience investments not only protect people and assets but also strengthen competitiveness, attract investment, and safeguard fiscal stability.
- Viet Nam's cities are now critical to achieving national climate, growth, and net-zero goals. Integrating resilience into urban systems ensures that development gains are preserved and future growth remains inclusive and sustainable.
- The World Bank, SECO, and other partners are ready to support MOC in this matter and ensuring that ODA can serve not only as capital but also a leverage to strengthen coherence and efficiency in urban resilience infrastructure investments.
- The World Bank's long-standing engagement with Viet Nam's cities has supported flood protection, urban upgrading, and integrated planning in Can Tho, Vinh Long, Thai Nguyen, and other provinces. These investments have reduced disaster losses, safeguarded livelihoods, and enhanced productivity in key urban centers.
- Through our ongoing partnership with the Swiss State Secretariat for Economic Affairs (SECO), we are providing analytical and technical support to large cities-including Ho Chi Minh City, Da Nang, and Can Tho-to integrate climate resilience into urban planning and investment decisions.
- Going forward, the World Bank can complement this technical partnership with financing solutions that help cities and provinces implement resilient infrastructure at scale.
- ODA can play a catalytic role-not only in mobilizing capital, but in transferring knowledge, strengthening institutions, and ensuring that investments yield sustained economic benefits.
- The World Bank stands ready to bring its global experience, financing instruments, and partnerships to help Viet Nam scale up urban resilience as a foundation for growth and job creation.

Closing

- Viet Nam's ongoing reforms have created a new opportunity to shape resilient, competitive cities that drive national prosperity.
- Building climate-resilient urban infrastructure will reduce economic losses, safeguard productivity, and enable sustained job creation.
- The World Bank, together with SECO and other partners, remains committed to supporting the Government of Viet Nam in strengthening coordination, mobilizing investment, and turning urban resilience into a driver of long-term, inclusive growth.

2025 VIETNAM URBAN SUSTAINABILITY SUMMIT

Time: 13:30 - 16:30 (speech at 15:20 - 15:35), Wednesday, November 5, 2025

Location: Grand Ballroom Conference Room, Melia Hotel, Hanoi

Key note speech by Mr. Thomas Gass, Swiss ambassador in Vietnam

Your Excellency, Deputy Minister of Construction, Deputy Head of the Central Policy and Strategy Commission, distinguished leaders of provinces and cities, dear partners, ladies and gentlemen,

It is a great pleasure and an honour to join you today at the **Vietnam Urban Sustainability Summit 2025** - a platform that has truly become the beating heart of Vietnam's urban transformation.

On behalf of the **Government of Switzerland**, allow me to express our deep appreciation for Vietnam's steadfast commitment to **building cities that are resilient, liveable and thriving**- and for the privilege of accompanying this remarkable journey for more than two decades.

Vietnam stands at a **defining moment in its development story**. We all often hear it: Vietnam is at a turning point. **A new era**. In terms of urban development that is also true.

Your **Vision 2045** sets out an ambitious aspiration: to become a **high-income, innovation-driven, and climate-resilient nation.**

The ongoing **administrative and institutional reforms** - streamlining structures, empowering local governments, and modernising public administration - demonstrate a clear determination to **govern differently, plan smarter, and deliver faster.**

In Switzerland, we recognise this ambition. It echoes the very principles that have shaped our own federal system: that **effective governance, local accountability, and public trust** are the cornerstones of lasting prosperity.

Urbanisation is now a key driving force of Vietnam's transformation. Cities already generate over **70 percent of the national GDP**, and by 2030 one in two Vietnamese citizens will live in urban areas.

If well managed, this urban growth can be **Vietnam's most powerful engine of economic progress** - generating jobs, innovation, and opportunity.

If unmanaged, it could deepen inequalities and strain infrastructure. The difference lies in **how urban areas are governed**: in the way they plan growth, finance investments, and engage their citizens.

What two decades of cooperation with Vietnam have taught us?

Looking back, over the past twenty years, Switzerland has been proud to work hand-in-hand with Vietnam - from national institutions to local authorities - supporting planning, capacity development, and innovation.

This partnership has evolved together with Vietnam's needs:

- from infrastructure delivery to institutional reform
- from pilot projects to system strengthening
- and from sectoral planning to the era of digital governance and smart cities.

And through this journey, we have learned some important lessons that we believe resonate deeply with Vietnam's current priorities.

Lesson 1 - Strong institutions outlast concrete

We have learned that **infrastructure alone is not enough.**

Sustainable urban development begins with **sound governance** - clear mandates, data-driven planning, and transparent financial management.

Where institutions coordinate effectively, progress lasts; where they do not, even the best-built structures struggle to perform.

Lesson 2 - Data turns planning into foresight

Cities today need not just more projects - they need smarter decisions.

When reliable data, open systems, and spatial analytics inform policy, planning becomes more strategic and transparent.

Technology, however, is not the goal.

The real transformation happens when leaders **trust evidence**, share information across sectors, and make decisions.

Lesson 3 - People make reforms endure

No policy is sustainable without capable people.

Investing in human capital - through training, exchange, and leadership development - multiplies every dollar invested in infrastructure.

Vietnam's leaders at both national and city levels have demonstrated remarkable capacity to learn and innovate. Switzerland is proud to have supported this process through a series of study visits to Switzerland, Austria, Australia, Singapore, and Malaysia, enabling high-level exchanges on urban governance, digital transformation, and urban resilience.

The next step is to **embed this capacity institutionally**, ensuring that knowledge and excellence become part of the system, not only part of a project.

Lesson 4 - Integration builds sustainable urban development

Urban development is not a single policy; it is the result of **integration** - when housing, transport, energy, water and land are planned together, and when economic growth and climate adaptation and mitigation reinforce each other.

Cities that take this integrated approach attract investors, protect communities, and thrive **over the long term**.

Integration also means bridging public and private finance and aligning national vision with local implementation.

Lesson 5 - Innovation must be inclusive

Vietnam's digital transformation is impressive and full of promise.

Yet we have seen that innovation achieves its greatest impact when it **serves inclusion** - when technology makes government more transparent, services more accessible, and **citizens more empowered.**

Digitalisation, when anchored in good governance, becomes a bridge - between the public and the state, between urban and rural, and between today's ambitions and tomorrow's realities.

Looking ahead, Vietnam's success will depend on its ability to balance **speed with sustainability, and growth with resilience.**

From Switzerland's experience, we believe five principles can guide this path:

1. **Govern with data and trust** - evidence and transparency are the strongest foundation for confidence.

2. **Plan nationally and regionally, act locally** - empower cities while ensuring coherence with national priorities.

3. **Finance sustainably** - mobilise both public and private resources for resilient infrastructure.

4. **Invest in people** - because local capacity is the most durable asset of all.

5. **Collaborate openly** - across ministries, cities, and partners, because no one solves complexity alone.

These principles also guide our **Swiss-Vietnam Cooperation Programme 2025-2028**, focused on sustainable trade and innovation, public and private finance, and climate-smart urban and industrial development - pillars essential for a resilient high-income economy.

In line with this, I am also very happy that we have just started the Vietnam Swiss Urban Development Programme, which is a USD 13 Million project developed jointly with Ministry of Construction. The project aims to promote sustainable and climate-resilient urban development through the integration of climate resilience and green growth strategies into urban planning and management.

Excellencies, **Vietnam's determination to reform and innovate is deeply inspiring**. Your cities are becoming laboratories of transformation - where economic dynamism meets environmental stewardship, and where governance reform meets the aspirations of citizens.

Switzerland will continue to stand by Vietnam: **as a partner in innovation,** and **as a friend in transformation.**

We do this together with our partners - first and foremost, our government counterparts. In addition, our projects are implemented in collaboration with the World Bank, German Cooperation, and the Asian Development Bank (ADB). We also aim to coordinate closely with other development partners to maximize synergies and jointly leverage results.

Every reform, every plan, every investment made today will shape the cities where future generations of Vietnamese will live, work, and dream.

Let us make sure those cities are **not only bigger - but better: greener, more resilient, and full of opportunity for all.**

Xin chân thành cảm ơn. Thank you.



THAM LUẬN

Đổi mới phát triển đô thị Việt Nam

Cục Phát triển đô thị, Bộ Xây dựng

Tháng 11/2025

1 BỐI CẢNH CHUNG

Sắp xếp đơn vị hành chính trên toàn quốc đã mở ra không gian phát triển đô thị – nông thôn hoàn toàn mới.



Trước khi sắp xếp

Đến tháng 6/2025, cả nước có **900 đô thị**

ĐB	I	II	III	IV	V
02	24	38	44	96	696

63 đơn vị hành chính cấp tỉnh
- **05** Thành phố trực thuộc Trung ương
- **58** Tỉnh

Sau khi sắp xếp

34 đơn vị hành chính cấp tỉnh
- **06** Thành phố trực thuộc Trung ương
- **28** Tỉnh

Từ hơn **10.000** xã, phường, thị trấn giảm còn **3.321** đơn vị hành chính

Phường	Đặc khu	Xã
687	13	2.621

1 BỐI CẢNH CHUNG

NHIỀU ĐỊA PHƯƠNG SAU SÁP NHẬP HÌNH THÀNH CÁC TỈNH – THÀNH PHỐ CÓ QUY MÔ VÙNG



TP. HỒ CHÍ MINH



TP. HẢI PHÒNG



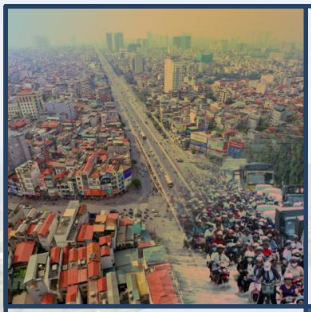
TP. ĐÀ NẴNG



TP. CẦN THƠ

I BỐI CẢNH CHUNG

NHIỀU VẤN ĐỀ MỚI CŨNG ĐANG XUẤT HIỆN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ



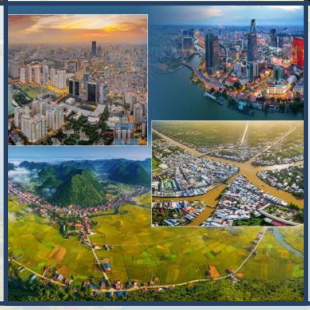
Hạn chế trong liên kết vùng và tổ chức không gian phát triển



Vấn đề môi trường, BĐKH và phát triển đô thị bền vững



Thách thức về thể chế phát triển đô thị



Hạn chế về hạ tầng kỹ thuật – xã hội và dịch vụ công đô thị



Vấn đề nguồn lực và tài chính đô thị

1 BỐI CẢNH CHUNG

HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM ĐANG LÀ NƠI SINH SỐNG VÀ LÀM VIỆC CỦA HƠN 45% DÂN SỐ CỦA CẢ NƯỚC.



Nghiên cứu khoa học, công nghệ



Đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số



Phát triển văn hóa



Giáo dục đào tạo

2 CÁC YÊU CẦU ĐẶT RA CHO GIAI ĐOẠN MỚI



Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng đang xin ý kiến rộng rãi của nhân dân, đó là:

"Xác lập mô hình tăng trưởng mới lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là động lực chính..."

"Thực hiện đồng bộ 4 chuyển đổi: chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực",

Đặc biệt là **"Hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị, các đặc khu kinh tế thế hệ mới ngang tầm khu vực và toàn cầu..."**

"Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đô thị hoá... Đẩy nhanh tốc độ nâng cao chất lượng đô thị hoá bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hoà giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới".

2 CÁC YÊU CẦU ĐẶT RA CHO GIAI ĐOẠN MỚI



1. Yêu cầu về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững hệ thống đô thị quốc gia
2. Yêu cầu về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
3. Yêu cầu về hội nhập quốc tế chủ động, toàn diện và sâu rộng
4. Yêu cầu về đổi mới thể chế và hoàn thiện pháp luật

2 CÁC YÊU CẦU ĐẶT RA CHO GIAI ĐOẠN MỚI

5 Yêu cầu về phát triển kinh tế tư nhân

6 Yêu cầu về phát triển giáo dục và đào tạo

7 Yêu cầu về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

8 Yêu cầu về phát triển năng lượng xanh, bền vững và tự chủ



3 MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐỔI MỚI PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM



1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế
2. Điều chỉnh quy hoạch hệ thống đô thị - nông thôn và xây dựng
3. Xây dựng chương trình phát triển đô thị quốc gia
4. Xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về phát triển đô thị
5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực
6. Tăng cường năng lực quản lý đô thị ở các cấp



TRÂN TRỌNG CẢM ƠN



TỔNG HỢP BÀI VIẾT

CHUYÊN ĐỀ 1

ĐỔI MỚI SÁNG TẠO - ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH VIỆT NAM

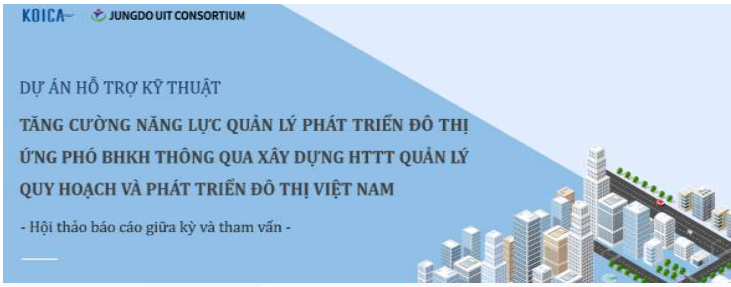
CONFERENCE SESSION 1

INNOVATION - THE DRIVING FORCE FOR VIETNAM'S SMART CITY DEVELOPMENT

BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CHIẾN LƯỢC,
BỒI DƯỠNG CÁN BỘ XÂY DỰNG (ACST)







HỢP TÁC VIỆT NAM – HÀN QUỐC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH TẠI VIỆT NAM

TS. KTS. Lưu Đức Minh

Phó giám đốc Học viện ACST

Giám đốc Dự án VKC-PMU

Hà Nội, 11/2025

BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Thành tựu về PTĐT













Thách thức do Đô thị hóa















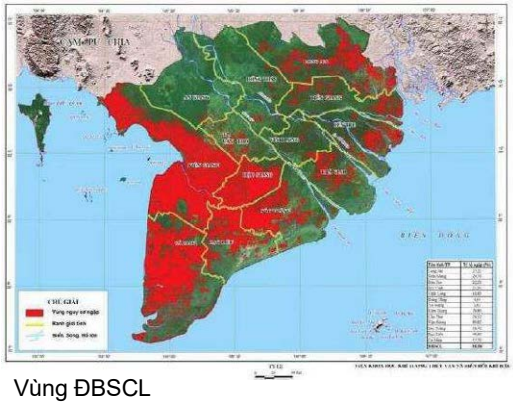
Kịch bản Biến đổi khí hậu (2016)



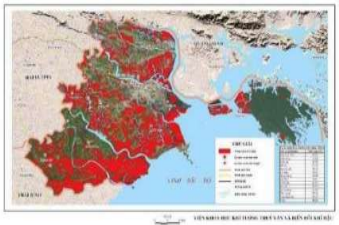
Vùng ĐBSH

3.260 km đường bờ biển
Trong nhóm đầu 05 quốc gia bị ảnh hưởng nặng nề do tác động của Biến đổi khí hậu.

Nếu mực nước biển dâng 100 cm
- Khoảng 16,8% diện tích khu vực ĐBSH có nguy cơ bị ngập.
- Khoảng 38,9% diện tích khu vực đồng bằng sông Cửu Long



Vùng ĐBSCL



Hải Phòng



Thái Bình



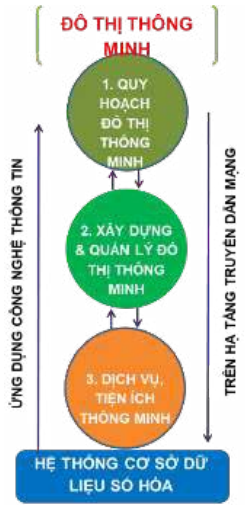
Nam Định

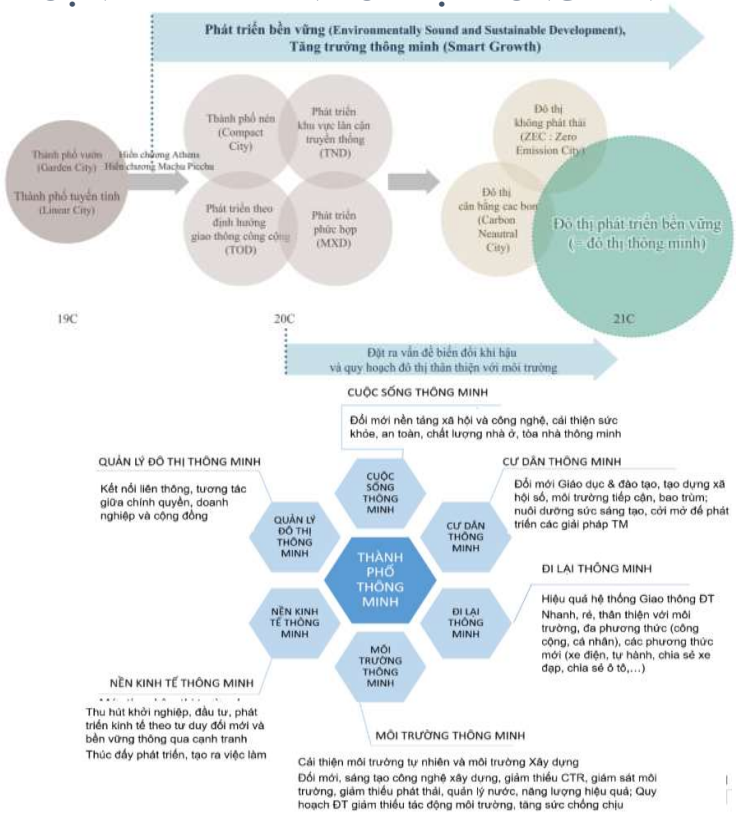
Cam kết của Việt Nam tại COP 26

... cùng với sự hợp tác và hỗ trợ của cộng đồng quốc tế, nhất là các nước phát triển, cả về tài chính và chuyển giao công nghệ, trong đó có thực hiện các cơ chế theo Thỏa thuận Paris, để đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050

TIẾP CẬN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH BỀN VỮNG

Quyết định 950/QĐ-TTg 2018





Mô hình 5 layers ĐTTM







03.2018 Hội nghị thượng đỉnh



Seoul Smart City Prize



10.2022 VKC Lễ triển khai



2023 WSCE Awards



Phía Việt Nam

Academy of Managers for Construction and Cities

DPA Department of Planning and Architecture

UDA Urban Development Agency

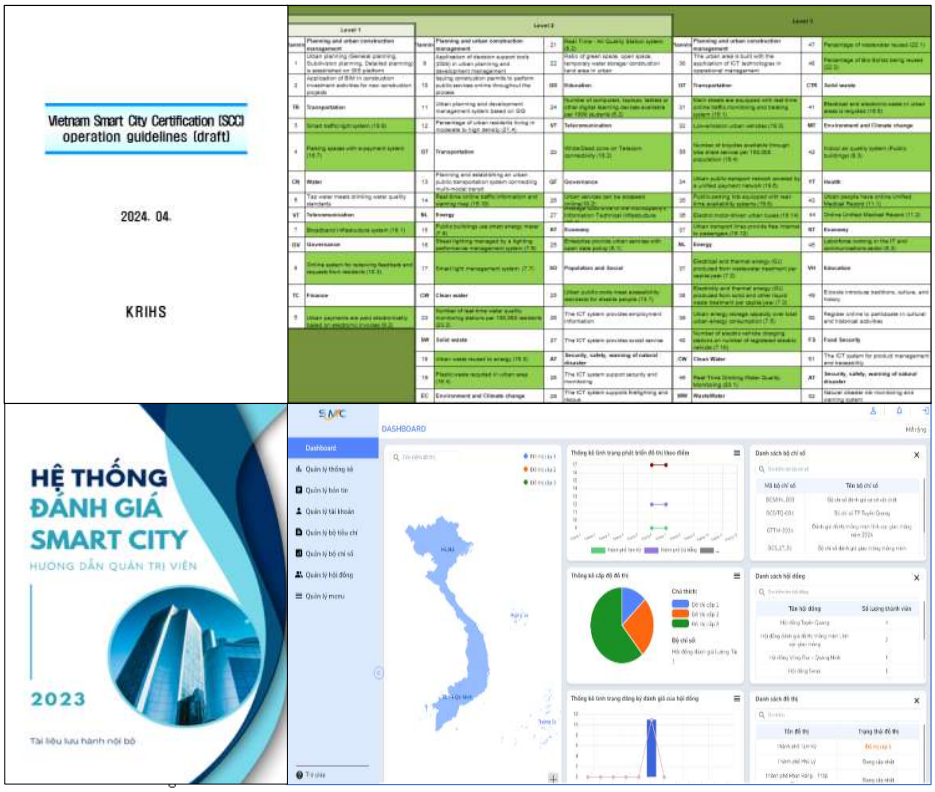
Phía Hàn quốc

KICT KRIHS KAIA LH

- Hợp phần 01: Xây dựng hướng dẫn về đô thị thông minh tại Việt Nam
- Hợp phần 02: Thí điểm lập Quy hoạch tổng thể đô thị thông minh
- Hợp phần 03: Thành lập Trung tâm VKC
- Hợp phần 04: Tăng cường năng lực đào tạo, trao đổi công nghệ và triển lãm công nghệ về đô thị thông minh

HỢP PHẦN 01: XÂY DỰNG HƯỚNG DẪN VỀ ĐÔ THỊ THÔNG MINH TẠI VIỆT NAM

- Chia sẻ, cung cấp tài liệu liên quan đến kinh nghiệm của Hàn quốc
- Phân tích hiện trạng phát triển, các chính sách về đô thị thông minh tại Việt Nam.
- Xây dựng tài liệu Hướng dẫn và thí điểm quy trình công nhận đô thị thông minh cho đô thị thí điểm.
- Xây dựng hệ thống giám sát đô thị thông minh Việt Nam.
- Khuyến nghị về hướng dẫn và những chính sách liên quan về quy trình công nhận đô thị thông minh ở Việt Nam.



BỘ XÂY DỰNG

Số: 6862/BXD-PTĐT

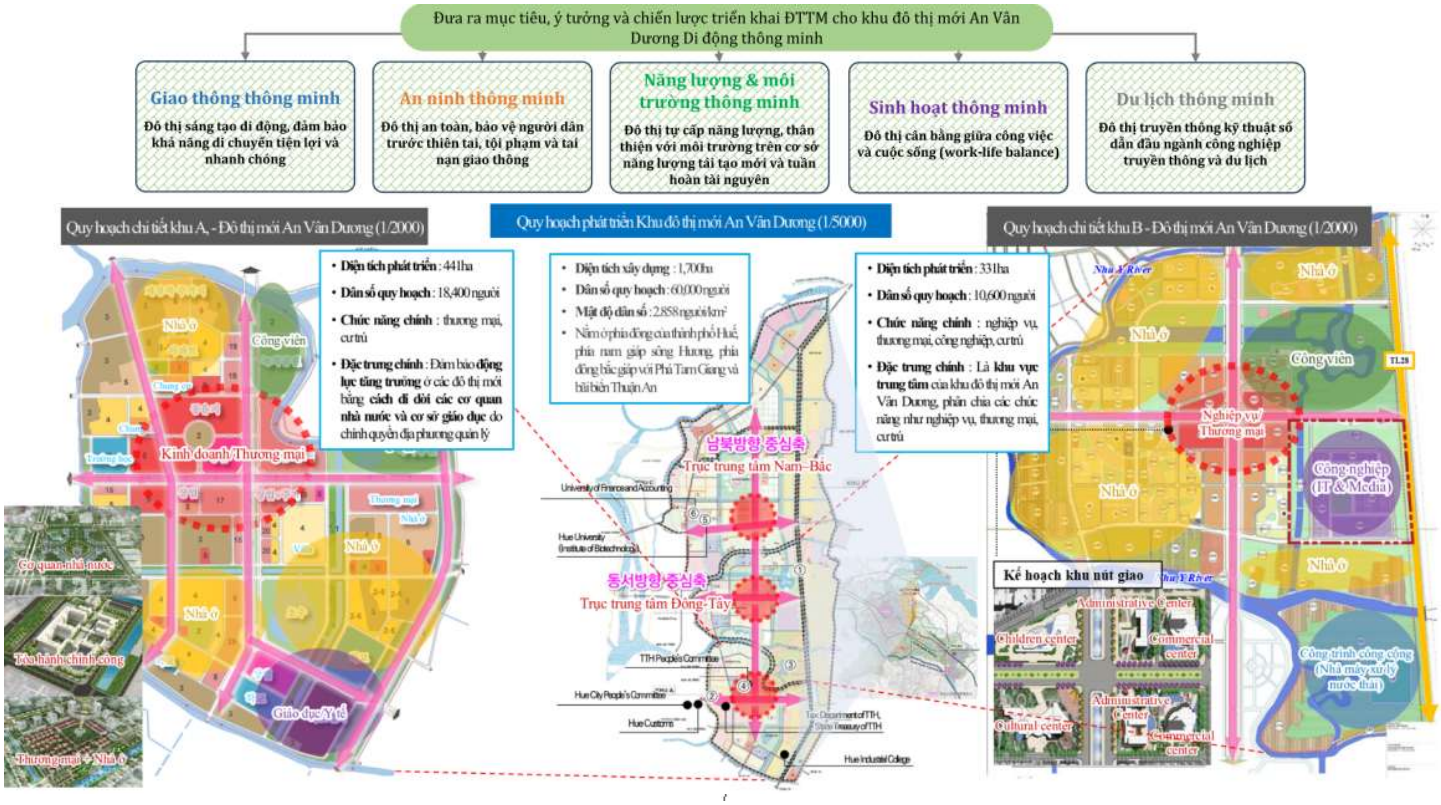
V/v hướng dẫn áp dụng Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững – Phiên bản 1.0

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2024

HỢP PHẦN 02: THÍ ĐIỂM QUY HOẠCH TỔNG THỂ ĐÔ THỊ THÔNG MINH (KĐT AN VÂN DƯƠNG A&B – TP HUẾ)



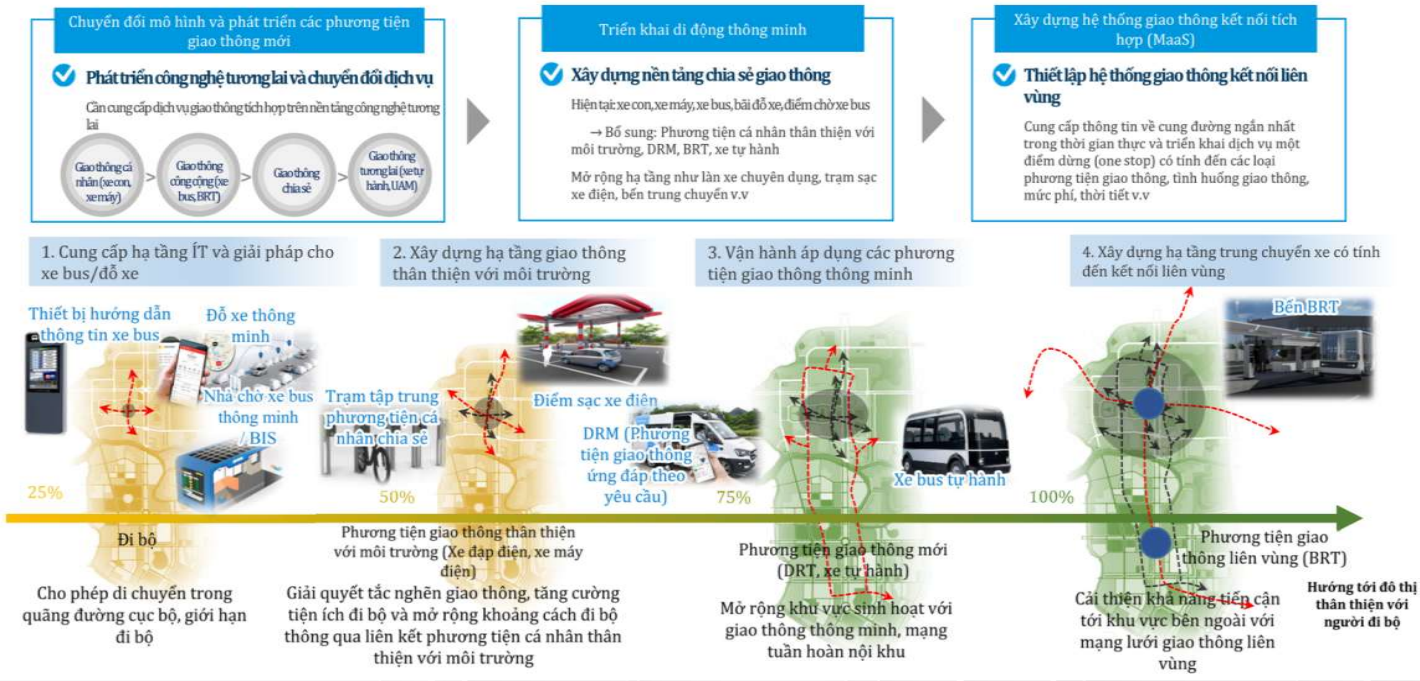
HỢP PHẦN 02: THÍ ĐIỂM QUY HOẠCH TỔNG THỂ ĐÔ THỊ THÔNG MINH (KĐT AN VÂN DƯƠNG A&B – TP HUẾ)

Chiến lược 1

Giao thông thông minhh

Giao thông thông minh, đảm bảo khả năng di chuyển nhanh chóng và tiện lợi

- ▶ Đưa vào hạ tầng giao thông nhằm kết nối mạng lưới đường bộ liên vùng và mở rộng các loại hình phương tiện giao thông thân thiện với MT
- ▶ Tạo ra một hệ sinh thái di chuyển thông minh, hỗ trợ di chuyển tự do, tập trung vào người đi bộ



HỢP PHẦN 02: THÍ ĐIỂM QUY HOẠCH TỔNG THỂ ĐÔ THỊ THÔNG MINH (KĐT AN VÂN DƯƠNG A&B – TP HUẾ)

Chiến lược 2

An toàn thông minh

Xây dựng một đô thị an toàn, bảo vệ người dân trước thiên tai, tội phạm, tai nạn giao thông

▶ Thiết lập cơ sở hạ tầng đô thị và hệ thống giám sát để ứng phó với biến đổi khí hậu như lũ lụt

▶ Thiết lập hệ thống hỗ trợ cho phép ứng phó tức thì, một cách có hệ thống trong trường hợp khẩn cấp, ngăn ngừa tội phạm

1. Thiết lập cơ sở hạ tầng an toàn đô thị và hệ thống giám sát để ứng phó với biến đổi khí hậu như thiên tai

- Xây dựng vòng tuần hoàn nước/hệ thống quản lý thảm họa nước tích hợp thông minh bằng cách áp dụng công nghệ quan trắc mực nước và lượng mưa thông qua LID (Phương pháp phát triển tác động thấp) và cảm biến IoT



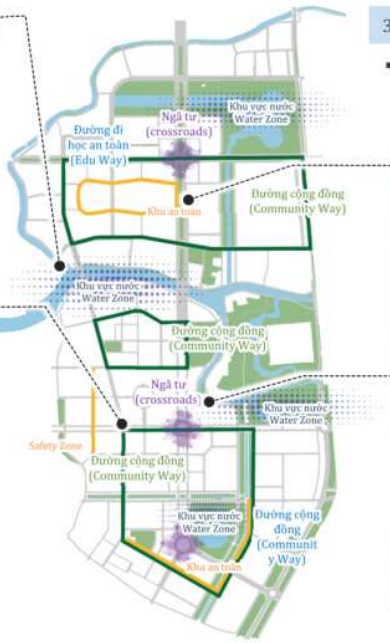


2. Xây dựng hệ thống phòng ngừa và ứng phó với tội phạm

- Giám sát thông qua lắp đặt camera quan sát thông minh và phân tích video AI tập trung vào các khu vực nguy hiểm, tắc nghẽn và dễ bị tổn thương về an ninh, liên kết với các cơ quan hữu quan khi phát sinh tình huống nguy hiểm







3. Xây dựng cơ sở hạ tầng và dịch vụ an toàn giao thông

- Ngăn ngừa tai nạn giao thông cho người đi bộ với cảnh báo cho người đi bộ/người qua đường thông qua công nghệ phát hiện IoT trí tuệ nhân tạo và các chức năng cảnh báo khác nhau





HỢP PHẦN 02: THÍ ĐIỂM QUY HOẠCH TỔNG THỂ ĐÔ THỊ THÔNG MINH (KĐT AN VÂN DƯƠNG A&B – TP HUẾ)

Chiến lược 3

Năng lượng & môi trường thông minh

Đô thị tự cấp năng lương thân thiện với môi trường dựa trên năng lượng tái tạo và tuần hoàn tài nguyên

▶ Triển khai đô thị tự cấp năng lượng dựa trên năng lượng tái tạo mới như ánh sáng mặt trời, sức gió v.v

▶ Triển khai đô thị thân thiện với môi trường Zero Waste thông qua biến rác thải thành tài nguyên

1. Thực hiện hệ sinh thái sản xuất - tiêu thụ năng lượng thân thiện với môi trường

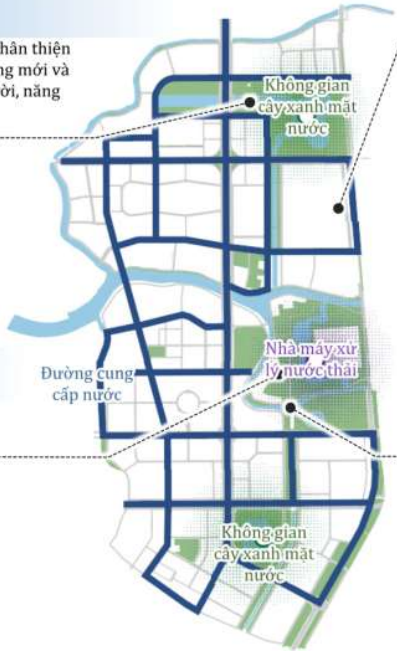
- Tăng tỷ lệ tự chủ về năng lượng và hiện thực hóa đô thị thân thiện với môi trường bằng cách tăng cường sử dụng năng lượng mới và năng lượng tái tạo như pin nhiên liệu, năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng địa nhiệt và điện sinh khối



3. Cung cấp năng lượng tập trung thân thiện với môi trường và giá cả hợp lý

- Cung cấp năng lượng sưởi ấm, làm mát thân thiện với môi trường
- sử dụng nhiệt được tạo ra từ những nhà máy phát điện đồng phát





2. Thực hiện hệ thống cung cấp nước tốt cho sức khoẻ nhờ quản lý chất lượng nước khoa học

Dịch vụ quản lý nước thông minh

- Áp dụng ICT vào toàn bộ quá trình cấp nước từ nguồn đến vòi, quản lý chất lượng và khối lượng nước một cách khoa học, cung cấp thông tin nước máy



4. Xây dựng hệ thống giám sát và nền tảng thu gom rác

- Cung cấp số liệu về lượng rác tại thùng thu gom trong thời gian thực, hỗ trợ quản lý và thu gom hiệu quả

Thùng rác thông minh



Chiến lược 4

Sinh hoạt thông minh

Đô thị cân bằng công việc và cuộc sống – mang lại cuộc sống chất lượng cao kết hợp công nghệ TM

- ▶ Tạo dựng không gian mang phong cách sống tương lai: nhà thông minh, vận hành khu nhà ở TM, y tế TM, giáo dục TM
- ▶ Hình thành không gian công cộng phù hợp với mọi người dân, dễ dàng sử dụng và hưởng thụ

1. Xây dựng môi trường sống thuận tiện và an toàn hơn (Nhà thông minh)

- Môi trường sống thuận tiện được giám sát, kiểm soát bằng trí tuệ nhân tạo nhờ kết nối với các thiết bị gia dụng qua mạng thông tin



2. Quản lý khu nhà ở được vận hành hiệu quả, tiết kiệm chi phí cư trú

- Theo dõi sản lượng năng lượng mới tái tạo, lượng tiêu thụ năng lượng, bụi mịn, chất lượng nước v..v trong khu nhà ở bằng công nghệ ICT





3. Xây dựng đô thị hướng tới phong cách sống tương lai: giáo dục, sức khoẻ, thư giãn

- Đưa vào dịch vụ y tế thông minh có kết nối với các bệnh viện lân cận và giáo dục thông minh kết nối với các trường học lân cận





- Xây dựng công viên sinh thái thân thiện môi trường và bền vững nhờ ứng dụng công nghệ thông minh



HỢP PHẦN 02: THÍ ĐIỂM QUY HOẠCH TỔNG THỂ ĐÔ THỊ THÔNG MINH (KĐT AN VÂN DƯƠNG A&B – TP HUẾ)

Chiến lược 5

Du lịch thông minh

Đô thị truyền thông kỹ thuật số thúc đẩy tăng trưởng ngành du lịch và truyền thông

- ▶ Cung cấp thông tin du lịch, thông tin địa phương để quảng bá du lịch TP Huế, thành phố văn hóa lịch sử
- ▶ Hình thành con phố truyền thông kỹ thuật số mang tính biểu tượng của thánh địa ngành truyền thông kỹ thuật số

1. Xây dựng phương tiện cung cấp thông tin du lịch văn hóa lịch sử và thông tin địa phương

- Cung cấp thông tin du lịch, thông tin địa phương của tp. Huế thông qua bảng hiệu kỹ thuật số trong không gian tập trung đông người qua lại

Biển báo kỹ thuật số

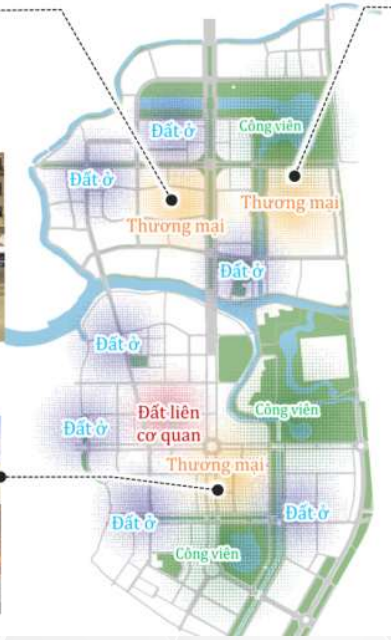




Tiền sảnh kỹ thuật số







2. Hình thành con phố truyền thông kỹ thuật số mang tính biểu tượng của thánh địa ngành truyền thông kỹ thuật số

- Xây dựng các bảng truyền thông và mặt tiền kỹ thuật số khác nhau bằng cách sử dụng các bức tường bên ngoài các tòa nhà đô thị để tạo ra các đường phố truyền thông kỹ thuật số và cung cấp các chức năng quảng cáo

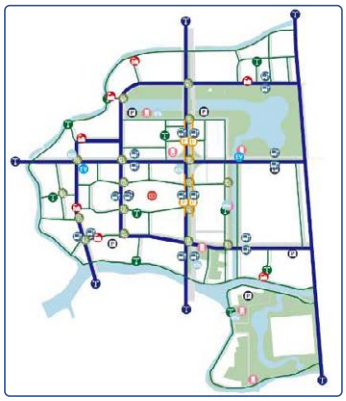
Màn hình ghép (Media Wall)







HỢP PHẦN 02: THÍ ĐIỂM QUY HOẠCH TỔNG THỂ ĐÔ THỊ THÔNG MINH (KĐT AN VÂN DƯƠNG A&B – TP HUẾ)





Bãi đỗ xe thông minh
- 9 địa điểm (9 bãi đậu xe trong nhà, 10 bãi đậu xe ngoài đường

Trạm tập trung phương tiện cá nhân chia sẻ
- Lắp đặt 8 điểm gần cửa ra vào khu dân cư, khu thương mại, các bãi đỗ xe, điểm dừng xe bus

Trạm sạc xe điện
- Xây dựng 2 điểm tập trung vào các khu vực dự kiến sử dụng nhiều xe điện và có nhu cầu sạc cao

Màn hình ghép (Media Wall)
- Xây dựng khoảng 1 điểm tại khu tập trung không gian được dự đoán sẽ có nhiều dân cư lưu động

Nhà chờ xe bus thông minh/ Hệ thống thông tin xe bus (BIS)
- Lắp đặt 20 nhà chờ xe bus (2 chiều), dọc theo đường trục chính (khoảng cách 1.5km ~ 2km)

Đèn đường thông minh (khoảng cách giữa các cột 150m)
- Xây dựng 95 cột đèn trên tổng chiều dài đường trục chính là 14.1km

Đèn đường thông minh (khoảng cách giữa các cột 100m)
- Xây dựng 347 cột đèn thông minh trên khoảng 31,2 km đường chính

CCTV thông minh
- Lắp đặt toàn bộ khoảng 339 máy quay với khoảng cách giữa các máy là 400m, giúp giảm thiểu tối đa điểm mù quan sát

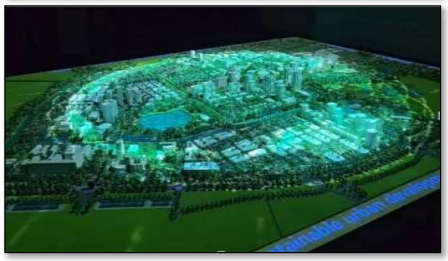
Lối sang đường thông minh
- Lắp đặt 5 điểm sang đường thông minh, tập trung vào những điểm có lối sang đường tại khu vực trung tâm, có đèn tín hiệu giao thông

Thùng rác thông minh
- Bố trí 800 thùng rác tại các điểm thuộc khu vực dân cư, thương mại, công viên v.v

Kiosk chỉ dẫn du lịch
- Lắp đặt tại 10 điểm khu B, tập trung vào khu vực trung tâm, những khu công viên lớn thuộc khu đô thị mới An Vân Dương







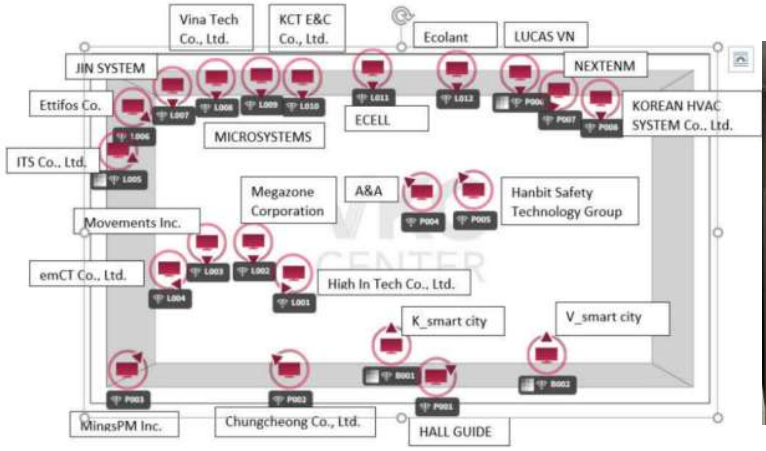
13

HỢP PHẦN 03: THÀNH LẬP TRUNG TÂM VKC

01 Khu vực giám sát, điều hành và triển lãm, trưng bày công nghệ thông minh



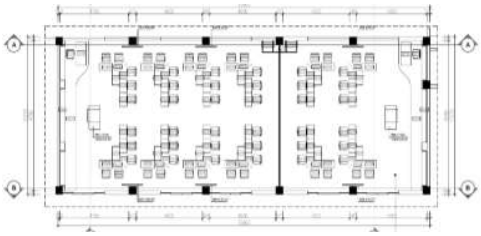






14

02 Khu vực đào tạo, điều hành

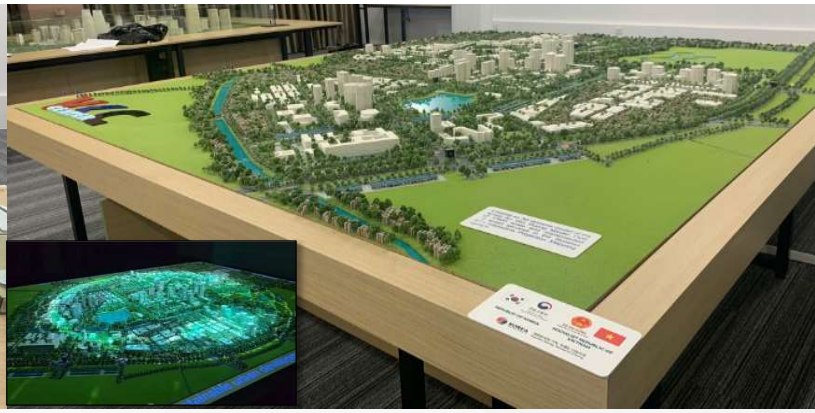






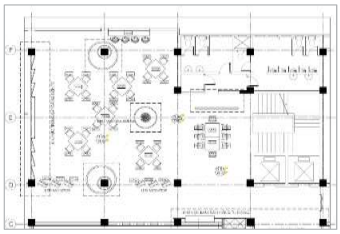
03 Không gian mô hình, mô phỏng VR/AR, BIM, GIS





HỢP PHẦN 03: THÀNH LẬP TRUNG TÂM VKC

04 Không gian trao đổi, hợp tác về công nghệ







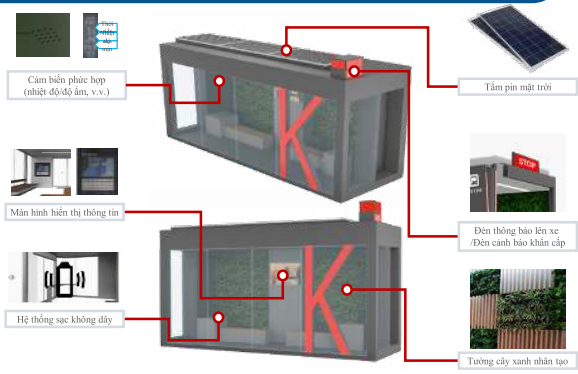
05 Một số giải pháp công nghệ thông minh áp dụng tại Trung tâm VKC



HỢP PHẦN 03: THÀNH LẬP TRUNG TÂM VKC

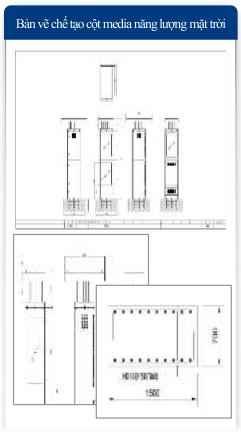
06 Một số mô hình thiết bị thông minh













HỢP PHẦN 04: TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC, TRAO ĐỔI CÔNG NGHỆ VÀ TRIỂN LÃM CÔNG NGHỆ VỀ ĐÔ THỊ THÔNG MINH

Nâng cao năng lực

- Chương trình và tài liệu đào tạo về phát triển ĐTTM bền vững
- Cẩm nang chú giải thuật ngữ về đô thị thông minh
- Tổ chức 03 khóa đào tạo ngắn hạn tại Hàn Quốc
- Tổ chức 25 khóa đào tạo tại các Tỉnh/Thành cho hơn 1.500 học viên

Trao đổi công nghệ về ĐTTM

- Tổ chức 03 Chương trình, Hội nghị triển lãm công nghệ (2022, 2023, 2024)
- Kết nối các doanh nghiệp công nghệ ký kết hợp tác





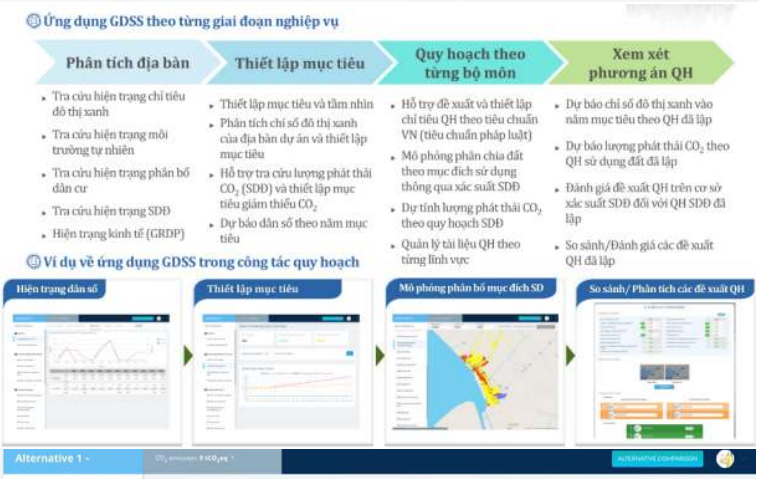
Directory Book

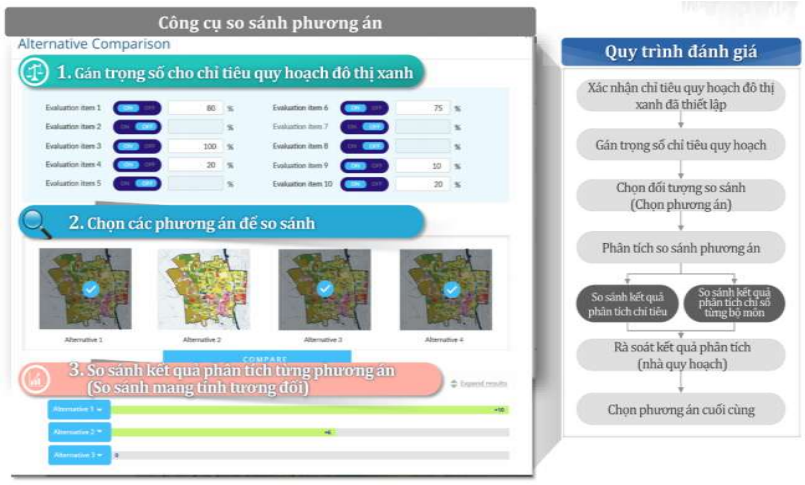


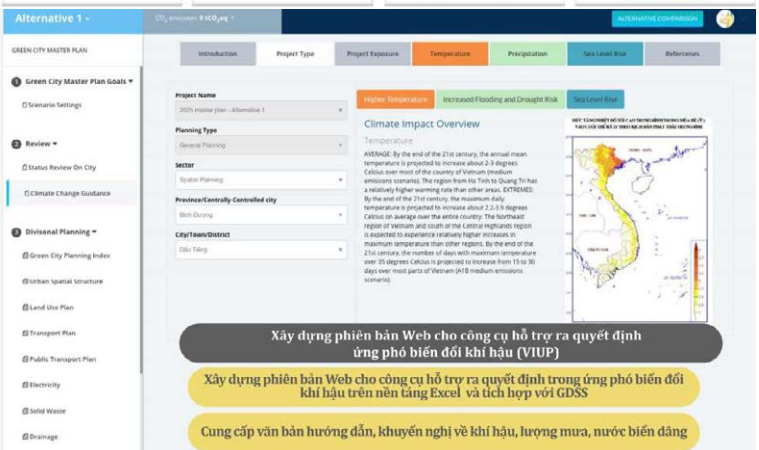
Event of Technical Network Meeting



Thời gian thực hiện: 2015-2018







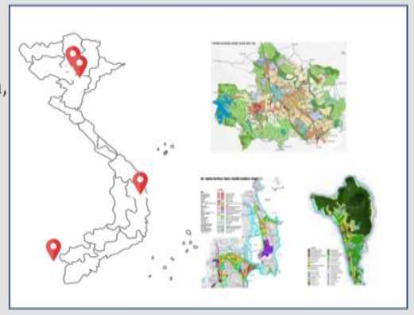
KOICA JUNGDO UIT CONSORTIUM

DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT

TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ ỨNG PHÓ BHKH THÔNG QUA XÂY DỰNG HTTT QUẢN LÝ QUY HOẠCH VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Phạm vi không gian
- Bộ Xây dựng Việt Nam
- TP Thái Nguyên, TP Quy Nhơn, TP Phú Quốc

Phạm vi thời gian
- 23.12.2021 ~22.12.2025



Xây dựng chiến lược và văn bản hướng dẫn ứng dụng CNTT

- Phân tích xu hướng về CNTT đối với các chính sách chủ yếu và ứng phó với BĐKH
- Lập kế hoạch chiến lược ứng dụng CNTT trong UPIS (ISP)
- Xây dựng phương án cung cấp thông tin đô thị có thu phí

Phát triển hệ thống quản lý thông tin đô thị và xây dựng CSDL

- Phát triển hệ thống thông tin quản lý quy hoạch đô thị
- Phát triển hệ thống thông tin quản lý phát triển đô thị
- Nâng cấp GDSS
- Xây dựng CSDL cho các đô thị thí điểm
- Triển khai UPIS tại các đô thị thí điểm

Bộ chỉ tiêu và mô hình phân tích đô thị

- Sửa đổi Bộ chỉ số đô thị xanh
- Thiết lập khái niệm và xây dựng tiêu chí đánh giá tính dễ bị tổn thương do thiên tai
- Phát triển mô hình (Prototype) phân tích đô thị

Đề xuất phương án điều chỉnh hệ thống văn bản pháp luật

- Phân tích và đánh giá hiện trạng hệ thống VBPL
- Đề xuất phương án cải thiện hệ thống VBPL nhằm áp dụng và vận hành UPIS

Tăng cường năng lực và cung cấp trang thiết bị

- Tập huấn tại Hàn Quốc (4 đợt)
- Đào tạo tại Việt Nam (4 đợt)
- Đào tạo cấp chuyên viên
- Đào tạo cán bộ vận hành
- Cung cấp trang thiết bị

Chỉ tiêu đô thị xanh

Đưa ra danh sách chỉ tiêu đô thị xanh **73** chỉ tiêu

- Lĩnh vực môi trường xanh: **48** chỉ tiêu
- Lĩnh vực kinh tế xanh: **9** chỉ tiêu
- Lĩnh vực xã hội xanh: **16** chỉ tiêu

Lựa chọn **24** chỉ tiêu chung

Chỉ tiêu đặc thù

- Thái Nguyên: **15** chỉ tiêu
- Quy Nhơn: **12** chỉ tiêu
- Phú Quốc: **11** chỉ tiêu

Chỉ tiêu tính dễ bị tổn thương do thiên tai

Đưa ra danh sách chỉ tiêu tính dễ bị tổn thương do thiên tai **134** chỉ tiêu

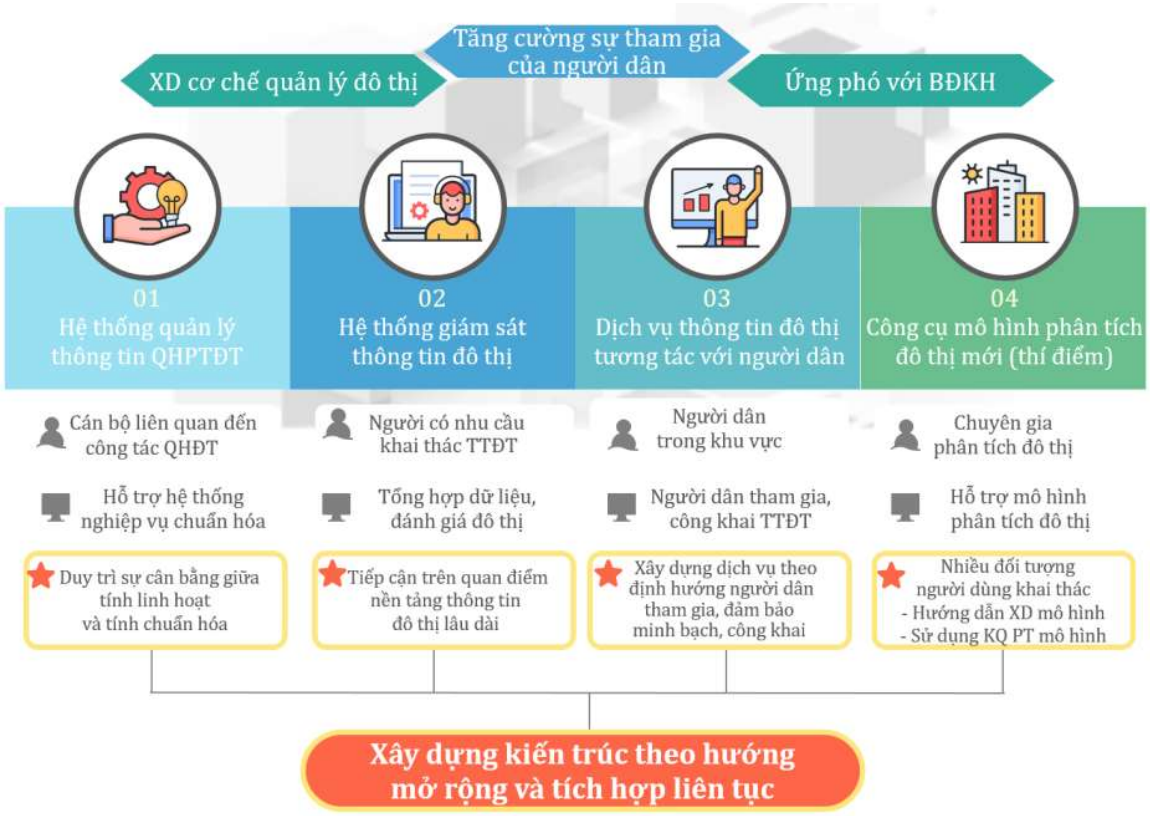
Tính dễ bị tổn thương do thiên tai được quyết định bởi diễn biến hoặc xu hướng mà tự nhiên, xã hội, kinh tế chịu ảnh hưởng tiêu cực dưới tác động của BĐKH tại Việt Nam, được quyết định bởi sự tương tác giữa 4 yếu tố Hiểm hoạ, Mức độ phơi bày trước hiểm hoạ, Mức độ nhạy cảm, Khả năng thích ứng

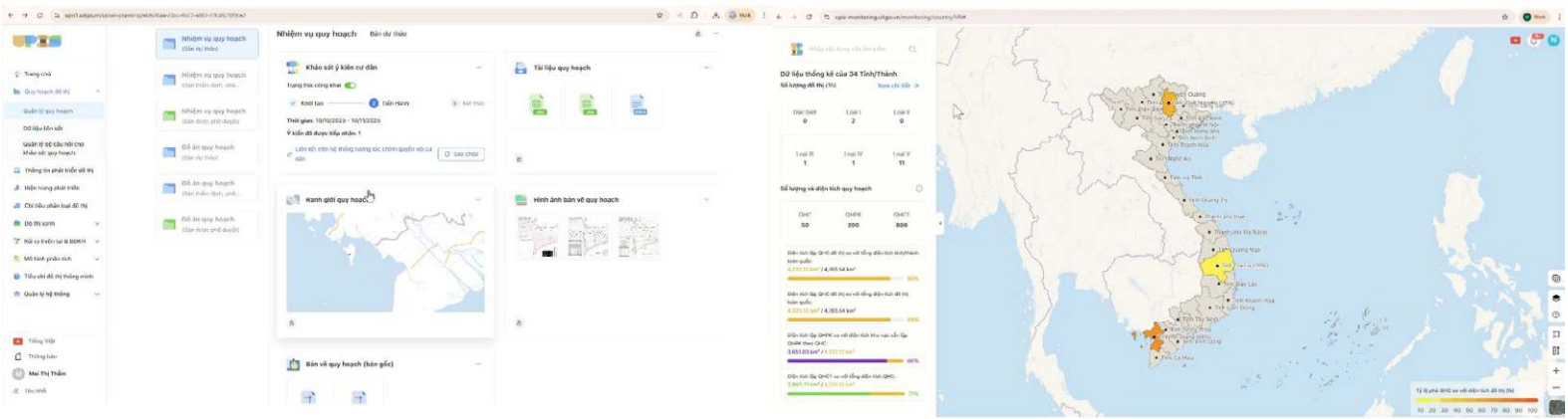
- Đưa ra **58** chỉ tiêu ưu tiên
- Lựa chọn **24** chỉ tiêu chung

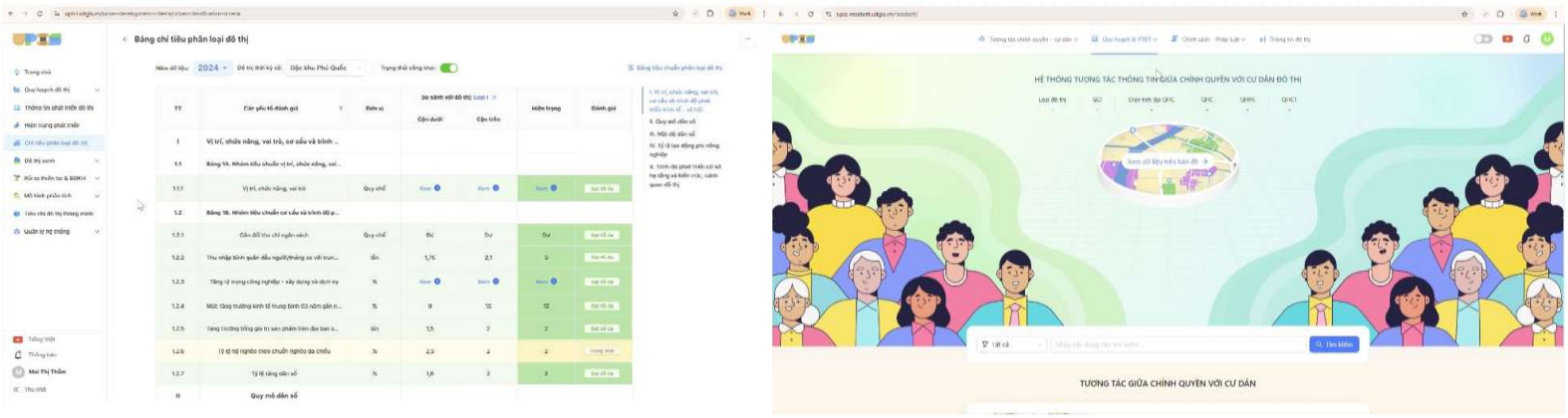
Chỉ tiêu đặc thù

- Thái Nguyên: **28** chỉ tiêu
- Quy Nhơn: **24** chỉ tiêu
- Phú Quốc: **18** chỉ tiêu

Phát triển hệ thống UPIS







Phát triển hệ thống UPIS

Thông tư 16/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn

Điều 42. Yêu cầu kỹ thuật thực hiện dữ liệu số địa lý quy hoạch đô thị và nông thôn

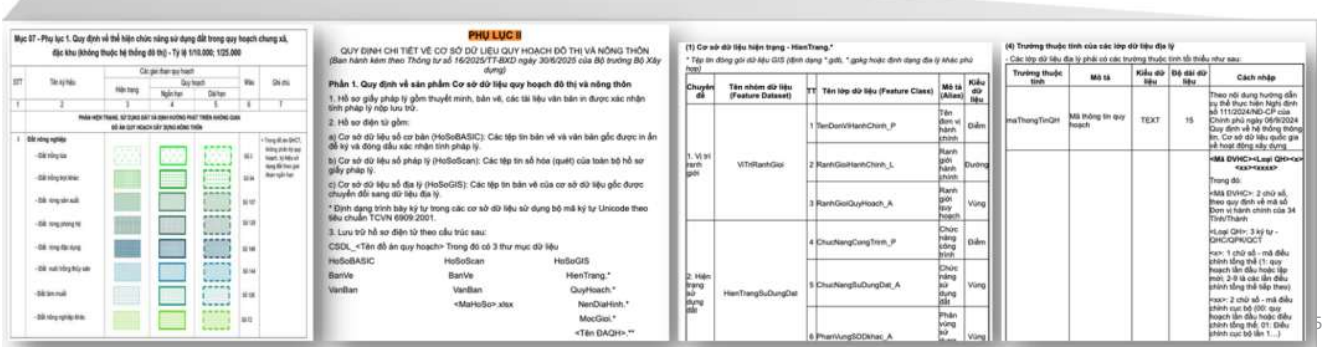
1. Sơ đồ, bản đồ quy hoạch đô thị và nông thôn được thành lập trong hệ quy chiếu, hệ tọa độ quốc gia theo Quyết định số 83/2000/QĐ-TTg ngày 12/7/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ quy chiếu và Hệ tọa độ quốc gia VN-2000, Thông tư 973/2001/TT-TCĐC ngày 20/6/2001 hướng dẫn áp dụng hệ quy chiếu và hệ tọa độ quốc gia VN-2000 và trên nền bản đồ địa hình quốc gia theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ của sơ đồ, bản đồ.

2. Cơ sở dữ liệu số địa lý được đóng gói ở định dạng phần mềm GIS phù hợp, bao gồm các Nhóm dữ liệu; mỗi nhóm dữ liệu chuyên đề có các lớp dữ liệu. Các chủ đề dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn được tổ chức theo các đối tượng được xác định trong hồ sơ: ranh giới quy hoạch; tổ chức không gian; thiết kế đô thị; sử dụng đất; giao thông; chuẩn bị kỹ thuật; cấp điện; hệ thống năng lượng khác; thông tin liên lạc; cấp nước; thoát nước thải và vệ sinh môi trường, mốc giới quy hoạch đô thị và nông thôn.

3. Quy định chi tiết về cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn được quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Quy định rõ về cơ sở dữ liệu số địa lý

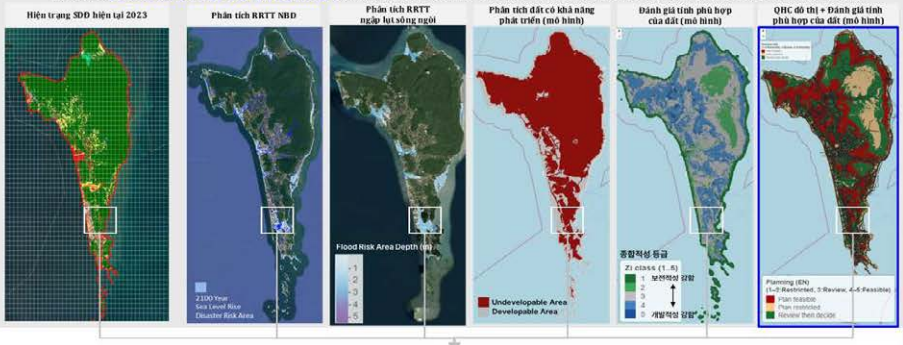
- Quy định về cách thể hiện ký hiệu bản vẽ
- Quy định về chức năng sử dụng đất (trong QHC/QHPK/QHCT)
- Quy định chi tiết các lớp dữ liệu địa lý GIS, định dạng, v.v.



Đưa ra (mô hình) phân tích tổng hợp (minh hoạ)

Phân tích tổng hợp (mô hình)

Kết quả **phân tích tổng hợp (mô hình)** lồng ghép **mô hình khí hậu mới nhất (CMIP6) và kịch bản phát thải (SSP)**



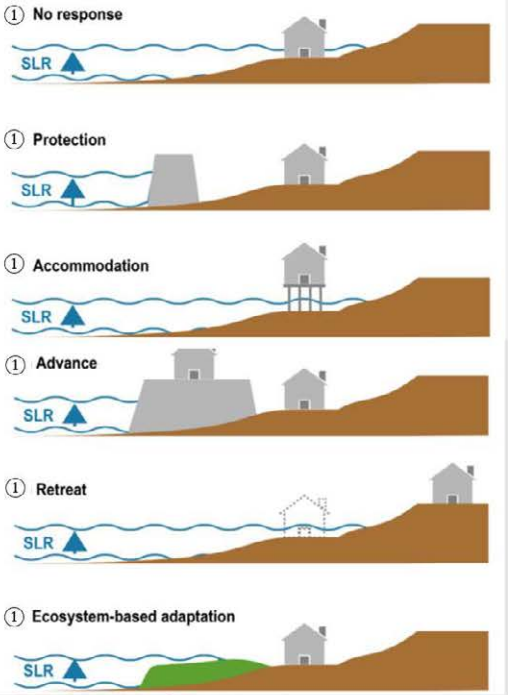
Xác định khu vực quản lý thiên tai tập trung do BĐKH



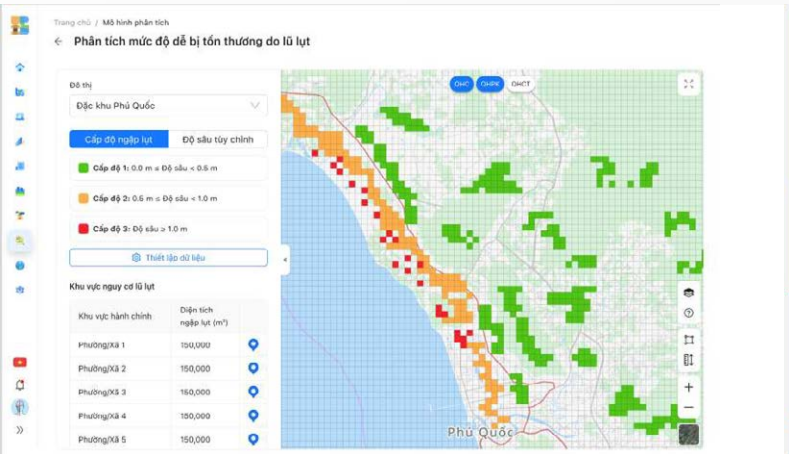
Xếp vào **các khu vực cần tập trung quản lý thiên tai** do **nước biển dâng + ngập lụt sông ngòi**

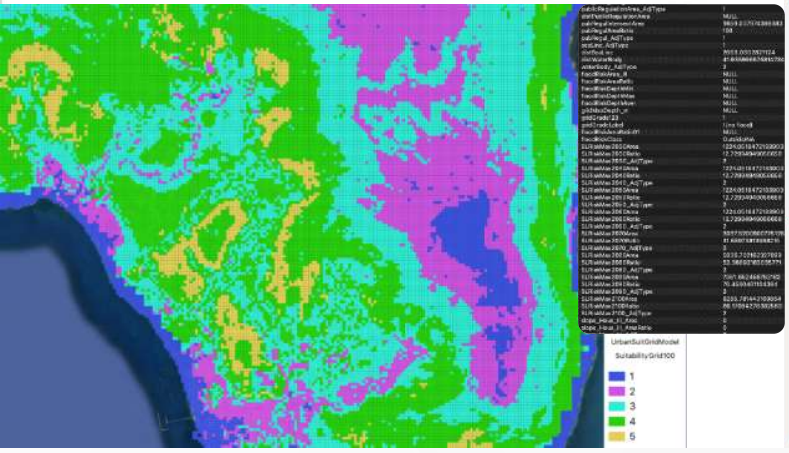
Tài liệu hướng dẫn lập QH quản lý khu vực quản lý tập trung thiên tai (minh hoạ)

- **Đưa ra hướng dẫn lập quy hoạch quản lý phòng chống RRTT (nước biển dâng)**



Source: https://www.lotus-project.org/





Dữ liệu Quy hoạch và Quản lý phát triển đô thị

- Quy hoạch tổng thể phát triển đô thị quốc gia
- Quy hoạch tỉnh
- Quy hoạch đô thị (QHC. QHPK, QHCT)
- Quản lý phát triển đô thị (Phân loại đô thị, Chương trình phát triển đô thị)

Dữ liệu không gian (GIS) đô thị

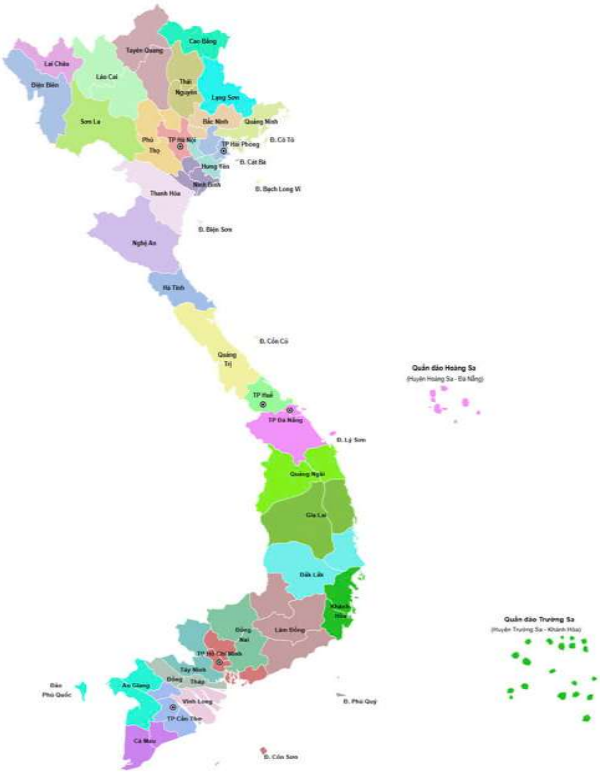
- Dữ liệu GIS hiện trạng cơ bản: hành chính, địa hình, địa chính, v.v.
- Bản đồ các khu vực thảm họa/thiên tai

Chính sách, chiến lược, khung pháp lý và văn bản nghiệp vụ

- Chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia và chính sách bảo vệ môi trường
- Chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu
- Chiến lược, quy hoạch liên quan đến quy hoạch đô thị

Dữ liệu thống kê

- Thống kê về hạ tầng cơ bản: dân số, kinh tế, lao động, đất đai, khí hậu
- Số liệu chỉ tiêu đô thị xanh
- Số liệu chỉ tiêu tính dễ bị tổn thương do thiên tai
- Số liệu, dữ liệu về lịch sử ngập lụt, lũ lụt, DEM





TS. KTS. Lưu Đức Minh
Phó giám đốc Học viện ACST
luuducminhjp@gmail.com

UN-HABITAT

Strategic investment directions for sustainable and smart urban development

UN-Habitat Bangkok Multi-Programme Office

Vietnam Urban Forum - 5 November 2025

UN-HABITAT

Table of Contents

- An Introduction to UN-Habitat
- Regional Context
- Current Challenges and Investment Barriers
- Strategic Direction & Approach
- Implementation Pathways & Tools
- Financing & Project Preparation Framework

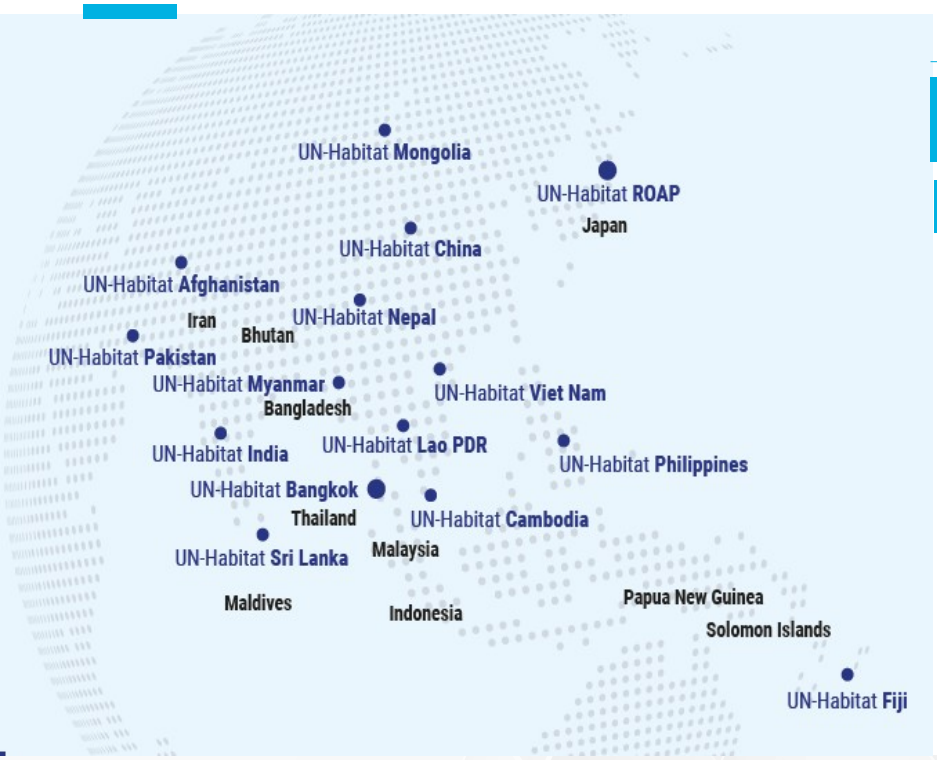
3

UN-HABITAT

An Introduction to UN-Habitat

4

UN-Habitat in Asia-Pacific



Vision

A better quality of life for all in an urbanizing world

11 SUSTAINABLE CITIES AND COMMUNITIES

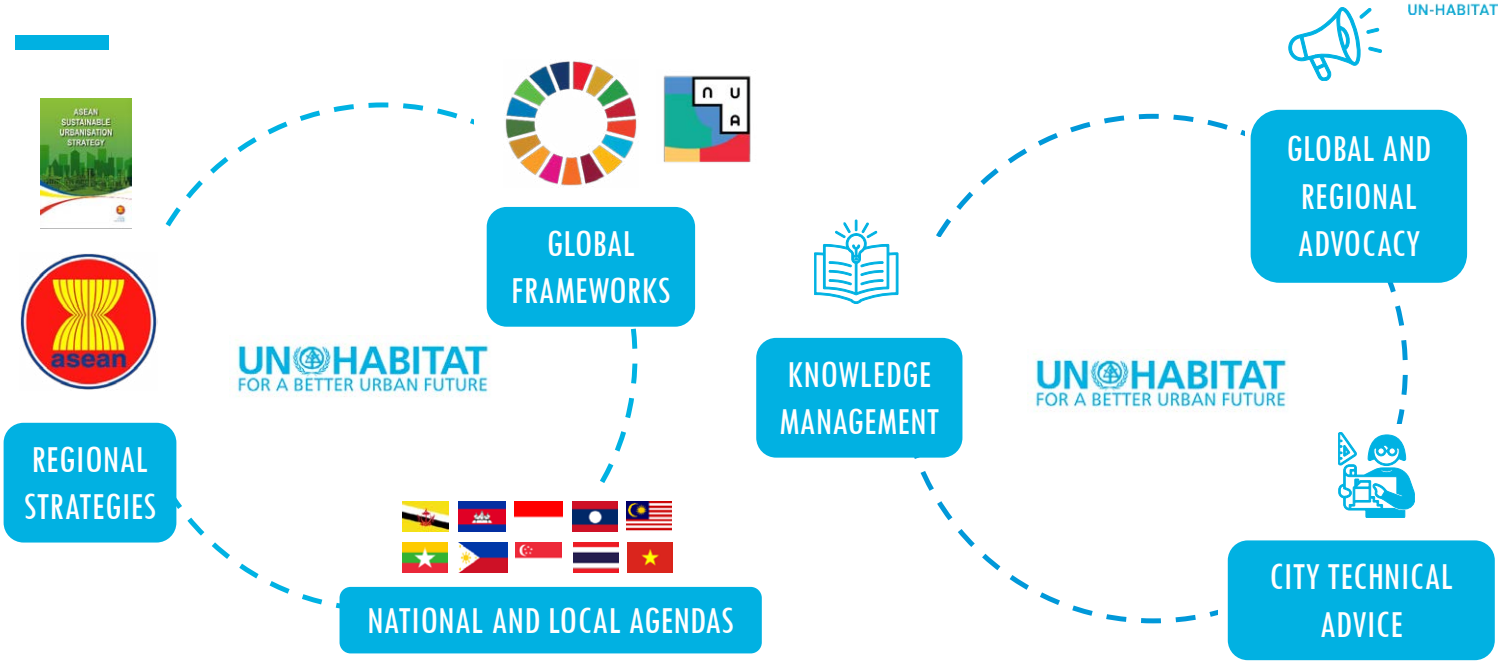
AREAS OF FOCUS

- Urban and Territorial Planning, Urban Design and Public Space
- Urban Basic Services, including waste, transport, energy
- Localisation of the SDGs
- **Climate Action and Resilience**
- **Urban Crisis – Recovery, Rehabilitation and Resilience**
- Development of National Urban/Housing Policy

2

5

Framework Alignment and UN-Habitat Approach



6

UN-HABITAT

Regional Context

7

Smart City Development in ASEAN

Across ASEAN, governments are investing in “smart” infrastructure to make cities more livable and resilient. Yet *smartness* is too often equated with more technology — more sensors, more dashboards — rather than people-centred, climate-resilient, and fiscally responsible urban systems.

UN-Habitat and ASEAN have already provided frameworks—the **ASEAN Sustainable Urbanisation Strategy (ASUS)**and the **ASEAN Smart Cities Network (ASCN)**—to guide cities in linking local actions to regional and global agendas such as **SDG 11** and the **New Urban Agenda**.



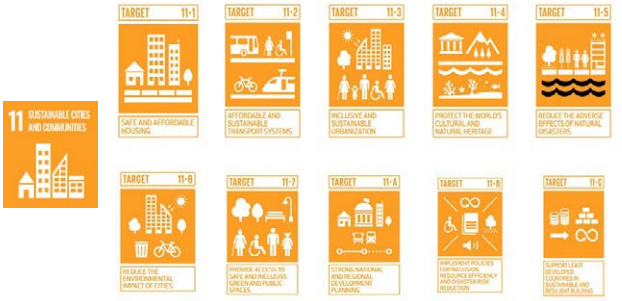


Figure 11.1. Key targets for SDG 11

8

UN-HABITAT

Current Challenges & Investment Barriers

9

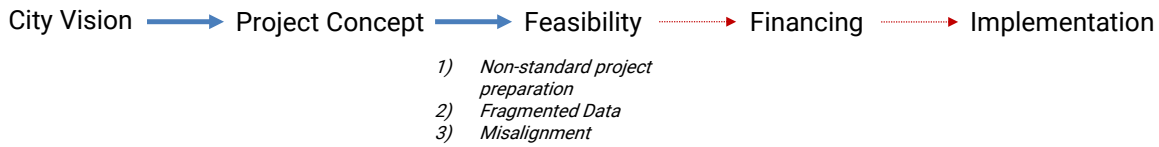
Root causes of unbankable projects

Despite this momentum, **investors and financiers hesitate** to fund city projects.

Why? Because most “smart city” proposals in emerging contexts face **three recurring bottlenecks**:

1. Inconsistent project preparation and a lack of standardised feasibility criteria.
2. Fragmented data and unclear key performance indicators (KPIs).
3. Weak alignment between local priorities and regional/national frameworks.

This leads to project pipelines that are **unbankable** and difficult to measure against recognised standards—slowing delivery and trust from both public and private sectors.



1) *Non-standard project preparation*
2) *Fragmented Data*
3) *Misalignment*

Even strong ideas fail to reach investment because the project preparation process lacks consistency, data and alignment.

10

How can Viet Nam’s cities turn their sustainable urbanisation ambitions into a credible, investable, and regionally aligned smart-city pipeline?

11

UN-HABITAT

Strategic Direction & Approach

12

Prioritisation with the ASUS & ASCN frameworks

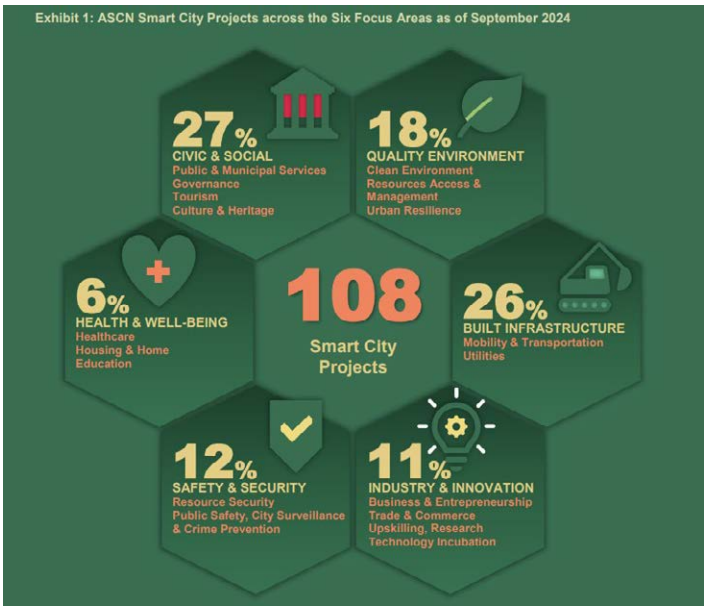
UN-HABITAT



Finalised in 2018, ASUS detailed six core areas and 18 sub-areas of focus, including seven identified as priorities for ASEAN cities through extensive consultations with urban stakeholders in the region.

13

Prioritisation with the ASUS & ASCN frameworks



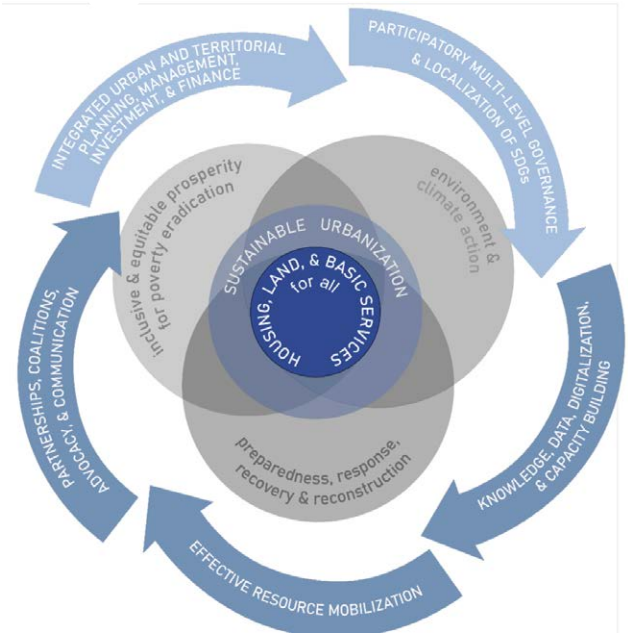
Finalised in 2018, ASUS detailed six core areas and 18 sub-areas of focus, including **seven identified as priorities for ASEAN cities** through extensive consultations with urban stakeholders in the region.

14

Invest in four no-regrets infrastructure pillars

- **Sustainable Mobility & TOD/e-mobility**: high-quality public transport with safe, universal-design access.
- **Water, Drainage & Flood Safety**: integrated green-grey infrastructure at ward scale.
- **Public Space & Social Infrastructure**: networks of inclusive, gender-responsive, cooling spaces.
- **Digital Public Infrastructure**: interoperable, rights-based urban data systems tied to SDG 11 indicators.

These pillars form the **2025–2030 foundation** for people-centred smart city investment.



15

UN-HABITAT

Implementation Pathways & Tools

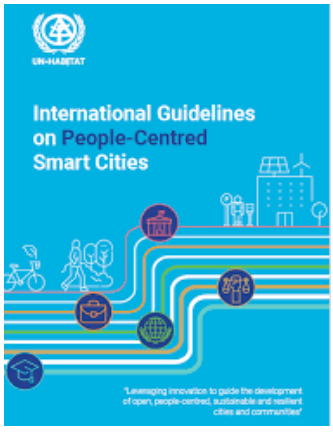
16

3-tier Implementation Pathway

UN-HABITAT

Tier	Objective	Instruments
Tier 1: Tactical Interventions	Pilot low-cost projects to build confidence with stakeholders.	OurCityPlans
Tier 2: Systems upgrades	Expand successful pilots into corridors and networks.	Standard Design Guidelines
Tier 3: Transformational projects	Integrate sectors for compounding benefits	Multi-criteria Analysis





Each tier increases investor confidence while aligning outcomes with **SDG 11 indicators**

17

Examples

UN-HABITAT

Tactical Interventions



Safe placemaking around schools in Kuala Lumpur (Malaysia)

System Upgrades



Upgrade of rural water infrastructure in Lao PDR

Transformational Projects



Flood safe TOD Integrated planning between Mobility, Climate Resilience, and Land-value capture in Bangkok

18

Financing and Project Preparation Framework

UN-HABITAT

Leverage the ASCN Monitoring & Evaluation 2024 as a reference model for KPI setting.

Prepare projects using ASUS Toolkits to standardise assessment and ensure compatibility.

Integrate the VLRs / NDCs into KPI tracking – turning reporting obligations into bankability accelerators.

Mobilise blended financing: national budget + climate finance + development banks + private capital.

Apply UN-Habitat's people-centered smart city guidelines to embed inclusion and data governance from day one.

19

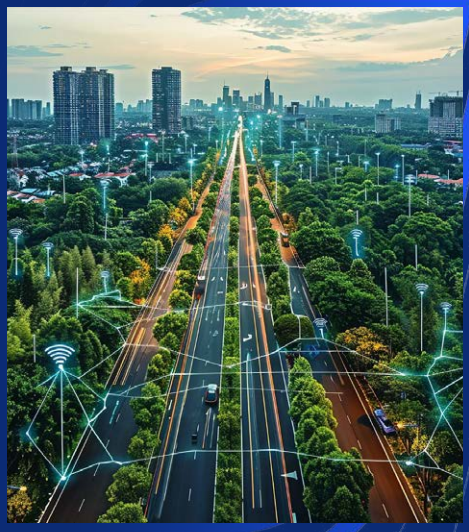
UN-HABITAT

Thank you!



Góc nhìn FPT:

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong mô hình Thành phố Thông minh, Bền vững



Phan Thanh Sơn
VP, CBDO
Khối Doanh nghiệp, FPT IS, Tập đoàn FPT

Hà nội, 05.11.2025

Ai đang dẫn đầu AI-Powered City? Chúng ta đang ở đâu ?

Cities are embracing traditional AI to supercharge smart city initiatives

56%

are selectively or widely using AI today.

Over the next three years, the use of traditional AI will become pervasive

83%

of cities will be selectively or widely using AI over the next three years.

Most cities are already on their GenAI journey

87%

of cities are now planning, piloting, or using GenAI.

Cities plan to ramp up their active use of GenAI

3x

is the increase in the share of cities selectively or widely using GenAI over the next three years—from 18% to 59%.

AI leaders by region

North America		Europe		Asia Pacific
Austin	New York	Amsterdam	Madrid	Beijing
Boston	Orlando	Barcelona	Marseille	Guangzhou
Chicago	Quebec	Berlin	Montpellier	Hong Kong
Denver	San Antonio	Bratislava	Paris	Lucknow
Edmonton	San Francisco	Dublin	Sofia	Melbourne
Los Angeles	San Jose	Edinburgh	Stockholm	Seoul
Montreal	Seattle	Helsinki	Tallinn	Sydney
New Orleans	Toronto	Ljubljana	Vienna	Taipei
				Tokyo

Latin America		Middle East and Africa	
Curitiba	Niterói	Dammam	Istanbul
Mexico City	Sao Paulo	Harare	Kuwait City

Source: AI-powered cities survey by Deloitte, ServiceNow, NVIDIA, ThoughtLab

Urban domain	% of AI leaders actively using AI	Top use cases	Cities ahead in domain
Government operations One of the first-order uses of AI is to boost efficiency. So, it is hardly surprising that AI leaders employ AI to streamline government operations and improve management.	71%	1. Analyze huge volumes of data 2. Document digitization and processing 3. Continuous service improvements 4. Visualize models for urban development 5. Answer resident questions	1. Daegu, S. Korea 2. Denver, US 3. Guangzhou, China 4. Jaipur, India 5. Melbourne, Australia
Safety, security, and resilience Urban security is one of the top priorities for cities. AI leaders make extensive use of AI to monitor, predict, and respond to urban risks and crime.	63%	1. Camera optimization 2. Video analysis 3. Crime forecasting 4. Natural disaster response 5. Emergency response resource allocation	1. Hong Kong, China 2. Lucknow, India 3. Madrid, Spain 4. Perth, Australia 5. Susono, Japan
Living, health, and trust AI leaders are turning to AI to improve the lives and health of their residents and increase their trust in government.	61%	1. Personalized chatbot assistance 2. Track and analyze health trends 3. Risk factor identification 4. Intelligent self-service portals 5. Social service administration	1. Charlotte, US 2. Denver, US 3. Helsinki, US 4. Jaipur, India 5. Taipei, Taiwan
Mobility and transportation AI-enabled mobility is becoming table stakes for AI leaders. Most use AI to improve public transportation routing, traffic management, and flow prediction.	57%	1. Traffic management and flow prediction 2. Smart parking management 3. Intelligent public transportation routing 4. Transportation management and analysis 5. Predictive maintenance and planning	1. Ankara, Turkey 2. Boston, US 3. Hobart, Australia 4. Porto, Portugal 5. Takamatsu, Japan
Urban infrastructure The use of AI to manage urban infrastructure is becoming ubiquitous among AI leaders.	55%	1. Smart infrastructure design 2. Predictive maintenance 3. Network optimization 4. Sensor-based condition monitoring 5. Digital infrastructure security	1. Ankara, Turkey 2. Cork, Ireland 3. Mexico City, Mexico 4. Surabaya, Indonesia 5. Tangshan, China
Environment and sustainability Nearly half of AI leaders actively leverage AI technology, together with digital twins, to enhance sustainability and climate resilience.	45%	1. Water management and monitoring 2. Waste management and recycling 3. Monitoring carbon emissions, air quality 4. Optimize energy and electricity use 5. Design, manage smart buildings	1. Abidjan, Cote d'Ivoire 2. Amsterdam, Netherlands 3. Melbourne, Australia 4. Ostrava, Czech Republic 5. Paris, France

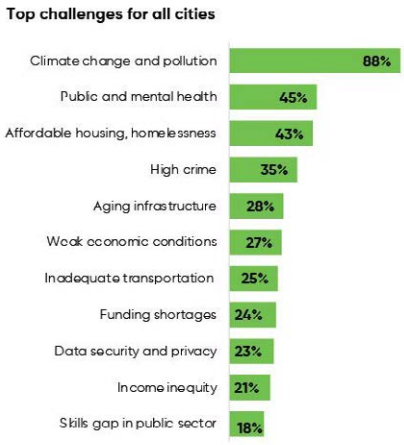
Technologies used extensively by AI leaders

1. Cloud	92%	5. IoT	90%
2. Biometrics	90%	6. Data analytics	90%
3. Cybersecurity tech	90%	7. Automation	88%
4. Chatbots	90%	8. Mobile apps	86%

Hanoi in AI advancers
HCMC in AI adopters

2

Thách thức lớn nhất và 10 ứng dụng AI hiệu quả hàng đầu





SINGAPORE: BUILDING AN AI-DRIVEN ECONOMY



Turning AI into an economic driver

The goal for Singapore is to create an AI-driven economy, using the technology to enhance productivity and efficiency across key industries, including financial services, healthcare, manufacturing, logistics, IT, aerospace, engineering, biotech, tourism and hospitality, and research and development.

According to the Economic Impact Report 2024, commissioned by Google, AI-powered products and solutions could contribute US$198 billion to Singapore's economy by 2030, nearly 30% of the country's 2023 GDP.



Source: AI-powered cities survey by Deloitte, ServiceNow, NVIDIA, ThoughtLab

Chuyển đổi toàn diện Việt nam đến 2045: Cơ hội và Thách thức cho phát triển Đô thị Thông minh - Bền vững

Kỷ nguyên Vươn mình





Chuyển đổi Ba chiều
Triple Transformation

CMCN 4.0/ ITX
Doanh nghiệp 4.0/ ETX
Kinh tế số



Dẫn dắt bởi các Ngành công nghiệp, doanh nghiệp, được tạo điều kiện bởi Chính phủ

Đô thị thông minh/ URTX
Thành phố/ Khu vực
Khu đô thị thông minh
Khu CN thông minh



Dẫn dắt bởi sự hợp tác của nhiều bên: Doanh nghiệp, Trường Đại học/ Viện nghiên cứu, Cộng đồng và Chính phủ/ Chính quyền

Chính phủ số/ GTX
Chính quyền Số/ LGTX



Dẫn dắt bởi Chính phủ/ Chính quyền

Người dân thông minh/ PTX
Cộng đồng thông minh
Xã hội số



Dẫn dắt bởi xã hội, cộng đồng và người dân

Tầm nhìn 2045 → 4 trụ cột chiến lược → CTHD, Quy hoạch tổng thể, Quy hoạch ngành và các Chương trình trọng điểm

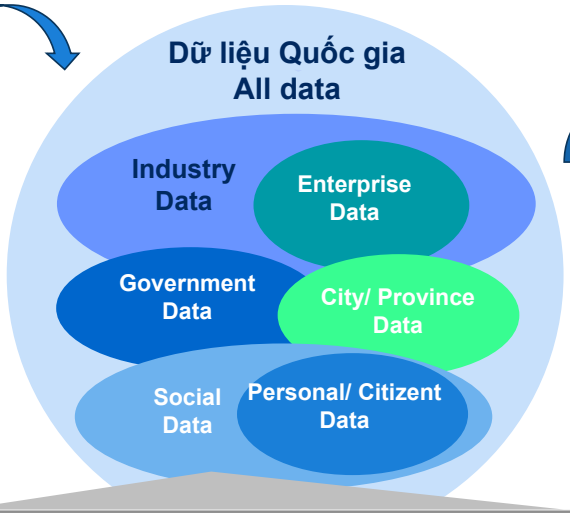
Chính phủ Kiến tạo, Đổi mới 2.0, Công nghệ 4.0, 11 Nhóm Công nghệ Chiến lược

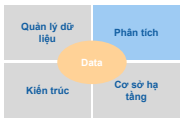
Hạ tầng số + Dữ liệu Quốc gia, Tỉnh thành, Ngành, Xã hội, Doanh nghiệp

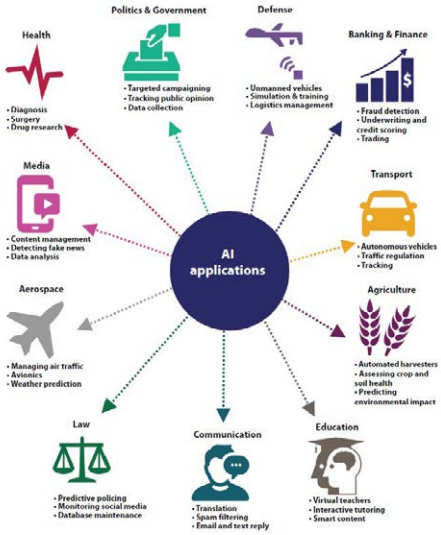
Nguồn: NQ BTC/ CQ, FPT

Cần AI chuyển hóa Dữ liệu Đô thị thành Giá trị trong mọi mặt

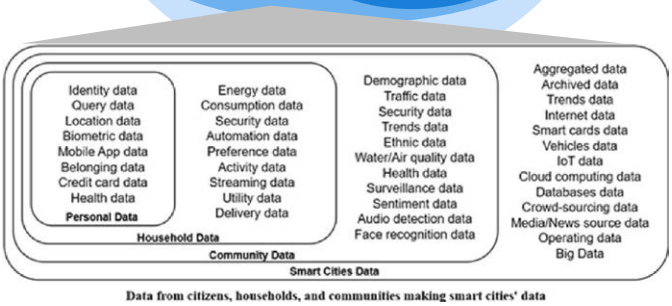








Dữ liệu ĐTTM

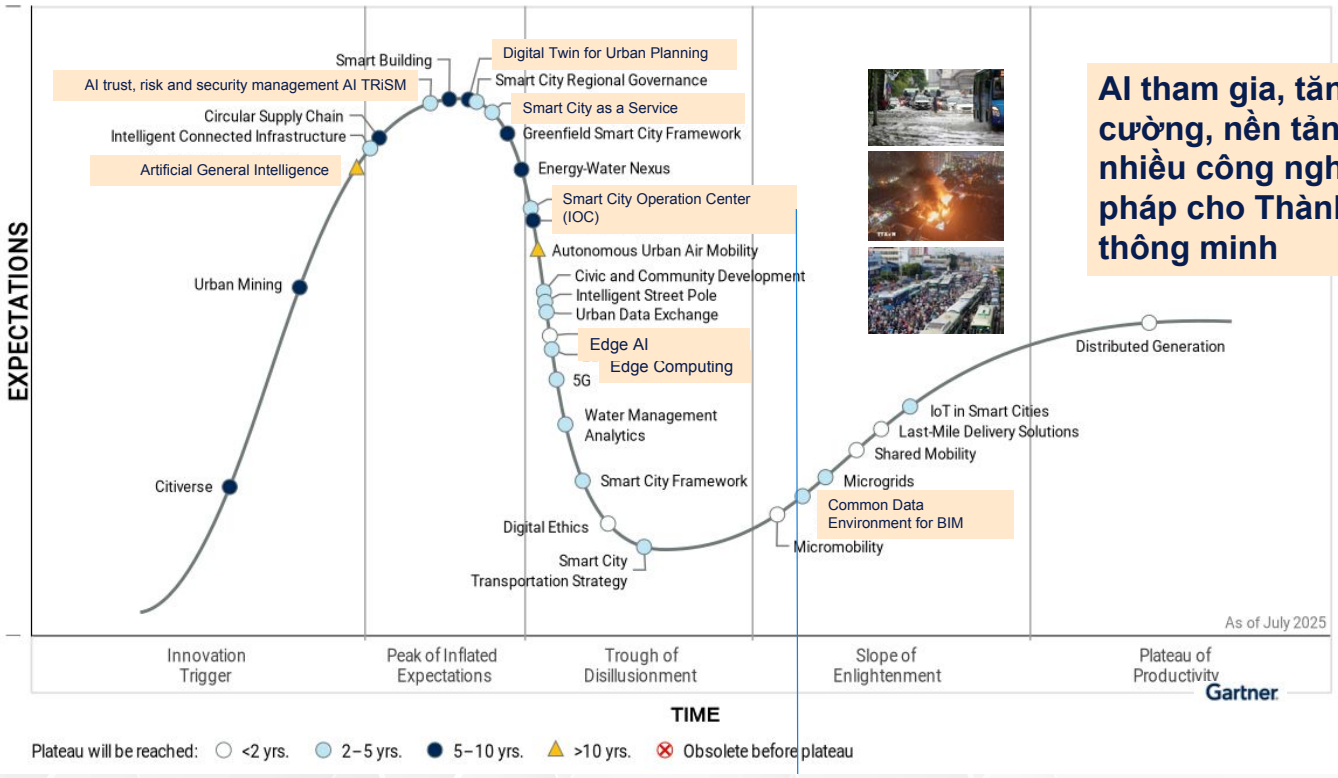


Data from citizens, households, and communities making smart cities' data

1. Cloud	92%	5. IoT	90%
2. Biometrics	90%	6. Data analytics	90%
3. Cybersecurity tech	90%	7. Automation	88%
4. Chatbots	90%	8. Mobile apps	86%

Source: Data and AI Driving Smart Cities by Springer, AI-powered cities survey by Deloitte, ServiceNow, NVIDIA, ThoughtLab

Bức tranh công nghệ, giải pháp cho TPTM 2025
Hype Cycle for Smart City Technologies and Solutions, 2025

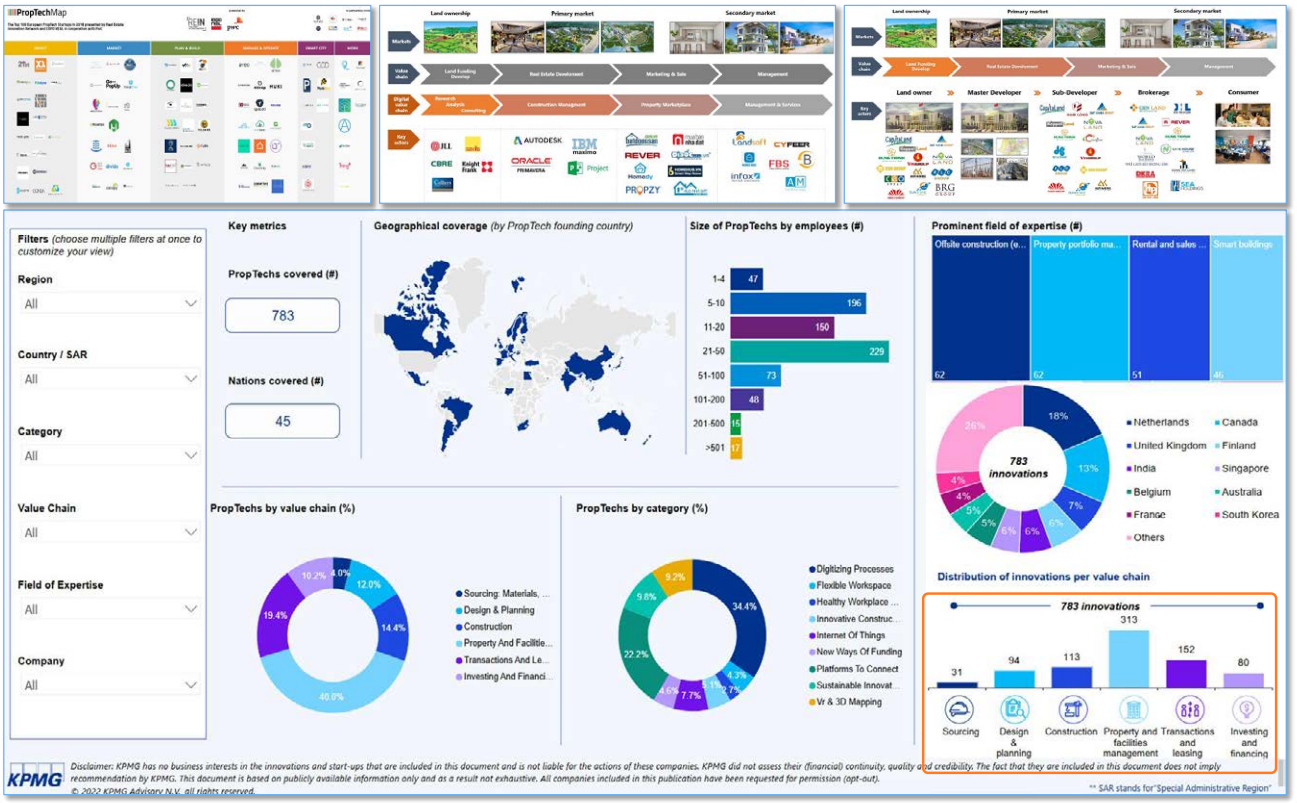


AI tham gia, tăng cường, nền tảng cho nhiều công nghệ, giải pháp cho Thành phố thông minh

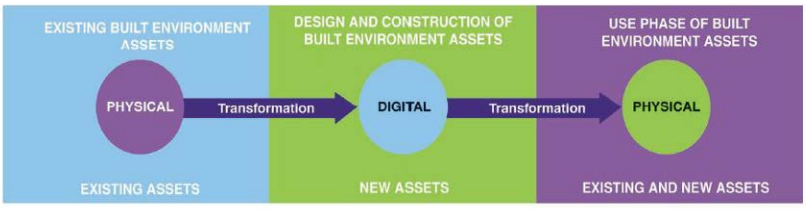
Dư địa lớn của Đổi mới sáng tạo trong ĐTTM/ BĐS ở Việt nam



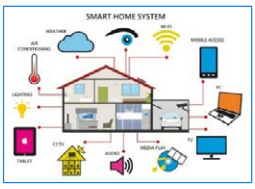
Nguồn: KPMG Real Estate Innovation 2022, Proptech Vietnam, FPT

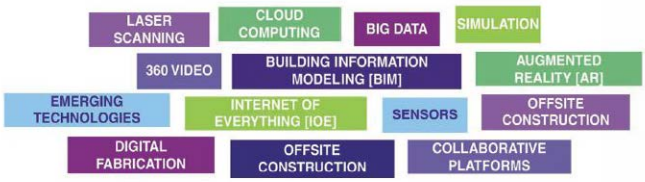


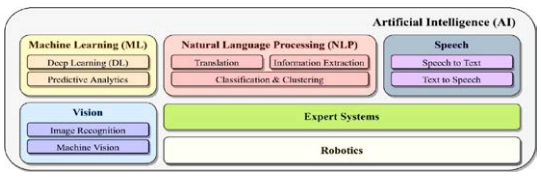
Cần hình dung lại quá trình quy hoạch, thiết kế, xây dựng, vận hành đô thị với các công nghệ mới nhất là AI

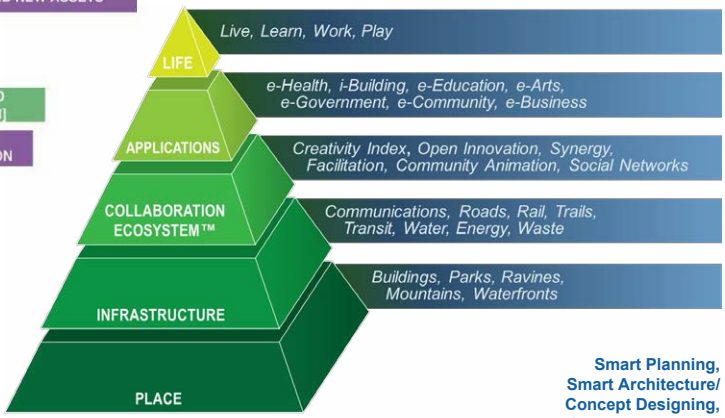












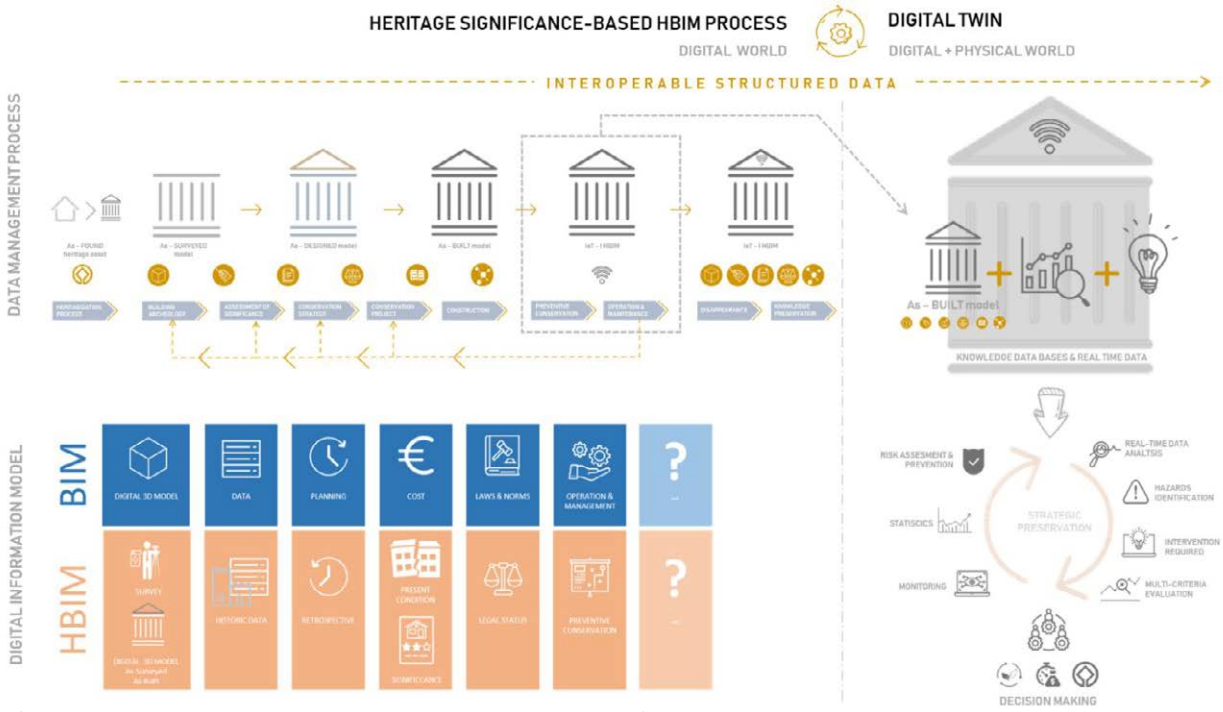
i-COA®: Intelligent Community Open Architecture®
© 2010 All Rights Reserved: Hutchison Management International

Smart Planning, Smart Architecture/ Concept Designing, Smart Engineering, Smart Constructing, Smart Operating

On Smart Platform + Smart Data Applying AI, Cloud, IoT, Data Analytics, etc.

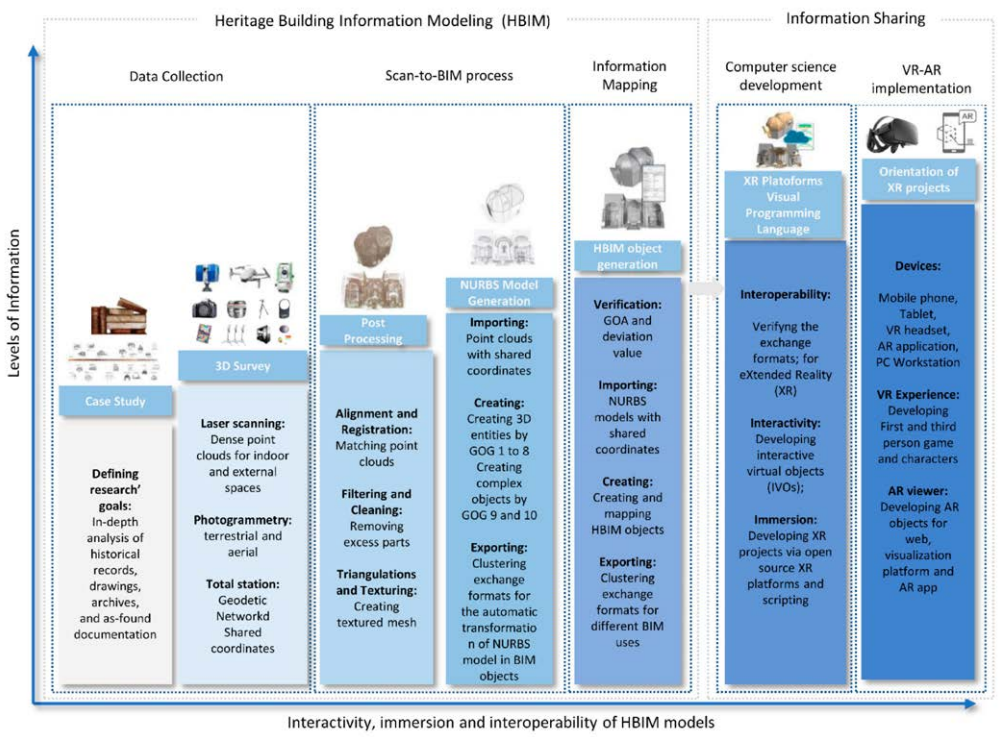
Source: Construction 4.0: An Innovation Platform for the Built Environment, Edited by Anil Sawhney, Mike Riley and Javier Irizarry

Hình dung lại cách phát triển đô thị cùng với bảo tồn và tạo giá trị bền vững: Digital Twin với BIM và HBIM



Source: digital twin: a HBIM-based methodology to support preventive conservation of historic assets through heritage significance awareness by P.Jouan, P. Hallot

Khai thác giá trị di sản đô thị: từ Digital Twin đến AR/ VR/ XR



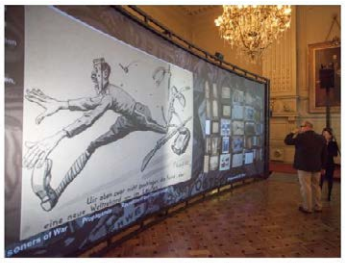


Fig. 2. *eCloud WWI*, Applied Laboratory Interactive Visualization and Embodiment, 2012.



Fig. 2. Schoolchildren experimenting with the uses of "The Smart Bed". Photo by Anu Anau.



Fig. 2. Visitors of all ages trying the *Ramon Magsaysay 360-degree VR Experience* from Gaton, Noel, curator. Museo ni Ramon Magsaysay, 31 Aug. 2018.



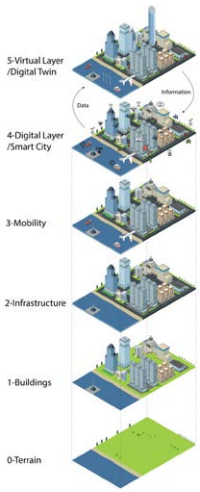
Fig. 4. Virtual reconstruction in the mobile app

Source: The Evolution of Interactivity, Immersion and Interoperability in HBIM: : Digital Model Uses, VR and AR for Built, Cultural Heritage, ISPRS; Emerging Technologies and the Digital Transformation of Museums and Heritage Sites, Springer

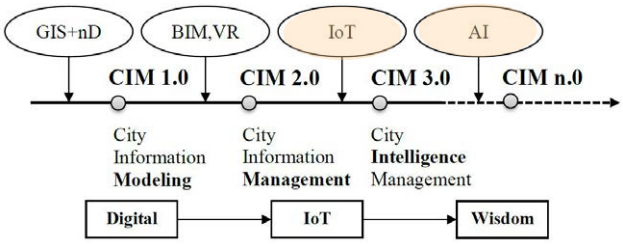
Công cụ, tiếp cập mô hình CIM tổng thể với AI cho đô thị/ city

City Information Modelling a(CIM)	Urban design elements							
	City 2D GIS/ CAD	City / urban region						Adaptability Distinctiveness Dominance Clarity Spaciousness Sensuousness Coherence Formality Openness Identifiability Imageability Intelligibility Visibility
	City 3D GI	Urban neighbourhood (city block)					Networks of routes /street layout	
	Buildings Information Modelling (BIM)	City block (plot)				City block frontage/ pertinent strip	Routs/ Street spaces	
		Plot						
		Building		Building facades	Open spaces			
		Building storey						
		Rooms	Building elements					

Generic UD perceptual qualities for CIM



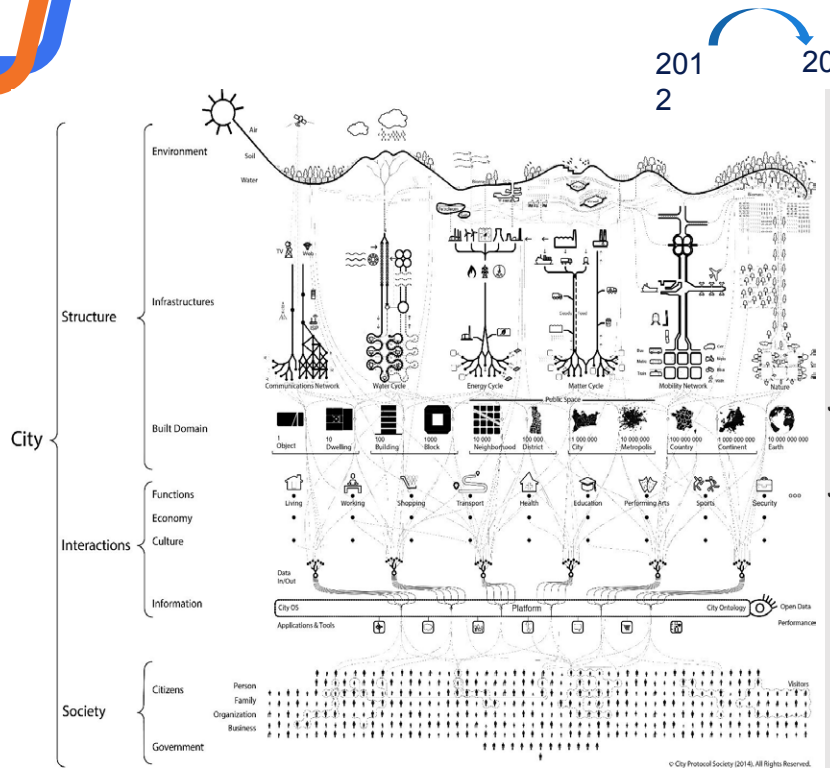
Time	Institutions or individuals	Name	Component	Applied Area
2018	Stojanovski	City Information Modelling	GIS+ BIM+ IoT	City Planning/ Construction/ Management
2012	José Beirão	City Information Modelling	GIS+CAD (By analogy with BIM)	Urban design
2010	José N. Beirão, José P. Duarte, Nuno Montenegro, Jorge Gil	City Information Model	GIS (By analogy with BIM)	Urban design
2005	Hamilton, A., Wang, H., et al.	nD Urban Information Model	GIS+CAD（nD）	City Planning/ Managemen

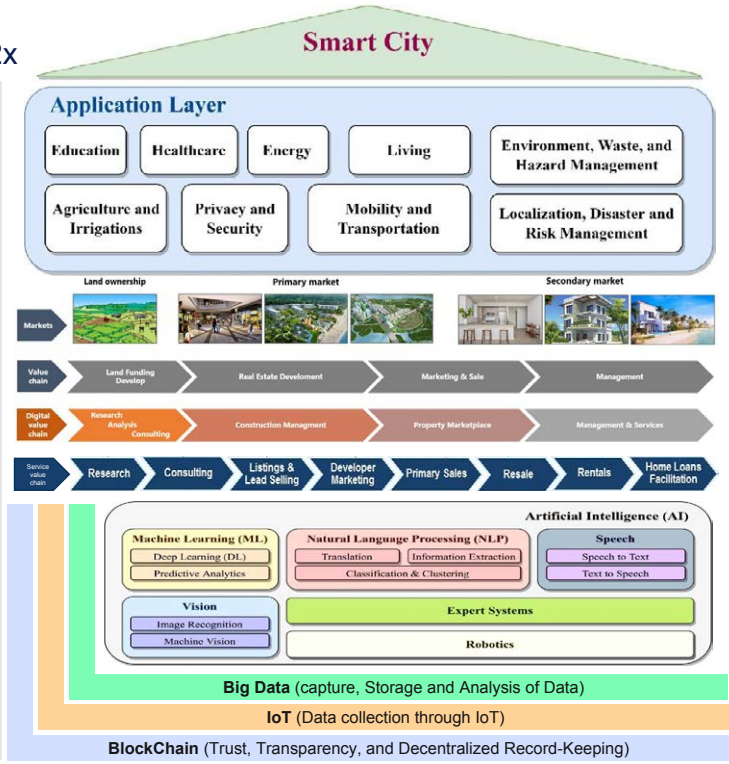


Source: CIM And CIM Platform Practical Use in China

Horizontal City Planning → *Horizontal & Vertical City Planning*

Framework cho AI, IoT, BlockChain và Big Data trong ĐTTM





Source: City Protocol, International Journal of Information Management Data Insights, Proptech Vietnam, FPT

Tiếp cận của FPT cho ĐTTM/ Khu ĐTTM và Ngành BĐS, XD & ND



Province Master Planning Consulting Service — FPT Digital, McKinsey & Company, BCG, Roland Berger

1 **FPT Smart City** / **FPT Smart Real Estate**
- Smart Township Advisory Service — FPT IS
- Master System Integrator — FPT IS
- Sub-contractor/ SI — FPT IS

2 **FPT SRE Infrastructure**
- FPT Telecom, FPT Smart Cloud, FPT IS — Ops-Co Partner

3 **FPT DX/ TX for HR&C Enterprises**
- Đối tác Quad-Play+ cho Internet băng rộng , Voice, Video/ IPTV, Mobility & Smart home — FPT Telecom
- Tư vấn Chuyển đổi số cho Doanh nghiệp BĐS, XD & ND — FPT IS, FPT Digital, FPT Software

Dịch vụ của FPT cho Ngành BĐS, XD & ND

FPT là đơn vị tiên phong trong việc nghiên cứu, tư vấn và triển khai với sứ mệnh giúp các doanh nghiệp ứng dụng AI thành công vào thực tiễn

Phát triển năng lực AI với đối tác bên ngoài

- 2011 - 2017: Hợp tác với các viện nghiên cứu AI hàng đầu, đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng AI — Mila
- 2019: Liên kết với các công ty chuyên phát triển giải pháp AI ứng dụng trong tự động hóa và sản xuất thông minh — LANDING AI, AITOMATIC
- 2020–2022–2023–2024: Hợp tác với các tập đoàn công nghệ toàn cầu nhằm khai thác sức mạnh AI và hạ tầng số, thúc đẩy chuyển đổi số trên diện rộng — AI Alliance: DELL, Meta, intel, IBM, NVIDIA

FPT.AI Ra đời, đặt nền móng nghiên cứu AI — AICenter by FPT Software

Thành lập trung tâm nghiên cứu và ứng dụng AI — AI Quy Nhơn A.

Xây dựng năng lực AI nội bộ

Phát triển các năng lực tư vấn song hành cùng triển khai và đào tạo AI – Đảm bảo ứng dụng AI thành công đến đích

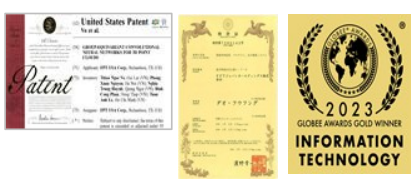
FPT Digita | FPT Software | FPT Information System | FPT Smart Clouc | FPT Education

Nhân sự AI chất lượng cao trên toàn cầu



- 1.000 + AI Professionals
- 50 + AI Scientists
- 400 + AI Engineers
- 180 + Data Analysts
- 500 + Subject-matter experts

Hệ thống bằng sáng chế và giải thưởng AI



FPT AI Factories ở VN và Nhật bản





(Danh sách chưa đầy đủ)

Một số trường hợp ứng dụng FPT AI trong BĐSTM và ĐTTM
Dọc chuỗi giá trị BĐS/ ĐTTM mang tích kế thừa, dựa trên dữ liệu

Tìm kiếm quỹ đất & Nghiên cứu khả thi → Thiết kế & quy hoạch → Huy động vốn & tài chính → Thi công xây dựng → Bán hàng & marketing → Vận hành & quản lý tài sản → Thoái vốn/tái phát triển

Vấn đề / Nhu cầu

- Tìm vị trí phù hợp
- Phân tích thị trường chưa chính xác
- Rủi ro pháp lý, quy hoạch

- Thiết kế tốn thời gian
- Phê duyệt chậm
- Thiếu cân bằng giữa chi phí và hiệu quả

- Khó gọi vốn
- Ước tính ROI chưa chính xác
- Rủi ro tài chính

- Vượt tiến độ, chi phí
- Vấn đề an toàn
- Hỏng hóc thiết bị

- Chiến lược giá chưa tối ưu
- Chi phí thu hút khách cao
- Thiếu cá nhân hóa

- Chi phí vận hành cao
- Khách thuê rời đi
- Bảo trì chậm trễ

- Chọn sai thời điểm bán
- Định giá chưa chính xác
- Phức tạp pháp lý

Ứng dụng AI

- AI phân tích vị trí
- Mô hình dự đoán thị trường
- NLP xử lý hồ sơ pháp lý

FPT.AI NLP, FPT CLOUD, FPT.AI

- Thiết kế tạo sinh (generative design) bằng AI
- Mô phỏng môi trường, giao thông, năng lượng
- Tự động hóa hồ sơ xin phép

FPT.AI, Akabot

- Mô hình tài chính bằng AI
- Phân tích cảm xúc nhà đầu tư
- Mô phỏng rủi ro

FPT.AI, Akabot

- AI lập lịch thi công, quản lý chuỗi cung ứng
- Vision AI giám sát an toàn
- Bảo trì dự báo bằng AI

akaMES, akaCAM, FPT.AI

- AI định giá động
- Phân khúc khách hàng thông minh
- Tham quan ảo

akaVerse, FPT CX Suite, FPT.AI

- AI bảo trì dự báo
- Chatbot hỗ trợ cư dân
- Tự động hóa tòa nhà

Akabot, FPT Smart Home, FPT.AI

- AI dự đoán thị trường
- NLP xử lý văn bản pháp lý
- Mô phỏng các kịch bản tái phát triển

FPT Analytics, FPT.AI NLP, FPT.AI

Ứng dụng AI và giải pháp FPT trong BĐSTM và ĐTTM
Trong tất cả các mảng của ĐTTM, mang lại giá trị KT, XH và MT

Y tế
Chăm sóc sức khỏe thông minh sử dụng IoT và internet di động để kết nối liên tục dữ liệu
- Bệnh viện thông minh
- Y tế từ xa
- Theo dõi bệnh nhân

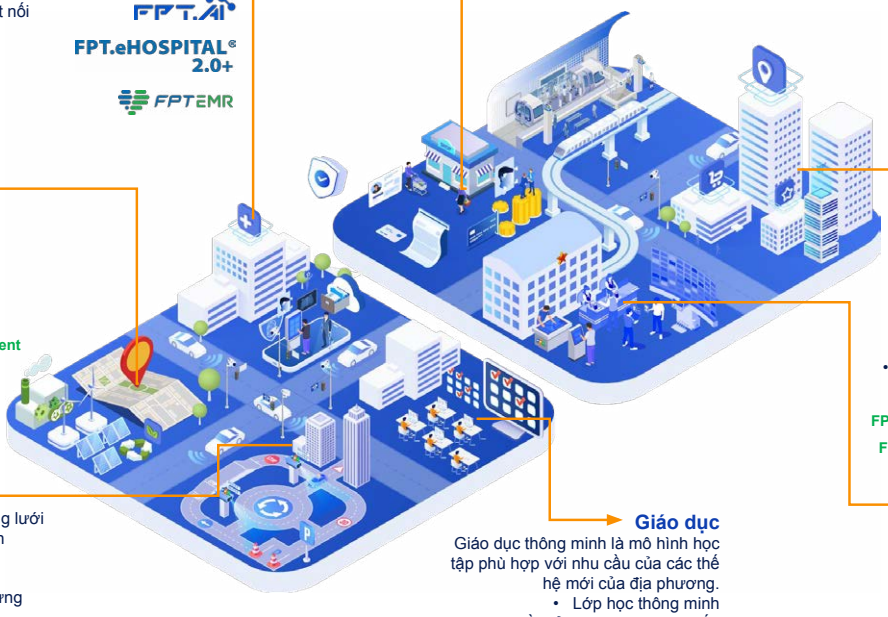
FPT.AI, FPT.eHOSPITAL® 2.0+, FPT EMR

Môi trường
Tạo môi trường cảm biến – số hóa – kết nối để hiểu và quản lý môi trường
- Giám sát chất lượng không khí, nước, thời tiết
- Quang điện, rác thải

FPT IoT Hub, FPT Smart Environment Dashboard, zéro

Di động/Di chuyển
Mạng di chuyển thông minh là mạng lưới giao thông và di chuyển thông minh
- Quản lý giao thông
- Di chuyển tự động và bền vững
- Khả năng phục hồi chuỗi cung ứng
- Định tuyến và đỗ xe thông minh

FPT Smart Traffic, FPT.AI, FPT CLOUD, Akabot



Giáo dục
Giáo dục thông minh là mô hình học tập phù hợp với nhu cầu của các thế hệ mới của địa phương.
- Lớp học thông minh
- Nền tảng học tập trực tuyến
- Quản lý theo dõi học sinh
- Thư viện thông minh

FPT.AI, VioEdu, FPT Education LMS/Smart LMS, STEA²M Education

Kinh tế
Nền kinh tế tập trung vào đổi mới, hiệu quả, bền vững
- Thương mại điện tử
- Mua sắm thông minh
- Thị trường năng lượng
- Dịch vụ ngân hàng thông minh

Volar, Velox, Votum, FPT.AI, Utop, akaMES

Sinh hoạt/Living & Cơ sở hạ tầng
Sống thông minh là cách tiếp cận để nâng cao chất lượng sống
- Nhà thông minh
- Giáo dục – y tế – du lịch thông minh
- An ninh công cộng thông minh

FPT Smart Home, FPT Smart City, FPT Camera, FPT.AI

Quản trị
Quản trị thông minh là ứng dụng công nghệ giúp ra quyết định tốt hơn
- Quản trị điện tử
- Chính sách dữ liệu
- Phòng chống thiên tai
- Quy hoạch đô thị

FPT.dGOV, FPT.LGSP, dCitizen, FPT.AI



FPT

Cám ơn
Thank you
Merci
Gracias
Спасибо
谢谢
ありがとう
감사합니다





THAM LUẬN
CHUYỂN ĐỔI SỐ DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG - BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Chủ trương và cách tiếp cận chuyển đổi số dịch vụ công

a) Nghị quyết và Đề án Chuyển đổi số thành phố Đà Nẵng[1] xác định triển khai chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên cả 3 trụ cột Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số; trong đó "Chính quyền là tiên phong", "Người dân và doanh nghiệp là trung tâm" và cung cấp dịch vụ công xem là nhiệm vụ trọng tâm của Chính quyền. Đồng thời, Đề án xây dựng thành phố thông minh và Kiến trúc tổng thể thành phố thông minh2 cũng đã xác định "Dịch vụ công thông minh" là một trong 16 lĩnh vực ưu tiên trong triển khai xây dựng thành phố thông minh tại thành phố Đà Nẵng.

b) Tại thành phố Đà Nẵng tiếp cận không triển khai chuyển đổi số **không chỉ cho thủ tục hành chính** (của Sở ngành, UBND Xã, phường) **mà còn trong cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công** do các đơn vị sự nghiệp công lập cung cấp.

c) Thành phố Đà Nẵng triển khai cung cấp dịch vụ công dựa trên **công nghệ số và khai thác, kế thừa dữ liệu số**; đặc biệt **chú trọng các giải pháp triển khai để thuận lợi,** người dân, tổ chức, doanh nghiệp sử dụng.

2. Về kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến

a) Năm 2023, TP, Đà Nẵng là địa phương (duy nhất) được **giải thưởng Cung cấp dịch vụ công thông minh.**

b) Năm 2024: Năm 2024 (trước khi sáp nhập tỉnh) tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình của thành phố Đà Nẵng cao nhất cả nước với 95% (trung bình tỉnh thành là 55%). Trên cơ sở kết quả đó, Ủy ban quốc gia về chuyển đổi số tổ chức Hội nghị chuyên đề "Nâng cao hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến", tại thành phô Đà Nẵng, vào ngày 31/8/2024, do Thủ tưởng Chính phủ chủ trì vào ngày 31/8/2024; để chia sẻ kinh nghiệm triển khai

c) Năm 2025 và sau khi sáp nhập, tổ chức mô hình chính quyền địa phương, đến 30/10/2025; kết quả cung cấp DVCTT như sau:

- Đã triển khai 2.118 DVCTT trên tổng số 2.226 TTHC, đạt tỷ lệ 95%. Trong đó, 100% TTHC đủ điều kiện đã triển khai 1.033 DVCTT toàn trình.

- Theo ghi nhận từ hệ thống đo lường EMC của Bộ Khoa học và Công nghệ, tỷ lệ hồ sơ tính trên tổng số hồ sơ TTHC toàn thành phố đạt:

+ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến: 589.418/760.599, đạt 77,5%.

+ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình: 171.049/ 259.398, đạt 66%

+ Số DVC phát sinh hồ sơ trực tuyến: 2.480/ 2.826, đạt 87.76%

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Để đạt được các kết quả chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ công thời gian qua góp phần vận hành hiệu quả mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam (trước đây) đã quan tâm, triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, đột phá, cụ thể như sau:

[1] Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về chuyển đổi số trên địa bàn thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 28/8/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Đề án Chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

[2] Quyết định số 6439/QĐ-UBND ngày 29/12/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Đề án xây dựng thành phố thông minh tại thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 164/QĐ-UBND ngày 16/01/2018 của UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Kiến trúc tổng thể thành phố thông minh thành phố Đà Nẵng

***Một là,* Có kế hoạch chi tiết hàng năm,** trong đó đưa ra nhiều chỉ tiêu cụ thể trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Theo Kế hoạch triển khai chuyển đổi số năm 2025[3], nhóm chỉ tiêu phát triển Chính quyền số có 12/25 chỉ tiêu về dịch vụ công trực tuyến. Trong đó, tập trung các giải pháp:

***Hai là,* Xác định vai trò Thủ trưởng các cơ quan, địa phương**

Thủ trưởng các cơ quan, địa phương, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, rà soát, triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến; giao chỉ tiêu DVCTT đến từ cơ quan, đơn vị.

Đặc biệt, ngày 22/10/2025, Chủ tịch UBND thành phố đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-UBND yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, địa phương, đơn vị tăng cường xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường điện tử, trong đó việc thực hiện thủ tục hành chính, thủ tục và giao dịch khác giữa các cơ quan nhà nước với nhau ***phải được thực hiện trên môi trường điện tử***; ưu tiên xử lý theo phương thức trực tuyến toàn trình, bảo đảm giảm tối đa hồ sơ giấy và tiếp xúc trực tiếp. Đồng thời, yêu cầu 100% hồ sơ đầu vào phải được số hóa, ký số theo quy định ngay tại thời điểm tiếp nhận; 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải được cấp và trả dưới dạng bản điện tử có ký số hợp lệ theo quy định…. để tái sử dụng lại các giấy tờ đã số hóa khi thực hiện DVCTT.

***Ba là,* Triển khai chính sách thúc đẩy sử dụng DVCTT**

- Từ năm 2019, UBND thành phố đã chỉ đạo các cơ quan triển khai chính triển khai chính sách giảm thời gian xử lý hồ sơ trực tuyến để khuyến khích người dân sử dụng. Trong đó, giao các cơ quan giảm thời gian xử lý đến 50% đối với DVCTT so với xử lý hồ sơ trực tiếp; yêu cầu các cơ quan nhà nước phải sử dụng DVCTT của cơ quan khác; giao chi tiêu DVCTT cho từng cơ quan. Đến nay, hầu hết cơ quan, địa phương triển khai chính sách giảm thời gian xử lý hồ sơ đối với DVCTT và có khoản gần 10% TTHC được giải quyết trong ngày.

- Triển khai chính sách miễn, giảm phí, lệ phí và thu phí, lệ phí "0" đồng khi người dân thực hiện DVCTT.

- Triển khai hỗ trợ giảm/chịu chi phí thay người dân khi chuyển phát trả kết quả qua bưu điện khi thực hiện DVCTT[4]. Đến nay, đa số các địa phương đã hợp tác triển khai và có khoảng gần 30% trên tổng số hồ sơ toàn Thành phố trả qua bưu điện, đến nhà người dân.

***Bốn là,* Triển khai kế thừa dữ liệu số và điều chỉnh quy trình TTHC để triển khai DVCTT toàn trình (mức cao nhất)**

- Sử dụng dữ liệu số thay thế thành phần hồ sơ phải nộp, đặc biệt là giúp người dân tránh phải đến nộp trực tiếp qua sử dụng Kho dữ liệu cá nhân, Kho dữ liệu kết quả TTHC số thành phố.

***Năm là,* Đa dạng hoá kênh/đối tượng nộp hồ sơ trực tuyến**

- Các cơ quan, địa phương phải sử dụng DVCTT của các cơ quan nhà nước khác cung cấp; Huy động doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương ưu tiên sử dụng DVCTT.

- Triển khai mô hình "Đại lý DVCTT" hay bưu điện/bưu cục nhận, nộp hồ sơ trực tuyến thay người dân, doanh nghiệp (hiện nay hỗ trợ, không thu phí). Hiện nay, thành phố tiếp tục mở rộng các đơn vị tham gia mô hình "Đại lý DVCTT".

- Triển khai mô hình Tổ công nghệ số cộng đồng, "Thôn/Tổ điện tử", "Ngày hội gần dân" để trực tiếp hướng dẫn, hỗ trợ nộp hồ sơ trực tuyến cho bà con ở khu dân cư (vào cuối tuần).

***Sáu là,* Giám sát, cảnh báo tình hình xử lý hồ sơ TTHC từ Trung tâm IOC**

Trung tâm Giám sát điều hành thành phố thông minh cung cấp dịch vụ giám sát Dịch vụ công: giám sát, cảnh báo/nhắc sớm tình hình xử lý hồ sơ của các cơ quan; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, cảnh báo các cơ quan xử lý hồ sơ sắp trễ hạn, hồ sơ gần tới hạn, chưa tiếp nhận hồ sơ trực tuyến trong vòng 4 giờ.

Bảy là, thực hiện TTHC, DVCTT (số tắt *1022) và tổ chức nhân lực trực 24/24 để hướng dẫn người dân sử dụng DVCTT theo hướng cụ thể, hiệu quả.

---

[3] Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 11/12/2024 của UBND thành phố về việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn thành phố năm 2025.

[4] Công văn chỉ đạo của UBND thành phố, số 2807/UBND-KSTT ngày 02/06/2023 về việc đẩy mạnh triển khai Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích

Tám là, đang thí điểm triển khai mô hình Hành chính công chủ động: hướng đến mục tiêu tất cả các TTHC được thực hiện trực tuyến, thúc đẩy chuyển đổi số, tự động hóa quy trình xử lý, ứng dụng dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, chuyển từ bị động sang chủ động: tự động cung cấp dịch vụ theo sự kiện cuộc sống; từ thủ công sang số hóa, từ "một cửa" vật lý sang "một cửa" số liên thông, không phụ thuộc địa giới hành chính; tăng mức độ hài lòng người dân và doanh nghiệp. Cơ quan nhà nước chủ động phục vụ, cung cấp thông tin, gợi ý dịch vụ và hỗ trợ công dân, doanh nghiệp, như chủ động thông báo người dân, doanh nghiệp thực hiện gia hạn các giấy tờ khi hết hiệu lực, thông qua các kênh như tin nhắn SMS, Email, Ứng dụng di động DanangSmartCity. Chủ động phân tích, dự báo nhu cầu đối với các vấn đề của xã hội để kịp thời bố trí nguồn lực, phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

Để triển khai cung cấp DVCTT hiệu quả, cần triển khai liên tục và đồng bộ nhiều giải pháp, từ thể chế, trách nhiệm từ Thủ trưởng đến chuyên viên,… đặc biệt là cần áp dụng hiệu quả công nghệ số trong thời đại hiện nay. Tại thành phố Đà Nẵng, mặc dù triển khai tích cực, nhiều năm nhưng đến nay mới đạt kết quả bước đầu; cần phải triển khai tích cực, triệt để hơn nữa, cũng như thêm giải pháp mới.

Thành phố Đà Nẵng hi vọng sẽ nhận được sự đồng hành, hướng dẫn của các Bộ ngành; chia sẻ của các địa phương, các doanh nghiệp, chuyên gia để cùng nhau cung cấp dịch vụ công trực tuyến hiệu quả hơn, phục vụ tốt hơn người dân, doanh nghiệp trong thời gian đến.

ĐÔ THỊ THÔNG MINH BẮT ĐẦU TỪ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ THÔNG MINH: MỘT CÁCH TIẾP CẬN MỚI TRONG QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ

TS. Hán Minh Cường

Viện trưởng - Viện Khoa học công nghệ xây dựng AIST
Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Tập đoàn SGroup Việt Nam

Từ quy hoạch truyền thống đến quy hoạch đô thị thông minh

Quy hoạch đô thị đã không ngừng tiến hóa trong thế kỷ vừa qua, thích nghi với những thách thức đô thị và giá trị xã hội thay đổi. Quy hoạch đô thị truyền thống, đặc biệt giữa thế kỷ 20, thường dựa trên cách tiếp cận từ trên xuống và mang tính kỹ trị, các chuyên gia lập quy hoạch tổng thể không gian, sử dụng đất và quy hoạch các phân khu chức năng để định hình tăng trưởng đô thị trong thời gian dài (tầm nhìn 20 - 30 năm). Các bản quy hoạch này thường tĩnh và toàn diện, coi thành phố như một thứ có thể thiết kế và kiểm soát như bản vẽ. Mặc dù cách tiếp cận này trong nhiều trường hợp tạo ra bố cục đô thị ngăn nắp và hạ tầng tương đối hoàn chỉnh nhưng nó cũng bộc lộ những hạn chế lớn. Quy hoạch truyền thống đôi khi không dự báo được những thay đổi dân số và kinh tế nhanh chóng, dẫn đến khoảng cách giữa bản quy hoạch và thực tế phát triển của đô thị. Sự tham gia của cộng đồng rất hạn chế trong kỷ nguyên quy hoạch tổng thể; quyết định được đưa ra bởi nhà quy hoạch và cơ quan quản lý nhà nước, với ít ý kiến từ người dân hay doanh nghiệp. Tư duy "chia silo" thống trị, với các vấn đề đô thị bị tách theo ngành (quy hoạch giao thông, quy hoạch nhà ở, quy hoạch năng lượng …..) và ít chú trọng tới các mối liên hệ hệ thống.

Đến cuối thế kỷ 20, các lý thuyết quy hoạch bắt đầu chất vấn mô hình áp đặt từ trên xuống này. Các mô hình như quy hoạch với sự tham gia của cộng đồng nổi lên, nhấn mạnh vai trò đối thoại giữa các bên liên quan. Đây là một bước tiến tới quy trình quy hoạch bao trùm hơn. Tuy nhiên, ngay cả các cách tiếp cận này cũng gặp thách thức trong một thời kỳ mà những vấn đề đô thị như biến đổi khí hậu, di chuyển và khả năng chi trả nhà ở ngày càng phức tạp. Các nhà quy hoạch cần công cụ và dữ liệu tốt hơn để ra quyết định, và họ cần cách thức để quản lý tích hợp giữa các ngành và lĩnh vực khác nhau. Sự xuất hiện của công nghệ số là một chất xúc tác cho thay đổi. Từ những năm 1990, hệ thống thông tin địa lý (GIS) trở thành công cụ quen thuộc trong các phòng quy hoạch, cho phép phân tích không gian của dữ liệu đô thị vốn trước đây rất khó khăn hoặc bất khả thi. Các nhà quy hoạch có thể lập bản đồ và mô hình hóa các kịch bản, chẳng hạn xác định các yếu tố tổng hợp đến vấn đề lựa chọn đất xây dựng, xây dựng một tuyến giao thông công cộng mới sẽ ảnh hưởng tới hành trình đi làm thế nào, hoặc tăng trưởng ở một khu vực sẽ tác động ra sao tới không gian công cộng, một cách chặt chẽ hơn. Những hệ thống hỗ trợ quy hoạch PSS (Planning Support Systems) đời đầu được phát triển để hỗ trợ phân tích dữ liệu và trực quan hóa các kịch bản đô thị. Tuy nhiên, như Geertman (2006) và những người khác chỉ ra, nhiều công cụ hỗ trợ quy hoạch thế hệ đầu quá thiên về công nghệ và không hoàn toàn phù hợp với nhu cầu thực tiễn của nhà quy hoạch[1].

Trong thập kỷ qua, sự hội tụ giữa quy hoạch đô thị và CNTT đã tạo nên cái mà ngày nay ta gọi là quy hoạch ĐTTM. Quy hoạch ĐTTM kế thừa các bài học của quy hoạch có sự tham gia và quy hoạch dựa trên dữ liệu, và đẩy chúng đi xa hơn bằng công nghệ hiện đại và nhấn mạnh tính tích hợp. Quy hoạch ĐTTM có thể được hiểu là quá trình lập và thực hiện quy hoạch đô thị có ứng dụng các công nghệ số, phương pháp phân tích dữ liệu tiên tiến và có sự tham gia tương tác của cộng đồng, nhằm tạo ra những quyết định quy hoạch chính xác hơn, tối ưu hơn và linh hoạt hơn so với quy hoạch truyền thống. Một định nghĩa hữu ích khác đến từ Spiridonov & Shabiev (2020)[2], mô tả quy hoạch đô thị thông minh là việc tích hợp công nghệ để "nâng cao chất lượng sống đồng thời tối ưu hóa chi phí".

Trên thực tế, những điều này nghĩa là sử dụng các công cụ tiên tiến (phân tích dữ liệu lớn Big Data, thuật toán AI, cảm biến IoT, mô hình mô phỏng) để định hướng phát triển đô thị theo cách đạt được nhiều mục tiêu cùng lúc: hiệu quả kinh tế, bền vững môi trường và phúc lợi xã hội. Điều quan trọng, quy hoạch thông minh không chỉ nói về hiệu quả, nó quan tâm tới khả năng chống chịu và tính bao trùm. Ví dụ, trong khi một bản quy hoạch truyền thống có các phân khu sử dụng đất và giả định chúng phù hợp trong hàng chục năm, thì một bản quy hoạch thông minh có thể dùng dữ liệu thời gian thực (ví dụ từ điện thoại di động hay cảm biến giao thông) để điều chỉnh quy hoạch giao thông tức thời hoặc cập nhật chính sách phân khu khi điều kiện kinh tế thay đổi. Các nhà quy hoạch ngày nay có thể thử nghiệm các kịch bản "nếu - thì"

với tốc độ và độ chi tiết chưa từng có: Nếu thêm một tuyến metro mới thì sao? Nếu mực nước biển dâng 0,5 mét thì sao? Bằng cách mô phỏng, quy hoạch thông minh giúp thành phố chuẩn bị chủ động cho các tình huống tương lai.

Một đặc điểm khác của quy hoạch đô thị thông minh là phá vỡ các tư duy quản trị phân mảnh[3]. Vì dựa trên các nền tảng số có thể chia sẻ giữa các sở ngành, lĩnh vực, quy hoạch thông minh khuyến khích cách tiếp cận toàn diện đối với vấn đề đô thị. Các nhà quy hoạch giao thông, chuyên gia môi trường và các nhà kinh tế có thể cộng tác trên một nền tảng dữ liệu chung, nhìn thấy sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các lĩnh vực. Như vậy, có thể thấy sự tiến hóa từ quy hoạch truyền thống sang quy hoạch thông minh là dịch chuyển từ thực hành bị động, phân mảnh và dựa vào bản vẽ quy hoạch sang thực hành chủ động, tích hợp và dựa vào dữ liệu và con người. Bảng dưới đây khái quát một số khác biệt chính:

So sánh giữa quy hoạch đô thị truyền thống và quy hoạch đô thị thông minh

Tiêu chí	QH đô thị truyền thống	QH đô thị thông minh
Cách tiếp cận	Quy hoạch tổng thể; tiếp cận từ trên xuống; duy ý chí	Quy hoạch thích ứng; dữ liệu thời gian thực; ra quyết định dựa trên bằng chứng dữ liệu
Mục tiêu	Tổ chức không gian vật lý - hạ tầng - dân cư theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội.	Tổ chức không gian và hệ thống đô thị dựa trên dữ liệu thời gian thực, tính linh hoạt, và khả năng thích ứng với thay đổi.
Cơ sở dữ liệu	Dựa trên khảo sát định kỳ, bản đồ địa hình, thống kê nhân khẩu học, điều tra xã hội học…	Dựa trên dữ liệu lớn (big data), GIS, IoT, Digital Twin, cập nhật liên tục và đa nguồn.
Công cụ quy hoạch	Công cụ bản đồ tĩnh, báo cáo giấy, quy trình 5-10 năm/lần.	Công cụ GIS, mô phỏng 3D, AI hỗ trợ ra quyết định, mô hình hóa kịch bản phát triển.
Tính linh hoạt	Cứng nhắc, khó điều chỉnh khi bối cảnh thay đổi.	Linh hoạt, cập nhật theo dữ liệu mới.
Sự tham gia của cộng đồng	Hạn chế, chủ yếu ở giai đoạn công bố, lấy ý kiến.	Mở, liên tục qua nền tảng số, bản đồ tương tác.
Quản trị đô thị	Phân tán giữa các ngành/lĩnh vực, khó chia sẻ thông tin.	Tích hợp trên nền tảng dữ liệu đô thị thống nhất (Urban Data Platform), tạo điều kiện cho quản trị hợp tác, quả trị tích hợp.

Quy hoạch ĐTTM là một sự thay đổi mô hình cả về tư duy lẫn bộ công cụ. Nó không phủ nhận các nguyên lý quy hoạch truyền thống (thực tế còn khẳng định lại tầm quan trọng của quy hoạch) nhưng nó nâng cấp chúng cho thế kỷ 21. Nhu cầu cho sự tiến hóa này đến từ quy mô và độ phức tạp của các thách thức đô thị hiện nay. Hành trình từ quy hoạch truyền thống đến quy hoạch ĐTTM được đặc trưng bởi việc tích hợp sâu hơn công nghệ và thông tin vào quá trình quy hoạch, nhưng đồng thời cũng nhấn mạnh hơn tới con người và quy trình. Với tư duy như vậy, quy hoạch ĐTTM sẽ giúp tạo dựng nền tảng xây dựng các đô thị thông minh hơn, bền vững, thích ứng và hướng tới con người nhiều hơn. Những điều mà quy hoạch truyền thống khó có thể giải quyết được trong bối cảnh mới.

Vai trò của Quy hoạch đô thị thông minh trong Quản trị đô thị

Quy hoạch ĐTTM với những đặc điểm nổi bật phân biệt với cách tiếp cận truyền thống bao gồm: Tích hợp công nghệ và dữ liệu; Tích hợp liên ngành; Sự tham gia của cộng đồng qua nền tảng số; Linh hoạt và thích ứng cao; Coi trọng vấn đề bảo mật, an toàn thông tin và quyền riêng tư, có thể thể hiện vai trò then chốt trong việc là nền tảng định hình và nâng cao chất lượng quản trị đô thị trong thời đại công nghệ số. Vai trò của nó được thể hiện qua một số cơ chế nổi bật: (1) Tích hợp hạ tầng số; (2) Sử dụng các công cụ hỗ trợ ra quyết định; và (3) Thúc đẩy quy hoạch có sự tham gia của cộng đồng.

1. Tích hợp hạ tầng số trong quy hoạch: Khác với quy hoạch đô thị truyền thống chỉ chú trọng hạ tầng vật lý (đường xá, cấp thoát nước, ...), quy hoạch ĐTTM chủ động bố trí và tích hợp hạ tầng kỹ thuật số vào cấu trúc đô thị. Ngay trong giai đoạn quy hoạch chung và chi tiết, các thành phố thông minh đã xác định rõ vị trí, quy mô đất đai và yêu cầu kỹ thuật để phát triển mạng lưới hạ tầng ICT như cáp quang, trạm cảm biến IoT, trung tâm dữ liệu, trạm sạc xe điện... . Ví dụ, quy hoạch chi tiết khu đô thị mới có thể dành sẵn hành lang cho mạng 5G hoặc bố trí không gian cho trung tâm điều hành đô thị. Việc tích hợp này đảm bảo rằng khi đô thị đi vào vận hành, chính quyền có sẵn nền tảng công nghệ để triển khai các dịch vụ thông minh (như hệ thống giám sát giao thông, quản lý chiếu sáng thông minh) và thu thập dữ liệu theo thời gian thực phục vụ cho công tác quản trị. Hơn nữa, sự chuẩn bị về hạ tầng số ngay từ quy hoạch giúp tránh việc phải cải tạo tốn kém sau này, đồng thời tạo điều kiện cho các dịch vụ đô thị thông minh phát triển đồng bộ với hạ tầng đô thị truyền thống.

2. Công cụ hỗ trợ ra quyết định: Quy hoạch ĐTTM cung cấp cho nhà quản lý bộ công cụ số hóa để hỗ trợ quá trình ra quyết định nhanh hơn và chính xác hơn. Một ví dụ tiêu biểu là việc ứng dụng mô hình mô phỏng đô thị 3D và các hệ thống phân tích dự báo. Tại Helsinki, mô hình thành phố ảo Helsinki 3D+ (một dạng digital twin) đóng vai trò như nền tảng hợp tác cho phép các nhà quy hoạch, cư dân và các bên liên quan cùng thiết kế và kiểm nghiệm các phương án phát triển đô thị trong tương lai[4]. Mô hình này tích hợp dữ liệu đa dạng (về giao thông, năng lượng, khí hậu, ...) và cho phép phân tích kịch bản theo thời gian thực, giúp dự báo tác động của các chiến lược phát triển khác nhau. Nhờ công cụ này, các quyết định quản lý (ví dụ mở tuyến giao thông mới, quy hoạch khu vực phát triển trọng điểm) được đưa ra dựa trên kết quả mô phỏng đáng tin cậy, tối ưu hóa phân bổ nguồn lực và giảm thiểu tác động môi trường. Bên cạnh mô hình 3D, các thành phố thông minh còn sử dụng những công cụ hỗ trợ khác như hệ thống hỗ trợ ra quyết định đa tiêu chí (MCDA) trong đánh giá dự án, trí tuệ nhân tạo (AI) trong dự báo nhu cầu hạ tầng, hay bảng điều khiển dữ liệu (dashboard) tại trung tâm điều hành đô thị để giám sát và điều chỉnh dịch vụ theo thời gian thực. Những công cụ này tạo thành cầu nối giữa quy hoạch và quản trị: quy hoạch cung cấp công cụ, còn quản trị sử dụng chúng để điều hành đô thị linh hoạt và hiệu quả hơn.

3. Sự tham gia của cộng đồng: Một cơ chế quan trọng khác là lồng ghép sự tham gia của người dân và doanh nghiệp vào quá trình quy hoạch, qua đó cải thiện chất lượng quản trị đô thị. Quy hoạch ĐTTM thường triển khai các nền tảng số trực tuyến giúp cộng đồng dễ dàng đóng góp ý kiến vào các đồ án quy hoạch, giám sát tiến độ và phản hồi về chất lượng dịch vụ đô thị. Bài học từ thành phố Barcelona là ví dụ điển hình cho sự tham gia của cộng đồng vào quy hoạch. Barcelona ứng dụng nền tảng Decidim để người dân tham gia quy hoạch và đề xuất dự án[5]. Mỗi bản quy hoạch đều được chia sẻ trên bản đồ số tương tác, minh bạch và có thể theo dõi tiến độ triển khai. Dữ liệu quy hoạch tích hợp với thông tin ngân sách và hạ tầng, giúp thành phố điều hành một cách minh bạch và có trách nhiệm[6].

Rất dễ nhận thấy, việc người dân và các tổ chức xã hội được tham gia ngay từ khâu quy hoạch sẽ tạo ra sự đồng thuận và ủng hộ khi triển khai, qua đó giảm thiểu các xung đột và khiếu nại trong quản lý đô thị sau này. Hơn nữa, quy hoạch tham gia còn giúp nâng cao trách nhiệm giải trình và tính minh bạch của chính quyền, những yếu tố cốt lõi của quản trị đô thị tốt. Có thể nói, bằng cách mở rộng cánh cửa cho sự tham gia, quy hoạch ĐTTM không chỉ tạo ra những kế hoạch phát triển phù hợp hơn mà còn góp phần xây dựng mô hình quản trị dân chủ, gắn kết giữa chính quyền và cộng đồng đô thị.

Triển khai quy hoạch đô thị thông minh tại Việt Nam

Khái niệm ĐTTM và quy hoạch ĐTTM đã được quan tâm và thể chế hóa trong chính sách, pháp luật. Đề án 950 do Thủ tướng phê duyệt ngày 01/8/2018 đã đề ra mục tiêu, lộ trình phát triển ĐTTM đến năm 2025 và định hướng đến 2030, đồng thời xác định 3 trụ cột cho phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam, gồm: (1) Quy hoạch đô thị thông minh, (2) Quản lý đô thị thông minh, (3) Tiện ích đô thị thông minh, trên nền tảng cơ sở dữ liệu đô thị và ứng dụng khoa học công nghệ. Việc Chính phủ đề cao quy hoạch đô thị thông minh như một trụ cột riêng biệt cho thấy nhận thức rõ: mọi ứng dụng thông minh rời rạc sẽ khó bền vững nếu thiếu một quy hoạch tích hợp, định hướng dài hạn. Đặc biệt gần đây ngày 14/10/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 269/2025/NĐ-CP về phát triển ĐTTM[8], đây là văn bản pháp lý quan trọng đặt nền móng cho việc triển khai quy hoạch ĐTTM trong cả nước. Nghị định này xác định rõ quy hoạch ĐTTM là một nội dung phải được tích hợp trong quá trình lập và điều chỉnh quy hoạch đô thị các cấp. Cụ thể, khi lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch, các địa phương phải bổ sung các mục tiêu, giải pháp hướng đến ĐTTM

vào đồ án; đồng thời sử dụng các công cụ công nghệ như mô hình thông tin đô thị (CIM) để đánh giá tác động và hỗ trợ ra quyết định trong quy hoạch. Nghị định cũng yêu cầu quy hoạch chung đô thị lớn phải định hướng các giải pháp thông minh về không gian, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng số; xác định các khu vực ưu tiên thí điểm triển khai ĐTTM trong kỳ quy hoạch. Ở mức quy hoạch phân khu, chi tiết, cần cụ thể hóa vị trí, quy mô cho hạ tầng kỹ thuật thông minh (như mạng lưới cảm biến, trạm công nghệ) cũng như các chỉ tiêu kỹ thuật để quản lý, phát triển ĐTTM trong phạm vi quy hoạch. Đây là bước tiến đáng kể, giúp luật hóa yêu cầu lồng ghép nội dung thông minh vào công tác quy hoạch đô thị truyền thống.

Song song với khung pháp lý cấp Chính phủ, Bộ Xây dựng đã ban hành hướng dẫn chi tiết nhằm hỗ trợ các địa phương hiện thực hóa mục tiêu ĐTTM. Đáng chú ý, Công văn 6862/BXD-PTĐT ban hành ngày 12/12/2024 của Bộ Xây dựng hướng dẫn áp dụng Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững - Phiên bản 1.0[9]. Bộ tiêu chí này gồm 17 nhóm với 60 tiêu chí cụ thể, chia làm 4 cấp độ trưởng thành của ĐTTM: Cơ bản, Nâng cao, Tiên phong và Bền vững. Trong đó, Quy hoạch ĐTTM được coi là một trụ cột phát triển và có các tiêu chí đánh giá riêng. Chẳng hạn, tiêu chí mức Cơ bản (cấp độ 1) yêu cầu "Quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị được lập trên nền tảng GIS" (QH-01), qua đó đo lường việc số hóa công tác lập quy hoạch. Ở cấp độ Nâng cao (cấp 2), tiêu chí QH-02 đòi hỏi có "Hệ thống quản lý quy hoạch và phát triển đô thị trên nền GIS", tức là không chỉ lập quy hoạch số hóa mà còn quản lý quá trình phát triển bằng công cụ GIS. Tiêu chí QH-03, QH-04 yêu cầu mức độ ứng dụng BIM trong công trình lớn và trang bị hệ thống quản lý tòa nhà (BMS), phản ánh việc đưa công nghệ vào quản lý đô thị cụ thể. Ở cấp Bền vững (cấp 4) cao nhất, tiêu chí QH-05 đặt mục tiêu áp dụng công cụ hỗ trợ ra quyết định (DSS) trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị. Như vậy, lộ trình Bộ Xây dựng đưa ra là từ nền tảng GIS & số hóa dữ liệu (cấp 1) tiến lên quản trị thông minh bằng BIM, BMS (cấp 2-3) và ra quyết định thông minh bằng DSS (cấp 4). Nhiều địa phương ở Việt Nam đã bắt đầu căn cứ bộ tiêu chí để xây dựng đề án ĐTTM, đặt ra mục tiêu cụ thể như "đến năm 2030 đạt cấp độ 3 về quy hoạch ĐTTM".

Nhìn chung, Việt Nam đang từng bước cụ thể hóa khái niệm quy hoạch ĐTTM qua hệ thống văn bản pháp luật và hướng dẫn kỹ thuật. Từ quy định tích hợp nội dung thông minh vào quy hoạch, phát triển hạ tầng số đô thị cho tới việc sử dụng GIS, BIM, ứng dụng cảm biến trong quản lý đô thị, tất cả đều cho thấy quyết tâm đưa công nghệ và đổi mới sáng tạo vào công tác quy hoạch. Điều này không chỉ giúp các đô thị Việt Nam bắt nhịp với xu thế quốc tế, mà quan trọng hơn, kỳ vọng giải quyết được nhiều vấn đề nội tại như ùn tắc giao thông, ngập úng, ô nhiễm môi trường, quá tải hạ tầng… thông qua những giải pháp quy hoạch thông minh và bền vững hơn

Nội dung thực hiện quy hoạch đô thị thông minh

Để triển khai quy hoạch ĐTTM, các nội dung thực hiện chính bao gồm:

1. Tầm nhìn và mục tiêu "thông minh" trong quy hoạch: Ngay từ giai đoạn định hướng, quy hoạch đô thị cần xác lập tầm nhìn chiến lược hướng tới đô thị thông minh và bộ mục tiêu phát triển cụ thể có thể đo lường. Những mục tiêu này phải phù hợp với chiến lược phát triển đô thị thông minh quốc gia và đề án, kế hoạch phát triển đô thị thông minh của địa phương, đồng thời được lồng ghép chặt chẽ vào nội dung đồ án quy hoạch. Ví dụ, quy hoạch chung đô thị cần đề ra mục tiêu về chuyển đổi số trong quản lý đô thị, tiết kiệm năng lượng, giao thông thông minh, cộng đồng số… để làm kim chỉ nam cho các giai đoạn phát triển. Việc đề xuất các chỉ tiêu thông minh (như chiếu sáng thông minh, tiết kiệm năng lượng, tỷ lệ nước tái sử dụng, hệ thống quan trắc, khu vực thí điểm đổi mới sáng tạo, ….) ngay trong đồ án quy hoạch sẽ giúp định hướng rõ ràng cho quá trình triển khai sau này. Trong trường hợp đô thị chưa có quy hoạch phân khu, quy hoạch chung cũng nên xác định các khu vực ưu tiên hoặc thí điểm để phát triển đô thị thông minh (ví dụ: khu trung tâm sẽ thí điểm hệ thống giao thông thông minh, một quận ngoại vi thí điểm lưới điện thông minh). Cách làm này đảm bảo tính khả thi và từng bước cho lộ trình xây dựng đô thị thông minh.

2. Tích hợp giải pháp thông minh vào quy hoạch không gian: Quy hoạch ĐTTM không lập mới hoàn toàn tách rời quy hoạch truyền thống, mà tích hợp các giải pháp thông minh vào các đồ án quy hoạch hiện có. Khi lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết,... các nội dung về đô thị thông minh được bổ sung phù hợp với cấp độ quy hoạch. Ví dụ, quy hoạch chung cần xác định các giải pháp đô thị thông minh trong tổ chức không gian, kiến trúc, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, như bố trí hạ tầng cảm biến IoT, không gian cho xe điện, trung tâm dữ liệu đô thị, và đề xuất các khu vực thí điểm ứng dụng công nghệ trong từng giai đoạn phát triển. Quy hoạch phân khu và chi tiết thì cụ thể

hóa hơn, chẳng hạn xác định vị trí và yêu cầu kỹ thuật cho mạng lưới hạ tầng thông minh (các trạm sạc xe điện, camera giao thông, trạm quan trắc môi trường...), tích hợp giải pháp số vào quản lý dịch vụ công cộng ở cấp khu vực.

3. Thiết lập hạ tầng dữ liệu và nền tảng số: Một nội dung trọng tâm là xây dựng các hệ thống thông tin đô thị tích hợp để hỗ trợ quy hoạch và quản lý. Điều này bao gồm cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị đồng bộ trên nền GIS, tích hợp các lớp dữ liệu về sử dụng đất, dân cư, hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội... trong một hệ tọa độ thống nhất. Hệ thống này cần kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia liên quan (đất đai, dân cư, doanh nghiệp,...) để nhà quy hoạch có cái nhìn toàn diện nhất. Phát triển mô hình thông tin đô thị (CIM - City Information Modeling), tức một hệ thống mô phỏng số về đô thị, tập hợp dữ liệu không gian và dữ liệu chuyên ngành làm nền tảng cho phân tích đa chiều. Bên cạnh đó là xây dựng bản sao số (digital twin) của thành phố, phiên bản số cập nhật liên tục phản ánh trạng thái thực tế của đô thị nhằm thử nghiệm các kịch bản phát triển và hỗ trợ ra quyết định tốt hơn. Hạ tầng dữ liệu cũng đòi hỏi thiết lập các cơ sở dữ liệu đô thị liên thông dùng chung về quy hoạch, đất đai, giao thông, dân cư,... và các nền tảng tích hợp dữ liệu theo thời gian thực từ hạ tầng IoT (cảm biến đô thị).

4. Ứng dụng công nghệ trong quá trình lập và thực thi quy hoạch: Trong từng bước của quy trình quy hoạch, các công nghệ mới được áp dụng để nâng cao hiệu quả. Ví dụ, sử dụng mô hình 3D và thực tế ảo tăng cường (AR) để trực quan hóa phương án quy hoạch cho cộng đồng góp ý; dùng các công cụ mô phỏng giao thông, mô phỏng ngập lụt để đánh giá tác động phương án; đề xuất khuyến khích áp dụng hệ thống hỗ trợ ra quyết định (Decision Support System - DSS) trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị. DSS sẽ tích hợp dữ liệu lớn (Big Data) và các thuật toán AI để giúp nhà quản lý thử nghiệm nhiều kịch bản quy hoạch khác nhau, so sánh lợi ích - chi phí, dự báo xu hướng tương lai (tăng dân số, biến đổi khí hậu, nhu cầu giao thông…) một cách định lượng, từ đó ra quyết định tối ưu. Khi thực thi quy hoạch, công nghệ số cũng giúp quản lý và giám sát hiệu quả hơn, như hệ thống quản lý công trình xây dựng trực tuyến, ứng dụng theo dõi tiến độ phát triển đô thị qua ảnh vệ tinh, …. Tất cả nhằm tạo ra quy trình quy hoạch và quản lý linh hoạt, phản ứng nhanh dựa trên dữ liệu mới nhất.

5. Đảm bảo kết nối với các chương trình khác: Nội dung quy hoạch đô thị thông minh thường được liên kết chặt chẽ với các chương trình chuyển đổi số, kế hoạch phát triển đô thị và chương trình liên ngành khác của địa phương. Việc này nhằm tránh chồng chéo, lãng phí nguồn lực và đảm bảo tính đồng bộ. Ví dụ, việc quy hoạch hạ tầng số đô thị (các trung tâm dữ liệu, mạng viễn thông 5G...) cần phù hợp với chiến lược chính quyền điện tử và chuyển đổi số quốc gia; hay các dự án thí điểm thành phố thông minh cần gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Mô hình quản trị đô thị định hướng bởi quy hoạch đô thị thông minh

Mô hình quản trị đô thị định hướng bởi quy hoạch đô thị thông minh là một cách tiếp cận mới nhằm tích hợp hiệu quả các công cụ công nghệ, dữ liệu và quy trình ra quyết định vào quản trị đô thị hiện đại. Trong mô hình này, "quản trị đô thị thông minh" không phải là giai đoạn sau quy hoạch, mà là một phần của quá trình quy hoạch ngay từ đầu. Khác với các mô hình quản trị dựa thuần túy vào công nghệ hoặc dữ liệu rời rạc, mô hình này xem quy hoạch thông minh như một hệ quy chiếu nền tảng để tổ chức, liên kết và chuẩn hóa toàn bộ hệ sinh thái dữ liệu đô thị phục vụ cho quản trị. Trong mô hình này, dữ liệu quy hoạch đô thị thông minh không phải là nền tảng duy nhất của hệ thống dữ liệu đô thị liên thông nhưng đóng vai trò là "khung không gian", nơi các lớp dữ liệu khác nhau như cảm biến giao thông, chất lượng không khí, dữ liệu dân cư, hành chính… được gắn kết, phân tích và hình dung trong mối quan hệ không gian. Điều này giúp tạo ra một hệ cơ sở dữ liệu liên thông, có khả năng tích hợp theo không gian - thời gian và hỗ trợ ra quyết định theo địa điểm cụ thể. Vai trò của quy hoạch đô thị thông minh trong mô hình này bao gồm:

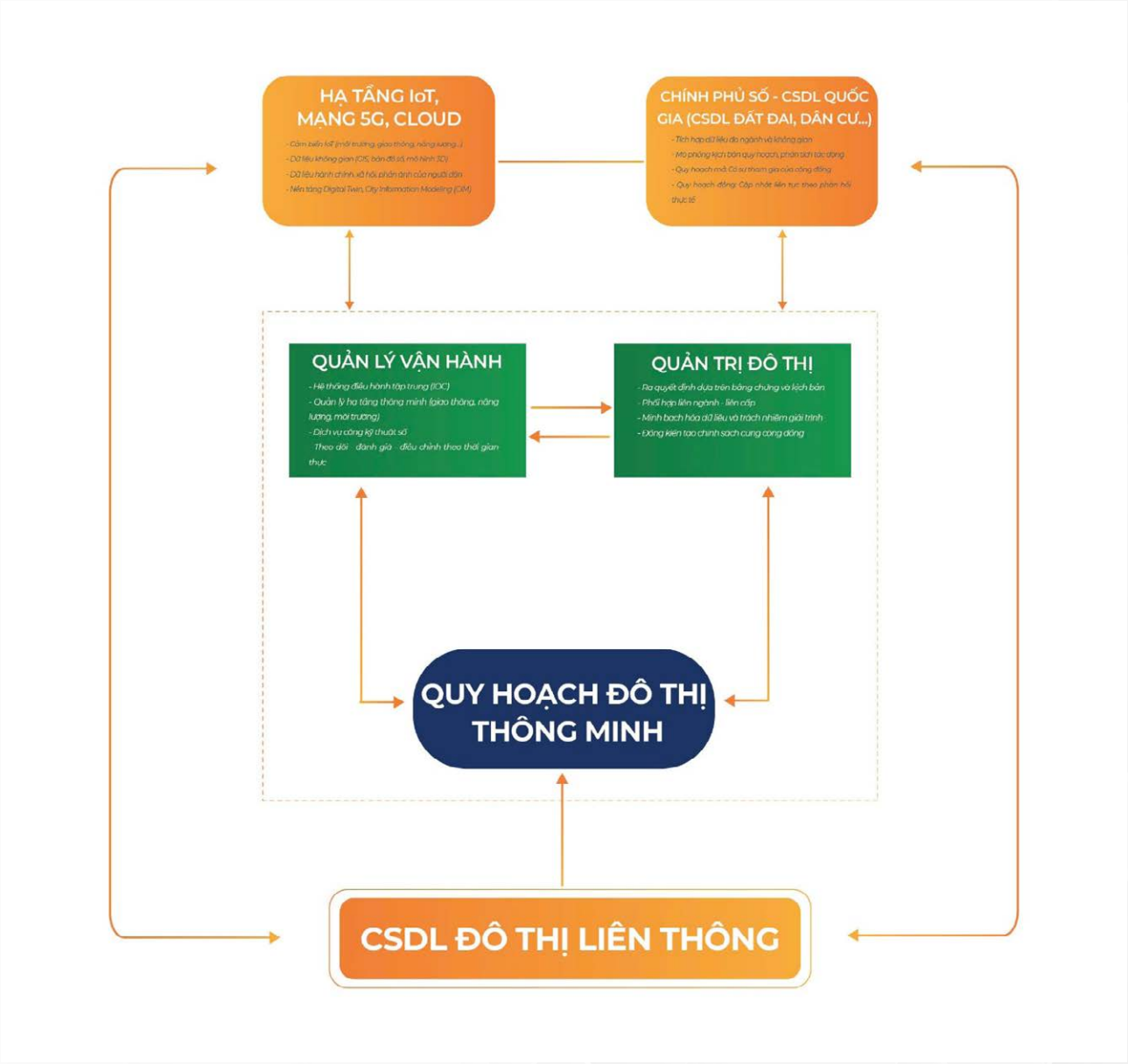
1. Quản trị dữ liệu định vị: Dữ liệu đô thị không chỉ thu thập, mà còn được định vị vào hệ quy chiếu quy hoạch thông minh (GIS, bản đồ số, mô hình 3D, Digital Twin), từ đó cho phép phân tích không gian, dự báo và mô phỏng các kịch bản phát triển đô thị với độ chính xác cao.

2. Phối hợp tích hợp liên ngành: Quy hoạch không gian số đóng vai trò làm cầu nối giữa các ngành, từ giao thông, năng lượng đến y tế, giáo dục. Các cơ quan chức năng có thể dùng cùng một bản đồ và hệ dữ liệu để phối hợp đầu tư, tránh xung đột và trùng lặp.

3. Tham gia và giám sát xã hội theo không gian: Người dân có thể theo dõi quy hoạch, các dự án phát triển và phản hồi thông qua các nền tảng số tương tác gắn với địa điểm cụ thể. Điều này gia tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quản trị đô thị.

4. Học hỏi thích nghi theo dữ liệu: Dữ liệu thời gian thực từ các hệ thống cảm biến và phản hồi của người dân liên tục được cập nhật vào hệ quy chiếu không gian, giúp chính quyền đánh giá hiệu quả chính sách, phát hiện vấn đề và điều chỉnh kế hoạch linh hoạt.

Mô hình quản trị đô thị định hướng bởi quy hoạch đô thị thông minh được thể hiện với 4 tầng:



(1) Tầng 1: Dữ liệu đô thị liên thông (cung cấp số liệu đầu vào cho các phân tích chính sách và mô phỏng kịch bản)

- Cảm biến IoT (môi trường, giao thông, năng lượng…);
- Dữ liệu không gian (GIS, bản đồ số, mô hình 3D);
- Dữ liệu hành chính, xã hội, phản ánh của người dân
- Nền tảng Digital Twin, City Information Modeling (CIM)

(2) Tầng 2: Quy hoạch đô thị thông minh

- Tích hợp dữ liệu đa ngành và không gian
- Mô phỏng kịch bản quy hoạch, phân tích tác động

- Quy hoạch mở: có sự tham gia của cộng đồng
- Quy hoạch động: cập nhật liên tục theo phản hồi thực tế

(3) Tầng 3: Quản lý và vận hành thông minh (Quy hoạch thông minh định hướng vận hành)

- Hệ thống điều hành tập trung (IOC)
- Quản lý hạ tầng thông minh (giao thông, năng lượng, môi trường)
- Dịch vụ công kỹ thuật số
- Theo dõi - đánh giá - điều chỉnh theo thời gian thực

(4) Tầng 4: Quản trị đô thị thông minh

- Ra quyết định dựa trên bằng chứng và kịch bản
- Phối hợp liên ngành - liên cấp
- Minh bạch hóa dữ liệu và trách nhiệm giải trình
- Đồng kiến tạo chính sách cùng cộng đồng

Kết luận

Trong bối cảnh đô thị ngày càng phức tạp và dễ tổn thương trước các biến đổi toàn cầu, nhu cầu về một mô hình quản trị đô thị mới trở nên cấp thiết. Để xây dựng được các đô thị thông minh thực sự, không chỉ thông minh về công nghệ mà còn thông minh về thể chế và con người thì cần khởi đầu từ một nền tảng vững chắc: quy hoạch đô thị thông minh.

Khác với quan niệm truyền thống coi quy hoạch là bước đi ban đầu thuần túy kỹ thuật, quy hoạch đô thị thông minh trong mô hình đề xuất không chỉ là công cụ hoạch định không gian, mà còn là trục tích hợp dữ liệu, nền tảng tổ chức thông tin liên ngành, và môi trường đồng kiến tạo chính sách. Khi quy hoạch trở nên thông minh hơn, gắn kết với các hệ thống dữ liệu đô thị và mở ra cho sự tham gia của cộng đồng, nó trở thành "bản đồ hành động" cho quản trị đô thị, giúp dự báo tốt hơn, phối hợp hiệu quả hơn, ra quyết định chính xác hơn và phản ứng kịp thời hơn trước các tình huống bất định. Mô hình "quản trị đô thị định hướng bởi quy hoạch đô thị thông minh" không thay thế vai trò của công nghệ hay thể chế, mà đặt chúng vào một kiến trúc tích hợp, nơi quy hoạch đóng vai trò thiết kế và dẫn dắt toàn hệ thống. Chính nhờ quy hoạch, các nền tảng dữ liệu trở nên hữu ích; các công nghệ trở nên có định hướng; và các quyết định quản trị trở nên gắn kết với thực tiễn không gian - thời gian của đô thị. Tại Việt Nam, với sự ra đời của Nghị định 269/2025/NĐ-CP và hệ thống bộ tiêu chí quốc gia, khung pháp lý đã sẵn sàng để hiện thực hóa cách tiếp cận này.

Giai đoạn tới, xây dựng đô thị thông minh không còn dừng ở các chính sách khuyến khích, không còn nằm ở việc "có làm hay không", mà là "làm như thế nào cho đúng và hiệu quả". Để làm được điều đó, cần có sự đổi mới tư duy mạnh mẽ trong cơ quan quản lý đô thị, sự đầu tư cho hạ tầng dữ liệu và quy hoạch số, cũng như sự đồng hành từ cộng đồng và khu vực tư nhân. Và, quy hoạch đô thị thông minh sẽ đóng vai trò nền tảng để xây dựng nên các đô thị thông minh hơn, bền vững, thích ứng hơn với con người là trung tâm của sự phát triển.

"Quy hoạch đô thị thông minh không chỉ vẽ nên đô thị của tương lai mà còn định hình cách chúng ta quản trị đô thị hôm nay".

Tài liệu tham khảo

1. Geertman, S. (2006). Potentials for planning support: a planning-conceptual approach. *Environment and Planning B: Planning and Design*, 33(6), 863-880.

2. Spiridonov, V. Y., & Shabiev, S. G. (2020). Smart Urban Planning: Modern technologies for ensuring sustainable territorial development. *IOP Conference Series: Materials Science and Engineering*, 962(3), 032034.

3. OECD. (2020). *The Governance of Smart Cities*. OECD Publishing.

4. Helsinki City. (2022). *Helsinki 3D+: Virtual city model and planning platform*. https://kartta.hel.fi

5. Barns, S. (2018). Smart cities and urban data platforms: Designing interfaces for smart governance. *City, Culture and Society*, 12, 5-12.

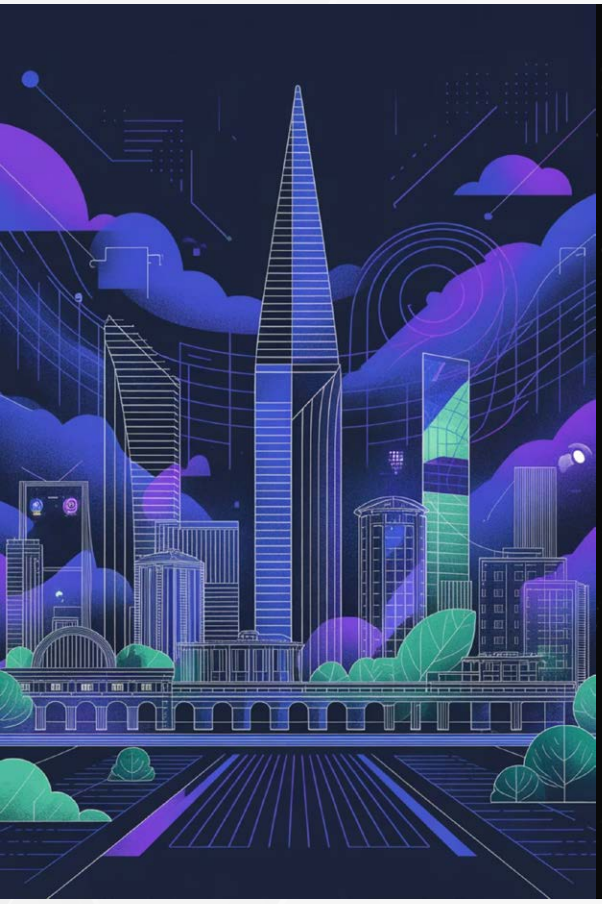
6. Barcelona City Council. (2020). *Barcelona Smart City Strategy*. Ajuntament de Barcelona. https://ajuntament.barcelona.cat

7. URA Singapore. (2023). *Virtual Singapore: A dynamic 3D digital twin for planning and innovation*. https://www.ura.gov.sg

8. Bộ Xây dựng. (2024). *Công văn số 6862/BXD-PTĐT ngày 12/12/2024 về hướng dẫn áp dụng Bộ tiêu chí đô thị thông minh bền vững (phiên bản 1.0)*.

9. Chính phủ Việt Nam. (2025). *Nghị định số 269/2025/NĐ-CP về phát triển đô thị thông minh*.

10. Trần Quốc Thái (2025). *Báo cáo tổng kết Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018-2025, định hướng đến 2030*. Bộ Xây dựng, Hà Nội.



DIỄN ĐÀN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM 2025
Hà Nội, 05.11.2025

KIẾN TẠO ĐÔ THỊ THÔNG MINH DỰA TRÊN NỀN TẢNG KHCN-ĐMST - CHUYỂN ĐỔI SỐ

PGS.TS. HOÀNG HỮU HẠNH

Phó Cục trưởng
Cục Chuyển đổi số Quốc gia – Bộ Khoa học và Công nghệ

Nội dung trình bày

01

Tinh thần Nghị quyết 57

Phân tích sâu sắc nội dung, định hướng và tầm nhìn chiến lược của Nghị quyết 57-NQ/TW về chuyển đổi số quốc gia, vai trò của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

02

Phát triển đô thị thông minh

Xác định mối quan hệ mật thiết giữa chuyển đổi số quốc gia và quá trình xây dựng, phát triển các đô thị thông minh trên toàn lãnh thổ.

03

Nghị định 269

Phân tích chi tiết những quy định, cơ chế đột phá và điểm mới quan trọng trong Nghị định 269/2025/NĐ-CP về phát triển đô thị thông minh.

04

Cục CĐS Quốc gia

Làm rõ vị trí, chức năng và trách nhiệm của Cục Chuyển đổi số Quốc gia trong việc triển khai và giám sát các chính sách về đô thị thông minh.

Bối cảnh ban hành Nghị quyết 57

Xu hướng toàn cầu

Thế giới đang chuyển đổi mạnh mẽ sang nền kinh tế tri thức, kinh tế dữ liệu và trí tuệ nhân tạo. Các quốc gia phát triển đều ưu tiên đầu tư vào chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

Yêu cầu phát triển quốc gia

Việt Nam cần tạo đột phá về năng suất lao động, tự chủ công nghệ và nâng cao sức cạnh tranh để phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Định hướng chiến lược

Nghị quyết 57-NQ/TW năm 2024 xác định rõ ràng khoa học-công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là ba trụ cột nền tảng cho sự phát triển bền vững của đất nước.

BỘ 3 CHIẾN LƯỢC: KHOA HỌC CÔNG NGHỆ x ĐỔI MỚI SÁNG TẠO x CHUYỂN ĐỔI SỐ

- KHCN - Nền tảng: Tạo tri thức, công nghệ mới từ nghiên cứu
- ĐMST - Quá trình: Tạo sản phẩm, dịch vụ, công cụ mới có giá trị thực tiễn
- CĐS - Môi trường: Tạo mảnh đất mầu mỡ phổ cập nhanh sản phẩm mới

Việt Nam thuộc nhóm tiên phong thế giới (dưới 5% các nước) nhận thấy tầm quan trọng và biết cách tạo hệ sinh thái từ bộ ba này. Đây là lựa chọn chiến lược, ưu tiên hàng đầu để Việt Nam giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

5 trụ cột của Nghị quyết 57 về Chuyển đổi số

1

Hoàn thiện thể chế và sandbox

Xây dựng hành lang pháp lý đồng bộ, tạo môi trường sandbox để thử nghiệm các mô hình, công nghệ mới trong điều kiện kiểm soát, khuyến khích đổi mới sáng tạo.

2

Phát triển nhân lực số

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng số, tư duy số, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số và xã hội số trong thời đại công nghệ 4.0.

3

Đầu tư hạ tầng số và dữ liệu

Xây dựng hạ tầng viễn thông, internet băng rộng, trung tâm dữ liệu và hệ thống chia sẻ, khai thác dữ liệu đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm an toàn thông tin.

4

Xây dựng hệ sinh thái ĐMST

Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo kết nối doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và Nhà nước, tạo môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp đổi mới.

5

Chính phủ số - Kinh tế số - Xã hội số

Triển khai đồng bộ ba trụ cột: chính phủ số hiện đại, kinh tế số năng động và xã hội số toàn diện, hướng tới phục vụ tốt hơn người dân và doanh nghiệp.

Tinh thần và thông điệp Nghị quyết 57

> "Chuyển đổi số không chỉ là số hóa, mà là đổi mới toàn diện cách chúng ta sống và phát triển."

Đặt con người làm trung tâm

Nghị quyết 57 khẳng định rõ ràng việc đưa người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của mọi hoạt động chuyển đổi số. Mọi giải pháp công nghệ đều hướng đến mục tiêu phục vụ tốt hơn nhu cầu thực tế và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đột phá chiến lược mới

Chuyển đổi số được xác định là đột phá chiến lược quan trọng nhất trong giai đoạn hiện nay, là chìa khóa để Việt Nam rút ngắn khoảng cách phát triển và đuổi kịp các nước tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Quản lý đô thị dựa trên Dữ liệu và CĐS

Hạn chế của quản trị truyền thống

Quản trị đô thị theo phương thức truyền thống đang bộc lộ nhiều hạn chế: phân mảnh dữ liệu, thiếu liên thông, phản ứng chậm với các vấn đề phát sinh, khó khăn trong dự báo và hoạch định chính sách.

Ra quyết định dựa trên dữ liệu

Chuyển đổi số mang đến khả năng thu thập, phân tích dữ liệu thời gian thực từ nhiều nguồn, giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời và dựa trên bằng chứng khoa học.

Đô thị thông minh là biểu hiện cụ thể

Đô thị thông minh chính là hiện thân sinh động nhất của chuyển đổi số ở cấp độ địa phương, nơi các giải pháp công nghệ được ứng dụng toàn diện trong quản lý và phục vụ cộng đồng.

Vai trò của Cục Chuyển đổi số Quốc gia

Đầu mối triển khai

Cục CĐS Quốc gia đóng vai trò là đầu mối chính trong việc triển khai các chính sách chuyển đổi số cho phát triển đô thị thông minh, hướng dẫn và hỗ trợ các địa phương thực hiện hiệu quả.

Kết nối đa bên

Xây dựng và duy trì mạng lưới kết nối chặt chẽ giữa các địa phương, doanh nghiệp công nghệ trong nước, tập đoàn quốc tế và các tổ chức nghiên cứu để chia sẻ kinh nghiệm và nguồn lực.

Giám sát và đánh giá

Theo dõi, đo lường các chỉ số chuyển đổi số quốc gia và địa phương, đánh giá tiến độ, hiệu quả triển khai và đề xuất các giải pháp cải tiến phù hợp với từng giai đoạn phát triển.

Khái niệm Đô thị thông minh

> "Đô thị thông minh là đô thị lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực cốt lõi."



Định nghĩa toàn diện

Đô thị thông minh là mô hình đô thị hiện đại tích hợp các công nghệ thông tin, dữ liệu lớn, IoT, AI và các giải pháp số hóa để quản lý hiệu quả các hoạt động đô thị.

Mục tiêu là nâng cao chất lượng dịch vụ công, cải thiện chất lượng sống người dân, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực và bảo vệ môi trường, tạo nền tảng phát triển bền vững.

Mối liên hệ giữa Chuyển đổi số và Đô thị thông minh

ĐTTM là không gian ứng dụng

Đô thị thông minh là môi trường lý tưởng để thử nghiệm, triển khai và tối ưu hóa các giải pháp chuyển đổi số, tạo hiệu quả thiết thực.

CĐS là công cụ triển khai

Chuyển đổi số cung cấp các công nghệ, phương pháp và giải pháp cụ thể để xây dựng và vận hành đô thị thông minh một cách hiệu quả.



Song hành và hỗ trợ

Hai quá trình này không tách rời mà luôn song hành, hỗ trợ và thúc đẩy nhau phát triển, tạo nên sức mạnh tổng hợp cho đô thị.

Các trụ cột của Đô thị thông minh

Hạ tầng kỹ thuật thông minh

Hệ thống giao thông thông minh, lưới điện thông minh, quản lý nước thông minh, hệ thống chiếu sáng công cộng tự động và các tiện ích đô thị được kết nối, điều khiển từ xa.

Hạ tầng số và dữ liệu đô thị

Mạng lưới viễn thông băng rộng, hệ thống IoT, nền tảng dữ liệu mở, trung tâm dữ liệu đô thị với khả năng thu thập, lưu trữ và xử lý dữ liệu quy mô lớn.

Quản trị dựa trên dữ liệu

Trung tâm điều hành đô thị (IOC), hệ thống phân tích dữ liệu thời gian thực, công cụ hỗ trợ ra quyết định dựa trên bằng chứng và dự báo xu hướng phát triển.

Tham gia của người dân và DN

Ứng dụng di động cho người dân, nền tảng góp ý chính sách, dịch vụ công trực tuyến, hệ thống phản ánh kiến nghị và cơ chế công khai minh bạch thông tin.

Hệ sinh thái ĐMST và thử nghiệm

Không gian sandbox cho startup, khu vực thử nghiệm công nghệ mới, chương trình khởi nghiệp đổi mới, liên kết giữa doanh nghiệp-nghiên cứu-nhà nước.

Mục tiêu chính của Đô thị thông minh

Nâng cao chất lượng sống

Cải thiện môi trường sống, tăng cường an ninh an toàn, giảm ô nhiễm, tạo không gian công cộng xanh, sạch, văn minh và thân thiện cho cư dân.

Giảm tác động môi trường

Quản lý năng lượng hiệu quả, giảm phát thải khí nhà kính, tối ưu hóa xử lý rác thải, bảo vệ tài nguyên nước và hướng tới trung hòa carbon.

Tối ưu dịch vụ công

Số hóa toàn bộ thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến 24/7, rút ngắn thời gian xử lý, tăng tính minh bạch và tiện lợi.

Thu hút đầu tư công nghệ cao

Tạo môi trường kinh doanh thông minh, thu hút các dự án công nghệ cao, phát triển ngành công nghiệp số và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Cục CĐSQG trong phát triển Đô thị thông minh

Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia

Ban hành, công bố hệ thống các quy chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc gia cho phát triển đô thị thông minh.

Hướng dẫn triển khai IOC, Digital Twin

Cung cấp tài liệu kỹ thuật, mô hình tham khảo và hỗ trợ kỹ thuật cho địa phương trong việc xây dựng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và mô hình bản sao số (Digital Twin) của đô thị.

Khung kiến trúc ICT phát triển ĐTTM quốc gia

Xây dựng, ban hành và hướng dẫn triển khai Khung kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh; giám sát, đánh giá việc tuân thủ Khung kiến trúc ICT.

Đào tạo năng lực cho địa phương

Tổ chức các khóa bồi dưỡng, hội thảo chuyên đề, chia sẻ kinh nghiệm quốc tế, xây dựng tài liệu hướng dẫn và phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về đô thị thông minh tại các tỉnh thành.

Đô thị thông minh và Phát triển bền vững

Đóng góp vào SDG 11

Đô thị thông minh trực tiếp thực hiện Mục tiêu Phát triển Bền vững số 11 của Liên Hợp Quốc về "Thành phố và cộng đồng bền vững", tạo không gian sống an toàn, bao trùm và bền vững.

Chống chịu biến đổi khí hậu

Nâng cao khả năng dự báo, cảnh báo sớm và ứng phó với thiên tai, lũ lụt, hạn hán. Xây dựng hệ thống hạ tầng xanh và các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu hiệu quả.

Tăng tính minh bạch và sáng tạo

Công khai dữ liệu đô thị, tạo cơ hội cho người dân tham gia giám sát, góp ý chính sách. Khuyến khích đổi mới sáng tạo trong giải quyết các vấn đề đô thị và nâng cao hiệu quả quản trị.

Về Nghị định 269/2025/NĐ-CP

Văn bản pháp lý đột phá

Nghị định 269/2025/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 14 tháng 10 năm 2025, có hiệu lực trên toàn quốc. Đây là lần đầu tiên Việt Nam có một khung pháp lý toàn diện, hệ thống và đồng bộ về phát triển đô thị thông minh.

Nghị định quy định rõ ràng về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý và vận hành đô thị thông minh, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho các địa phương triển khai.

Cơ chế phối hợp đa ngành

Bộ Xây dựng được xác định là cơ quan đầu mối chính, phối hợp chặt chẽ với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông cùng các bộ ngành liên quan để bảo đảm tính đồng bộ.



Phạm vi và Định nghĩa trong Nghị định 269

1 Phạm vi điều chỉnh toàn diện

Nghị định bao quát toàn bộ vòng đời của đô thị thông minh, từ giai đoạn quy hoạch, thiết kế, đầu tư xây dựng, quản lý vận hành đến đánh giá hiệu quả và cải tiến liên tục.

2 Định nghĩa chuẩn mực

Đô thị thông minh được định nghĩa chính thức là đô thị phát triển dựa trên nền tảng chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hướng đến phục vụ người dân và phát triển bền vững.

3 Gắn kết đa bên

Nghị định nhấn mạnh vai trò phối hợp giữa quản lý nhà nước các cấp, doanh nghiệp công nghệ, tổ chức nghiên cứu và sự tham gia tích cực của người dân trong quá trình xây dựng và phát triển đô thị thông minh.

7 điểm mới nổi bật của Nghị định 269

1 Khung ICT và tiêu chuẩn quốc gia

Lần đầu tiên Việt Nam ban hành khung kiến trúc công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) chuẩn cho đô thị thông minh, kèm theo bộ tiêu chuẩn quốc gia chi tiết về các lĩnh vực giao thông, năng lượng, môi trường, an ninh.

2 Digital Twin – Bản sao số đô thị

Quy định cụ thể về xây dựng mô hình bản sao số (Digital Twin) của đô thị, cho phép mô phỏng, dự báo và tối ưu hóa các quyết định quản lý thông qua môi trường ảo trước khi triển khai thực tế.

3 Sandbox thử nghiệm công nghệ

Tạo không gian thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) cho các công nghệ mới, mô hình đổi mới chưa có trong quy chuẩn, khuyến khích startup và doanh nghiệp sáng tạo các giải pháp đột phá.

4 Người dân làm trung tâm

Đặt nhu cầu, lợi ích và trải nghiệm của người dân vào vị trí trung tâm. Quy định rõ các kênh tham gia, cơ chế lấy ý kiến công dân và quyền tiếp cận thông tin, dữ liệu đô thị.

5 Hội đồng điều phối ĐTTM cấp tỉnh

Yêu cầu UBND tỉnh thành lập Hội đồng điều phối đô thị thông minh do Chủ tịch UBND làm trưởng ban, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất và phối hợp liên ngành hiệu quả.

6 Huy động nguồn lực xã hội

Khuyến khích đầu tư theo hình thức PPP (đối tác công tư), thu hút vốn tư nhân, quỹ đầu tư quốc tế và các tổ chức phi chính phủ tham gia phát triển đô thị thông minh.

7 Liên thông dữ liệu và An ninh thông tin

Quy định chi tiết về chia sẻ, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống, các cấp chính quyền. Đồng thời thiết lập các yêu cầu bắt buộc về an toàn, bảo mật và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

So sánh trước và sau Nghị định 269

Trước Nghị định 269



- Chính sách phát triển đô thị thông minh còn phân tán, rời rạc giữa các văn bản pháp luật khác nhau
- Thiếu khung pháp lý thống nhất, gây khó khăn cho địa phương trong việc xác định lộ trình và trách nhiệm
- Không có tiêu chuẩn kỹ thuật chung, dẫn đến tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả
- Các hệ thống công nghệ khó tích hợp, dữ liệu không liên thông giữa các đơn vị

Sau Nghị định 269



- Có khung pháp lý toàn diện, hệ thống và đồng bộ cho phát triển đô thị thông minh
- Quy chuẩn kỹ thuật rõ ràng, tiêu chuẩn dữ liệu thống nhất trên toàn quốc
- Cơ chế sandbox cho phép thử nghiệm công nghệ mới một cách linh hoạt và an toàn
- Đô thị thông minh trở thành cấu phần chính thức và quan trọng của chiến lược chuyển đổi số quốc gia

Trách nhiệm địa phương và Vai trò Cục CĐS

UBND cấp tỉnh

Chủ trì xây dựng đề án phát triển đô thị thông minh phù hợp với điều kiện địa phương. Thành lập Hội đồng điều phối liên ngành. Bố trí nguồn lực và triển khai các dự án cụ thể.

1

Phối hợp liên bộ

Cục CĐS phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng về quy hoạch hạ tầng, Bộ KH&CN về đổi mới công nghệ, bảo đảm triển khai đồng bộ và hiệu quả trên toàn quốc.

3

2

Cục CĐS Quốc gia

Hướng dẫn kỹ thuật, cung cấp tài liệu mẫu và công cụ đánh giá. Giám sát tiến độ triển khai trên toàn quốc. Đánh giá KPI và xếp hạng hiệu quả các địa phương.

Kết luận và Thông điệp Hành động

"Nghị quyết 57 mở đường - Nghị định 269 tạo khung - Cục CĐS.QG dẫn đường."

Lập đề án ĐTTM ngay

Mỗi tỉnh thành cần khẩn trương xây dựng đề án phát triển đô thị thông minh phù hợp với điều kiện, tiềm năng và định hướng phát triển của địa phương.

Hành động quyết liệt

Triển khai ngay các dự án thí điểm, thử nghiệm công nghệ mới, xây dựng hạ tầng số và đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách về đô thị thông minh.

Xây dựng Việt Nam thông minh

Hướng tới mục tiêu xây dựng Việt Nam thông minh, xanh, bền vững và sáng tạo, nơi công nghệ phục vụ con người và phát triển hài hòa với thiên nhiên.

DIỄN ĐÀN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DÔ THỊ VIỆT NAM 2025
Hà Nội, 05.11.2025

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!

PGS.TS. HOÀNG HỮU HẠNH

Phó Cục trưởng | hanhhh@mst.gov.vn
Cục Chuyển đổi số Quốc gia – Bộ Khoa học và Công nghệ

TỔNG HỢP BÀI VIẾT

CHUYÊN ĐỀ 2

ĐÔ THỊ AN TOÀN VÀ THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU HƯỚNG TỚI TĂNG TRƯỞNG XANH, BỀN VỮNG

CONFERENCE SESSION 2

SAFE AND CLIMATE - RESILIENT CITIES TOWARDS GREEN AND SUSTAINABLE GROWTH

OPENING SPEECH - MR. JULIEN SEILLAN
COUNTRY DIRECTOR, AGENCE FRANÇAISE DE DÉVELOPPEMENT (AFD) IN VIETNAM
VIETNAM URBAN FORUM 2025 - THEMATIC SESSION 2

"SAFE AND CLIMATE-RESILIENT CITIES TOWARDS GREEN AND SUSTAINABLE GROWTH"

Distinguished leaders of the Ministry of Construction,

Dear Ms. Sibylle Bachmann, Representative of SECO,

Distinguished representatives from GIZ, the World Bank, UNDP, ministries, cities, international organizations and development partners,

On behalf of The Agence Française de Développement (AFD), I would like to express my sincere thanks to the Ministry of Construction, the organizers of the Vietnam Urban Forum, and to our co-chairs SECO and GIZ, for giving us the opportunity to join this important and timely discussion on:

Safe and climate-resilient urban development towards green and sustainable growth.

1. Climate change - A pressing reality for Vietnamese cities

Vietnam is among the countries most severely affected by climate change. Extreme weather events are becoming more frequent, more intense, and more damaging than ever before.

Over the past five years, the country has faced a series of major disasters:

- Successive storms in 2020, Typhoon Noru in 2022
- Heavy rainfall in 2023
- The historic floods of October 2025 in Hue, Da Nang with over 1,000 mm of rain in 24 hours in Hue and more than 65,000 households affected in Da Nang.

In the North, Ha Giang and Thai Nguyen have also suffered from severe flooding in October 2025 showing that no region in Vietnam is spared from the impacts of climate change. These are no longer "exceptional" events; they have become the new normal for many Vietnamese cities.

2. Urban development and resilience - Two sides of the same strategy

Urban development can no longer be separated from resilience. Every road, every piece of infrastructure, every new neighborhood if properly designed and planned can become a shield protecting communities from climate risks, rather than a weak point when disasters occur. This is the vision that AFD seeks to promote together with Vietnam: A model of urban development that is green, inclusive, and resilient.

3. Strategic partnership between the Ministry of Construction and AFD

In 2022, the Ministry of Construction and AFD signed a Strategic and Technical Partnership Memorandum of Understanding, with the shared goal of *"enhancing the resilience and recovery capacity of Vietnamese cities in the face of climate change."*

Since then, both sides have worked closely to advance policy dialogue, technical research, and concrete initiatives, including:

- The development of a national set of urban resilience indicators,
- The mainstreaming of climate and green growth into urban planning,
- The piloting of resilient urban models at the local level, and
- Capacity building for national and local institutions.

AFD is proud to accompany the Urban Development Agency (UDA) in this process - from policy design to implementation on the ground.

4. The European Union's contribution - Team Europe for Vietnam's cities

Alongside AFD's loans and technical assistance, the European Union (EU) plays an essential role in making this vision a reality. Through the WARM Facility, the EU provides grant funding to complement AFD's and the Ministry of Construction's programs.

These grants have helped to:

- Support project preparation and pre-feasibility studies,
- Enhance the climate impact and effectiveness of urban investments,
- Strengthen local capacity in disaster risk management and resilient planning,
- Promote innovative approaches in flood management, drainage, and green infrastructure, and
- Advance policy cooperation with the Ministry of Construction, including the development of the national urban resilience indicator framework.

Beyond this, the European Union is also directly financing grant components alongside AFD's sovereign loans, under the CRUIV project - Climate Resilient Urban Infrastructure in Vietnam.

Thanks to this joint effort, several provinces are receiving technical and financial support to integrate climate adaptation and disaster risk management into urban planning and infrastructure investments, while also building the capacity of local institutions.

These contributions perfectly illustrate the spirit of Team Europe, acting together for greener, safer, and more resilient Vietnamese cities.

5. Conclusion

Ladies and gentlemen,

What has happened in Hue, Da Nang, or Thai Nguyen are not just natural disasters - they are clear reminders of the urgent need to rethink the way we plan, invest in, and manage our cities.

On behalf of AFD, I wish to reaffirm our commitment: AFD will continue to work hand in hand with Vietnam and the European Union - for greener, safer, and more climate-resilient cities.

Thank you very much for your kind attention.

BÀI PHÁT BIỂU MỞ ĐẦU

ÔNG JULIEN SEILLAN - GIÁM ĐỐC CƠ QUAN PHÁT TRIỂN PHÁP (AFD) TẠI VIỆT NAM

DIỄN ĐÀN ĐÔ THỊ VIỆT NAM 2025 - CHUYÊN ĐỀ 2:

"ĐÔ THỊ AN TOÀN VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU - HƯỚNG TỚI TĂNG TRƯỞNG XANH, BỀN VỮNG"

Kính thưa lãnh đạo Bộ Xây dựng,

Kính thưa bà Sibylle Bachmann - đại diện SECO,

Kính thưa các quý vị đại biểu đến từ GIZ, Ngân hàng Thế giới, UNDP, các Bộ, các đô thị, các cơ quan quốc tế và các đối tác phát triển,

Thay mặt Cơ quan Phát triển Pháp (AFD), tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới Bộ Xây dựng, Ban Tổ chức Diễn đàn Đô thị Việt Nam, cùng các đối tác đồng chủ trì SECO và GIZ, đã cho phép chúng tôi được đồng hành trong một chủ đề có ý nghĩa chiến lược và cấp bách:

Phát triển đô thị an toàn, thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng tới tăng trưởng xanh và bền vững.

1. Biến đổi khí hậu - Thách thức hiện hữu của các đô thị Việt Nam

Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nặng nề nhất bởi biến đổi khí hậu. Những hiện tượng thời tiết cực đoan đang ngày càng xảy ra thường xuyên hơn, dữ dội hơn và để lại hậu quả nghiêm trọng hơn.

Trong 5 năm qua, Việt Nam đã liên tục hứng chịu những đợt thiên tai lớn:

- Các trận bão nối tiếp năm 2020, bão Noru năm 2022
- Mưa lớn năm 2023
- Và đặc biệt là đợt mưa lũ lịch sử tháng 10/2025 tại Huế, Đà Nẵng với lượng mưa vượt 1.000 mm trong 24 giờ tại Huế và hơn 65.000 hộ dân bị ảnh hưởng tại Đà Nẵng

Ở phía Bắc, các tỉnh Hà Giang và Thái Nguyên cũng vừa chịu thiệt hại nặng nề do mưa lũ trong tháng 10 năm 2025. Những sự kiện này cho thấy rõ rằng không một vùng nào của Việt Nam có thể "đứng ngoài" tác động của biến đổi khí hậu. Đây không còn là những hiện tượng "bất thường" mà đã trở thành "bình thường mới" đối với các đô thị Việt Nam.

2. Phát triển đô thị và khả năng chống chịu - Hai mặt của một chiến lược thống nhất

Phát triển đô thị không thể tách rời khỏi khả năng chống chịu. Mỗi con đường, công trình hay khu dân cư mới nếu được quy hoạch và đầu tư đúng hướng có thể trở thành một lá chắn bảo vệ cộng đồng trước rủi ro khí hậu, thay vì là "điểm yếu" khi thiên tai xảy ra. Đây chính là tinh thần mà AFD mong muốn cùng Việt Nam thúc đẩy. Một mô hình đô thị phát triển xanh, toàn diện và có sức chống chịu cao.

3. Hợp tác chiến lược giữa Bộ Xây dựng và AFD

Năm 2022, Bộ Xây dựng và AFD đã ký Bản Ghi nhớ về quan hệ đối tác chiến lược và kỹ thuật, với mục tiêu *"Cải thiện khả năng chống chịu và phục hồi của các đô thị Việt Nam trước biến đổi khí hậu."*

Trên nền tảng đó, hai bên đã cùng nhau thúc đẩy đối thoại chính sách, nghiên cứu kỹ thuật và triển khai các sáng kiến cụ thể, như:

- Xây dựng Bộ chỉ số đô thị chống chịu biến đổi khí hậu
- Lồng ghép yếu tố khí hậu và tăng trưởng xanh vào quy hoạch đô thị
- Thí điểm các mô hình đô thị chống chịu tại địa phương
- Nâng cao năng lực kỹ thuật và thể chế cho các cơ quan trung ương và địa phương

AFD rất tự hào được đồng hành cùng Cục Phát triển Đô thị (UDA) trong tiến trình này - từ cấp chính sách đến hành động thực tiễn.

4. Sự đồng hành của Liên minh châu Âu - Team Europe cho các đô thị Việt Nam

Bên cạnh các khoản vay và hỗ trợ kỹ thuật từ AFD, Liên minh châu Âu (EU) là một đối tác không thể thiếu trong hành trình này. Thông qua các khoản viện trợ không hoàn lại của Quỹ WARM Facility, EU đã góp phần quan trọng trong việc hỗ trợ các chương trình của AFD và Bộ Xây dựng, tập trung vào:

- Hỗ trợ nghiên cứu tiền khả thi và chuẩn bị dự án
- Tối ưu hóa nội dung và hiệu quả khí hậu của các dự án đô thị
- Nâng cao năng lực cho các địa phương trong quản lý rủi ro thiên tai và quy hoạch chống chịu
- Thúc đẩy đổi mới trong quản lý lũ lụt, thoát nước và đầu tư hạ tầng xanh
- Hỗ trợ hợp tác chính sách với Bộ Xây dựng, đặc biệt là trong việc hoàn thiện bộ công cụ và chỉ số đô thị chống chịu.

Không dừng lại ở đó, Liên minh châu Âu còn trực tiếp cấp các khoản viện trợ không hoàn lại song hành với các dự án vay AFD, trong khuôn khổ dự án CRUIV - Climate Resilient Urban Infrastructure in Vietnam.

Nhờ nguồn lực quý báu này, nhiều địa phương đang được hỗ trợ để lồng ghép thích ứng khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai vào đầu tư hạ tầng, đồng thời nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý đô thị.

Đây là minh chứng sinh động cho tinh thần Team Europe, cùng hành động vì các đô thị Việt Nam xanh, an toàn và chống chịu.

5. Kết luận

Thưa quý vị,

Những gì đang diễn ra tại Huế, Đà Nẵng hay Thái Nguyên không chỉ là thiên tai - mà là lời cảnh báo về nhu cầu cấp thiết phải đổi mới mô hình phát triển đô thị của chúng ta.

Thay mặt Cơ quan Phát triển Pháp (AFD), tôi xin khẳng định lại cam kết của chúng tôi: AFD sẽ tiếp tục đồng hành cùng Việt Nam và Liên minh châu Âu - vì những đô thị xanh hơn, an toàn hơn và có khả năng chống chịu cao hơn trước biến đổi khí hậu.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị.



CHUYÊN ĐỀ 2

Đô Thị An Toàn Và Thích Ứng Biến Đổi Khí Hậu hướng tới tăng trưởng xanh, bền vững

Tên bài trình bày

Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025 và định hướng giai đoạn 2026-2030

Người trình bày

Ông Nguyễn Cao Viên - Phó Cục trưởng, Cục Phát triển Đô thị

Ông Nguyễn Dư Minh - Trưởng phòng, Phòng thẩm định Dự án đầu tư PTĐT, Cục Phát triển Đô thị

Nội Dung Trình Bày

01

Kết quả triển khai Đề án 438

Tổng quan kết quả thực hiện Đề án phát triển đô thị Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025

02

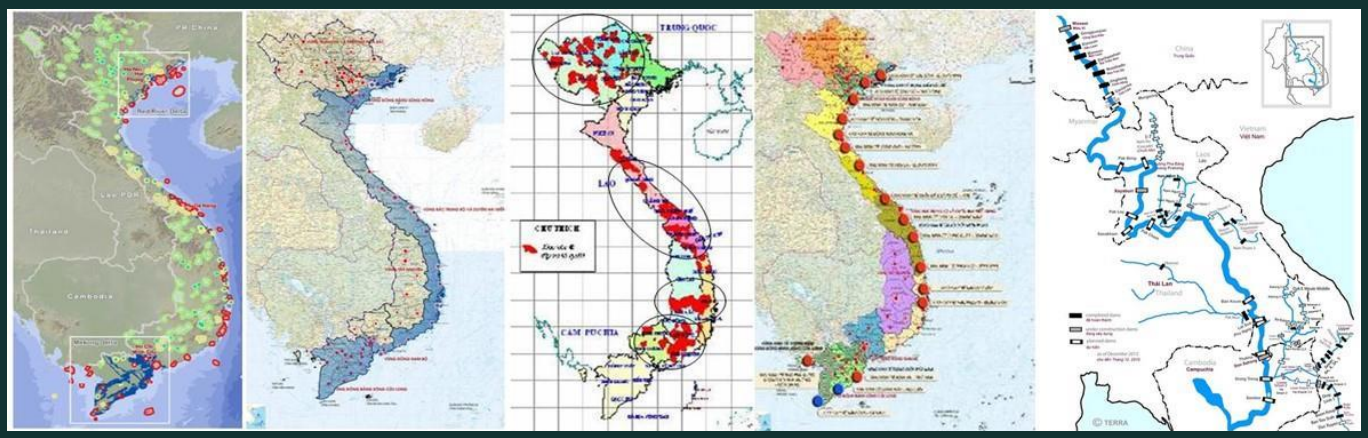
Đánh giá thuận lợi và thách thức

Phân tích các yếu tố thuận lợi, khó khăn và thách thức trong bối cảnh phát triển mới của đất nước

03

Đề xuất và khuyến nghị

Định hướng chiến lược và giải pháp cụ thể cho giai đoạn II (2026-2030) nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện



Giới Thiệu Đề Án 438



Quyết định số 438/QĐ-TTg

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 438/QĐ-TTg phê duyệt **"Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030"** (gọi tắt là Đề án 438).- là giai đoạn tiếp theo của Đề án phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013-2020

Bối cảnh thể chế

2013
Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 06/3/2013 về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

2014
Quyết định số 2623/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 của Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2013 - 2020"

2018

2019
Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khoá XI về chủ động ứng phó với BĐKH

2020
Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 về Kế hoạch hành động quốc gia ứng phó với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050

2021
Nghị quyết số 06-NQ/TW về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam

Quyết định số 438/QĐ-TTg, ngày 25/3/2021 về Phê duyệt Đề án "Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030"

2022
Quyết định số 896/QĐ-TTg Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050

Nghị quyết số 148/NQ-CP ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW

2024
Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 19/11/2024 Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (cập nhật);

Mục Tiêu Của Đề Án 438

1. Chủ động ứng phó
2. Sử dụng hợp lý tài nguyên
3. Kiểm soát ô nhiễm
4. Hoàn thiện pháp luật
5. Nâng cao nhận thức

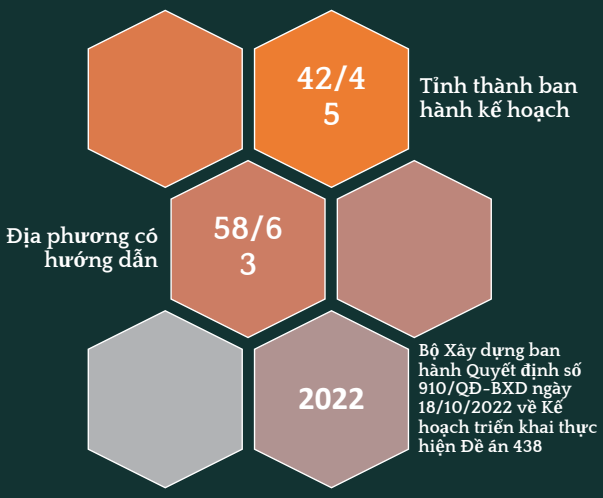
Cấu trúc đề án: 6 chương trình lớn với 23 nhiệm vụ cụ thể

Phạm vi thực hiện:

- 5 đô thị trực thuộc trung ương
- 57 đô thị thuộc 28 tỉnh ven biển, đồng bằng (18 tỉnh sau sáp nhập) chịu ảnh hưởng nặng nề của BĐKH về nguy cơ ngập, lụt, suy giảm nguồn nước do xâm thực mặn;
- 15 đô thị thuộc 12 tỉnh miền núi, cao nguyên (11 tỉnh sau sáp nhập) chịu ảnh hưởng của hạn hán, lũ quét, sạt lở đất, suy giảm nguồn nước ngầm.

Kết Quả Triển Khai Ban Đầu

Bộ Xây dựng đã và đang tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như SECO, GIZ để tập trung triển khai các Chương trình 1, 2, 4 và 5 của Đề án 438 - những chương trình chủ yếu do Bộ Xây dựng chủ trì thực hiện. Ngoài ra, Bộ còn đóng vai trò kết nối để các tổ chức quốc tế có các dự án và chương trình làm việc, hỗ trợ trực tiếp các địa phương, như AFD hỗ trợ thành phố Đông Hà (Quảng Trị), thành phố Ngã Bảy (Hậu Giang).



Chương Trình 1: Xây Dựng Atlas Đô Thị Và Khí Hậu

Mục tiêu và nội dung

Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống bản đồ cảnh báo rủi ro đô thị (Atlas Đô thị và Khí hậu) nhằm cung cấp công cụ đánh giá và quản lý rủi ro một cách khoa học, chính xác.

Các hoạt động chính

Các hoạt động chính:
* Đánh giá tác động BĐKH đến hệ thống đô thị.
* Xây dựng Bộ khung hướng dẫn và kế hoạch hành động ứng phó.
* Xây dựng Atlas Đô thị và Khí hậu cho 5 đô thị trọng điểm và mở rộng địa phương.

Hầu hết các địa phương đã tiến hành điều tra, đánh giá mức độ tác động của BĐKH và nước biển dâng đến hệ thống đô thị, đặc biệt là các đô thị ven biển thuộc các tỉnh như Quảng Ninh, Quảng Bình (cũ), Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Bình Định (cũ) và các đô thị miền núi chịu ảnh hưởng của lũ quét, sạt lở đất như Điện Biên, Lào Cai, Hòa Bình (cũ).

TP Hồ Chí Minh

- Đánh giá tính dễ bị tổn thương trước ngập úng, nước biển dâng, sụt lún; xây dựng kế hoạch thích ứng, nâng cấp hạ tầng thoát nước và chiến lược giảm rủi ro đô thị

TP Đà Nẵng

- Nghiên cứu, đánh giá tác động BĐKH lên đô thị ven biển và ven sông, khoanh vùng khu vực nguy cơ sạt lở, xâm nhập mặn và ngập lụt với bản đồ chi tiết

TP Hải Phòng

- Xây dựng Đề án "Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn thành phố Hải Phòng" với thời gian thực hiện từ năm 2024-2026

TP Cần Thơ

- Đánh giá tác động BĐKH lên khu vực đô thị lõi và các khu vực phát triển mới, tập trung vào vấn đề nước biển dâng và ngập úng

TP Hà Nội

- Đánh giá tác động trên nhiều khía cạnh kinh tế-xã hội và đô thị như cơ sở hạ tầng giao thông, các công trình cung cấp năng lượng, công trình dân dụng và công nghiệp, tài nguyên nước của đô thị

Tiến Độ Xây Dựng Atlas Đô Thị Và Khí Hậu

Các đô thị trọng điểm

Bộ Tài nguyên và Môi trường là đơn vị chủ trì trong việc chỉ đạo, phối hợp với các địa phương để triển khai thực hiện xây dựng Atlas Đô thị và Khí hậu.

Kịch bản BĐKH năm 2020 do Bộ TN&MT ban hành là cơ sở dữ liệu quan trọng cho việc xây dựng Atlas Đô thị và Khí hậu giai đoạn 2021-2030.

Năm 2022, Bộ Xây dựng đã xây dựng **"Khung hướng dẫn lập Atlas Đô thị - Khí hậu cho các đô thị Việt Nam"** nhằm thống nhất phương pháp và quy trình xây dựng trên toàn quốc.

Kết quả đạt được

- **4/5 đô thị trọng điểm** đã xây dựng được Atlas Đô thị và Khí hậu
- **1 đô thị** (TP Hải Phòng) đang phối hợp với Bộ TN&MT thực hiện và sẽ bàn giao trong năm 2026

Tại các địa phương



19/43

Xây dựng CSDL

Số địa phương đã triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, trung tâm dữ liệu cấp tỉnh

14/45

Bản đồ rủi ro

Số tỉnh thành đã xây dựng bản đồ ngập lụt, lũ quét và sạt lở đất

11/45

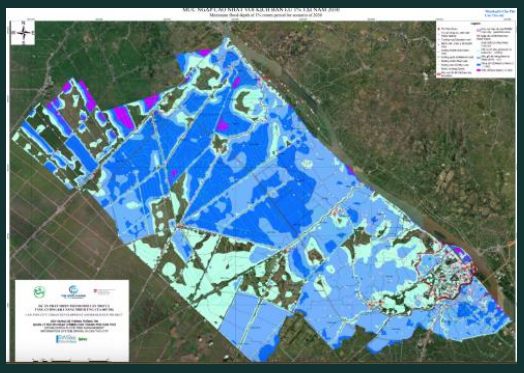
Atlas khí hậu

Số tỉnh thành đã và đang triển khai xây dựng Atlas phân vùng khí hậu

Có 6 đô thị đã xây dựng hoàn chỉnh Atlas Đô thị và Khí hậu (trong đó có 4 đô thị thuộc danh mục Đề án 438). Một số đô thị khác cũng đang xây dựng mô hình số độ cao, mô hình thủy văn thủy lực để hỗ trợ công tác quy hoạch và quản lý.

Bản Đồ Rủi Ro Ngập Điển Hình

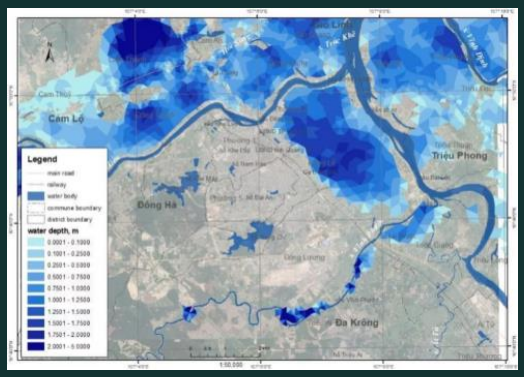
Thành phố Cần Thơ



Bản đồ rủi ro ngập vào năm 2030, tần suất mưa 1%

Cổng thông tin dữ liệu quy hoạch đô thị thành phố Cần Thơ:
https://frmis.cantho.gov.vn:8443/risk-maps

Thành phố Đông Hà, Quảng Trị



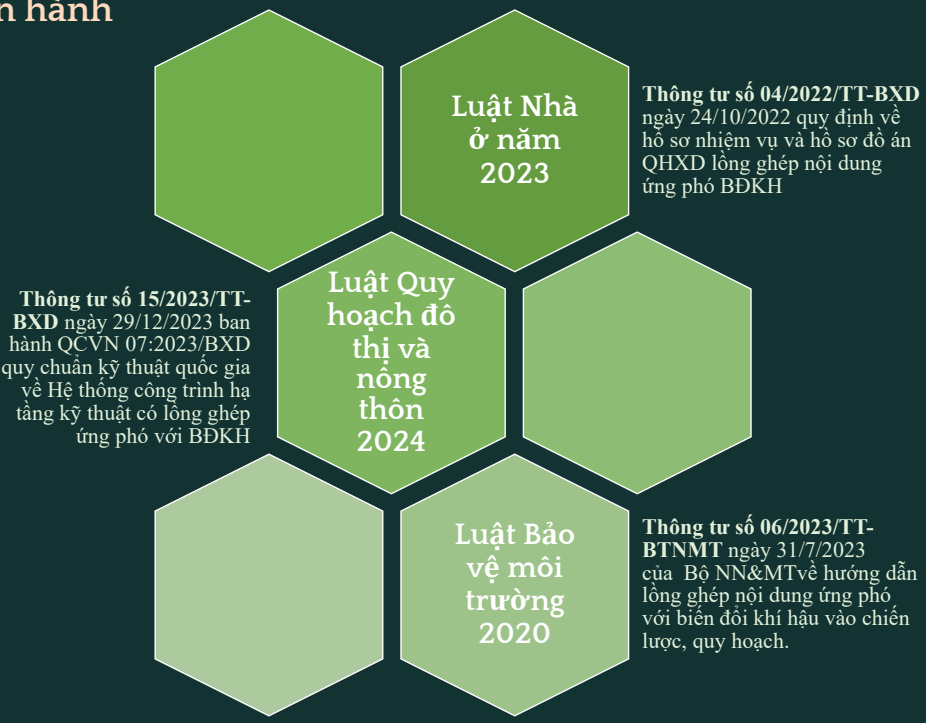
Bản đồ rủi ro ngập vào năm 2030, tần suất mưa 10%

Dự án Phát triển Đô thị Xanh Đông Hà (Quảng Trị cũ) do AFD tài trợ

Các bản đồ rủi ro ngập này được xây dựng dựa trên mô hình thủy văn thủy lực tiên tiến, tích hợp các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, cung cấp công cụ quan trọng cho công tác quy hoạch và quản lý đô thị bền vững.

Chương Trình 2: Hoàn Thiện Hệ Thống Văn Bản Pháp Luật

Các văn bản pháp luật đã ban hành



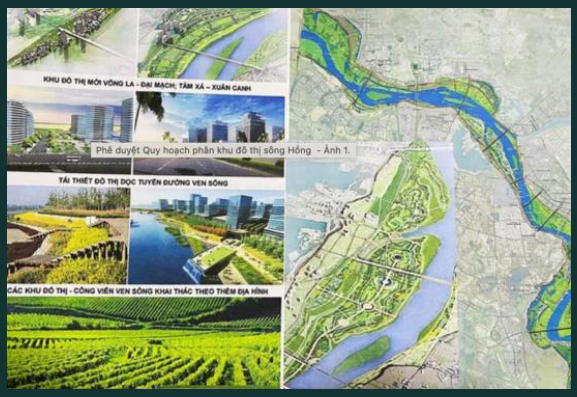
Các văn bản đang soạn thảo

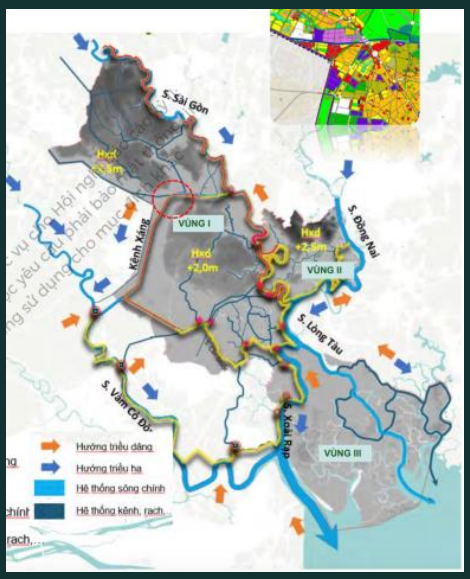
- **Dự thảo Nghị quyết về Phân loại đô thị:** Sẽ thay thế Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, bổ sung quy định phân loại đô thị theo chức năng-không gian, đưa năng lực chống chịu và thích ứng BĐKH vào tiêu chí đánh giá
- **Dự thảo Luật Cấp, thoát nước:** Lồng ghép nội dung, yêu cầu ứng phó với BĐKH trong chính sách phát triển cấp thoát nước, quản lý hoạt động thích ứng với BĐKH và bảo vệ môi trường
- **Quy chuẩn và tiêu chuẩn mới:** Rà soát, hiệu chỉnh, xây dựng mới các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật phù hợp kịch bản cập nhật của BĐKH và nước biển dâng

Chương Trình 3: Lồng Ghép BĐKH Vào Quy Hoạch Đô Thị

Quy hoạch Hà Nội:

* Phê duyệt 2011, điều chỉnh 2024, đã lồng ghép kịch bản BĐKH và ngập lụt.
* Định hướng: Phát triển vành đai sinh thái sông Hồng – sông Nhuệ – hồ Tây làm "hạ tầng xanh" điều tiết khí hậu.
* Quy hoạch Phân khu sông Hồng (2022) tích hợp lũ, triều, hành lang thoát lũ, bảo đảm an toàn.
* Là mô hình quy hoạch đô thị thích ứng BĐKH tiêu biểu.





Bản đồ hạ tầng chống ngập và BĐKH TP.HCM

Quy hoạch TP Hồ Chí Minh

***Bối cảnh và thách thức**
TP.HCM là đô thị chịu tác động nặng nhất của BĐKH và nước biển dâng do địa hình thấp, ven sông và đô thị hóa nhanh.

***Quy hoạch chung đến 2040, tầm nhìn 2060:**

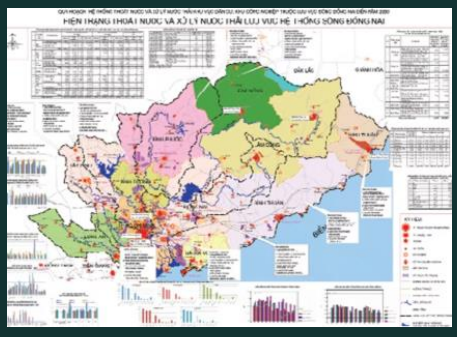
- Tích hợp toàn diện yếu tố BĐKH.
- Sử dụng bản đồ ngập triều và mưa cực đoan làm dữ liệu nền.
- Xây dựng kịch bản phát triển dựa trên đánh giá rủi ro BĐKH.
- Ưu tiên phát triển khu vực cao (Củ Chi, Hóc Môn), hạn chế vùng rủi ro ngập.
- Tích hợp chiến lược cải thiện thoát nước, công trình chống ngập và mở rộng không gian xanh.

Thành Phố Hồ Chí Minh - Ứng Phó Với Thách Thức Nghiêm Trọng

Mở Rộng Quy Hoạch Thích Ứng Cho 25 Tỉnh

Về nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung ứng phó BĐKH cho quy hoạch chung xây dựng đối với **25 tỉnh có nguy cơ chịu tác động rất mạnh** (15 tỉnh thuộc các vùng duyên hải Bắc bộ, duyên hải miền Trung và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và 10 tỉnh thuộc các vùng miền núi phía Bắc và Tây Nguyên):





Bộ Xây dựng đã tổ chức **04 nghiên cứu rà soát**, đề xuất nội dung ứng phó với BĐKH, nước biển dâng trong điều chỉnh quy hoạch chung cho 25 tỉnh thuộc 04 vùng: **Vùng Duyên hải Bắc bộ, Vùng duyên hải miền Trung, Vùng miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, Vùng Đồng bằng Sông Cửu Long**. Các nghiên cứu này cung cấp hướng dẫn cụ thể về phương pháp đánh giá rủi ro, lựa chọn giải pháp thích ứng phù hợp với đặc điểm địa lý và kinh tế-xã hội của từng vùng.

Chương Trình 4: Tài Liệu Hướng Dẫn Kỹ Thuật





Nhiều tài liệu hướng dẫn quy hoạch phát triển đô thị thích ứng với BĐKH được ban hành

Hướng dẫn kỹ thuật đã ban hành

- Hướng dẫn lập quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị theo hướng phát triển bền vững
- Hướng dẫn quy hoạch đô thị điểm dân cư nông thôn trong khu vực chịu ảnh hưởng của lũ ống, lũ quét và sạt lở đất
- Tài liệu hướng dẫn thiết kế và vận hành công trình bệnh viện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở Việt Nam
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng công cụ mô phỏng, tính toán tiết kiệm năng lượng cho các loại công trình mới, công trình cải tạo phù hợp với điều kiện Việt Nam
- Hướng dẫn kỹ thuật thu gom, sử dụng nước mưa và thoát nước mưa đô thị theo hướng bền vững
- Hướng dẫn kỹ thuật thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo dưỡng và kiểm tra, đánh giá các công trình xử lý nước thải tại chỗ

Đào Tạo Và Nâng Cao Năng Lực

Tiến độ phê duyệt nhiệm vụ

Bộ Xây dựng đã phê duyệt và triển khai nhiều nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ theo từng năm: 06 nhiệm vụ năm 2021, tiếp tục trong năm 2022-2023, và 08 nhiệm vụ năm 2024

Đào tạo tại các trường đại học

Đưa nội dung BĐKH tại đô thị vào giảng dạy tại các trường học viện, đại học đào tạo chuyên ngành Xây dựng, giúp trang bị kiến thức chuyên môn cho thế hệ kỹ sư tương lai

Tổ chức khóa đào tạo chuyên sâu

Nâng cao kiến thức, kỹ năng trong quản lý nhà nước về phát triển đô thị, xây dựng chính sách về đô thị xanh, thông minh, ứng phó với BĐKH cho cán bộ quản lý các cấp

Phổ biến rộng rãi

Các tài liệu hướng dẫn được phổ biến tại 63 tỉnh thành, các Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan, đảm bảo sự đồng bộ trong thực hiện trên toàn quốc

Tại địa phương, tất cả **61/63 tỉnh, thành** (trước sáp nhập) đã xây dựng và ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH và nước biển dâng giai đoạn 2021-2030, qua đó đề xuất các giải pháp ứng phó thuộc các lĩnh vực quản lý có liên quan thông qua các cơ chế chính sách, các dự án, nhiệm vụ cụ thể.











Chương Trình 5: Hợp Tác Quốc Tế Và Dự Án Thí Điểm

Các đối tác quốc tế

Các địa phương đã chủ động tìm kiếm và kết nối với sự hỗ trợ của các cơ quan quản lý nhà nước như Cục Phát triển Đô thị, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường &VLXD, Cục Kết cấu Hạ tầng, Vụ Quy hoạch kiến trúc, Vụ Hợp tác quốc tế, ... để nhận được sự hỗ trợ kỹ thuật, vốn vay và thiết bị từ nhiều tổ chức quốc tế.

1. **World Bank (WB)**
   Hỗ trợ các dự án phát triển đô thị bền vững quy mô lớn
2. **KOIKA - Hàn Quốc**
   Cơ quan hợp tác phát triển Hàn Quốc hỗ trợ công nghệ và đào tạo
3. **AFD - Pháp**
   Tổ chức phát triển Pháp tài trợ các dự án đô thị xanh
4. **GIZ - Đức**
   Tổ chức hợp tác quốc tế Đức hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực
5. **JICA - Nhật Bản**
   Hỗ trợ công nghệ tiên tiến và đầu tư cơ sở hạ tầng
6. **SECO - Thụy Sĩ**
   Cục kinh tế liên bang Thụy Sĩ hỗ trợ phát triển kinh tế bền vững
7. **ADB**
   Ngân hàng Phát triển Châu Á cung cấp vốn đầu tư và tư vấn
8. **OECD**
   Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế hỗ trợ chính sách

Các Dự Án Điển Hình Đã Triển Khai

Dự án cải thiện hạ tầng thích ứng BĐKH

- Phát triển hạ tầng thích ứng với BĐKH, cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị nhằm giảm thiểu tác động của BĐKH cho các đô thị ven biển, đặc biệt là vùng duyên hải Miền Trung và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long

Dự án phát triển đô thị xanh và thông minh

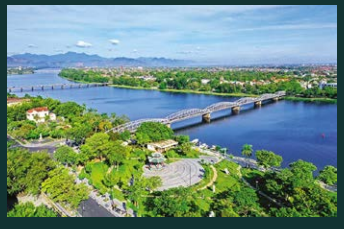
- Chương trình phát triển đô thị loại II (các đô thị xanh) tại Việt Nam; xây dựng bộ chỉ số đô thị chống chịu với BĐKH; nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số đô thị tăng trưởng xanh; xây dựng bộ chỉ tiêu cho các đô thị ứng phó với BĐKH

Dự án hỗ trợ cộng đồng dễ bị tổn thương

- Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với BĐKH cho đồng bào dân tộc thiểu số; tăng cường khả năng chống chịu với BĐKH của các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam

Dự án nâng cao năng lực quản lý

- Hỗ trợ kỹ thuật tăng cường năng lực quản lý phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua xây dựng hệ thống thông tin quản lý quy hoạch và phát triển đô thị (UPIS); nâng cao năng lực thu gom xử lý chất thải rắn



Chương Trình 6: Kế Hoạch Quốc Gia Thích Ứng BĐKH

Bộ Xây Dựng

Bộ Xây dựng đã phê duyệt các nhiệm vụ KHCN giai đoạn 2023–2025 thực hiện Kế hoạch quốc gia về BĐKH, gồm:

* Nghiên cứu khả năng giảm phát thải khí nhà kính đô thị, đề xuất giải pháp quản lý hướng tới phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050;
* Xúc tiến dự án cấp nước vùng hạn mặn và dự án thoát nước, chống ngập đô thị ĐBSCL;
* Xây dựng chương trình nâng cao năng lực thực hiện cam kết COP26;
* Tập huấn, tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, ứng phó BĐKH ngành Xây dựng.



Các địa phương điển hình

Nhiều địa phương đã triển khai kế hoạch thích ứng BĐKH:

* Quảng Ninh: Xây dựng hệ thống giám sát, nghiên cứu giải pháp khan hiếm nước, nâng cấp công trình thủy lợi, hồ đập.
* Quảng Trị: Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai; cập nhật kế hoạch hành động ứng phó BĐKH giai đoạn 2025–2030.
* Sơn La: Thực hiện kế hoạch BĐKH, dự án thoát nước, xử lý nước thải và cải thiện hạ tầng đô thị ứng phó BĐKH.







Khó Khăn Và Thách Thức Trong Triển Khai

Nguồn lực tài chính hạn chế

Nguồn lực cho việc triển khai các nhiệm vụ, chương trình hành động, dự án theo Đề án 438 còn rất hạn chế, phụ thuộc chủ yếu vào hỗ trợ quốc tế. Cơ chế tài chính và phân bổ nguồn lực trong nước chưa thực sự ổn định, thiếu linh hoạt để đáp ứng nhu cầu cấp bách.

Cơ chế phối hợp chưa hiệu quả

Cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các ngành, các cấp trong thực hiện nhiệm vụ liên ngành chưa mạch lạc, hiệu quả, khiến việc triển khai Đề án 438 do Sở Xây dựng các địa phương chủ trì còn gặp nhiều khó khăn trong phối hợp với các sở, ngành liên quan.

Hạ tầng công nghệ số yếu

Hạ tầng phục vụ phát triển công nghệ số ở nhiều địa phương còn yếu , do vậy việc triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu sử dụng chung và sử dụng cho công tác đánh giá rủi ro và quy hoạch quản lý đô thị ứng phó BĐKH còn hạn chế.

Năng lực quản lý cần tăng cường

Năng lực, trình độ cấp quản lý địa phương cần được bồi dưỡng và tăng cường đáp ứng yêu cầu đổi mới, cập nhật các quan điểm, phương pháp tiếp cận, công nghệ mới trong quy hoạch và phát triển đô thị ứng phó/thích ứng với BĐKH.

Thách Thức Từ Cải Cách Thể Chế 2024-2025

Bối cảnh cải cách lớn

Cải cách thể chế Việt Nam 2024-2025 đã diễn ra rất mạnh mẽ và hiệu quả, trên quy mô lớn từ Trung ương đến địa phương, thực hiện dựa trên **Nghị quyết số 18-NQ/TW** về việc "tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả".

Tinh giảm và sáp nhập các Bộ

Các Bộ và cơ quan ngang bộ được sáp nhập, tinh giảm để tạo bộ máy hành chính gọn nhẹ, hiệu quả hơn.

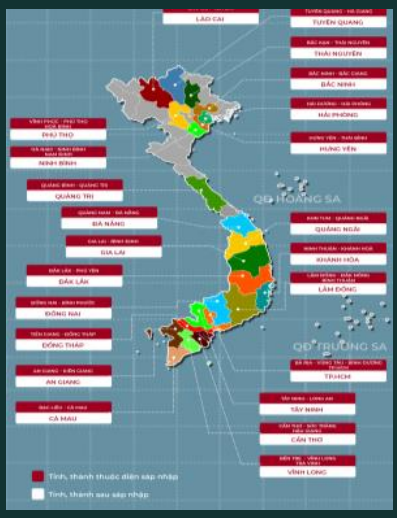
Mô hình chính quyền 2 cấp

Cấp huyện, cùng với đơn vị hành chính cấp huyện, được xóa bỏ. Chính quyền địa phương chỉ còn tổ chức ở cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) và cấp xã (xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh).

Căn cứ theo **Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2025 (Luật số 72/2025/QH15)**.

Thách thức với quy hoạch đô thị

- Không còn đô thị loại 4, 5 theo phân loại cũ
- Một đô thị sẽ thuộc quản lý hành chính của nhiều phường, xã
- Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sẽ là hệ thống các đô thị
- Việc định hướng phát triển hệ thống đô thị, phân loại đô thị, đánh giá năng lực đô thị cần nghiên cứu điều chỉnh cho phù hợp bối cảnh thể chế mới (điều chỉnh Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị định về Phân loại đô thị)



Tác động đến đô thị

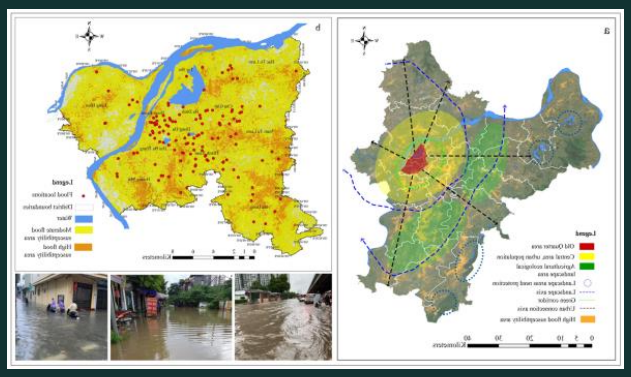
Từ 1/7/2025 → 63 tỉnh, thành → 34 tỉnh, thành → 10.595 xã/phường → 3.321 xã/phường

ĐỀ XUẤT – KHUYẾN NGHỊ CHO GIAI ĐOẠN 2 : 2026-2030, ĐỀ ÁN 438 NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM



I. Phát triển đô thị THÍCH ỨNG với BĐKH

* Đánh giá rủi ro ngập lụt, sạt lở, khí hậu cực đoan trong quy hoạch đô thị.
* Xây dựng hướng dẫn, phương pháp, chỉ tiêu thống nhất đánh giá rủi ro.
* Tích hợp giải pháp quy hoạch dựa vào tự nhiên (NbS), xác định vùng rủi ro, thoát lũ, di dời dân cư.
* Nâng cấp hạ tầng đô thị ứng phó BĐKH: đê kè, tiêu thoát, trữ nước.
* Ban hành tiêu chuẩn nhà ở, tái định cư thích ứng BĐKH.
* Tăng cường tổ chức, kế hoạch hành động, cảnh báo sớm thiên tai.



II. GIẢM NHẸPHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

*** Quy hoạch:**
- Tăng cường không gian xanh, công viên, mặt nước.
- Hạn chế phát triển dàn trải, ưu tiên đô thị nén, đa chức năng.
- Ứng dụng dữ liệu, quản lý thông minh năng lượng – giao thông để giảm phát thải.
- Tiết kiệm tài nguyên, sử dụng bền vững.

*** Kiến trúc:**
- Phát triển công trình xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải KNK.

*** Giao thông đô thị:**
- Mở rộng giao thông công cộng, sử dụng năng lượng sạch, tái tạo.
- Phát triển mô hình TOD, giảm sử dụng xe cá nhân.
- Nâng cao nhận thức cộng đồng về GTCC và chuyển đổi sang phương tiện xanh.

TRÂN TRỌNG CẢM ƠN QUÝ VỊ ĐÃ LẮNG NGHE!



MỘT SỐ GIẢI PHÁP THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU – Kinh nghiệm từ vùng ĐBSCL

Tháng 11 năm 2025

PGS.TS Nguyễn Hồng Tiến, Cán bộ cao cấp Dự án MCRP- GIZ

Hợp tác Đức
DEUTSCHE ZUSAMMENARBEIT

Schweizerische Eidgenossenschaft
Confédération suisse
Confederazione Svizzera
Confederaziun svizra
Swiss Cooperation Office in Vietnam

Implemented by giz

Vì Đồng Bằng Sông Cửu Long

MỘT SỐ GIẢI PHÁP THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ GÓP PHẦN GIẢM THIỂU NGẬP ÚNG ĐÃ, ĐANG VÀ SẼ ÁP DỤNG TẠI ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM VÀ VÙNG ĐBSCL

1. Giải pháp thích ứng dựa vào **hệ sinh thái tự nhiên** (Ecosystem based Adoptation - EbA) với quy mô nhỏ và trung bình đã được áp dụng tại TP. Đồng Hới – Quảng Bình.

2. Giải pháp **dựa vào thiên nhiên** (Nature based Solution – NbS) để quản lý ngập lụt đô thị do WB và ADB giới thiệu. Các giải pháp này sẽ được áp dụng theo dự án do ADB tài trợ tại Vĩnh Yên, Huế và Hà Giang hoặc trong nghiên cứu của WB cho một số khu vực tại TP. HCM, Phú Quốc.

3. Giải pháp **thiết lập các vùng ngập nước tự nhiên**: Khả năng thích ứng với lũ của đô thị là khả năng chịu ngập tức là năng lực chứa lũ trong các vùng tự nhiên trong đô thị. Thiết lập không gian chứa lũ dựa trên hệ sinh thái đất ngập nước là giải pháp chứa lũ hiệu quả để giúp cho các thành phố nâng cao khả năng chịu đựng lũ đồng thời phục hồi lại hệ sinh thái…

4. Giải pháp chuyển đổi **từ chống ngập úng sang thích ứng có kiểm soát:** Kết hợp các giải pháp công trình và giải pháp phi công trình

5. Giải pháp thoát nước đô thị bền vững (SUDs)

Hướng tới việc duy trì những đặc thù tự nhiên của dòng chảy về dung lượng, cường độ và chất lượng; kiểm soát tối đa dòng chảy tại nguồn, giảm thiểu tối đa những khu vực tiêu thoát nước trực tiếp , lưu giữ nước tại chỗ và cho thấm xuống đất đồng thời kiểm soát ô nhiễm.

Cách tiếp cận: Thoát chậm (không phải thoát nhanh) để tránh lượng mưa tập trung lớn trong thời gian ngắn, tiết diện cống khó có thể đáp ứng nếu lượng mưa lớn, tốn kém chi phí mà nước vẫn tràn cống..vì vậy phải tổ chức thoát nước mưa kết hợp với các biện pháp khác nhau một cách đồng bộ…

Các cấp độ áp dụng SUD: (1) Các giải pháp kiểm soát tại nguồn; (2) Giải pháp kiểm soát cục bộ; (3) Giải pháp kiểm soát cho khu vực.

Từ 2017 đến nay với quy mô nhỏ SUD đã được áp dụng tại một số đô thị do GIZ tài trợ như TP. Quảng Ngãi, TP. Long Xuyên, TP. Rạch Giá, TP. Cà Mau… Trong năm 2024 có 3 TP. áp dụng đó là: Bến Tre, Sóc Trăng và Vĩnh Long và 2025 tại Trà Vinh và Gía Rai.

THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH SUDs Ở SÓC TRĂNG







MÔ HÌNH SUDs Ở TP. VĨNH LONG









THÍ ĐIỂM MÔ HÌNH SUDs TRÀ VINH, KHÁNH THÀNH 21/10/2025

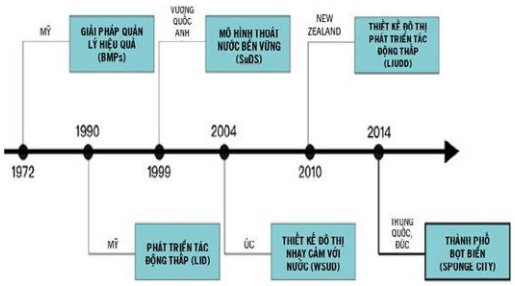






6. Mô hình thành phố bọt biển (SPc)

- Thuật ngữ "Thành phố bọt biển" được sử dụng để mô tả các khu vực đô thị có nhiều diện tích tự nhiên như cây xanh, hồ nước và công viên hoặc được thiết kế tốt khác nhằm mục đích hấp thụ nước mưa và ngăn hoặc giảm thiểu ngập úng đô thị.
- SPc là thành phố giống như một miếng bọt biển có "**độ co giãn**" tốt trong việc thích ứng với những thay đổi của môi trường và đối phó với thiên tai. Các giải pháp trong SC bao gồm: ***Hấp thụ nước – thấm nước, lưu trữ nước, lưu giữ nước tạm thời, tái sử dụng, làm sạch nước và thoát nước ra hệ thống thoát nước đô thị.***
- SPc là một giải pháp dựa vào hệ sinh thái tự nhiên, sử dụng cảnh quan để giữ nước tại nguồn, làm chậm dòng chảy và làm sạch nó trong quá trình xử lý.
- SPc là một trong những mô hình xây dựng đô thị mới để **quản lý lũ lụt, tăng cường cơ sở hạ tầng sinh thái và hệ thống thoát nước mặt của đô thị**.
- SPc được quy hoạch và xây dựng để **tăng khả năng hấp thụ nước mưa**, sau đó nước mưa được **tái sử dụng hoặc được lọc tự nhiên** bởi đất và thấm nhập các tầng chứa nước ngầm bên dưới bề mặt đô thị.





Nguồn: ScienceDirect

Các thành phần cơ sở hạ tầng của hệ thống thoát nước theo mô hình SPc

Cơ sở hạ tầng Xanh

Cơ sở hạ tầng "xanh nước" bao gồm các giải pháp thoát nước bền vững (SuDs), như kênh, mương, hồ, ao, bể thu hoạch nước mưa, vùng đất ngập nước có chức năng tiếp nhận, lưu trữ, điều hòa, vân chuyển nước mưa tới nguồn tiếp nhận. Cơ sở hạ tầng "xanh lá", bao gồm các giải pháp thoát nước bền vững (SuDs) khác được xây dựng tích hợp trong các chức năng sử dụng đất khác nhau, như mái nhà xanh, vườn mưa, hố trồng cây, vỉa hè và các bề mặt thấm khác, thảm thực vật, cây xanh ở công viên, v.v... có chức năng thấm, làm chậm, làm giảm dòng chảy đỉnh nước mưa vào cống, giảm rủi ro ngập lụt.



CÂY XANH, MẶT NƯỚC, HỒ NƯỚC



THẢM CỎ BÊN ĐƯỜNG



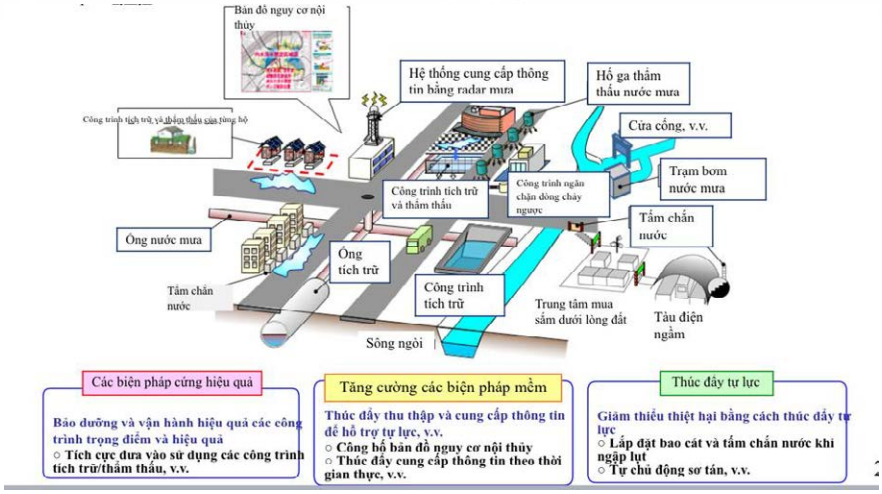
TÒA NHÀ XANH



MÁI NHÀ XANH

Cơ sở hạ tầng Xám

Hệ thống thoát nước mưa đô thị theo mô hình thành phố bọt biển không thể thiếu các cơ sở hạ tầng "xám", như cửa thu nước hè phố, cống thoát nước cùng các hố ga, cửa xả. Ở nhiều địa phương, để giảm rủi ro ngập lụt từ thượng nguồn các dòng sông, nhiều lưu vực thoát nước cần được bảo vệ bởi hệ thống đê ngăn lũ, các trạm bơm chống ngập (thường có công suất rất lớn, nhưng số giờ vận hành hàng năm lại rất thấp (đồng bằng sông Hồng). Cũng có những địa phương (đồng bằng sông Cửu Long) lại phải xây dựng các đê, cống ngăn triều và các trạm bơm chống ngập.



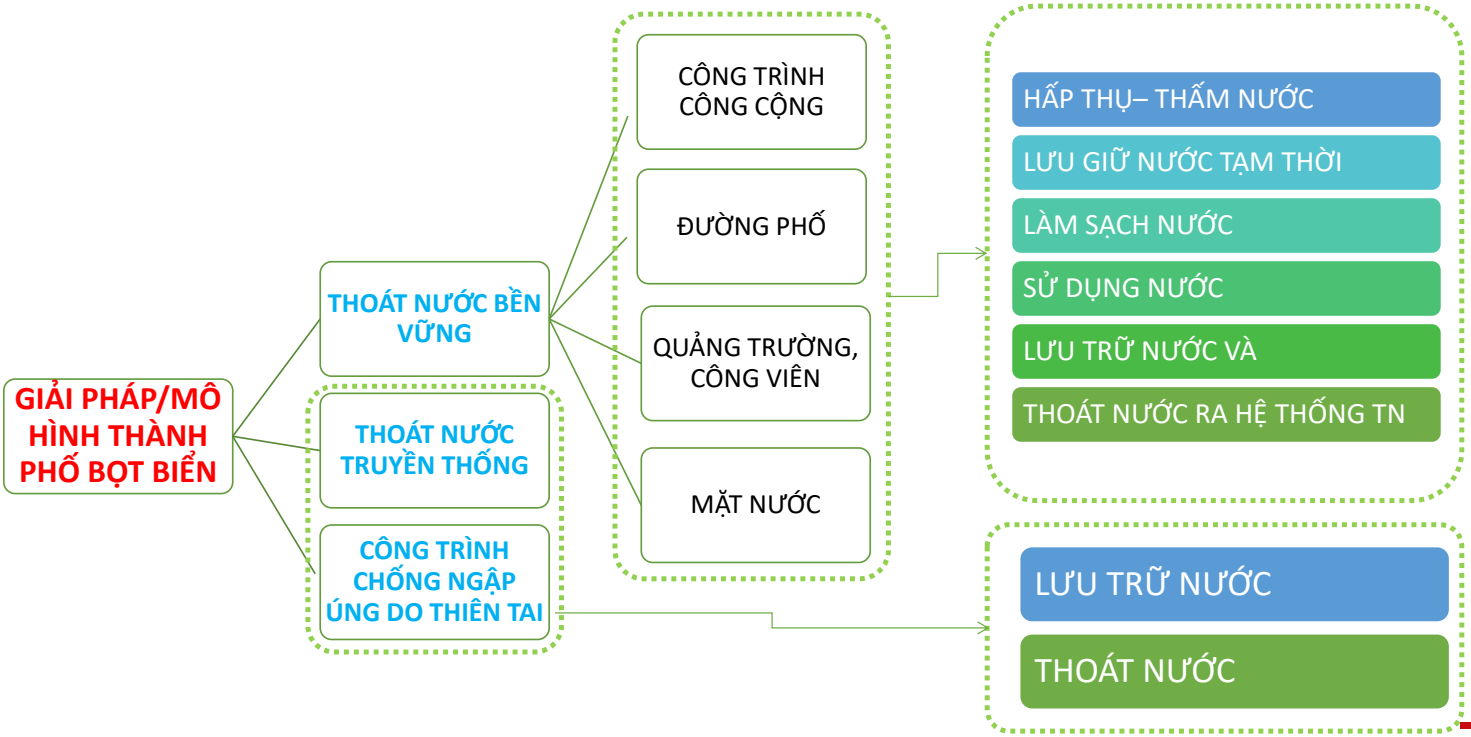
Mục tiêu mô hình thành phố bọt biển

1. **Bảo vệ được hệ sinh thái đô thị** bằng cách tối đa hóa việc bảo vệ các sông, hồ, đất ngập nước, ao, mương và các khu vực nhạy cảm về sinh thái nước khác.
2. **Phục hồi được hệ sinh thái** bằng cách duy trì một tỷ lệ không gian sinh thái nhất định đã bị hư hại do quá trình xây dựng mở rộng đô thị.
3. **Hạn chế các tác động** đến môi trường sinh thái khi xây dựng và phát triển đô thị bằng cách kiểm soát phát triển hợp lý, giữ lại đủ không gian xanh của thành phố, kiểm soát tỷ lệ diện tích không thấm của đô thị, giảm thiểu rủi ro ô nhiễm môi trường nước, thúc đẩy quá trình thu gom và lọc nước mưa tự nhiên.

- Tận dụng nước mưa như nguồn tài nguyên
- Giảm nhẹ rủi ro ngập úng đô thị
- Cải thiện chất lượng nước
- Khôi phục chức năng sinh thái của hệ thống nước trong đô thị
- Cải thiện vi khí hậu

Nguồn: City Planning Review

Các nhóm giải pháp/mô hình thành phố bọt biển



giz

Kinh nghiệm triển khai mô hình thành phố bọt biển

- **Trung Quốc:** Một trong những phương án mà Trung Quốc đối phó với tình trạng ngập lụt tại các khu đô thị đông dân cư là xây dựng thành phố "bọt biển". Sáng kiến về thành phố "bọt biển" được đưa ra từ năm 2015 với hoạt động chính là sử dụng mô hình vườn trên mái, công viên lưu giữ nước, hè thấm nước, bể chứa ngầm, cải tạo hệ thống ao hồ, hệ thống thoát nước cao cấp giúp hấp thụ lượng nước mưa thay vì đổ ra sông. Mô hình này được triển khai 30 thành phố của TQ



-Tại thành phố Vũ Hán, thành phố bọt biển được xây dựng dựa trên các giải pháp như vườn mưa, mái nhà xanh, thảm cỏ, mặt đường thấm, gạch thấm nước, mặt đường bê-tông thấm, rãnh thấm và module lưu trữ nước mưa.



-Tuy nhiên, một số **hiện tượng thời tiết cực đoan tần suất thấp** có thể làm giảm hiệu quả đáng kể của mô hình này. Tại thành phố Trịnh Châu, trận lũ tháng 7 năm 2021 gây thiệt hại nghiêm trọng, mặc dù thành phố đã được đầu tư hơn 8 tỷ USD cho các giải pháp thành phố bọt biển.

giz

Kinh nghiệm triển khai mô hình thành phố bọt biển

- Thành phố Berlin, Đức: mô hình thành phố bọt biển – **"schwammstadt"** đã được triển khai trong những năm 2000 tại khu dân cư Rummelsburg, phía Đông Berlin. Mô hình này đã được nhân rộng tại thành phố Berlin với tầm nhìn **"thành phố có thể hấp thụ nước mưa như một miếng bọt biển và lại giải phóng nó khi cần nước".** Theo kế hoạch, thành phố dự kiến ngân sách **100 triệu Euro** để đầu tư cho **400.000m3 không gian lưu trữ nước mưa đến năm 2024**. Theo chính quyền thành phố, điều quan trọng nhất là học hỏi lẫn nhau và suy nghĩ đổi mới – để tạo ra ngày càng nhiều nước mưa có thể sử dụng được cho thành phố, người dân và cây trồng của thành phố trong tương lai.

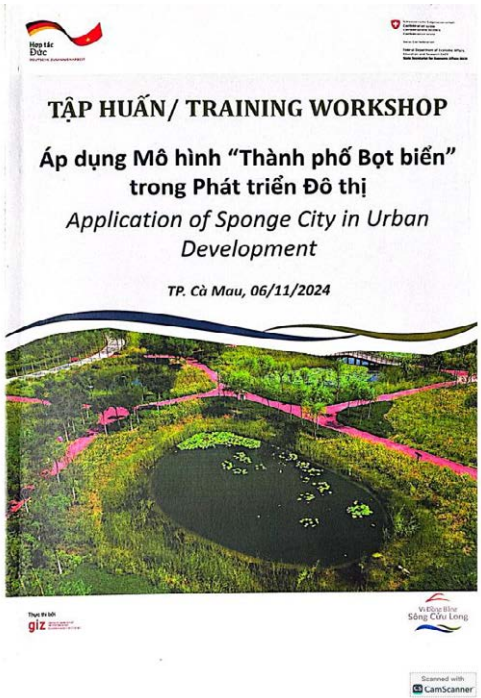


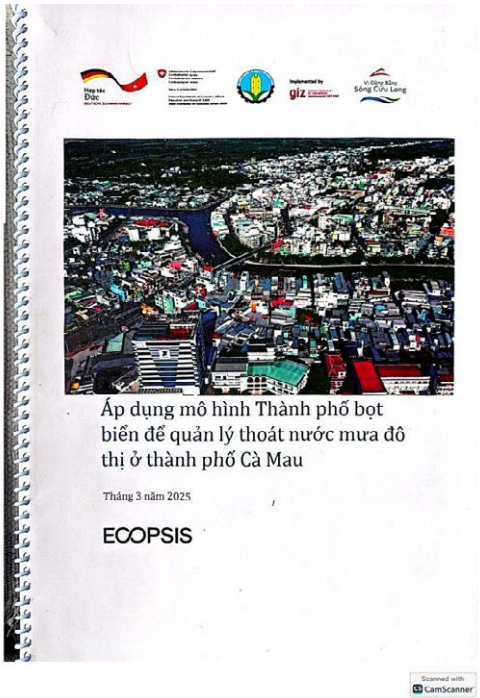
MƯƠNG BÊN ĐƯỜNG THẤM VÀ GIỮ NƯỚC



MÁI NHÀ PHỦ CÂY XANH

MCRP TỔ CHỨC TẬP HUẤN VÀ THÍ ĐIỂM VỀ SPc TẠI CÀ MAU, RẠCH GIÁ VÀ SÓC TRĂNG





Những thách thức khi áp dụng mô hình thành phố bọt biển tại các đô thị Việt Nam

1. Cơ sở pháp lý đầy đủ để triển khai lồng ghép mô hình thành phố bọt biển trong quy hoạch đô thị;
2. Thiếu quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật để quy hoạch, xây dựng và triển khai các giải pháp cụ thể cũng như các công tác liên quan đến việc thẩm tra, thẩm định;
3. Chưa có hướng dẫn, nội dung, quy trình triển khai mô hình thành phố bọt biển từ bước lập quy hoạch, lập dự án và triển khai thi công, đánh giá cụ thể;
4. Áp lực khan hiếm đất đai ở các đô thị lớn dẫn đến thiếu không gian xanh để phát triển mô hình thành phố bọt biển trên quy mô lớn;

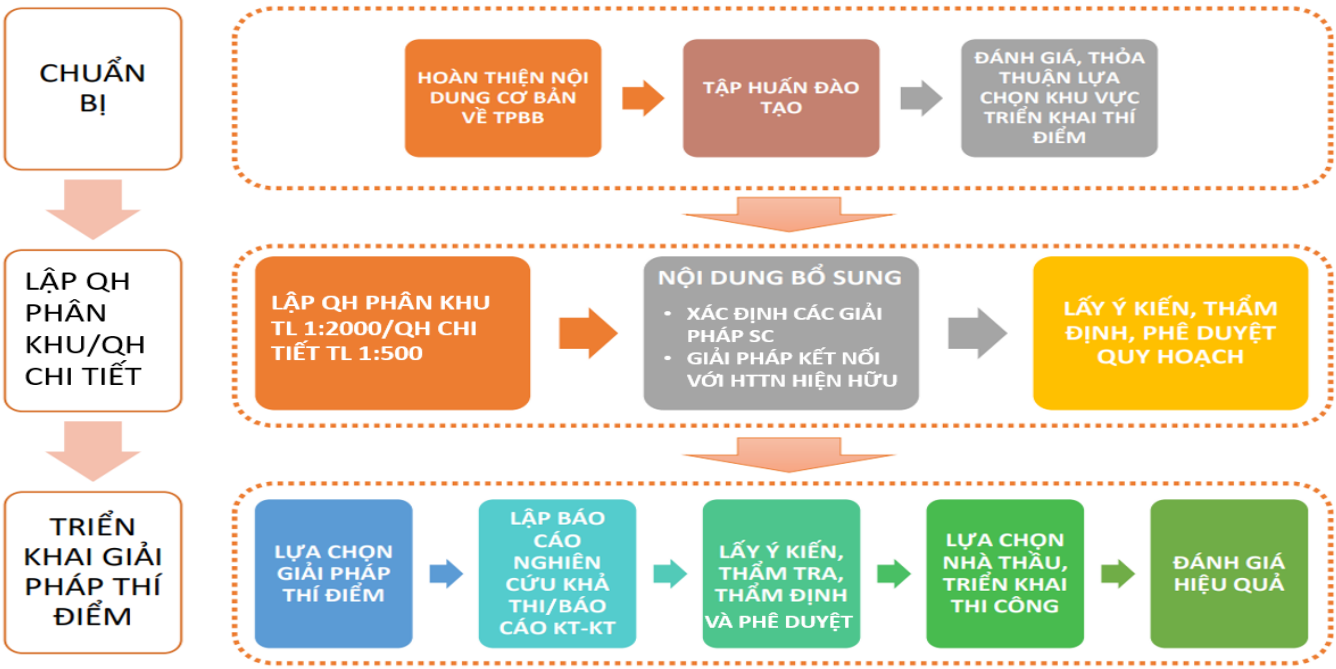
Những thách thức khi áp dụng mô hình thành phố bọt biển tại các đô thị Việt Nam

5. Sự đồng thuận và tham gia của khu vực tư nhân, cộng đồng trong thu gom nước mưa tại nguồn và triển khai giải pháp bọt biển trên các công trình công cộng sở hữu tư nhân;
6. Thiếu định mức kinh tế, kỹ thuật trong quản lý vận hành và bảo trì các hệ thống thoát nước bền vững;
7. Cơ quan quản lý chuyên môn ở địa phương, đơn vị tư vấn, thiết kế địa phương chưa có kinh nghiệm trong việc áp dụng các giải pháp thành phố bọt biển;
8. Thiếu cơ sở dữ liệu nói chung về thoát nước và về kiểm soát bề mặt đô thị, hạn chế trong khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu, kinh nghiệm của các địa phương với nhau.

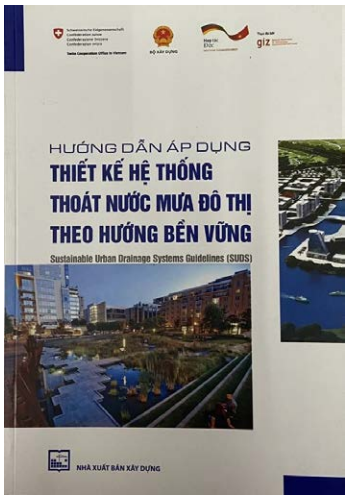
Định hướng
triển khai mô hình thành phố bọt biển tại các đô thị Việt Nam

1. Biên soạn hướng dẫn, tổ chức tập huấn, đào tạo về mô hình TP.Bọt biển
2. Thực hiện thí điểm mô hình thành phố bọt biển với quy mô khác nhau với các đô thị theo phân vùng khí hậu Việt Nam và các cấp đô thị từ loại III trở lên để bước đầu đánh giá hiệu quả, hình thành quy trình lập và thẩm định quy hoạch, dự án
3. Trên cơ sở đánh giá, xây dựng và cập nhật quy chuẩn Quy hoạch xây dựng 01:2021/BXD; xây dựng hướng dẫn kỹ thuật quốc gia về thành phố bọt biển;
4. Đảm bảo căn cứ pháp lý cao nhất từ cấp trung ương thông qua nội dung thành phố bọt biển gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu;
5. Thí điểm và xây dựng cơ chế hỗ trợ kỹ thuật và tài chính để đảm bảo sự đồng thuận của cộng đồng dân cư, tư nhân khi tham gia mô hình thành phố bọt biển của địa phương;
6. Xây dựng dữ liệu dùng chung về quy hoạch thành phố bọt biển, dự án thành phố bọt biển, dữ liệu hỗ trợ phân tích kiểm soát khả năng thấm của bề mặt đô thị.
7. Nâng cao nhận thức, năng lực của đơn vị tư vấn thiết kế và năng lực quản lý của cơ quan chuyên môn ở địa phương trong quản lý triển khai mô hình thành phố bọt biển.

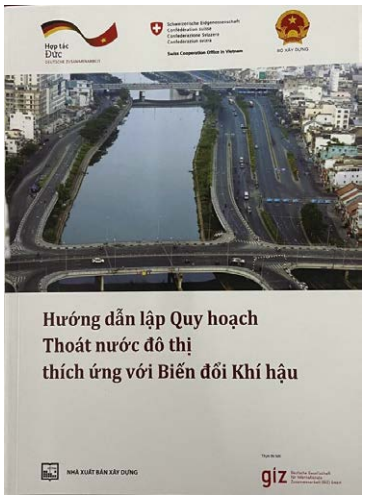
Các bước dự kiến triển khai thí điểm
mô hình thành phố bọt biển tại một số đô thị ở Việt Nam

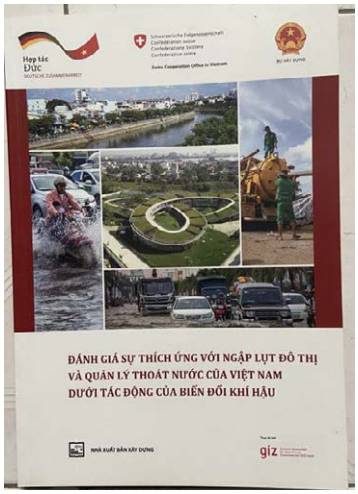


Các ấn phẩm có liên quan đã xuất bản









CÁM ƠN SỰ CHÚ Ý LẮNG NGHE CỦA CÁC QUÝ ĐẠI BIỂU



PHÒNG CHỐNG NGẬP LỤT ĐÔ THỊ CÁC TỈNH VEN BIỂN MIỀN TRUNG - VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

Trình bày: Phạm Doãn Khánh

Phòng Hợp tác quốc tế - Cục Quản lý đê điều và PCTT

NỘI DUNG

1. TỔNG QUAN
2. NGUYÊN NHÂN NGẬP LỤT CÁC TỈNH VEN BIỂN MIỀN TRUNG
3. TÌNH HÌNH NGẬP LỤT VÀ TÁC ĐỘNG
4. NHỮNG THÀNH CÔNG, THÁCH THỨC, TỒN TẠI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM
5. GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG NGẬP LỤT ĐÔ THỊ

1 TỔNG QUAN

- Ngập lụt đô thị là một trong những vấn đề môi trường nghiêm trọng nhất đối với các tỉnh ven biển Miền Trung Việt Nam.
- Vị trí địa lý đặc biệt, khu vực này thường xuyên phải đối mặt với nguy cơ ngập lụt hàng năm.
- Bối cảnh biến đổi khí hậu và tăng trưởng đô thị hóa diễn ra nhanh chóng trên tác động mạnh mẽ đến ngập lụt khu vực.

1.1. Vấn đề ngập lụt đô thị ở Miền Trung Việt Nam

(1) Biến đổi khí hậu

- Biến đổi khí hậu đã làm tăng mức độ và tần suất của mưa lũ ở miền Trung Việt Nam.
- Các mô hình khí hậu dự báo rằng tình hình này sẽ tiếp tục diễn ra trong tương lai, với mức độ mưa lũ ngày càng tăng.

1 TỔNG QUAN

(2) Đô thị hóa nhanh chóng

- Sự phát triển nhanh chóng của các khu đô thị đã làm giảm diện tích đất tự nhiên có khả năng hấp thụ nước mưa.
- Điều này tăng áp lực lên hệ thống thoát nước đô thị, khiến chúng không thể tiêu thoát lượng nước mưa lớn trong thời gian ngắn.

(3) Hạ tầng thoát nước không đáp ứng được

- Hệ thống thoát nước hiện tại của nhiều khu đô thị ở miền Trung Việt Nam chưa đáp ứng được nhu cầu, đặc biệt trong điều kiện mưa lũ lớn.
- Các hệ thống này thường bị quá tải, dẫn đến tình trạng ngập lụt.

(4) Thiếu chính sách quản lý đất đai và môi trường

Việc quản lý đất đai và môi trường chưa thực sự hiệu quả, dẫn đến việc mất các khu vực đất tự nhiên có khả năng hấp thụ nước mưa, như rừng và thảm phủ.

2 NGUYÊN NHÂN NGẬP LỤT

(1) Mưa lớn: Miền Trung Việt Nam thường xuyên chịu ảnh hưởng của các hình thế gây mưa lớn, dẫn đến lượng mưa lớn trong thời gian ngắn, gây ra ngập lụt

(2) Địa hình: Đồng bằng bằng phẳng, thấp, cấu trúc địa hình không đồng nhất, nằm xen kẽ giữa các dãy núi chạy ra tận biển. Các đường bộ, đường sắt và hệ thống kênh mương chia cắt đồng bằng và gây trở ngại cho sự thoát lũ.

- Các sông chảy thẳng từ thượng nguồn xuống đồng bằng, hầu như không qua vùng chuyển tiếp trung du, vì thế nước tập trung rất nhanh.

(3) Biến đổi khí hậu: Sự biến đổi của khí hậu, bao gồm tăng nhiệt độ toàn cầu và biến đổi sự phân bố lượng mưa có thể làm tăng nguy cơ ngập lụt.

2 NGUYÊN NHÂN NGẬP LỤT

(4) Phá rừng: Việc phá rừng để tiêu thụ gỗ, mở rộng đất nông nghiệp hoặc xây dựng cơ sở hạ tầng có thể làm giảm khả năng hấp thụ nước của đất, dẫn đến ngập lụt.

(5) Quản lý đô thị và cơ sở hạ tầng: Việc xây dựng thiếu kiểm soát và thiếu hệ thống thoát nước hiệu quả trong các khu đô thị có thể làm tăng nguy cơ ngập lụt.

(6) Quản lý sông ngòi: Việc không quản lý tốt các sông ngòi, bao gồm việc nạo vét lưu thông dòng chảy cũng có thể gây nên việc ngập lụt nghiêm trọng thêm.

3 TÌNH HÌNH NGẬP LỤT VÀ TÁC ĐỘNG

3.1. Tình hình ngập lụt những năm gần đây ở các tỉnh ven biển miền Trung

- Lũ lụt xảy ra với tần suất ngày càng lớn; mức độ lũ, tình trạng ngập lụt ngày càng nghiêm trọng, các giá trị cực trị của các năm liên tục bị phá vỡ…

- Mưa lũ sớm trái mùa xuất hiện thường xuyên hơn, mùa lũ kết thúc muộn hơn. Tần suất xuất hiện những đợt lũ lớn xảy ra thường xuyên hơn, cường suất lũ tăng lên rõ rệt, lũ quét xảy ra nhiều nơi; số trận lũ nhiều hơn so với TBNN.

- Các trận lũ điển hình những năm gần đây: lũ năm 1999, 2007, 2016, 2017, 2020 *(2 đợt lũ 1999: **715** người chết và mất tích).*

- Năm 2022: Suối Đá, Đà Nẵng mưa ***831mm*** (vượt lịch sử 2018 - 635mm), cường suất rất lớn 642mm/7 giờ (từ 15-21h/14/10) và 165mm/giờ (19-20h/14/10); ***70.000*** nhà bị ngập.

3 TÌNH HÌNH NGẬP LỤT VÀ TÁC ĐỘNG

3.1. Tình hình ngập lụt những năm gần đây ở các tỉnh ven biển miền Trung

Lũ khu vực miền Trung và Tây Nguyên (1999)

- Diễn ra 2 đợt lũ: đợt 1 từ 01/11-06/11 và đợt 2 từ 1/12- 6/12

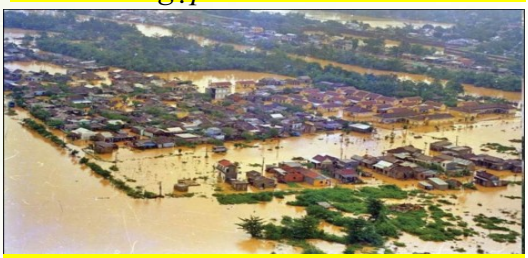
- Lũ làm **729 người chết** và mất tích, 544 người bị thương **52.583** ngôi nhà, 570 ngôi trường bị sụp và trôi; **1.010.900** nhà bị ngập, hư hỏng; **209.418** gia súc, **2.027.715** gia cầm chết, trôi; hơn 7 triệu khối bê tông, đất bị sạt lở, **3.000 km** đường giao thông;

- Tổng thiệt hại khoảng **4.133 tỷ đồng** (thời điểm năm 1999)

Tâm điểm đợt lũ tại Tỉnh Thừa Thiên Huế *(M.nước tại sông Hương cao hơn B.Đ III gần 3m)*



Lũ ngập đến nóc nhà dân



Ngập sâu trên diện rộng

3 TÌNH HÌNH NGẬP LỤT VÀ TÁC ĐỘNG

3.1. Tình hình ngập lụt những năm gần đây ở các tỉnh ven biển miền Trung

- Diễn ra 5 đợt lũ liên tiếp: từ 15/9-15/11/2020
- **06 tuyến sông lớn vượt mức lũ lịch sử;** 16 tuyến sông trên BĐ3.
- Lũ làm **78 người chết** và mất tích;
- Thiệt hại **36.000** tỷ đồng.

Lũ, ngập lụt năm 2020



Lũ ở huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình



Lũ lụt ở Quảng Trị

3 TÌNH HÌNH NGẬP LỤT VÀ TÁC ĐỘNG

3.1. Tình hình ngập lụt những năm gần đây ở các tỉnh ven biển miền Trung

Lũ, ngập lụt năm 2025

5/12 trạm đo vượt mức lũ lịch sử

	Sông Bồ (Huế)	Sông Vu Gia (Đà Nẵng)	Sông Vu Gia (Đà Nẵng)	Sông Thu Bồn (Đà Nẵng)	Sông Thu Bồn (Đà Nẵng)
Trạm	Phú Ốc (19h - 29/10)	Thành Mỹ (14h - 29/10)	Hội Khách (15h - 29/10)	Nông Sơn (19h - 29/10)	Câu Lâu (2h - 30/10)
Mực nước lũ hiện tại	5,27 m	27,20 m	19,32 m	18,68 m	5,62 m
Mức lũ lịch sử	5,24 m (2020)	27,14 m (2007)	18,14 m (2009)	18,53 m (1998)	5,48 m (1964)
Chênh lệch	0,03 m	0,06 m	1,18 m	0,15 m	0,14 m



Ngập lụt phố cổ Gia Hội, TP Huế



Phố cổ Hội An ngập trong nước lũ

- **35 người chết** và mất tích;
- 4.946 ha lúa, hoa màu ngập, thiệt hại
- 22.288 gia súc, gia cầm chết, cuốn trôi

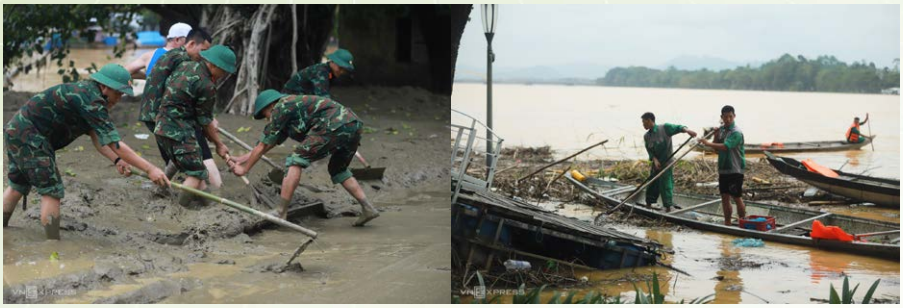
3 TÌNH HÌNH NGẬP LỤT VÀ TÁC ĐỘNG

3.2. Tác động của ngập lụt đối với cộng đồng và môi trường

(1) Tác động đối với cộng đồng

- Thiệt hại về người
- Thiệt hại về tài sản
- Gián đoạn hoạt động kinh doanh
- Ảnh hưởng đến sức khỏe





(2) Tác động đối với môi trường

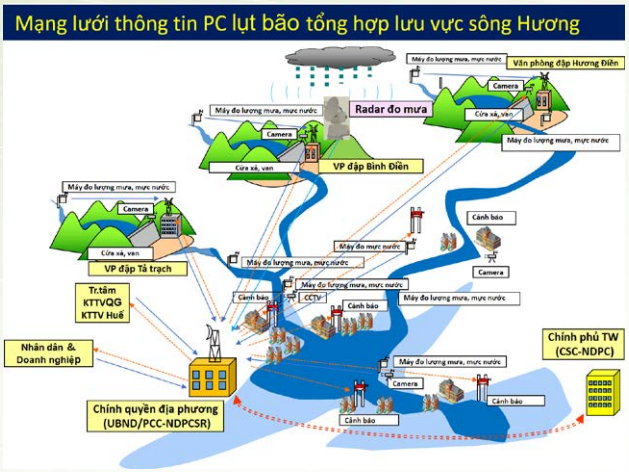
- Ô nhiễm môi trường.
- Phá hủy hệ sinh thái.
- Xói mòn đất.

4 NHỮNG THÀNH CÔNG, THÁCH THỨC, TỒN TẠI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

4.1. Thành công

(1) Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm: Được xây dựng và cải tiến, hệ thống cảnh báo sớm giúp dự báo lũ lụt và bão, cho phép cư dân chuẩn bị và di dời kịp thời, giảm thiểu thiệt hại.

(2) Cải thiện hạ tầng: Việc đầu tư cải thiện hạ tầng, bao gồm xây dựng công trình chống lũ như đập, đê và hệ thống thoát nước, giúp giảm thiểu tác động của lũ lụt và bảo vệ cộng đồng.



4 NHỮNG THÀNH CÔNG, THÁCH THỨC, TỒN TẠI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

4.1. Thành công (tt)

(3) Nâng cao nhận thức và kỹ năng của cộng đồng: Các chương trình giáo dục và đào tạo được triển khai để nâng cao nhận thức và kỹ năng của cộng đồng trong việc đối phó với lũ lụt, bao gồm việc sử dụng phương tiện cứu hộ, di dời an toàn và tự cứu trong trường hợp khẩn cấp.

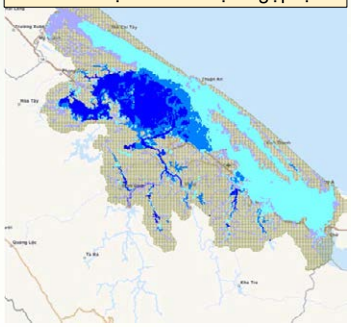
Bản đồ dự báo phân bố lượng mưa lưu vực sông Hương



(4) Hợp tác quốc tế: hợp tác với nhiều tổ chức quốc tế và các quốc gia khác để học hỏi kinh nghiệm và nhận sự hỗ trợ trong việc quản lý và phòng chống lũ lụt.

(5) Ứng dụng công nghệ: được ứng dụng rộng rãi trong việc quản lý và phòng chống lũ lụt, bao gồm việc sử dụng dữ liệu từ vệ tinh để theo dõi và dự báo lũ lụt, và sử dụng các ứng dụng di động để cung cấp thông tin cảnh báo sớm cho cộng đồng.

Bản đồ dự báo khu vực ngập lụt



4 NHỮNG THÀNH CÔNG, THÁCH THỨC, TỒN TẠI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

4.2. Thách thức, tồn tại

(1) Biến đổi khí hậu: Biến đổi khí hậu đang làm tăng nguy cơ lũ lụt và bão. Thời tiết cực đoan ngày càng gia tăng về mức độ và tần suất.

(2) Tài chính và nguồn lực: xây dựng và duy trì hạ tầng chống lũ, các chương trình giáo dục và đào tạo đòi hỏi nguồn lực và tài chính lớn.

(3) Quản lý đất đai và quy hoạch đô thị: không hiệu quả có thể tăng nguy cơ lũ lụt. (Ví dụ, việc phát triển không kiểm soát có thể làm tăng lượng nước chảy vào các khu vực dân cư, gây ra ngập lụt).

(4) Thiếu hụt thông tin và dữ liệu: ➔ giảm hiệu quả của các biện pháp phòng chống lũ lụt.

(5). Thiếu hụt kỹ năng và nhận thức của cộng đồng: dù đã có nhiều nỗ lực để nâng cao nhận thức và kỹ năng của cộng đồng, nhưng vẫn còn nhiều bộ phận người dân kỹ năng đối phó với lũ lụt còn yếu, chưa hiệu quả.

4 NHỮNG THÀNH CÔNG, THÁCH THỨC, TỒN TẠI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

4.3. Đánh giá hiệu quả và bài học kinh nghiệm

(1) Hiệu quả của hệ thống cảnh báo: đóng vai trò quan trọng trong việc cảnh báo sớm ➔ người dân và cơ quan chức năng chuẩn bị và ứng phó kịp thời, hiệu quả.

(2) Đầu tư vào hạ tầng phòng chống lũ lụt: như đê điều, hồ chứa nước, kênh thoát nước, và các công trình thủy lợi đã mang lại kết quả tích cực (nhưng cần xây dựng và quản lý chuyên nghiệp).

(3) Lồng ghép quy hoạch sử dụng đất và quản lý tài nguyên: ➔ giảm thiểu nguy cơ lũ lụt và bảo vệ hệ thống tự nhiên.

(4) Tăng cường khả năng ứng phó và phục hồi: bao gồm việc nâng cao khả năng phối hợp, xây dựng kế hoạch ứng phó, đào tạo năng lực và hỗ trợ phục hồi sau thảm họa.

5 GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG NGẬP LỤT ĐÔ THỊ

(1) Xây dựng hệ thống thoát nước: nâng cấp và xây dựng hệ thống thoát nước hiện ➔ khả năng thoát nước nhanh chóng và hiệu quả khi có mưa lớn hoặc lũ lụt.

(2) Cải tạo, nâng cấp xây dựng hệ thống đập, hồ chứa: Xây dựng các hồ chứa và đập ➔ điều tiết lũ, giảm áp lực cho hệ thống thoát nước và giảm thiểu nguy cơ ngập lụt cho hạ du.

(3) Quản lý đất đai và tài nguyên, bao gồm quản lý rừng và vùng đất ngập nước:

- Quy hoạch sử dụng đất đai hợp lý ➔ tăng khả năng điều tiết nước, hạn chế nguy cơ ngập lụt.
- Tăng cường quản lý và bảo vệ rừng, các hệ thống tự nhiên khác, phục hồi các khu rừng và vùng đất ngập nước ➔ giảm lượng nước chảy vào các khu vực dân cư.

5 GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG NGẬP LỤT ĐÔ THỊ

(4) Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm:

- Tăng cường hệ thống quan trắc, giám sát khí tượng thủy văn.
- Sử dụng công nghệ dự báo tiên tiến.

➔ cung cấp cảnh báo sớm cho cộng đồng.

(5) Quy hoạch đô thị thông minh:

- Tích hợp các công nghệ và giải pháp thông minh vào quy hoạch đô thị: như:

+ Xây dựng hệ thống cảm biến để giám sát mực nước, lượng mưa và ngập lụt.

+ Xây dựng các công trình thoát nước thông minh và hệ thống giao thông linh hoạt ➔ giảm thiểu tắc nghẽn và ngập lụt trong đô thị.

- Tránh xây dựng các công trình trong các khu vực dễ bị ngập lụt, nhất là các công trình quan trọng.

5 GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG NGẬP LỤT ĐÔ THỊ

(6) Giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng:

- Thúc đẩy việc giáo dục cộng đồng, hướng dẫn cách ứng phó và phòng tránh nguy cơ lũ lụt;
- Đẩy mạnh sự tham gia và hỗ trợ của cộng đồng.

(7) Cải tạo và xây dựng hệ thống cống, mương thoát nước: Cần được xây dựng và bảo dưỡng định kỳ ➔ thoát nước tốt nhất.

(8) Tạo ra các khu vực xanh: giúp hấp thụ nước mưa và giảm lượng nước chảy vào hệ thống thoát nước.

(9) Nâng cấp hạ tầng: Cải thiện và nâng cấp hạ tầng đô thị ➔ chống chịu lượng nước lớn khi có lũ; Lưu ý hướng công trình, khẩu độ cầu cống ➔ hạn chế cản thoát lũ.

(10) Thực hiện quản lý chất thải: đúng cách ➔ tránh tình trạng tắc nghẽn hệ thống thoát nước.

5 GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG NGẬP LỤT ĐÔ THỊ

(11). Xây dựng kế hoạch và phương án ứng phó hiệu quả: Xây dựng kế hoạch và phương án ứng phó cụ thể, rõ ràng, hiệu quả.

(12) Thực hiện các biện pháp kiểm soát xây dựng: Kiểm soát việc xây dựng trong các khu vực có nguy cơ ngập lụt ➔ các công trình ***mới*** không làm trầm trọng hơn mức độ ngập lụt.

(13) Tạo ra các khu vực hấp thụ nước (chứa lũ, phân lũ, chậm lũ): Tạo ra các khu vực hấp thụ nước như đầm lầy, ao, hồ nhân tạo ➔ giảm lượng nước chảy vào các khu vực dân cư.

(14) Xây dựng các công trình bảo vệ bờ sông: như đê, bờ kè ➔ ngăn chặn nước lũ từ sông tràn vào khu vực dân cư.

(15) Nâng cao khả năng ứng phó và phục hồi sau lũ lụt





Citizen Perspectives: Experiences and Responses to Climate Resilience in Viet Nam's Major Cities

Ms. Sabina Stein, Head of Governance and Participation, UNDP in Viet Nam

Viet Nam Urban Sustainability Summit 2025

Contents

1. Future-Ready Urban Governance - *the need to invest in inclusive urban governance in Asia Pacific*
2. Citizen Perspectives of Environmental Governance in Viet Nam – *results from the PAPI index*
3. Impact of Extreme Weather on Outdoor Workers in Ha Noi – *a case study*
4. Policy Implications



Future-Ready Urban Governance

Rethinking Urban Governance for Tomorrow's Cities in Asia-Pacific

Why Reimagining Urban Governance is Critical for Asia Pacific

- Cities in Asia Pacific are home to 54% of the world's urban population
- Projected to host 2/3 of the world's 49 megacities by 2025 (GlobalData, 2019)
- Urban areas contribute to over 80% of regional GDP (UN-Habitat & ESCAP, 2023)
- Motors of economic growth, human development, poverty reduction and improvements in health, education, and living standards (UNDP, 2024)



Why Reimagining Urban Governance is Critical for Asia Pacific

- Home to 25 of the world's most polluted cities (UNESCAP, 2024)
- Cities generate 75% of regional carbon emissions (CDIA ASIA)
- Facing complex development challenges due to rapid urban expansion exacerbated by climate change, biodiversity loss, and governance disparities.
- Cities acutely exposed to climate shocks such as flooding, heatwaves, and coastal inundation
- Disasters disproportionately affect marginalized communities and exacerbate existing inequalities (UN-Habitat & ESCAP, 2023; World Bank, 2022)



Why Reimagining Urban Governance is Critical for Asia Pacific

- Climate governance remains underdeveloped in many cities, with **most urban residents reporting limited institutional effectiveness** (UN-Habitat & ESCAP, 2023)
- There is an **urgent need for proactive climate governance**—including expanding green and climate resilient finance, stronger institutions, and multi-actor collaboration. (Wood Mackenzie, 2024; ADB, 2024; Lackovic et al., 2024).



The Central Role of Citizen Engagement

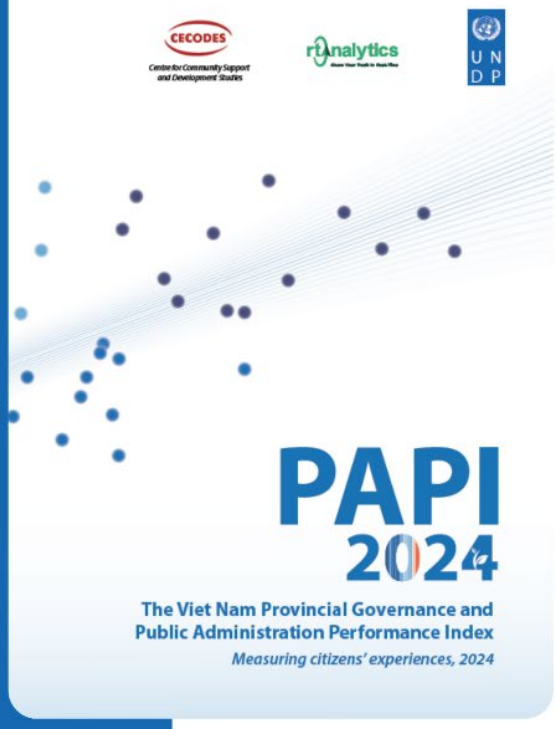
Bangkok	Beijing	Ahmedabad	Iloilo
Thailand	China	India	The Philippines

Key Insight: Institutionalize Participatory, Inclusive, and Adaptive Planning

Integrate community engagement and codesign into urban planning

Deploy real-time data systems and social listening tools

Ensure urban solutions are inclusive, equitable, and grounded in real needs



Citizens' Perspective and Experience with Environmental Governance

Results from the Viet Nam Provincial Governance and Public Administration Performance Index (PAPI)

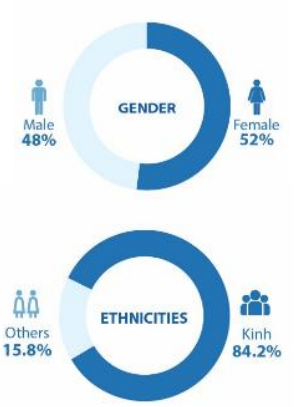
PAPI in a Snapshot

The Viet Nam Provincial Governance and Public Administration Performance Index



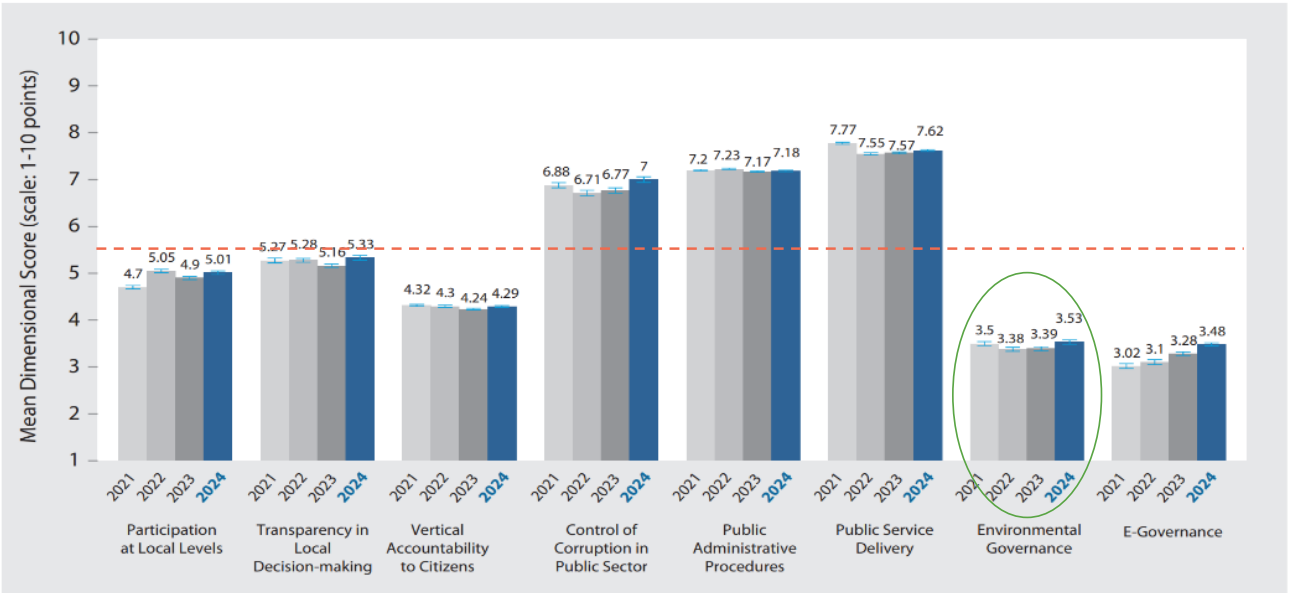
- Seriousness in Environmental Protection
- Air Quality
- Water Quality

18,894
RESPONDENTS TO 2024 PAPI SURVEY



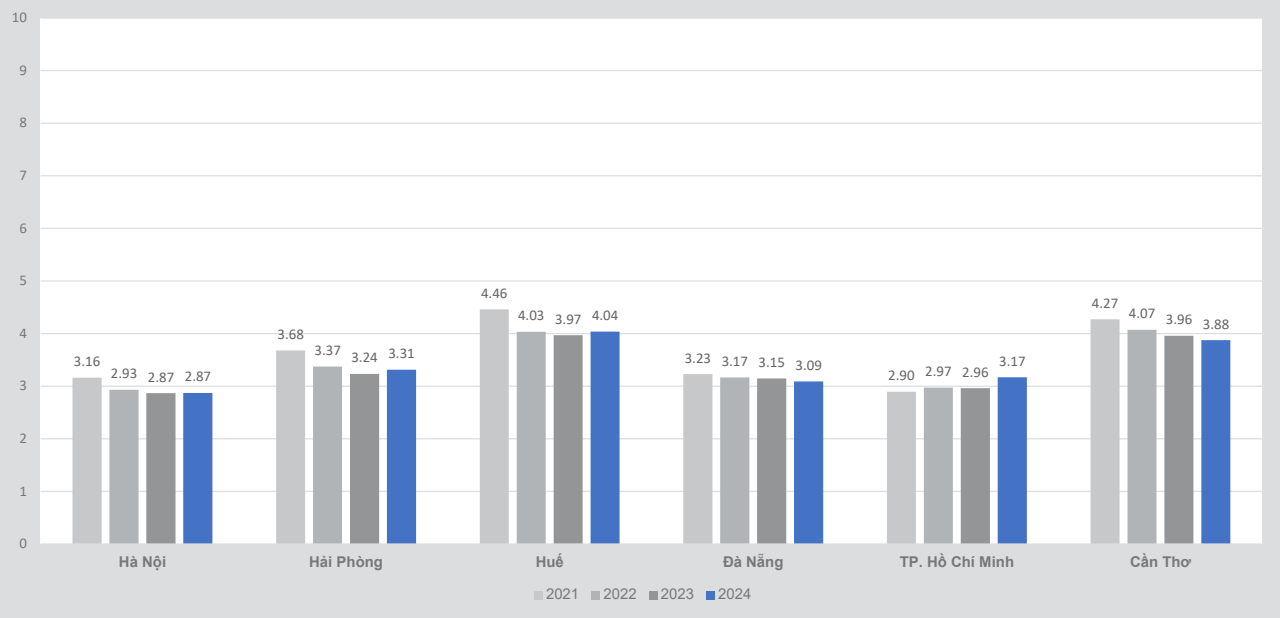
Environmental Governance Performance 2021-2024

Progress since 2021, but significant room for improvement



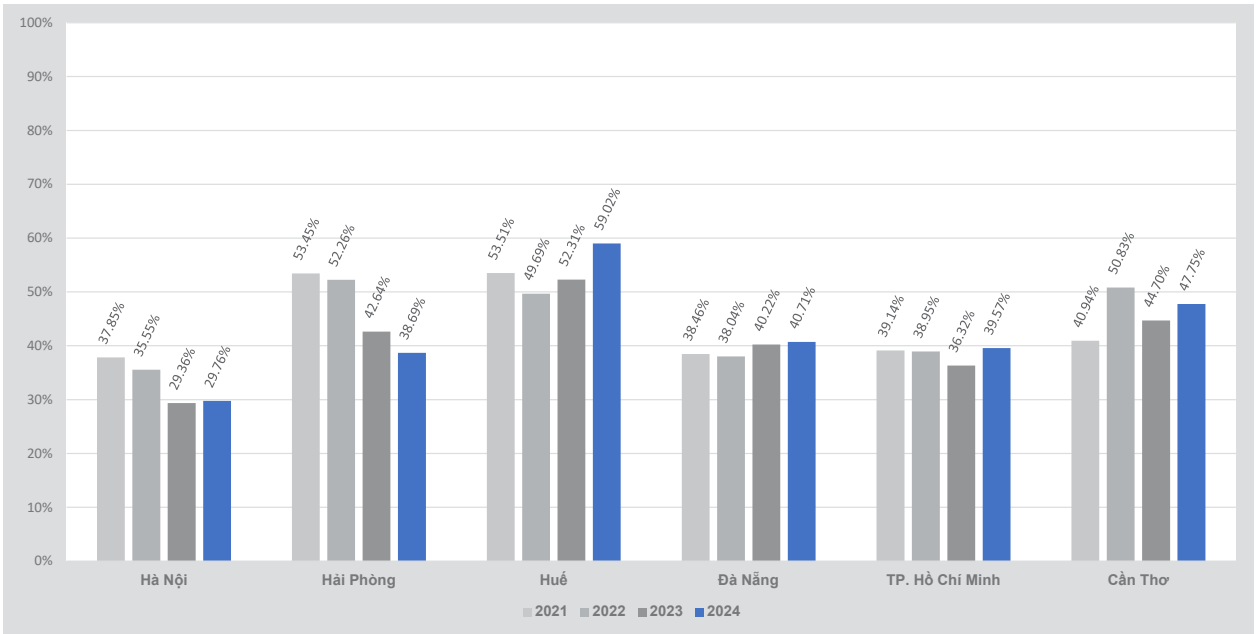
Environmental Governance Performance Across Major Cities

Despite improvement nationally, performance in 5 of 6 centrally-governed cities fell since 2021



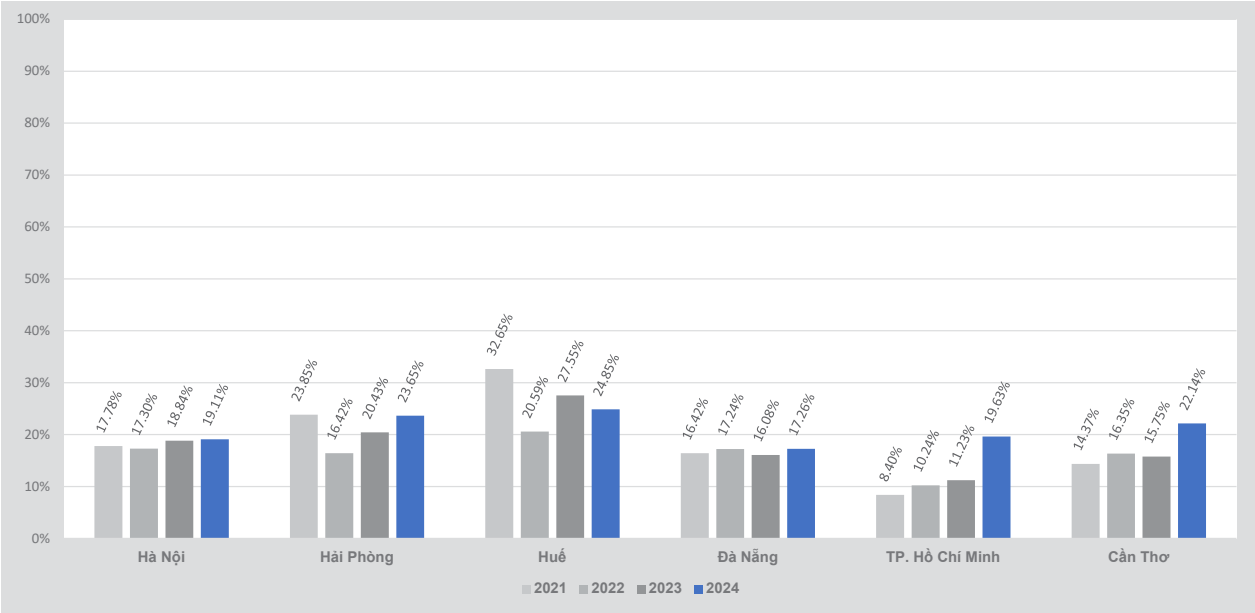
% Respondents reporting improved air quality than 3 years ago

Confidence in air quality improved in central and southern cities, but declined in the north (Ha Noi, Hai Phong).



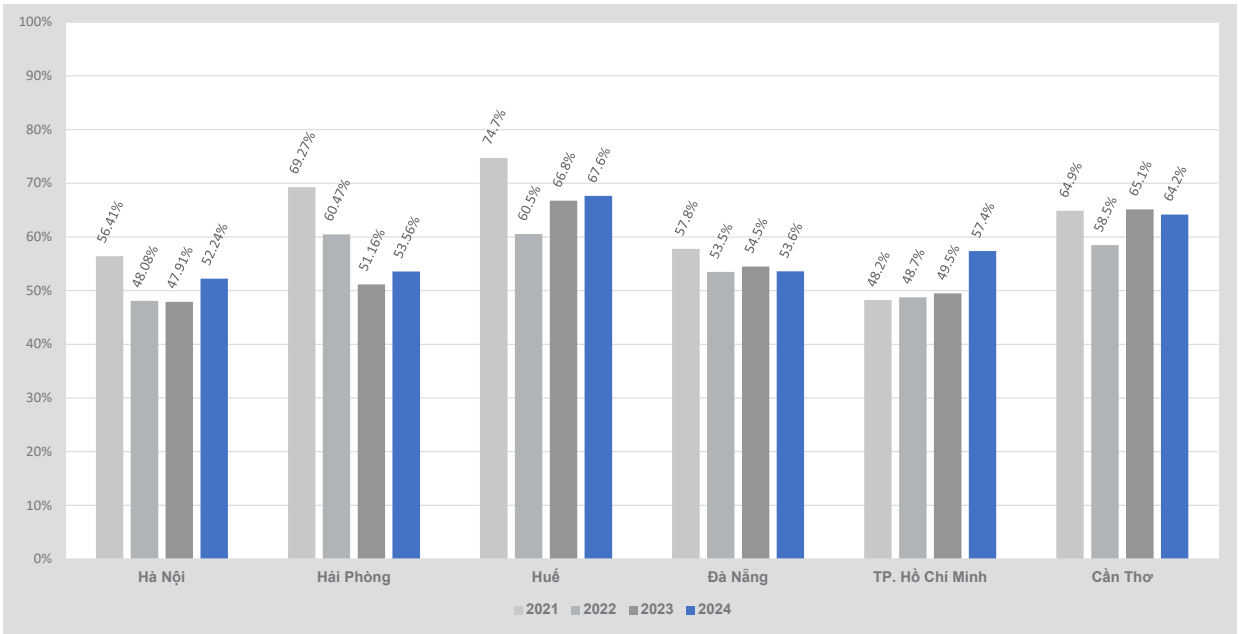
% Respondents reporting they don't need masks for air pollution

Only around 1 in 5 citizens felt safe going out without a mask.



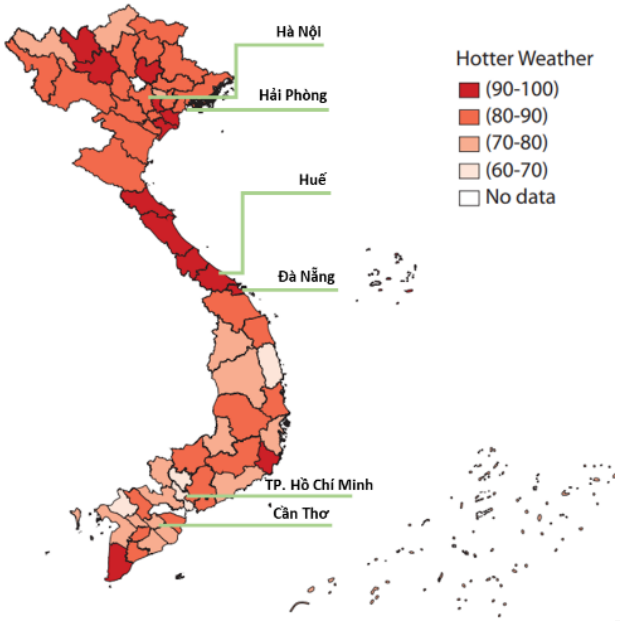
% Respondents saying local firms do *not* pay bribes to evade environmental rules

Public trust in environmental compliance remains positive overall, but declined in 5 of 6 major cities.

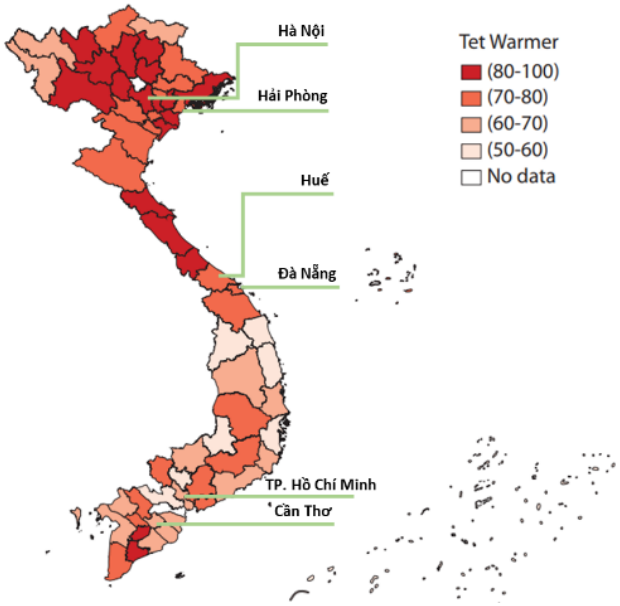


Where Did Citizens Find Temperature Hotter in 2024?

Percentage of Respondents Agreeing the Weather was Warmer by Province, 2024

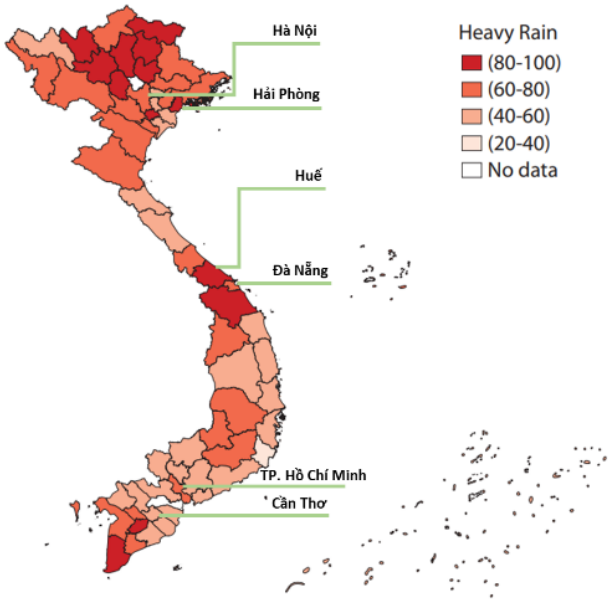


Percentage of Respondents Saying Tet is Warmer by Province, 2024

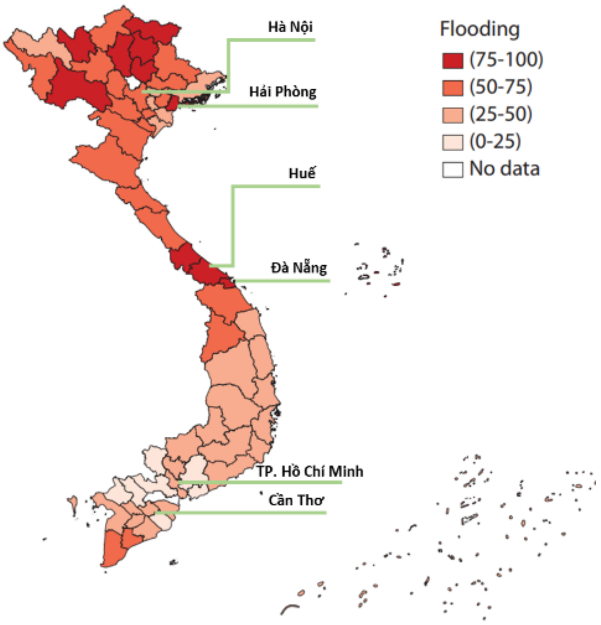


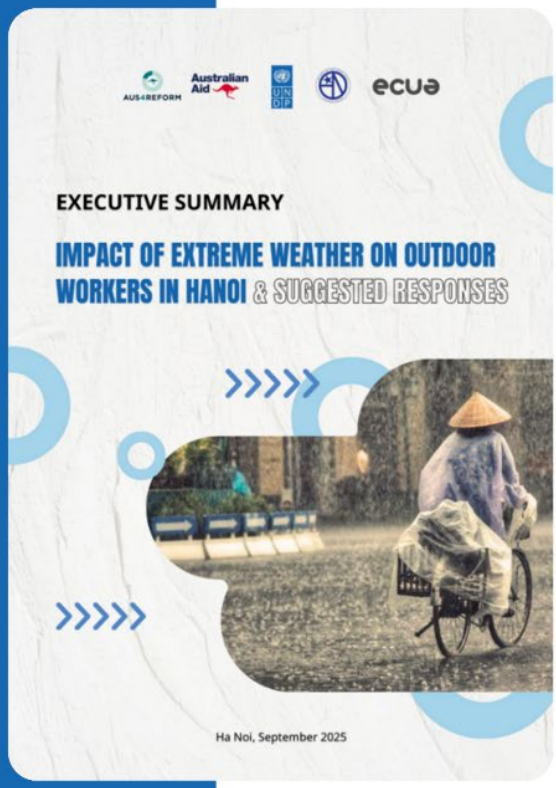
Where was Severity of Precipitation Increasing in 2024?

Percentage of Respondents Agreeing Heavy Rain was More Frequent by Province, 2024



Percentage of Respondents Agreeing Flooding was More Frequent by Province, 2024

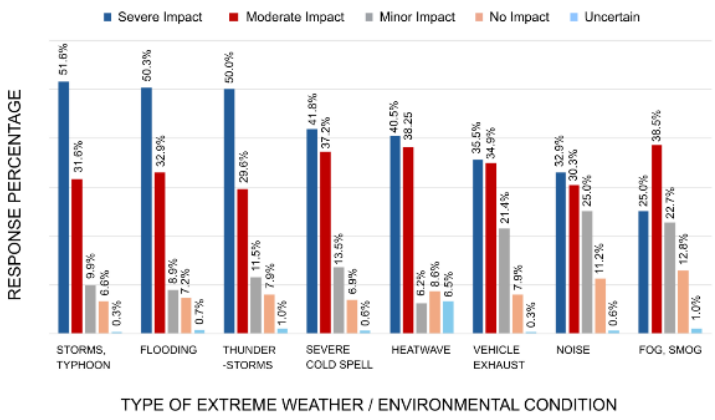




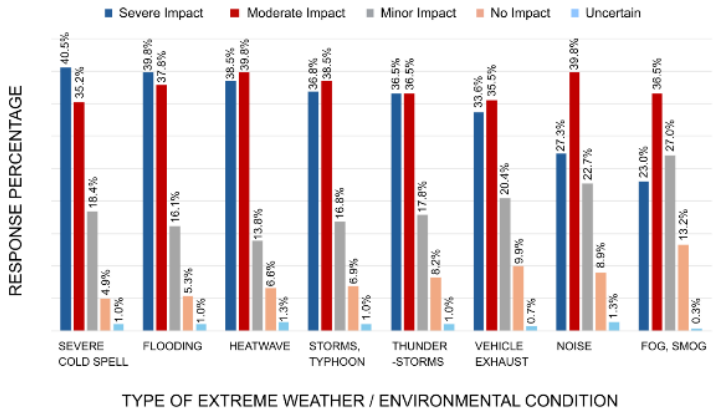
Impact of Extreme Weather on Outdoor Workers in Ha Noi City

A Case Study

Impact of Extreme Weather on Income and Daily Life



Impact Work & Income



Impact on Daily Life

Outdoor Worker Testimonies

"What I fear most is prolonged storms and heavy rain. The longest work break I've ever had was during the recent floods caused by Typhoon Yagi. I had to ***stop working for over a week with no income****; my house was flooded, and many belongings were damaged. Life became extremely inconvenient. Even after the floods receded, going back to work was difficult — there was trash and debris everywhere, but very little scrap metal to collect."*

(H., 35 years old, female, scrap collector)

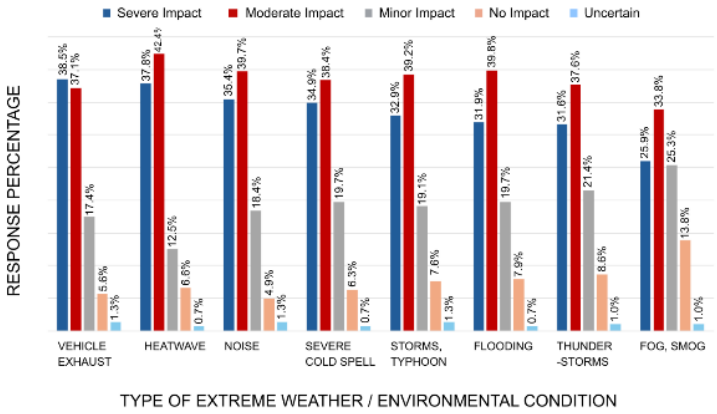




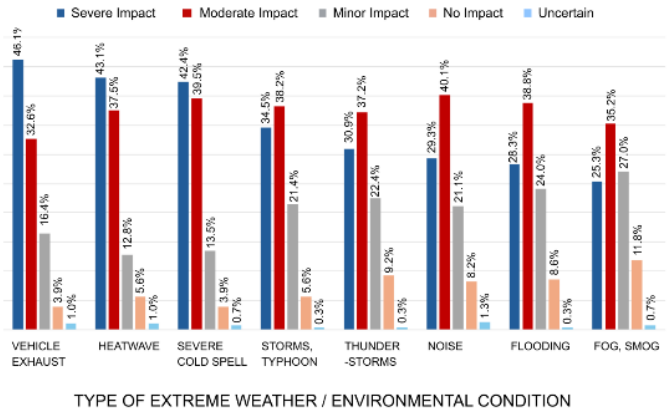
"[…] No contract, no fixed job — I just go wherever people call me, and do whatever work is available […]. Working under the scorching summer sun is exhausting; I'm drenched in sweat. Protective gear is limited — mostly just gloves — since the pay is barely enough to live on, let alone to buy my own equipment. Wearing a shirt makes it unbearably hot, but not wearing one leaves my skin scratched and burning from contact with rough, sharp materials. The work is physically demanding; by the end of the day, my whole body aches and I just want to lie still and breathe. ***On many days, I even have to work at night to avoid the daytime heat.****"*

(Đ., 43 years old, male, porter)

Impact of Extreme Weather on Mental and Physical Health



Impact on Mental Health



Impact on Health

Outdoor Worker Testimonies



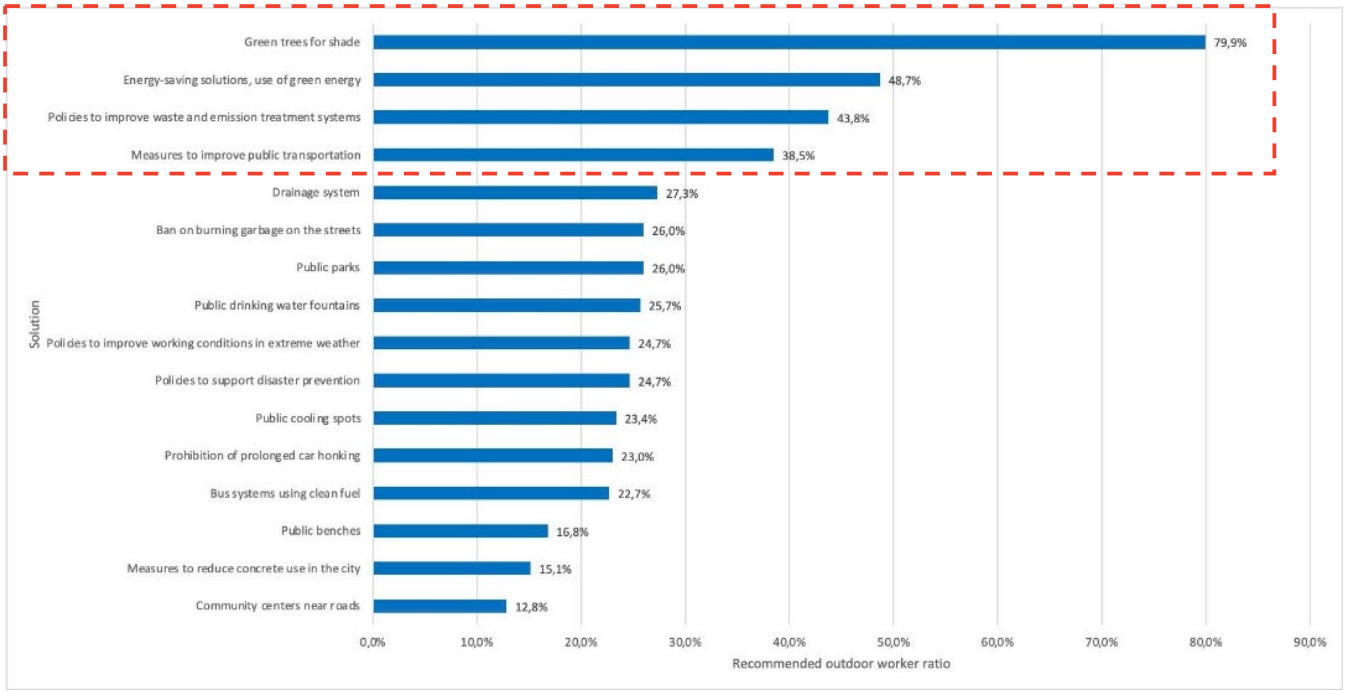
*"There were many days when **I kept coughing nonstop — almost like a chronic cough — and I think it was because of all the dust while driving.** After I stopped working for a while, the cough went away completely. On extremely hot days, driving the motorbike is really exhausting."*

(N., 22 years old, male, motorbike taxi driver)

*"When I was younger, I worked as a mobile manicurist — it was really hard, wandering all over Long Bien Market, Dao Duy Tu, Hang Chieu, and around the Old Quarter. No matter rainy or sunny, I had to work. **But the sun was the worst. Back then, I overworked myself and developed vestibular disorders**. I thought it was a brain disease — I was dizzy, nauseous, with low blood pressure always around 70/90, constantly tired and suffering from heat exhaustion."*

(S, 56 years old, female, street vendor)

Outdoor Workers' Solutions to Cope with Extreme Weather







Conclusions & Policy Implications

Building Inclusive, Resilient and Liveable Cities

Asia Pacific

- Urbanization across Asia-Pacific brings major environmental challenges.
- Cities like Bangkok, Beijing, Ahmedabad, and Iloilo prove that **engaging citizens is essential for success.**

Viet Nam

- In Viet Nam, environmental governance has improved, yet significant gaps remain.
- Air pollution, extreme heat, and flooding are growing challenges for urban residents.
- Vulnerable groups—such as outdoor workers, the elderly, persons with disabilities, and those with health conditions—are most affected during extreme weather events.
- Citizens not only recognize the challenges—they also understand the solutions.

- Understanding diverse impacts is key to designing inclusive, climate-resilient cities.
- Citizen participation should be embedded at every stage of policymaking.
- Policies must be evidence-based, reflecting citizens' voices and lived realities.

THANK YOU!

THE WORLD BANK
IBRD • IDA | WORLD BANK GROUP

Investing in Climate-Resilient Urban Infrastructure

Dr. Steven Louis Rubinyi
Senior Disaster Risk Management Specialist,
The World Bank

5 NOVEMBER 2025



Why resilience matters

What resilience means in practice

The way forward

1

Cities are the engines of Viet Nam's transformation & the foundation of its future prosperity

Urbanization as a driver of economic transformation

- Urban areas contribute over **70% of national GDP** & generate nearly **90% of new non-farm jobs**
- The urban population has tripled since 1990 & will **surpass 50% by 2040**
- Urban centers are hubs for innovation, logistics, & services, anchoring Viet Nam's global competitiveness

Infrastructure as the foundation for continued growth

- Expanding **urban transport, drainage, & utilities** has underpinned decades of rising productivity
- Urban areas attract the majority of **FDI inflows** & serve as **fiscal anchors for provinces**
- Strengthening urban infrastructure networks will be critical for **sustaining inclusive & climate-smart growth**

However, unmanaged urban risk is becoming a drag on growth, fiscal stability, & investor confidence



Concentration of assets & people in hazard-prone areas

- Nearly **60% of Viet Nam's population & 70% of economic assets** are in low-lying coastal & delta provinces
- The **12 largest urban areas** now account for over **half of total output**, amplifying systemic exposure to climate hazards



Climate & infrastructure stressors are growing

- Average annual disaster losses exceed **US$3.75 billion (≈1.5% of GDP)**, mostly from floods & storms
- Climate change is **intensifying rainfall, salinity intrusion, & extreme heat**, outpacing current infrastructure design standards
- Delaying action by 10 years could **expose an additional $4.3 billion** of economic growth to natural shocks



Fiscal & competitiveness implications

- Recovery costs **divert public resources** from long-term development
- **Infrastructure downtime** disrupts industry, logistics, & tourism, undermining competitiveness

Natural hazards further compound urban challenges, posing substantial risks across all sectors

People
11.8 million people are directly exposed to the threat of intense flooding

Towns
Over **35%** of coastal settlements are located on eroding coastlines

Economy
Flood risks in high-growth areas are nearly **twice as high** as in low-growth areas

Agriculture
$1 billion of agricultural GDP & **1.5 million** workers are directly exposed to the threat of intense flooding

Aquaculture
1.1 million tons of aquaculture production is at risk of flooding each year, corresponding to $935 million in exports

Tourism
42% of coastal hotels are located near eroding beaches

Industry
Half of all industrial zones are directly exposed to the threat of intense flooding

Schools
22% of schools could be directly exposed to the threat of intense flooding

Health care
26% of health care facilities are directly exposed to the threat of intense flooding

Transport
A typhoon with wind speeds of up to 200 km/h can close roads, resulting in daily losses of **$114-324 million**

Energy
36% of transmission lines are in forested areas, exposed to falling trees in severe storms

Water
52 out of 63 provinces could depend on water-stressed river basins by 2030

4

Investing in urban resilience: A growth strategy

Resilience is not a cost, it's an investment in productivity & stability

- Each US$1 invested in resilient infrastructure saves US$4 in avoided losses & recovery costs (World Bank, 2019)
- Reliable urban systems ensure fewer disruptions to transport, energy, & water services that power the economy
- Protecting economic hubs safeguards jobs, trade competitiveness, & fiscal revenue streams

Building resilience is building competitiveness

- Businesses depend on functioning logistics networks, utilities, & industrial zones
- Resilient cities experience faster recovery & less volatility in production costs after shocks
- Fiscal stability improves when disaster response costs & post-disaster borrowing decline

Resilience underpins investor confidence & economic continuity

5

Why resilience matters

What resilience means in practice

The way forward

6

Tips for Vovinam

How can you avoid getting knocked down?

- Research your opponent
- Put together a plan
- Practice your agility
- Anticipate combinations

If you do get knocked down, how quickly can you recover?

- Stay hydrated
- Rely on your conditioning
- Have a backup plan



7

Tips for urban resilience

How can you avoid getting knocked down?

- Research your opponent → Know your risks
- Put together a plan → Risk-informed investment plans
- Practice your agility → Avoid building in risk-prone areas
- Anticipate combinations → Account for compounding risks

If you do get knocked down, how quickly can you recover?

- Stay hydrated → Money & resources need to be mobilized & deployed quickly
- Rely on your conditioning → Assets should be built to withstand shocks and stresses
- Have a backup plan → Plan redundancy into your systems



Risk & resilience in Viet Nam

Hazards

What is the type & size of the shock?

Viet Nam faces floods, typhoons, saline intrusion, a& erosion. Hazards are measured by frequency & severity (e.g., wind speed, flood depth)

Exposure

Who & what will be hit by the shock?

Rapid urbanization & concentration of people, assets, & critical infrastructure in risky areas increase potential losses

Vulnerability

How much damage will the shock cause?

Poorer households & weaker structures suffer more damage; informal housing & low protection raise loss levels

Resilience

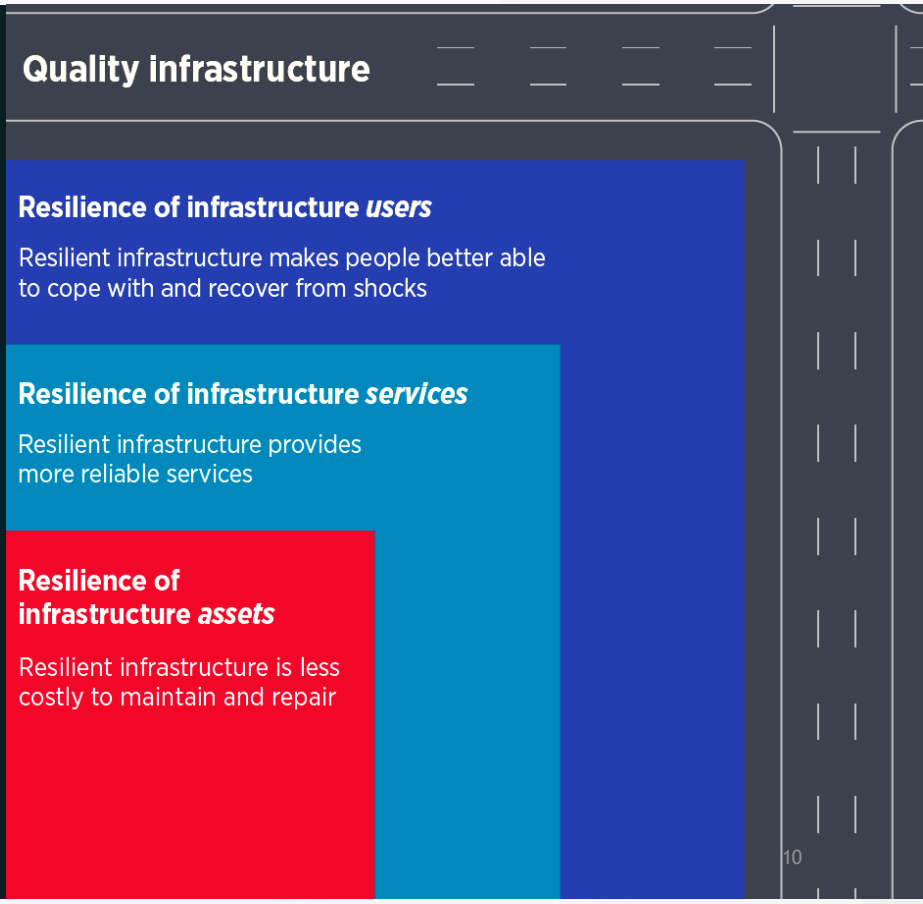
How large is the capacity to recover from disaster damages?

Recovery capacity depends on support systems, access to credit, & public response mechanisms

Hazards can't be avoided, but managing exposure, reducing vulnerability, & strengthening resilience sharply reduce losses

Climate-resilient infrastructure

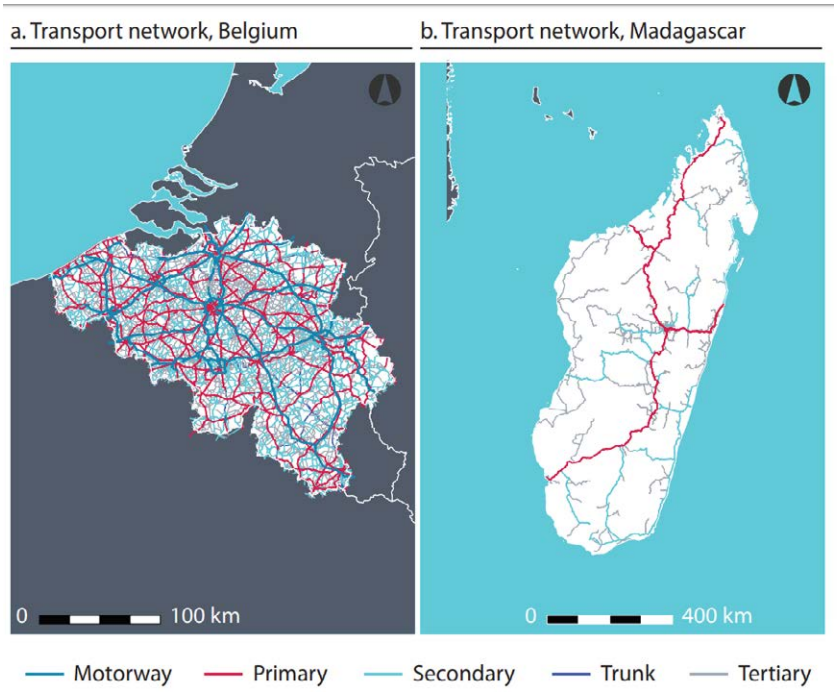
- A resilient city is one that assesses, plans & acts to prepare for & respond to hazards—natural & human-made, sudden & slow-onset, expected & unexpected
- Resilient cities are better positioned to protect & enhance people's lives, secure development gains, foster an investible environment, & drive positive change

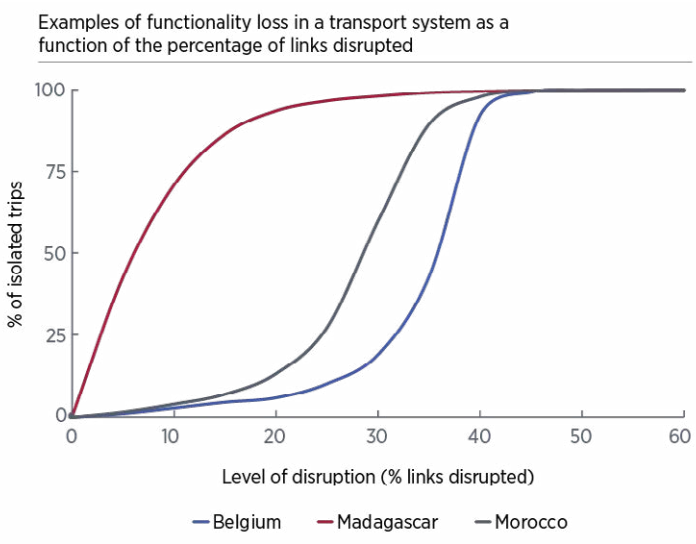


Engineering options for infrastructure assets

	Natural hazard			Critical system /component		Damage probability		Incremen -tal cost
Type	Hazard	Intensity	Component	Engineering improvement	Quality improvement	Baseline	Improved	*(incl. quality control)*
Urban (roadway) bridges	EQ motion	Mw 7 PGA 0.4g	Bridge superstructure, abutments, footings	Use CA or Japan seismic design, columns as fuse	Construction inspection, testing, qualify contractors	0.35	0.04	0.2
	Liquefaction	PGD 250 mm	Bridge foundation	H pile or prestressed pile foundation	Geotechnical testing, construction inspection	0.4	0.1	0.3
	Wind	Small events	Connection of diaphragms to steel girders	Reduce dissertation-induced fatigue cracking, redundant nonfracture critical design	Inspection of welded connections, reduce section loss by corrosion prevention	0.1	0.03	0.05
	Flood	Large events	Pier & abutment foundations	Mitigation of local scour, use rocks or pier walls	Regular inspection, construction quality control	0.03	0.02	0.01

System redundancy for infrastructure services





12

Manage disruptions for infrastructure users



Critical services



Business continuity plans



Home emergency supply

13

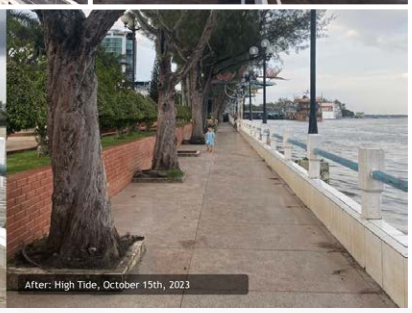












Can Tho Urban Development & Resilience Project

- **US$402 million** total investment combining flood control, transport, & urban upgrading supported by WB & SECO
- Reduced flood duration by **60%** & exposure by **70%** in core districts
- Improved mobility for **420,000 residents** & strengthened fiscal resilience
- Established **digital systems** (**FRMIS, SPP**) replicable nationwide

Can Tho's success shows that integrated resilience planning delivers measurable fiscal & social dividends & can be replicated nationwide

14

Why resilience matters

What resilience means in practice

The way forward

15

Viet Nam's policy environment now enables a shift from fragmented adaptation efforts…

Key challenges

- **Fragmented planning** across sectors & administrative levels slows integrated investment decisions
- **Reactive funding cycles** prioritize post-disaster spending over prevention
- **Limited fiscal space** restricts long-term resilience investment despite clear economic returns
- **Data & capacity gaps** prevent systematic use of risk information in project design

… to **coherent, risk-informed investment planning**

Emerging opportunities

- **The 2026-2030 MTIP** provides a foundation to integrate resilience across public investment portfolios
- **The 2025 decentralization reforms** empower cities & provinces to manage larger budgets & infrastructure mandates
- **Viet Nam can leverage ODA & knowledge from int'l partners** to strengthen fiscal frameworks & build local capability

16

Resilience is achieved when planning, infrastructure, & finance are aligned & mutually reinforcing

Plan smarter

- Integrate risk data & climate scenarios into urban master plans & public investment appraisals
- Adopt standardized resilience screening tools and cost-benefit methodologies for all major projects

Build stronger

- Update design & construction standards to reflect future climate baselines
- Use nature-based & hybrid infrastructure to complement traditional defenses
- Strengthen asset management systems for maintenance & performance tracking

Finance better

- Expand access to blended & concessional finance (on-grant vs. on-lend ratios) for resilience projects
- Use programmatic & multi-city platforms to attract co-financing &reduce transaction costs
- Promote results-based financing tie

17

Urban resilience is an economic necessity

- Cities generate over 70% of GDP, yet annual climate & disaster losses already exceed 1–1.5% of GDP
- Resilient investments now can prevent far greater future fiscal losses & productivity declines

Building resilient cities is building Viet Nam's future prosperity

The 2026–2030 MTIP is a unique opportunity

With US$330 billion in planned investments, this cycle can embed resilience in:

Infra-structure | Urban services | Connect-ivity

Aligning with national targets ensures consistency between central policy & provincial action:

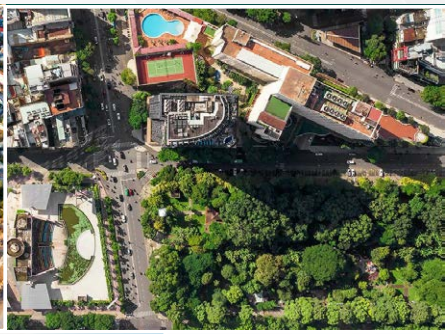
- reduce disaster losses
- expand wastewater treatment
- build climate-resilient expressways

Partnership & financing are key

ODA & technical cooperation can help provinces develop bankable, risk-informed projects

The World Bank stands ready to support Viet Nam's transition toward climate-smart, economically competitive cities

- Viet Nam's next development chapter will be written in its cities
- Investing in resilience is not only smart economics—it's essential to sustaining growth, jobs, & competitiveness in a changing climate




Thank you

THE WORLD BANK
IBRD • IDA | WORLD BANK GROUP

XÂY DỰNG ĐỀ XUẤT ÁP DỤNG MÔ HÌNH THÀNH PHỐ BỌT BIỂN TRONG THOÁT NƯỚC MƯA ĐÔ THỊ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI PHƯỜNG LÝ VĂN LÂM, TỈNH CÀ MAU

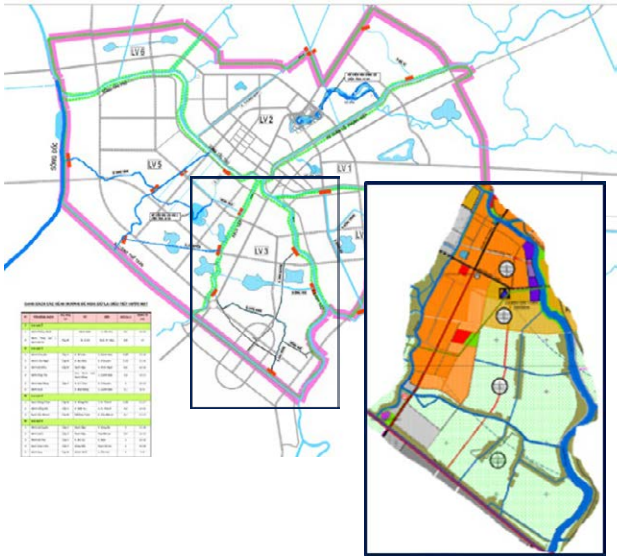
Tháng 11 năm 2025

Nguyễn Công Thành, Chuyên gia cao cấp Dự án MCRP- GIZ

NỘI DUNG BÀI TRÌNH BÀY

1. Lưu vực thoát nước được đề xuất xây dựng áp dụng mô hình thành phố bọt biển
2. Hiện trạng phát triển đô thị, thoát nước mưa và các quy hoạch thoát nước, chống ngập lụt đô thị đã xây dựng và phê duyệt
3. Quy hoạch sử dụng đất
4. Lựa chọn và tính toán các cơ sở hạ tầng thoát nước bền vững (xanh nước, xanh lá), theo mô hình thành phố bọt biển
5. Tính toán quy mô công suất cơ sở hạ tầng thoát nước "xám" cho các kịch bản "có" và "không" áp dụng mô hình thành phố bọt biển
6. Kết luận và khuyến nghị

LƯU VỰC THOÁT NƯỚC ĐƯỢC ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG ÁP DỤNG MÔ HÌNH THÀNH PHỐ BỌT BIỂN



- Phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau
- Bao bọc bởi
  - sông Gành Hào ở phía Đông,
  - phía tây giáp kênh Rạch Rạp
  - phía nam giáp kênh Lương Thế Trân
- Là ranh giới của quy hoạch chung và quy hoạch thoát nước.
- Diện tích lưu vực là 1.517 ha
- Cao độ nền trung bình là khoảng 0,6 m trên mực nước biển. Các khu vực trũng thấp có cao độ vào khoảng 0,2 m, các vùng đất cao hơn có cao độ 0,8–1,5 m.
- Hầu hết diện tích đất nằm dưới mực triều là 1.02 m
- Cao độ nền áp dụng khi lập quy hoạch thoát nước là + 1,5 m.

2. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, THOÁT NƯỚC MƯA VÀ CÁC QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC MƯA, QUY HOẠCH CHỐNG NGẬP LỤT ĐÃ ĐƯỢC XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT



Hiện trạng phát triển đô thị



Hiện trạng mạng lưới thoát nước mưa



Quy hoạch mạng lưới thoát nước mưa

2. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, THOÁT NƯỚC MƯA VÀ CÁC QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC MƯA VÀ QUY HOẠCH CHỐNG NGẬP LỤT ĐÃ ĐƯỢC XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT

Quy hoạch thoát nước: Xây dựng và phê duyệt bởi quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2020

Tổ hợp tính toán:

Thông số	Cống cấp I	TB, KM, HĐH
Tần suất mưa	20% (5 năm)	10% (10 năm)
Tần suất triều	20% (5 năm)	10% (10 năm)
Nước biển dâng	CPR 4.5	

Khối lượng và khái toán lưu vực 3 theo quy hoạch thoát nước

#	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng		
			Ngắn hạn	Trung hạn	Tổng
A	Xây dựng và cải tạo các tuyến cống thoát nước				
1	Xây dựng mới	m	15,916	140,994	156,910
2	Cửa xả	cái	17	94	111
3	Cải tạo cống thoát nước	m	22,928	6,382	29,310
4	Cải tạo cửa xả	cái	68	7	75
5	Cải tạo kênh ông Thà	Km		2	2
B	Nâng cấp đê bao	m	23,080	12,750	35,830
D	Xây dựng cống chuyển dòng	m	3,460		3,460
D	Xây dựng các trạm bơm	Trạm	2	11	13
	Khái toán kinh phí	Tỉ VND	368.35	1,018	1,387

5

giz

2. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ, THOÁT NƯỚC MƯA VÀ CÁC QUY HOẠCH THOÁT NƯỚC MƯA VÀ QUY HOẠCH CHỐNG NGẬP LỤT ĐÃ ĐƯỢC XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT

Quy hoạch chống ngập lụt đô thị

Xây dựng và phê duyệt tại Quyết định số 351/QĐ-BNN-TCTL năm 2013 bởi MARD (cũ)

Tổ hợp tính toán

Thông số	
Tần suất mưa	10% (5 năm)
Thời gian mưa	180 phút
Tần suất triều, Tần suất lũ	10%

Khối lượng đầu tư đề xuất

Các cơ sở hạ tầng thành phần	
Đê bao cao trình 1.9 m	33.06 km
Trạm bơm 1 trạm	5,6m3/s
Hồ điều hòa	51.4 ha
Kênh, mương	6 kênh

6

giz

3. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Tài liệu nghiên cứu:

- Quy hoạch tổng thể cập nhật (Quy hoạch xây dựng)
- 03 quy hoạch phân khu với tổng diện tích **990,41 ha**
  - QHPK đông Quốc lộ 1A
  - Cập nhật QHPK khu dân cư và công nghiệp của Phường 8 và xã Lý Văn Lâm (cũ)
  - Cập nhật QHPK trường sư phạm và các khu dân cư xung quanh của Phường 8 và xã Lý Văn Lâm (cũ);



Dựa trên quy hoạch phân khu, các chức năng sử dụng đất được nhóm thành các nhóm dưới đây:

#	Chức năng sử dụng đất
1	Đất ở hiện hữu/quy hoạch mới
2	Đất thương mại và công nghiệp
3	Đất cơ quan, công cộng, xã hội
4	Đất giao thông
5	Không gian mở (công viên, quảng trường

giz

4. LỰA CHỌN VÀ TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÁC GIẢI PHÁP THOÁT NƯỚC BỀN VỮNG THEO CÁC CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT

Ưu tiên 1: Cải tạo phục hồi các kênh mương hiện hữu

	Kênh điều hòa/kênh dẫn	Kích cỡ			Bề mặt nước (m2)	Công suất trữ nước (m3)	Công suất điều hòa (m3)
		Dài (m)	Sâu (m)	Rộng (m)			
1	Kênh Chín Viên	3,894	2.50	14.00	54,516	136,290	43,613
2	Kênh Ông Thả (đường trung tâm đến kênh Chín Viên)	970	2.50	6.50	6,305	15,763	5,044
3	Kênh Ông Thả (Kênh Chín Viên – Sông Gành Hào)	1,000	2.50	20.00	20,000	50,000	16,000
4	Kênh Chòi Ngói	2,390	2.50	26.00	62,140	155,350	49,712
5	Kênh Huế	1,117	2.50	15.00	16,755	41,888	13,404
6	Kênh Rạch Bầu/Bau Rang (Cầu Ba Yển đến kênh Lương Thế Chân)	1,550	2.50	18.00	27,900	69,750	22,320
7	Kênh Bau Rang (Cầu Ba Yển - Kênh Ông Thả)	1,540	2.50	12.00	18,480	46,200	14,784
	Tổng	**12,461**			**206,096**	**515,240**	**164,877**

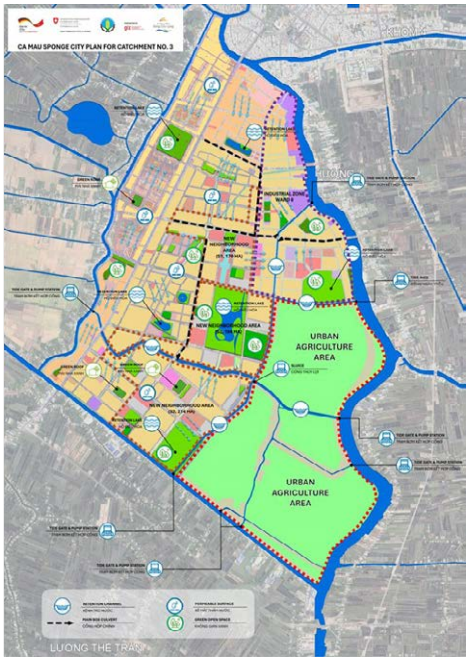


giz

4. LỰA CHỌN VÀ TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÁC GIẢI PHÁP THOÁT NƯỚC BỀN VỮNG THEO CÁC CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT

Ưu tiên 2: Triệt để sử dụng các khu đất được chỉ định trong quy hoạch để cải tạo và xây dựng mới các hồ điều hòa nước mưa

#	Hồ điều hòa	Diện tích (m2)	Ghi chú	Chiều sâu (m)	Công suất chứa nước ngọt (m3)	Công suất điều hòa
		m2			m3	m3
1	Hồ gần đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	18,877	Trong khu đô thị	2.50	47,193	15,102
2	Hồ phía sau trường Nguyễn Việt Khái	32,915	Trong công viên	2.50	82,288	26,332
3	Hồ trong khu đô thị phường 8 và xã Lý Văn Lâm	49,892	Trong công viên	2.50	124,731	39,914
4	Hồ gần đường Lê Hồng Phong kéo dài	81,071	Trong công viên	2.50	202,678	64,857
5	Hồ gần đường D20.BĐ kéo dài	15,458	Trong khu đô thị	2.50	38,645	12,366
6	Hồ gần đường Tân Hưng - Lê Hồng Phong	61,583	Trong công viên	2.50	153,956	49,266
	Tổng	**259,796**			**649,490**	**207,837**



4. LỰA CHỌN VÀ TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÁC GIẢI PHÁP THOÁT NƯỚC BỀN VỮNG THEO CÁC NHÓM CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT

Tổng hợp khối lượng nước mưa có thể lưu giữ, điều tiết bởi các giải pháp thoát nước bền vững

Các giải pháp SuDs	Đơn vị	Đất giao thông	Đất cơ quan/công trình công cộng/ xã hội	Đất ở	Đất thương mại, công nghiệp	Đất cho không gian mở (xanh lá)	Tổng	% của tổng diện tích lưu vực quy hoạch (990,41 ha)
Mái nhà xanh	m2				582		**582**	**Không áp dụng**
Khối lượng nước có thể lưu giữ bởi vỉa hè thấm và các bề mặt thấm khác	m3	74,202	31,253	10,698	10,870	3,730	**130754**	
Khối lượng nước mưa có thể được lưu giữ bởi các hố trồng cây	m3	16,433	1670	896	17		**19017**	
Không gian xanh là	m2		154,688	71,320	78,036	906,460	**1210504**	**12,22%**
Đất cho kênh mương	m2					206036	**206036**	**2.08%**
Đất cho hồ điều hòa	m2					259796	**259796**	**2,62%**

4. LỰA CHỌN VÀ TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÁC GIẢI PHÁP THOÁT NƯỚC BỀN VỮNG THEO CÁC NHÓM CHỨC NĂNG SỬ DỤNG ĐẤT

Tổng hợp khối lượng các giải pháp thoát nước bền vững cho tất cả các nhóm chức năng sử dụng đất

Các giải pháp SuDs	Đơn vị	Đất giao thông	Đất cơ quan/công trình công cộng/ xã hội	Đất ở	Đất thương mại, công nghiệp	Đất cho không gian mở (xanh lá)	Tổng	% của tổng diện tích lưu vực quy hoạch (990,41 ha)
Khối lượng nước có thể lưu giữ bởi vỉa hè thấm và các bề mặt thấm khác	m3	74,202	31,253	10,698	10,870	3,730	130.754	522.485 m3 bằng 61,46% khối lượng nước mưa của trận mưa tính toán
Khối lượng nước mưa có thể được lưu giữ bởi các hố trồng cây	m3	16,433	1670	896	17		19.017	
Các kênh mương	m3	Khối lượng nước mưa có thể điều tiết được bởi kênh mương					164.877	
Hồ điều hòa		Khối lượng nước ngọt có thể điều tiết bởi hồ điều hòa					207.837	
Các kênh mương	m3	Khối lượng nước mưa có thể lưu giữ bởi các kênh mương					515.240	1.164.730 m3
Hồ điều hòa		Khối lượng nước ngọt có thể lưu giữ bởi hồ điều hòa					649,490	

5. TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG THOÁT NƯỚC XÁM CHO HAI PHƯƠNG ÁN CÓ VÀ KHÔNG ÁP DỤNG MÔ HÌNH THÀNH PHỐ BỌT BIỂN

Tính toán hệ số dòng chảy "Ψ" cho lưu vực thoát nước

Loại hình sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch phân khu đô thị 1/2000 - 1/5000 (Phụ lục 5, Thông tư 04/2022/TT-BXD)	TỔNG DIỆN TÍCH	Tỷ lệ cho phép xây dựng	Diện tích đất có sẵn cho SuDS	Hệ số dòng chảy (TCVN 7957:2023 P=5 năm) không có SUDS		Hệ số dòng chảy (TCVN 7957:2023 P=5 năm) với SUDS						
				Khu vực không thấm		Khu vực không thấm			Khu vực thấm			
	Ha	%	Fi	Ψi	Fi x Ψi	Fi	Ψi	Fi x Ψi	Fi	Ψi	Ký hiệu	Fi x Ψi
Đất nhà ở	-	-	17.822	-	-	17.822	-	-	17.822	0.202	PP	3.600
Đất ở hiện có	236.93	80		0.8	189.544	189.544	0.8	151.635		-		-
Đất ở mới	184.74	60		0.8	147.792	110.844	0.8	88.675		-		-
Đất cho công nghiệp, kho bãi	12.31	-	-	0.8	9.848	12.31	0.8	9.848	-	-		-
Đất làm văn phòng, trụ sở	0.97	-	-	0.8	0.776	0.388	0.8	0.310	-			-
Diện tích mái nhà	-	60	0.582	-	-	-	-	-	0.582	0.31	IGR	0.180
Khu vực không được phép xây dựng	-	40	0.388	-	-	-	-	-	0.388	0.202	pp	0.078
Đất dịch vụ	65.03	80	13.006	0.8	52.024	52.024	0.8	41.619	13.006	0.202	PP	2.627
Đất cho các công trình hạ tầng kỹ thuật khác	1.93	-	-	0.8	1.544	1.93	0.8	1.544	-	-		-
Đất quốc phòng	1.15	-	-	0.8	0.92	1.15	0.8	0.920	-	-		-
Đất cho các trung tâm y tế	12.67	60	5.068	0.8	10.136	7.602	0.8	6.082	5.068	0.202	PP	1.024
Đất cho giáo dục	28.75	60	11.5	0.8	23	17.25	0.8	13.800	11.5	0.202	PP	2.323
Đất cho các trung tâm thể thao	14.11	60	5.644	0.8	11.288	8.466	0.8	6.773	5.644	0.202	PP	1.140
Trường học	55.53	60	22.212	0.8	44.424	33.318	0.8	26.654	22.212	0.202	PP	4.487
Đất di tích và tôn giao	0.09	-	-	0.8	0.072	0.09	0.8	0.072	-	-		-
Đất giao thông	125.23	-	-	0.77	96.4271	125.23	0.77	96.427	-	-		-
Đất trong đô thị	-	-	-	-	-	-		-	-	-		-
Đất cho dải phân cách	0.4	-	-	0.34	0.136	0.4	0.34	-	-	-		-
Đất ngoài đô thị	-	-	-	-	-	-		-	-	-		-
Vỉa hè (190,200 m)	95.96	70	28.788	0.8	76.768	67.172	0.735	49.371	28.788	0.202	PP	5.815
Đất đỗ xe	27.71	70	8.313	0.8	22.168	19.397	0.785	15.227	8.313	0.202	PP	1.679
Đất trồng cây xanh	89.9	-	-	0.34	30.566	89.9	0.34	30.566	-	-		-
Đất trồng cây sánh sử dụng hạn chế	3.08	-	-	0.34	1.0472	3.08	0.34	1.047	-	-		-
Đất trồng cây xanh chuyên biệt	-	-	-		-	-	-	-	-	-		-
Đất dành cho quảng trường đa mục đích	3.73	50	1.865	0.8	2.984	1.865	0.8	1.492	1.865	0.202	PP	0.378
Hồ, ao và đất đầm lầy	8.11	-	-	-	-	8.11	-	-	-	-		-
Sông, suối, kênh mương	22.08	-	-	-	-	22.08	-	-	-	-		-
TỔNG	990.41	Tổng ha)				772.15			216.783			
Diện tích tính toán (ha)								542.06				23.33
Hệ số dòng chảy				0.7285								0.572

5. TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG THOÁT NƯỚC XÁM CHO HAI PHƯƠNG ÁN CÓ VÀ KHÔNG ÁP DỤNG MÔ HÌNH THÀNH PHỐ BỌT BIỂN

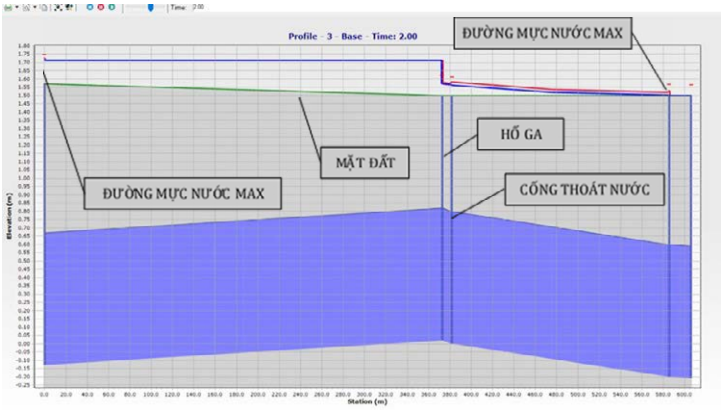
Các kịch bản mô hình hóa thủy lực

Những điều kiện	Kịch bản 1 (Ψ = 0.7285)	Kịch bản 2 (Ψ = 0.572)	Kịch bản 3 (Ψ = 0.572)	Kịch bản 4 (Ψ = 0.572)
	Cải tạo HTTN hiện có, trong trường hợp không có các giải pháp thoát nước bền vững (SUDs)	Cải tạo HTTN thoát nước hiện có kết hợp các giải pháp thoát nước bề vững (SuDs)	Kết quả của kịch bản 2, nhưng cường đô mưa tăng lên (do BĐKH)	Kết quả của kich bản 2, nhưng cường độ mưa tăng lên (do BĐKH)
Mục đích của mô hinh hóa	Xác định quy mô, công suất của các đường cống thoát nước, cửa xả, các trạm bơm cho lưu vực	Xác định quy mô, công suất của các đường cống thoát nước, cửa xả, các trạm bơm cho lưu vực	Xác định các khu vực có thể bị ngập lụt trong tương lai do tác động của BĐKH	Xác định các khu vực có thể bị ngập lụt trong tương lai do tác động của BĐKH
Cường độ mưa / thời gian mưa (tần suất P=5)	102 mm /3 giờ	102 mm / 3 giờ	Cường đô mưa tăng 20% /3 giờ, (120.24mm/3 giờ)	Cường độ mưa tăng 30% /3 giờ (130.26mm/3 giờ)
Giả thiết toàn bộ đê ngăn triều đã được hoàn thiện, nước triều không thể tràn vào tp bọt biển				
Giả thiết các kênh mương đã được cải tạo để trở thành nguồn tiếp nhận, điều tiết, lưu trữ và vận chuyển nước mưa tới các trạm bơm để bơm nược mưa ra song Gành Hào, kênh Rạch Rập và kênh Lương Thế Trân				
Giả thiết các cống ngăn triều đóng, các trạm bơm hoạt động để duy trì mực nước ở kênh mương tiếp nhận là +0,5 m (đảm báo điều kiện xả tràn).				

5. TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG THOÁT NƯỚC XÁM CHO HAI PHƯƠNG ÁN CÓ VÀ KHÔNG ÁP DỤNG MÔ HÌNH THÀNH PHỐ BỌT BIỂN

Đánh giá mức độ ngập lụt hiện nay:

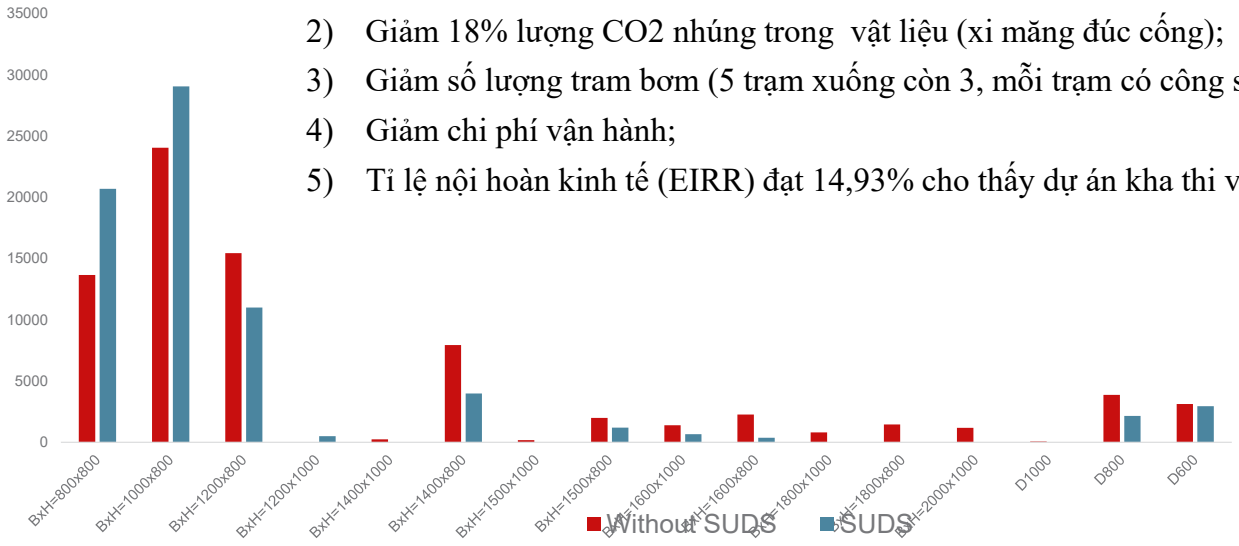
- Đường Nguyễn Công Trứ: đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến Lê Hồng Phong, mức độ ngập từ 6 cm – 25 cm như trong **Hình dưới**
- Đường Nguyễn Đình Chiểu: đoạn từ Nguyễn Tất Thành đến Lê Hồng Phong, ngập từ 5 cm- 22 cm.
- Đường Lê Hồng Phong: đoạn từ đường Nguyễn Công Trứ đến Nguyễn Đình Chiểu, ngập từ 9 cm -19cm
- Đường 19/5: đoạn từ đường Nguyễn Trung Trực đến kênh Rạch Rập, ngập 6 cm - 19 cm.
- Các đường Trần Văn Ơn, Quách Văn Phẩm: ngập từ 7 cm - 24 cm.



Mức độ ngập lụt hiện nay trên đường Nguyễn Công Trứ

Giảm kích thước cống góp phần:

1) Tiết kiệm chi phí đầu tư hạ tầng thoát nước (≥ 80 tỉ VND);
2) Giảm 18% lượng CO2 nhúng trong vật liệu (xi măng đúc cống);
3) Giảm số lượng tram bơm (5 trạm xuống còn 3, mỗi trạm có công suất nhỏ hơn);
4) Giảm chi phí vận hành;
5) Tỉ lệ nội hoàn kinh tế (EIRR) đạt 14,93% cho thấy dự án kha thi về mặt kinh tế.



5. TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG CÁC CƠ SỞ HẠ TẦNG THOÁT NƯỚC XÁM CHO HAI PHƯƠNG ÁN CÓ VÀ KHÔNG ÁP DỤNG MÔ HÌNH THÀNH PHỐ BỌT BIỂN

So sánh kết quả về quy mô cở sở hạ tầng xám giữa kịch bản 1 và kịch bản 2 và tham chiếu với quy hoạch thoát nước

Số lượng và công suất các trạm bơm

#	Không có SUDS		Có SUDS		Theo Quy hoạch thoát nước	
	Trạm bơm	Công suất M3/s	Trạm bơm	Công suất M3/s	Trạm bơm	Công suất M3/s
1	PS1: Tại Đường Nguyễn Đình Chiểu	4 m3/s, H = 4m	PS1 Tại đường Nguyễn Đình Chiểu	4 m3/s, H = 4m	PS1	4-6m3/s H=5m
2	PS2: Tại Kênh Ông Thả	3 m3/s, H = 4m	PS 2 Tại Kênh ông Thà	3 m3/s, H = 4m	PS 2	4-6m3/s H=5m
3	PS3: Tại Kênh Chòi Ngói	3 m3/s, H = 4m	PS 3 Tại kênh Chòi Ngói	3 m3/s, H = 4m	PS3	12m3/s H=5m
4	Ps 4: Tại Cảng cá	2 m3/s, H = 4m			PS4	8m3/s H=5m
	Tổng công suất	**12 m3/s**		**10 m3/s**		**30 m3/s**

6. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Giải pháp thoát nước đô thị áp dụng mô hình thành phố bọt biển rõ ràng mang lại nhiều lợi ích kinh tế, xã hôi và môi trường. Thực ra mô hình này đã được một số nhà đầu tư tư nhân hiểu và áp dụng rất thành công được người dân và thị trường chấp nhận trả giá cao hơn để được sống trong các môi trường đô thị đáng sống (ECOPARK là ví dụ);
2. Để nhân rộng mô hình này, Ủy ban Nhân dân các tỉnh và thành phố lồng ghép các yêu cầu kỹ thuật của thành phố bọt biển vào các hồ sơ mời thầu, chọn nhà đầu tư xây dựng và phát triển các khu đô thị mới trên địa bàn. Với kỳ vọng là tất cả các khu đô thị mới sẽ đạt được các tiêu chuẩn như ECOPARK hay GLOBAL CITY GATE;
3. Tiếp theo **QCVN 01:2021/BXD** cần sớm ban hành các quy định yêu cầu về tỉ lệ các bề mặt thấm nước cho các diên tích không được phép xây dựng cho các chức năng sử dụng đất khác nhau, nhằm tạo điều kiện pháp lý cho việc lồng ghép các giải pháp thoát nước bền vững (SuDs) vào các dự án nâng cấp, chỉnh trang đô thị, sử dụng nguồn tài chính công;

6. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

4. Cân nhắc quy định thống nhất về các thành phần cơ sở hạ tầng của hệ thống thoát nước mưa đô thị, bao gồm các cơ sở hạ tầng xanh nước, xanh lá và cơ sở hạ tầng xám, kể cả kênh, mương, hồ điều hòa, các cống/đập, đê ngăn triều, ngăn lũ, trạm bơm nước mưa để lựa chọn một đơn vị thoát nước theo nghị định 80/2014/ND-CP;
5. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh ban hành giá dịch vụ thoát nước áp dụng trên địa bàn. Trường hợp giá dịch vụ thoát nước được quy định thấp hơn chi phí, thì UBND tỉnh phải cấp bù phần chênh lệch (Nghi định 80/2014/NĐ/CP)

CÁM ƠN SỰ CHÚ Ý LẮNG NGHE CỦA CÁC QUÝ ĐẠI BIỂU

TỔNG HỢP BÀI VIẾT

CHUYÊN ĐỀ 3

QUY HOẠCH VÀ QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ HIỆN ĐẠI NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SỐNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM

CONFERENCE SESSION 3

MODERN URBAN PLANNING AND GOVERNANCE - ENHANCING THE QUALITY OF URBAN LIFE IN VIET NAM

BẢO TỒN BỀN VỮNG VÀ NÂNG CAO KHẢ NĂNG ĐÁNG SỐNG CHO ĐÔ THỊ DI SẢN TIÊU BIỂU - TRƯỜNG HỢP CỐ ĐÔ HUẾ, VIỆT NAM

TS. Phan Thanh Hải[1]

1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhiều đô thị trên thế giới phải đối diện với bài toán nan giải: làm thế nào để phát triển hiện đại mà vẫn giữ được bản sắc, gìn giữ di sản văn hóa - lịch sử vốn có? Trên phương diện này, khái niệm "đô thị di sản" đã được nhiều học giả và các tổ chức quốc tế như UNESCO, ICOMOS quan tâm, nhấn mạnh vai trò đặc biệt của những thành phố gắn liền với ký ức lịch sử, nơi không gian kiến trúc, cảnh quan và đời sống cộng đồng là sự kết tinh của truyền thống lâu dài.

Việt Nam có nhiều đô thị cổ, trong đó Huế nổi bật như một trường hợp điển hình. Từ năm 1993, Quần thể di tích Cố đô Huế được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới; năm 2003, Nhã nhạc cung đình Huế được vinh danh là Di sản Phi vật thể đại diện của nhân loại. Từ đó đến nay, Huế được nhắc đến không chỉ như một "thành phố di sản" mà còn là "đô thị văn hóa tiêu biểu" của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, để Huế vừa là "đô thị di sản" vừa là "đô thị đáng sống", cần phải có cách tiếp cận khoa học và bền vững, vừa gìn giữ di sản, vừa đáp ứng nhu cầu hiện đại của cộng đồng. Bài tham luận này phân tích giá trị, thực trạng, thách thức và định hướng phát triển của Huế, từ đó đề xuất giải pháp mang tính tham khảo cho các đô thị di sản khác trong khu vực và thế giới.

2. Giá trị di sản và tầm vóc của Huế

Từng là Thủ phủ của Đàng Trong gần 150 năm (1626 -1775), kinh đô của Việt Nam hơn 150 năm dưới thời hai triều đại Tây Sơn và triều Nguyễn (1788-21945), Huế không chỉ là một đô thị cổ với kiến trúc cung đình đặc sắc, mà còn là tổng hòa của di sản vật thể, phi vật thể và cảnh quan văn hóa - sinh thái. Sự phong phú, đa dạng và hài hòa của ba lớp di sản này đã tạo nên bản sắc độc đáo khó lẫn của Huế trên bản đồ văn hóa thế giới.

2.1. Di sản vật thể

Huế hiện bảo tồn gần như hoàn hảo quần thể di tích triều Nguyễn (1802-1945), triều đại quân chủ cuối cùng trong lịch sử Việt Nam. Hệ thống di tích ở Huế mang đầy đủ chức năng chính trị, văn hóa, tín ngưỡng và đời sống, phản ánh trọn vẹn cơ cấu một kinh đô phương Đông điển hình.

Kinh thành và Hoàng thành là trung tâm quyền lực tối cao của đất nước trong gần 150 năm, không chỉ mang giá trị lịch sử - chính trị mà còn là kiệt tác kiến trúc kết hợp nguyên tắc phong thủy, quân sự và nghệ thuật trang trí cung đình.

Hệ thống lăng tẩm hoàng gia trải dọc hai bên bờ sông Hương là minh chứng sinh động cho triết lý nhân sinh, vũ trụ quan của người Việt thời Nguyễn. Mỗi lăng một phong cách: lăng Gia Long uy nghi giữa núi rừng, lăng Minh Mạng quy củ và đối xứng, lăng Tự Đức thơ mộng, lăng Khải Định kết hợp Á - Âu với vẻ đẹp tráng lệ, độc đáo… Tất cả tạo thành một bảo tàng kiến trúc ngoài trời đặc biệt.

Ngoài ra, còn có các đàn tế, miếu thờ, hành cung, phủ đệ, phố thị, cầu cống, chùa chiền và nhà vườn. Hệ thống này phản ánh đầy đủ đời sống tinh thần và vật chất của triều đình và dân gian, tạo nên chỉnh thể đô thị cổ kính hiếm có ở châu Á.

Giá trị nổi bật toàn cầu của di sản vật thể Huế chính là tính toàn diện, liên tục và nguyên gốc của một kinh đô phong kiến phương Đông còn tồn tại khá nguyên vẹn đến ngày nay.

2.2. Di sản phi vật thể

Huế còn là cái nôi của những di sản tinh thần đặc sắc, làm giàu thêm bản sắc văn hóa Việt Nam.

Âm nhạc cung đình Huế (Nhã nhạc) - loại hình âm nhạc bác học duy nhất của Việt Nam được UNESCO vinh danh - là tinh hoa nghệ thuật biểu đạt quyền uy, sự linh thiêng và tính trang trọng của triều đình.

---

1 Uỷ viên Hội đồng Di sản Văn hoá quốc gia, Giám đốc Sở Văn hoá và Thể thao thành phố Huế.

Hệ thống lễ hội Huế với 520 lễ hội lớn nhỏ, từ lễ tế Nam Giao, Xã Tắc mang tính quốc lễ, đến các lễ hội dân gian như lễ hội điện Hòn Chén, lễ hội cầu ngư, Xuân tế, Thu tế, đua ghe, vật Sình… Tất cả góp phần duy trì ký ức cộng đồng và sự gắn kết xã hội.

Ẩm thực Huế nổi tiếng với sự tinh tế và đa dạng. Hơn 1.300 món ăn, từ cung đình đến dân gian, không chỉ là văn hóa ẩm thực mà còn phản ánh triết lý sống "ăn cũng là thưởng thức cái đẹp" của người Huế.

Trang phục truyền thống, đặc biệt là áo dài ngũ thân, đã và đang được khôi phục như một biểu tượng văn hóa. Phong trào phục hung áo dài gắn với đề án "Huế - Kinh đô áo dài Việt Nam" khẳng định vị thế đặc biệt của Huế trong việc định hình bản sắc quốc gia.

2.3. Cảnh quan văn hóa - sinh thái

Điều khiến Huế trở nên khác biệt là sự hòa quyện độc đáo giữa di sản và thiên nhiên.

Thế đất "Kim Phụng- Bạch Mã", "Tam Giang- Cầu Hai", "núi Ngự - sông Hương" tạo nên một không gian phong thủy hài hòa, vừa là nền tảng hình thành đô thị, vừa là nguồn cảm hứng bất tận cho thi ca, âm nhạc, hội họa.

Hệ thống thủy hệ phong phú bao quanh Kinh thành không chỉ có giá trị phòng thủ mà còn đóng vai trò điều hòa khí hậu, tạo cảnh quan sinh thái.

Các làng cổ, phố cổ, nhà vườn truyền thống, chùa chiền, đền miếu nằm đan xen với di tích cung đình, tạo thành một "đô thị trong thiên nhiên" - một kiệt tác thơ - kiến trúc đô thị hiếm thấy ở châu Á.

Nhờ hội tụ ba lớp giá trị này, Huế được đánh giá là một đô thị di sản mẫu mực, nơi quá khứ, hiện tại và thiên nhiên cùng song hành.

3. Thực trạng công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy

3.1. Thành tựu bảo tồn

Từ khi UNESCO công nhận Quần thể di tích Cố đô Huế là di sản thế giới (1993), công tác bảo tồn đã đạt nhiều kết quả quan trọng:

Hàng trăm hạng mục di tích được trùng tu, phục hồi, trong đó có những công trình trọng yếu như Ngọ Môn, Điện Thái Hòa, Điện Long An, Triệu Miếu, Thế Miếu, cung Diên Thọ, vườn Thiệu Phương, Thái Bình Lâu, Điện Kiến Trung, Lăng các vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Đồng Khánh, Dục Đức, cung An Định… Các dự án trên không chỉ cứu nguy cho di tích xuống cấp mà còn trả lại diện mạo vốn có của kinh đô một thuở.

Hợp tác quốc tế đóng vai trò quan trọng. Nhiều quốc gia như Nhật Bản, Ba Lan, Đức, Pháp, Mỹ, Hàn Quốc đã hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và đào tạo nhân lực. Đặc biệt, dự án bảo tồn Ngọ Môn, Thái Miếu, lăng Minh Mạng… có sự đóng góp lớn từ Chính phủ Nhật Bản; dự án bảo tồn cung An Định, Tả vu, Điện Phụng Tiên, lăng vua Tự Đức… có sự hỗ trợ rất hiệu quả của Cộng hòa liên bang Đức.

Quy hoạch bảo tồn gắn với phát triển đô thị, tránh tình trạng "bảo tồn cứng", "hóa thạch di sản". Điều này giúp di sản trở thành một phần của đời sống đương đại.

Việc ban hành quy hoạch khảo cổ toàn tỉnh và các dự án nghiên cứu khảo cổ được triển khai thường xuyên tại quần thể di tích cố đô và các di tích nổi tiếng khác như thành Lồi, thành Hóa Châu, tháp đôi Liễu Cốc, tháp Phú Diên… cung cấp thêm bằng chứng khoa học để phục hồi chính xác di tích.

3.2. Phát huy di sản

Huế đã thành công trong việc biến di sản thành động lực phát triển kinh tế - xã hội:

Festival Huế từ năm 2000 trở thành thương hiệu quốc tế, biến Huế thành thành phố lễ hội của Việt Nam, đồng thời tạo môi trường cho nghệ thuật đương đại giao lưu với di sản truyền thống.

Du lịch văn hóa di sản chiếm trên 80% sản phẩm du lịch của Huế, khẳng định giá trị kinh tế của bảo tồn.

Xã hội hóa bảo tồn ngày càng mở rộng: nhiều bảo tàng tư nhân, phòng trưng bày, không gian nghệ thuật ra đời, như Bảo tàng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Bảo tàng gốm cổ Sông Hương, Bảo tàng đồ sứ ký kiểu, bảo tàng Cecile Lê Phạm, Lebadang Memory Space, Nhà hát Bến Xuân…

3.3. Mô hình hợp tác quốc tế

Huế được xem là hình mẫu hợp tác đa phương về bảo tồn di sản ở Việt Nam. Sự gắn kết của UNESCO, JICA, KOICA, Quỹ Ford cùng nhiều trường đại học quốc tế đã đưa Huế trở thành "phòng thí nghiệm" thực tiễn quý giá cho công tác bảo tồn di sản trên toàn cầu.

4. Thách thức đặt ra

Bên cạnh thành tựu, công tác bảo tồn di sản Huế đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn.

Đô thị hóa và hiện đại hóa: nhu cầu hạ tầng, nhà ở, giao thông ngày càng tăng, gây sức ép lên không gian di sản. Các công trình cao tầng, nếu thiếu kiểm soát, sẽ làm biến đổi cảnh quan văn hóa vốn hài hòa của Huế.

Nguồn lực hạn chế: kinh phí chủ yếu dựa vào ngân sách, trong khi hàng trăm hạng mục di tích đang xuống cấp. Việc huy động xã hội hóa còn manh mún, chưa có cơ chế bền vững.

Biến đổi khí hậu và thiên tai: Huế nằm trong vùng thường xuyên bão lũ, gây hư hại lớn cho hệ thống di tích và cảnh quan. Sự thay đổi mực nước sông Hương, hiện tượng xâm nhập mặn cũng đe dọa môi trường sinh thái.

Cân bằng bảo tồn - phát triển: du lịch tăng trưởng nhanh khiến nhiều di tích quá tải, nguy cơ thương mại hóa lễ hội và làm mất tính thiêng.

Chất lượng sống của người dân: một đô thị di sản không chỉ phục vụ du khách mà phải đảm bảo điều kiện sống hiện đại cho cư dân - từ giao thông, hạ tầng, việc làm đến thu nhập. Đây là thách thức không nhỏ cho Huế.

5. Định hướng bảo tồn bền vững gắn với nâng cao khả năng đáng sống

Trước bối cảnh trên, Huế đã và đang triển khai những định hướng chiến lược nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa bảo tồn và phát triển.

Quy hoạch tích hợp: Các quy hoạch toàn tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045; quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045 tầm nhìn 2065 đều xác định gắn kết di sản với cảnh quan thiên nhiên, không gian sống của cộng đồng. Việc lập quy hoạch quần thể di tích cố đô đang triển khai theo hướng mở rộng quy mô, gắn di sản với thiên nhiên, gắn di sản với cộng đồng dân cư sẽ giúp bảo tồn hài hòa với phát triển.

Đô thị di sản xanh - thông minh: Ứng dụng GIS, 3D, trí tuệ nhân tạo vào quản lý di tích, giám sát biến động, hướng dẫn du khách. Đây là cách tiếp cận mới phù hợp với Cách mạng công nghiệp 4.0.

Phát triển kinh tế di sản: Xây dựng Huế thành trung tâm công nghiệp văn hóa - sáng tạo, trong đó ẩm thực, lễ hội, áo dài, nghệ thuật biểu diễn là những trụ cột.

Cộng đồng là trung tâm: Người dân không chỉ là "khán giả" mà còn là chủ thể gìn giữ di sản, được hưởng lợi từ du lịch và có cơ hội khởi nghiệp sáng tạo dựa trên di sản.

Hợp tác quốc tế: Tiếp tục mở rộng kết nối với mạng lưới đô thị di sản thế giới như Kyoto, Seoul, Luang Prabang, Hội An… để học hỏi kinh nghiệm và quảng bá Huế.

Giáo dục và truyền thông: Đưa giáo dục di sản vào trường học, tổ chức các chương trình truyền thông đại chúng để nâng cao nhận thức cộng đồng.

6. Trường hợp nghiên cứu: Huế - đô thị di sản đáng sống

Thực tiễn gần đây cho thấy Huế đang từng bước hiện thực hóa mục tiêu trở thành đô thị di sản đáng sống với các dự án nổi bật:

Dự án di dời dân cư khu vực I Kinh thành là một trong những dự án lớn nhất Đông Nam Á về bảo tồn gắn với an sinh xã hội. Hơn 4.200 hộ dân được di dời để trả lại không gian di tích, đồng thời xây dựng khu tái định cư với hạ tầng hiện đại. Đây là minh chứng cho cách tiếp cận "lấy cộng đồng làm trung tâm", đồng thời mở ra điều kiện để trùng tu, bảo tồn di tích Kinh thành hoàn chỉnh.

Chỉnh trang thủy hệ Sông Hương, công viên hai bên bờ sông và Kinh thành Huế: vừa bảo vệ cảnh quan sinh thái, vừa phát triển công viên, đường đi bộ, không gian sinh hoạt cộng đồng khiến Huế hiện nay được xem là thành phố có hệ thống công viên trung tâm thành phố đẹp và thân thiện nhất Việt Nam.

Xây dựng thương hiệu "Huế - Kinh đô Áo dài Việt Nam": phục hồi giá trị trang phục truyền thống và biến thành sản phẩm du lịch, thời trang đặc sắc.

Festival Huế và Festival nghề truyền thống: không chỉ là sân khấu biểu diễn mà còn là môi trường sáng tạo, kết nối di sản với nghệ thuật đương đại và sản phẩm thủ công truyền thống.

Xã hội hóa bảo tàng và không gian nghệ thuật: sự ra đời của nhiều bảo tàng tư nhân, phòng trưng bày độc đáo tạo thêm sức sống cho văn hóa Huế.

Hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao cộng đồng ngày càng phong phú, góp phần làm giàu đời sống tinh thần và nâng cao chất lượng sống cho cư dân.

Tất cả cho thấy Huế đang đi đúng hướng: bảo tồn không phải là "đóng khung" quá khứ, mà là nền tảng để phát triển một đô thị nhân văn, hài hòa và bền vững.

7. Kết luận và khuyến nghị

Huế là minh chứng sống động cho khả năng dung hòa giữa bảo tồn di sản và phát triển đô thị đáng sống. Trong tương lai, Huế cần:

Tiếp tục phát triển mô hình đô thị di sản - sinh thái - thông minh.

Xây dựng cơ chế tài chính bền vững cho bảo tồn (quỹ di sản, hợp tác công tư, xã hội hóa).

Nhân rộng các mô hình thành công (bảo tồn cảnh quan sông Hương, phục hưng áo dài, ẩm thực truyền thống, mô hình thành phố festival) ra khu vực quốc gia và quốc tế.

Thông điệp quan trọng là: bảo tồn bền vững di sản chính là chìa khóa để nâng cao khả năng đáng sống của đô thị, và Huế, với tầm vóc lịch sử, có thể trở thành hình mẫu cho nhiều thành phố di sản trên thế giới./.

SUSTAINABLE PRESERVATION AND ENHANCING LIVABILITY IN A HERITAGE CITY - THE CASE OF HUE, VIETNAM

Dr. Phan Thanh Hai[2]

Abstract

This paper examines Huế as a model of sustainable heritage city development, balancing cultural preservation with contemporary urban needs. As Vietnam's former imperial capital for more than 150 years, Huế embodies a unique convergence of tangible heritage (Nguyen Dynasty monuments, royal tombs, temples, urban fabric), intangible heritage (court music, festivals, gastronomy, traditional attire), and cultural-ecological landscapes (the Perfume River, Ngu Mountain, traditional villages). Since its inscription on the UNESCO World Heritage List (1993) and the recognition of court music as Intangible Heritage of Humanity (2003), Huế has pursued an integrated approach to conservation, supported by international cooperation and community engagement. Restoration of major monuments, establishment of cultural festivals, and expansion of heritage-based tourism demonstrate how heritage contributes to socio-economic growth. Nevertheless, challenges remain: urbanization pressure, financial limitations, climate change, over-commercialization, and the imperative to improve residents' quality of life. Strategic directions emphasize integrated planning, smart and green heritage city concepts, creative economy development, and community-centered participation, along with international networking. Case studies such as the large-scale relocation project in the Imperial City, riverfront revitalization, and the revival of traditional dress illustrate innovative practices linking conservation with social welfare and cultural creativity. Huế thus exemplifies how sustainable heritage preservation can enhance urban livability, providing valuable lessons for heritage cities worldwide.

SUSTAINABLE PRESERVATION AND ENHANCING LIVABILITY IN A HERITAGE CITY - THE CASE OF HUE, VIETNAM (full text)

1. Introduction

In the context of globalization, many cities around the world face a difficult challenge: how to achieve modern development while preserving their inherent cultural and historical identity. In this regard, the concept of a "heritage city" has been widely discussed by scholars and international organizations such as UNESCO and ICOMOS, emphasizing the special role of cities associated with historical memory, where architecture, landscapes, and community life embody the crystallization of long-standing traditions.

Vietnam is home to many ancient towns, among which Hue stands out as a typical case. Since 1993, the Complex of Hue Monuments has been recognized by UNESCO as a World Cultural Heritage site; in 2003, Hue Royal Court Music (Nhã nhạc) was proclaimed as an Intangible Cultural Heritage of Humanity. Since then, Hue has been referred to not only as a "heritage city" but also as a "representative cultural city" of Vietnam on the international stage.

However, for Hue to be both a "heritage city" and a "livable city," a scientific and sustainable approach is required-one that preserves heritage while meeting the modern needs of the community. This paper analyzes the values, current status, challenges, and development orientations of Hue, thereby proposing solutions of reference value for other heritage cities in the region and the world.

2. The Heritage Values and Significance of Hue

Once the capital of the Southern Kingdom (Đàng Trong) for nearly 150 years (1626-1775), and later the imperial capital of Vietnam for more than 150 years under the Tay Son and Nguyen dynasties (1788-1945), Hue is not only an ancient city with distinctive royal architecture but also a convergence of tangible heritage, intangible heritage, and cultural-ecological landscapes. The richness, diversity, and harmony of these three layers of heritage have created the unique and unmistakable identity of Hue on the world cultural map.

---

2 Member of the National Cultural Heritage Council, Director of Department of Culture and Sprorts, Hue City, Vietnam.

2.1 Tangible Heritage

Hue preserves almost intact the relics of the Nguyen Dynasty (1802-1945), the last feudal dynasty in Vietnamese history. This system of monuments encompasses political, cultural, religious, and everyday life functions, fully reflecting the structure of a typical Eastern capital.

The Imperial City and Royal Citadel, the supreme centers of power for nearly 150 years, are masterpieces of architecture combining principles of geomancy, military science, and royal decorative arts.

The system of royal mausoleums along both banks of the Perfume River vividly illustrates the Vietnamese worldview and philosophy of life under the Nguyen Dynasty. Each tomb bears its own style: Gia Long's majestic mausoleum amidst mountains, Minh Mang's orderly and symmetrical complex, Tu Duc's poetic landscape, Khai Dinh's East-West synthesis with its unique splendor. Collectively, they form an exceptional open-air museum of architecture.

In addition, there are royal temples, shrines, palaces, mandarins' residences, markets, bridges, pagodas, and garden houses. Altogether, they represent both imperial and popular life, shaping a rare and intact ancient urban ensemble in Asia.

The outstanding universal value of Hue's tangible heritage lies in its comprehensiveness, continuity, and authenticity as one of the best-preserved Eastern feudal capitals still in existence today.

2.2 Intangible Heritage

Hue is also the cradle of unique spiritual heritages enriching Vietnam's cultural identity.

Royal Court Music (Nhã nhạc)-Vietnam's only scholarly musical genre inscribed by UNESCO-is the quintessential expression of authority, sacredness, and solemnity of the court.

Festivals-Hue has over 520 festivals ranging from state rituals such as Nam Giao and Xa Tac to folk festivities such as Hon Chen Temple Festival, whale worship, seasonal rituals, boat racing, and wrestling at Sinh Village. These sustain communal memory and social cohesion.

Cuisine-renowned for refinement and diversity, Hue boasts more than 1,300 dishes, from royal to popular, reflecting the philosophy of "eating as an art of beauty."

Traditional Attire-the revival of the five-paneled long dress (áo dài ngũ thân) as part of the "Hue - Capital of Vietnamese Ao Dai" project affirms Hue's special role in shaping national cultural identity.

2.3 Cultural-Ecological Landscape

What distinguishes Hue is the unique fusion of heritage and nature.

The feng shui setting of Kim Phung - Bach Ma, Tam Giang - Cau Hai, Mount Ngu - Perfume River provides not only the foundation of the city but also an inexhaustible source of artistic inspiration.

The intricate water system surrounding the Citadel serves defensive, climatic, and scenic functions.

Ancient villages, old streets, traditional garden houses, temples, and pagodas interweave with royal monuments, forming a "city in nature"-a rare poetic-urban masterpiece in Asia.

Thanks to these three layers of value, Hue is considered a model heritage city where past, present, and nature coexist.

3. Current Status of Preservation and Promotion

3.1 Achievements in Preservation

Since UNESCO's recognition of the Complex of Hue Monuments in 1993, preservation efforts have achieved significant results:

Hundreds of relics have been restored, including major works such as Ngo Mon Gate, Thai Hoa Palace, Long An Palace, Trieu Temple, The Temple, Dien Tho Palace, Thieu Phuong Garden, Thai Binh Pavilion, Kien Trung Palace, and the mausoleums of Gia Long, Minh Mang, Thieu Tri, Tu Duc, Dong Khanh, Duc Duc, as well as An Dinh Palace.

International cooperation has played a vital role, with financial and technical support from Japan, Poland, Germany, France, the United States, and Korea. Japan supported key projects such as Ngo Mon

Gate and Minh Mang's tomb; Germany contributed significantly to An Dinh Palace and Tu Duc's tomb.

Conservation planning is linked to urban development, avoiding "rigid preservation" that fossilizes heritage, making heritage part of contemporary life.

Archaeological surveys at sites like Lồi Citadel, Hóa Châu Citadel, and Phu Dien Tower provide scientific bases for accurate restoration.

3.2 Promotion of Heritage

Hue has successfully transformed heritage into a driver of socio-economic development:

Hue Festival (since 2000) has become an international brand, positioning Hue as Vietnam's festival city.

Cultural heritage tourism accounts for over 80% of Hue's tourism products.

Socialized preservation has expanded, with private museums and galleries enriching the cultural landscape.

3.3 International Cooperation Model

Hue is regarded as a model of multilateral heritage cooperation, with UNESCO, JICA, KOICA, the Ford Foundation, and various universities making Hue a valuable "living laboratory" for global heritage conservation.

4. Challenges

Despite its achievements, Hue's heritage preservation faces serious challenges:

Urbanization and modernization-demand for housing and infrastructure pressures heritage spaces; uncontrolled high-rise construction risks disrupting Hue's harmonious cultural landscape.

Limited resources-funding depends largely on the state budget, while many monuments are deteriorating.

Climate change and natural disasters-frequent floods, storms, and salinization threaten monuments and ecosystems.

Balancing preservation and development-mass tourism risks overloading monuments, commercializing rituals, and diminishing sacredness.

Quality of life for residents-a heritage city must ensure modern living conditions, employment, and income for its inhabitants, not just serve tourists.

5. Sustainable Preservation and Livability

To address these issues, Hue is pursuing strategic orientations:

Integrated planning-linking heritage with nature and community life in urban and provincial master plans (2021-2030, vision 2045).

Green-smart heritage city-applying GIS, 3D, and AI to heritage management and visitor guidance.

Heritage-based economy-developing cultural-creative industries with cuisine, festivals, ao dai, and performing arts as pillars.

Community-centered approach-empowering residents as custodians and beneficiaries of heritage.

International cooperation-expanding networks with heritage cities such as Kyoto, Seoul, Luang Prabang, and Hoi An.

Education and communication-integrating heritage into schools and mass media.

6. Case Study: Hue as a Livable Heritage City

Recent practices demonstrate Hue's progress:

Relocation of residents from the Imperial Citadel-one of Southeast Asia's largest heritage-social welfare projects, relocating over 4,200 households while building modern resettlement areas.

Huong River landscape project-developing parks, promenades, and community spaces, making Hue a city with one of Vietnam's most beautiful and friendly urban park systems.

Branding "Hue - Capital of Vietnamese Ao Dai"-reviving traditional attire into a cultural-tourism product.

Hue Festival and Traditional Craft Festival-platforms for creativity, linking heritage with contemporary arts and crafts.

Privatized museums and art spaces-contributing vibrancy to Hue's cultural life.

Community cultural, artistic, and sports activities-enriching residents' spiritual life and urban livability.

These practices prove that preservation is not about "freezing the past" but about creating a humane, harmonious, and sustainable city.

7. Conclusion and Recommendations

Hue is a vivid testimony to the compatibility of heritage preservation and urban livability. In the future, Hue should:

Further develop its model as a heritage-ecological-smart city.

Establish sustainable financial mechanisms (heritage funds, public-private partnerships, socialization).

Replicate successful models (Huong River landscape preservation, ao dai revival, culinary heritage, festival city model) at national and international levels.

The central message is this: sustainable heritage preservation is the key to enhancing urban livability. With its historical significance, Hue can serve as a model for heritage cities worldwide./.

QUY HOẠCH, QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ PHÙ HỢP VỚI MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

TS.KTS Trương Văn Quảng

Phó TTK Hội Quy hoạch phát triển Đô thị Việt Nam

1. VAI TRÒ ĐÔ THỊ HÓA TRONG QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN KT - XH QUỐC GIA

Hiện nay, hơn một nửa dân số thế giới sống ở các đô thị, đến năm 2030 con số này sẽ tăng lên khoảng 60%. Tăng trưởng dân số đô thị đang diễn ra ở hầu hết các nước đang phát triển, với khoảng 66 triệu người di cư đến các đô thị mỗi năm. Đô thị hóa luôn là động lực quan trọng đối với phát triển kinh tế: không có quốc gia nào có được mức thu nhập cao nếu không trải qua quá trình đô thị hóa thành công. (1)

Theo báo cáo mới đây của Chương trình dân số của Liên Hợp Quốc đến năm 2050, số cư dân thành thị sẽ chiếm 2/3 trên tổng dân số toàn cầu và 80% GDP của toàn bộ nền kinh tế thế giới. Cũng theo bản báo cáo này thì hiện 20% dân số thế giới đang sinh sống và làm việc tại 600 thành phố lớn nhất hành tinh với 60% GDP toàn cầu.

Tại một số nước công nghiệp phát triển hàng đầu, tỷ lệ đô thị hoá đã khá cao, cụ thể như: Liên hiệp vương quốc Anh- 91%, Thuỵ Điển- 87%, LB Đức- 85%, Pháp- 78% , Mỹ- 77%, Canada- 76%, Australia- 89%, New Zealand- 85%, Israel- 89%, Nhật Bản- 78%. Khi nào tỷ lệ này đạt mức 70% thì tốc độ đô thị hoá sẽ chậm lại và gần như ngừng khi đã đạt ngưỡng 80%.

Tại Đông Nam Á, tỷ lệ đô thị hoá nói chung còn ở mức thấp và với sự chênh lệch khá lớn. Không kể Singapore được coi là quốc gia đô thị thì Malaysia đã đạt mức 75% tương đương với Hàn Quốc, Thái Lan và Indonesia đạt trên 50%, Philippines- 45% còn Campuchia chỉ là 20,7%.(3)

Đô thị hóa Hàn Quốc là động lực thúc Font chữ UTM sử dụng Bảng mã UNICODE Vui lòng thiết lập lại Trình điều khiển bàn phím ẩy cho nền kinh tế Hàn Quốc phát triển, là Font chữ UTM sử dụng Bảng mã UNICODE Vui lòng thiết lập lại Trình điều khiển bàn phím ộng lực để thúc Font chữ UTM sử dụng Bảng mã UNICODE Vui lòng thiết lập lại Trình điều khiển bàn phím ẩy việc điều chỉnh cơ cấu công nghiệp của Hàn Quốc, nó không chỉ mang lại hiệu quả điều chỉnh hướng phát triển kinh tế, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc đổi mới và kích hoạt các nhu cầu khác trong nước. Trong vòng 30 năm, đất nước Hàn Quốc cơ bản đã thực hiện được tiến trình đô thị hóa, xứng tầm với các quốc gia Âu Mỹ. Con đường đô thị hóa của Hàn Quốc có thể phải dùng đến từ "mô hình rút ngắn" để miêu tả, nó không chỉ thể hiện ở thời gian, mà còn thể hiện ở cả không gian. (2)

Đô thị hóa nhanh đã tạo điều kiện thuận lợi cho Trung Quốc phát triển kinh tế mạnh mẽ chưa từng có trong suốt 30 năm qua. Đô thị hóa là chất xúc tác cho tăng trưởng GDP ở tốc độ cao, đạt xấp xỉ 10%. Dân số đô thị Trung Quốc từ dưới 20% vào năm 1978 đã tăng lên 52% vào năm 2012. Các thành phố Trung Quốc được bổ sung thêm khoảng 100 triệu dân, tốc độ tăng trưởng dân số đô thị bình quân khoảng 4%/năm, cao gấp 5 lần so với mức tăng trưởng dân số cả nước. (1)

Việt Nam đã thu được nhiều lợi ích từ quá trình đô thị hóa. Khu vực đô thị không chỉ tạo ra tăng trưởng GDP mà còn góp phần tích cực vào chuyển dịch mô hình và cơ cấu tăng trưởng trong dài hạn.Động lực tăng trưởng quốc gia cơ bản được tập trung tại khu vực đô thị do tăng trưởng mạnh mẽ công nghiệp và dịch vụ. Trong mười năm qua (2011 - 2020),cơ cấu kinh tế đất nước tiếp tục dịch chuyển sang phi nông nghiệp nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ của khu vực công nghiệp, xây dựng, và dịch vụ. Tốc độ tăng trưởng dịch vụ dân số đô thị giữ tốc độ ổn định (khoảng 3%/năm). Tỉ trọng lao động trong khu vực nông nghiệp giảm nhanh từ 60% (2008) xuống còn 40% (2017). Sự dịch chuyển này phản ánh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa với sự gia tăng dân số trong ranh giới (hành chính) đô thị bình quân gần 1 triệu người mỗi năm, từ 24.6 triệu năm 2008 tăng lên trên 33 triệu năm 2018.

Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa trong thời giai qua đã góp phần giải quyết các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Tăng trưởng ở các đô thị trực thuộc Trung ương và một số đô thị tỉnh lỵ đã góp phần tăng nhu cầu lao động, việc làm, giải quyết lao động dôi dư từ khu vực nông thôn. Kết quả tích cực này thể hiện trong chỉ số tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo của các địa phương. Tăng trưởng nền kinh tế đã từng bước được chia sẻ trong cả nước thông qua phân bố ngân sách, tạo điều kiện để nâng cao chất lượng sống và an sinh xã hội ở các vùng khó khăn.

Nhìn chung, thời gian qua, cùng với quá trình CNH- HĐH đất nước, tốc độ đô thị hóa của nước ta cũng ngày càng tăng nhanh, hệ thống đô thị quốc gia được quan tâm đầu tư phát triển cả về số

lượng và chất lượng. Nhiều đô thị, điểm dân cư nông thôn, nhiều khu công nghiệp, khu kinh tế, du lịch, kết cấu hạ tầng... đã được quy hoạch, đầu tư xây dựng mới, hoặc cải tạo mở rộng để đáp ứng nhu cầu phát triển mới của đất nước. Hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kĩ thuật đô thị, kể cả khu vực nông thôn được quan tâm đầu tư xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại. Diện mạo kiến trúc, đô thị, nông thôn Việt Nam đã có nhiều thay đổi theo hướng hiện đại, có bản sắc...Đô thị hóa đã thực sự góp phần tạo ra nguồn lực trong phát triển KT-XH của đất nước. Trong đó, kinh tế đô thị góp khoảng 70% GDP cả nước, các chỉ số thu ngân sách của các vùng tỉnh và các đô thị lớn cho thấy nhìn chung tăng trưởng kinh tế ở khu vực đô thị đạt trung bình từ 12 đến 15%, cao gấp 1,2 đến 1,5 lần so với mặt bằng chung trong cả nước. Riêng Thủ đô Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh đóng góp khoảng 30% GDP…

Tính đến trước ngày 01/7/2025, Việt Nam có hơn 900 đô thị, trong đó có 02 đô thị loại đặc biệt (Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh), 21 đô thị loại I, 39 đô thị loại II, 44 đô thị loại III, 97 đô thị loại IV (chưa kể các đô thị loại V và thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương).

Tương lai đô thị và quá trình đô thị hoá Việt Nam cơ bản đã được định hình trên tinh thần Nghị quyết 06 của Bộ Chính Trị (năm 2022) về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị việt nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: "Đô thị hoá là tất yếu khách quan, là một động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong thời gian tới;... Đô thị hoá và phát triển đô thị trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng ở mức cao, đóng góp khoảng 70% GDP cả nước. Bước đầu đã hình thành cực tăng trưởng kinh tế và trung tâm đổi mới sáng tạo; khoa học, công nghệ; giáo dục, đào tạo tại các đô thị lớn, nhất là tại Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Tầm nhìn đến năm 2045: Tỷ lệ đô thị hoá thuộc nhóm trung bình cao của khu vực ASEAN và Châu Á. Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền, có khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bảo vệ môi trường, kiến trúc tiêu biểu giàu bản sắc, xanh, hiện đại, thông minh. Xây dựng được ít nhất 5 đô thị đạt tầm cỡ quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới khu vực và quốc tế. Cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỉ trọng lớn".

2. VẤN ĐỀ ĐÔ THỊ KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

Quá trình đô thị hoá tại Việt Nam có nhiều khả năng sẽ bị tác động mạnh khi triển khai tái cấu trúc không gian lãnh thổ, sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập một số đơn vị cấp xã; thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (cấp 1 gồm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cấp 2/cấp dưới tỉnh gồm: phường, xã, đặc khu), bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Việc sáp nhập một số đơn vị cấp tỉnh từ 63 xuống còn khoảng 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không chỉ hướng đến mục tiêu xây dựng chính quyền gần dân, sát dân, phục vụ nhân dân tốt hơn, chủ động tiếp cận người dân thay vì để người dân phải tìm đến chính quyền mà còn tạo không gian phát triển kinh tế xã hội mới cho từng khu vực, từng địa phương hướng tới sự phồn vinh của đất nước và nâng cao đời sống nhân dân.

Tuy nhiên, sau sáp nhập từ 63 xuống còn khoảng 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó 06 thành phố trực thuộc Trung ương gồm TP.Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ). Hệ thống đô thị thuộc 28 tỉnh mới, 06 thành phố trực thuộc Trung ương được phân thành các phường, xã để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Theo cách hiểu đơn giản hệ thống đô thị Việt Nam trước ngày 01/7/2025 sẽ không tồn tại khi chính quyền địa phương 2 cấp đi vào hoạt động.

Tiến trình đô thị hoá tại Việt Nam cần được tư duy lại cho phù hợp với không gian lãnh thổ quốc gia sau tái cấu trúc và mô hình, chiến lược phát triển đô thị trong giai đoạn tới.

Khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (cấp 1 gồm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cấp 2/cấp dưới tỉnh gồm: phường, xã, đặc khu) hệ thống đô thi Việt Nam sẽ bị tác động rất mạnh. Hơn 900 đô thị đã phân mảnh thành các phường, xã việc lập quy hoạch, phân loại đô thị cũng cần phải được nghiên cứu lại. Các vấn đề liên quan đến đô thị hoá cũng cần có cách tiếp cận mới.

Hiện nay, trên thế giới, sự cạnh tranh toàn cầu đang chuyển từ cạnh tranh giữa các nước, sang cạnh tranh giữa các đô thị, đặc biệt là cạnh tranh giữa các vùng đô thị và các vùng kinh tế lớn. Kể từ năm 2009, Việt Nam có bốn vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ), bao gồm Vùng KTTĐ Bắc Bộ, Vùng KTTĐ miền Trung, Vùng KTTĐ phía Nam và vùng KTTĐ Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), với các đô thị hạt nhân là Hà Nội, TP HCM,

Đà Nẵng, và Cần Thơ, được xem là những vùng kinh tế động lực làm đầu tàu kéo theo sự phát triển của các địa phương trên cả nước...Khi thực hiện tái cấu trúc không gian lãnh thổ Quốc gia từ 63 đơn vị hành chính xuống còn khoảng 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương việc tái cấu trúc lại vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) hoặc xác định mới các vùng này cũng là điều cần thiết.

Trong bối cảnh mới, tương lai đô thị Việt Nam không thể không được nghiên cứu, định hình lại, gắn kết một cách biện chứng giữa quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước với quá trình đô thị hoá quốc gia nhằm đạt được mục tiêu bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình - thịnh vượng, hùng cường của dân tộc.

Để đạt được khát vọng này tỷ lệ đô thị hoá của Việt Nam phải đạt ngưỡng như các nước phát triển: Liên hiệp vương quốc Anh 91%, Thuỵ Điển 87%, LB Đức 85%, Pháp 78%, Mỹ 77%, Canada 76%, Australia 89%, New Zealand 85%, Israel 89%, Nhật Bản 78%. Điều đó có nghĩa tỷ lệ đô thị hoá của Việt Nam phải đạt mức 70% - 80% vào năm 2045.

3. QUY HOẠCH, QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ PHÙ HỢP VỚI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

Nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết 06 của Bộ Chính Trị và Nghị quyết 148/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 06 của Bộ Chính Trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có hiệu quả, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, trước mắt cần quan tâm, thống nhất một số vấn đề sau:

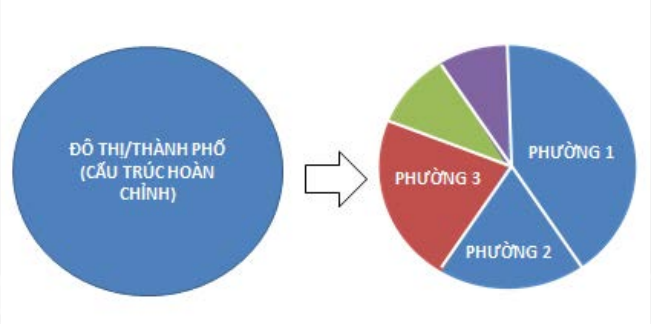
A/ Về quy hoạch đô thị - nông thôn

(i) Đô thị vẫn luôn được khẳng định là khu vực tập trung dân cư sinh sống có mật độ cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực phi nông nghiệp; là trung tâm tổng hợp hoặc chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ; được tổ chức, quản lý phát triển theo quy hoạch và quy luật của quá trình đô thị hoá.

(ii) Hệ thống đô thị quốc gia tiếp tục được phân cấp, phân loại phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

(iii) Nhận diện đô thị, khu vực đô thị, khu vực phát triển đô thị, ranh đô thị, vùng đô thị hoá thông qua ĐƠN VỊ ĐÔ THỊ là cấp PHƯỜNG. (Phường là nhân tố chính tạo dựng cấu trúc khu vực đô thị...)

Theo đó, đô thị có phạm vi không gian là Phường (độc lập) - ĐVĐT nếu đủ điều kiện theo quy định, là ranh tập hợp các phường - ĐVĐT/Khu vực phát triển đô thị; Đô thị mở rộng hoặc đô thị mới có phạm vi không gian phát triển được UBND cấp tỉnh xác định trên cơ sở định hướng phát triển đô thị tại quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn hoặc quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và theo quy định của Chính phủ. Tuỳ vào trường hợp cụ thể ranh tập hợp các phường - ĐVĐT/Khu vực phát triển đô thị có quy mô diện tích, dân số, cấp loại đô thị tương đương với các loại đô thị tại thời điểm trước ngày 01/7/2025. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm quyền hạn tổ chức lập ranh tập hợp các phường - ĐVĐT/Khu vực phát triển đô thị, lập quy hoạch chung và các loại quy hoạch đô thị, nông thôn khác theo quy định của pháp luật. (*Nghị định số 145/2025/NĐ-CP/ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính Phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp; phân quyền phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch Đô thị và Nông thôn; Nghị định số 178/2025/NĐ-CP/ngày 1/7/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch Đô thị và Nông thôn/Điều 7*).



Trước 01/7/2025 Sau 01/7/2025

Cấu trúc đô thị/thành phố trước và sau tách thành đơn vị hành chính cấp phường/xã

Trên cơ sở đó cần thống nhất nhận thức: (a) PHƯỜNG - ĐƠN VỊ ĐÔ THỊ; XÃ - ĐƠN VỊ/CƯ TRÚ NÔNG THÔN; (b) ĐÔ THỊ - TẬP HỢP CÁC ĐƠN VỊ ĐÔ THỊ/ĐVĐT; (c) KHU VỰC (PHÁT TRIỂN) ĐÔ THỊ: Là khu vực tập hợp các ĐVĐT được tổ chức không gian trong một cấu trúc tổng thể thống nhất, theo mô hình và tiêu chuẩn đô thị. Các loại hình tổ chức không gian trong khu vực/phát triển đô thị bao gồm: (1) Khu đô thị mới: là khu vực được định hướng để phát triển theo mô hình và tiêu chuẩn đô thị. (2) Khu đô thị hiện hữu: là khu vực đã phát triển theo mô hình và tiêu chuẩn đô thị. Căn cứ vào đặc điểm và tỷ lệ lấp đầy của khu vực, có thể lựa chọn mô hình tổ chức không gian đô thị theo các dạng: khu bảo tồn cấu trúc đô thị lịch sử, khu cải tạo, chỉnh trang, khu tái thiết... (d) KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH ĐÔ THỊ: là phạm vi hành chính của thành phố trực thuộc trung ương; Khu vực/phát triển đô thị: cụm phường xã, phường riêng lẻ, hoặc khu vực được định hướng trở thành đô thị, được xác định (trong quy hoạch cấp trên, hoặc do cơ quan có thẩm quyền quyết định) để quy hoạch như một chỉnh thể đô thị thống nhất.

(iv) Phân loại và hệ thống đô thị. Khu vực quy hoạch đô thị có thể được chia thành 04 loại theo quy mô dân số: (i) Siêu đô thị: có quy mô dân số từ 3 triệu người trở lên; (ii) Đô thị lớn: có quy mô dân số từ 0,5 đến 3 triệu người; (iii) Đô thị trung bình: có quy mô dân số từ 50.00-500.000 người: (iv) Đô thị nhỏ: có quy mô dân số dưới 50.000 người...

Hệ thống đô thị của tỉnh, TP trực thuộc Trung ương được nghiên cứu xác định trong Quy hoạch tỉnh và TP trực thuộc Trung ương theo Luật Quy hoạch (Luật năm 2017 sửa đổi) nhưng không nên tích hợp "cứng" vào các quy hoạch này; quy hoạch đô thị - nông thôn của tỉnh, TP trực thuộc Trung ương được xác định là quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành; việc lập quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển theo Luật Quy hoạch Đô thị - Nông thôn (Luật năm 2024 sửa đổi)...

(v) Việc xác định đô thị/hệ thống đô thị trong quy hoạch tỉnh cần dựa vào các tiêu chí về chức năng, mật độ và không gian thay vì chỉ dựa vào đơn vị hành chính truyền thống. Điều này đòi hỏi sự đổi mới trong cách tiếp cận và xây dựng quy hoạch đô thị. Các nguyên tắc xác định đô thị, khu vực phát triển đô thị, vùng đô thị trong quy hoạch tỉnh:

- *Tiếp cận dựa trên chức năng đô thị và không gian*: Đây là phương pháp chủ yếu để nhận dạng và xác định các khu vực đô thị. Cấp tỉnh sẽ không chỉ định các đơn vị hành chính là thành phố, thị xã mà tập trung phân tích chức năng của từng khu vực để xác định đâu là khu vực đô thị, đâu là nông thôn.



Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh - Sơ đồ phân vùng phát triển (Minh hoạ)

- *Phân vùng phát triển*: Thay vì quản lý theo địa giới hành chính cố định, quy hoạch tỉnh sẽ phân vùng các khu vực theo chức năng và mục tiêu phát triển. Các vùng có thể được quy hoạch như sau: (+) *Vùng đô thị trọng điểm*: Bao gồm một hoặc nhiều phường liền kề, có mật độ dân số và hoạt động kinh tế cao, được xác định là trung tâm kinh tế, dịch vụ, văn hóa của tỉnh; (+) *Vùng đô thị hóa*: Là các khu vực có tiềm năng phát triển thành đô thị, được quy hoạch để xây dựng cơ sở hạ tầng và thúc đẩy đô thị hóa trong tương lai; (+) *Vùng nông thôn*: Gồm các xã có chức năng sản xuất nông nghiệp, sinh thái hoặc du lịch.

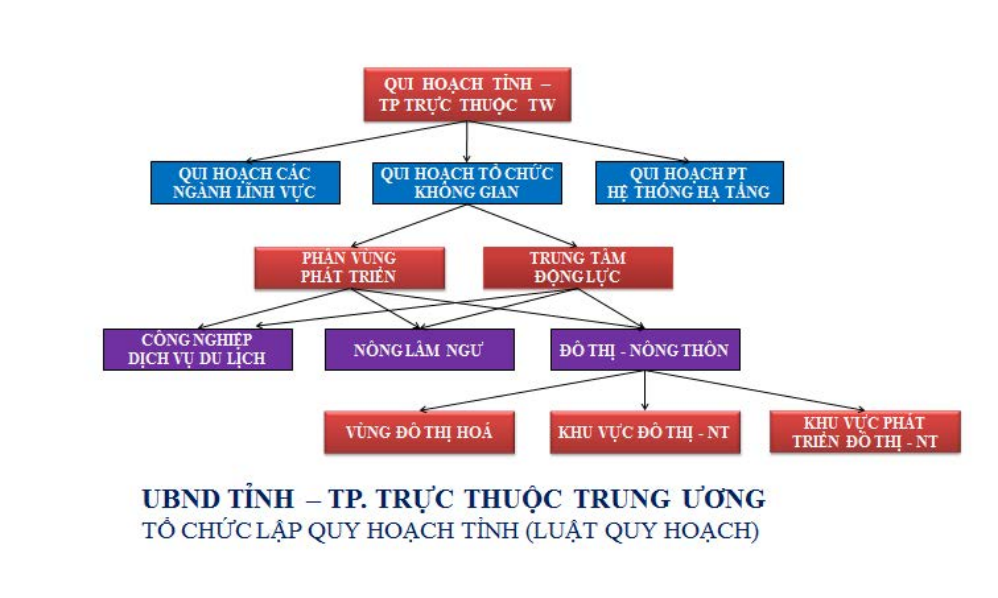
- *Quy hoạch liên xã/phường*: Khi một khu vực đô thị bao gồm nhiều phường, quy hoạch cần được xây dựng theo hình thức liên kết, đảm bảo sự phát triển đồng bộ về hạ tầng và không gian, thay vì chia nhỏ

theo từng phường/xã...

- *Áp dụng công nghệ số*: Sử dụng các công cụ như hệ thống thông tin địa lý (GIS), dữ liệu dân cư, kinh tế để nhận diện các khu vực có đặc điểm của đô thị (mật độ dân cư, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp, hạ tầng...).

B/ Về quản lý phát triển đô thị - nông thôn

(i) Cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch chung cho từng vùng chức năng, bao gồm cả các vùng đô thị trọng điểm và vùng đô thị hóa. Quy hoạch tỉnh cần xây dựng các chiến lược, tầm nhìn phát triển đô thị/hệ thống đô thị, định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật cho toàn tỉnh, bao gồm cả các khu vực đô thị và nông thôn. Quy hoạch này sẽ xác định rõ ranh giới, định hướng phát triển, hạ tầng và các chỉ tiêu quy hoạch khác. Quy hoạch đô thị cần tích hợp với quy hoạch nông thôn để đảm bảo sự phát triển bền vững và cân bằng giữa các khu vực.



Nội dung cốt lõi mang tính chiến lược trong quy hoạch tỉnh

(ii) Sau khi quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung được phê duyệt, cấp xã/phường lập quy hoạch chi tiết, cụ thể hóa quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung vùng chức năng, tập trung vào các dự án quy mô nhỏ, các khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật và xã hội cấp cơ sở. Cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, còn cấp xã/phường sẽ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể theo quy định của pháp luật như cấp phép xây dựng, quản lý trật tự đô thị tại địa bàn mình.

(iii) Sửa đổi, hoàn thiện thể chế và quy hoạch. Điều chỉnh Luật Quy hoạch và pháp luật liên quan: Cần sửa đổi, bổ sung các quy định về phân loại đô thị, thẩm quyền quy hoạch và quản lý đô thị để phù hợp với mô hình hai cấp mới, tránh chồng chéo, mâu thuẫn. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa cấp tỉnh và cấp xã/phường trong việc quản lý quy hoạch, đầu tư, xây dựng và phát triển đô thị, từ khâu phê duyệt quy hoạch đến việc thực thi ở cơ sở. Quy hoạch tỉnh cần xây dựng các chiến lược, tầm nhìn phát triển đô thị tổng thể, định hướng phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật cho toàn tỉnh, bao gồm cả các khu vực đô thị và nông thôn. Cấp xã/phường lập quy hoạch chi tiết, cụ thể hóa quy hoạch chung của tỉnh, tập trung vào các dự án quy mô nhỏ, các khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật và xã hội cấp cơ sở.

(iv) Nâng cao năng lực quản lý và thực thi. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về quy hoạch, quản lý đất đai và xây dựng cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã/phường. Ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý quy hoạch, cung cấp dịch vụ công trực tuyến liên quan đến đất đai và xây dựng, giúp minh bạch và giảm chi phí tuân thủ. Thiết lập cơ chế phối hợp thông suốt, hiệu quả giữa cấp tỉnh và cấp xã/phường, đảm bảo sự đồng bộ trong quản lý, không để gián đoạn phục vụ người dân và doanh nghiệp. Tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của cấp tỉnh đối với hoạt động của cấp xã/phường, đặc biệt trong việc thực hiện quy hoạch và quản lý trật tự xây dựng...

(v) Phân cấp, phân quyền mạnh mẽ. Phân cấp triệt để thẩm quyền cấp phép xây dựng cho cấp xã/phường đối với các công trình nhà ở riêng lẻ, công trình có quy mô nhỏ, đơn giản. Giao thẩm quyền thực

hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai ở cấp cơ sở cho cấp xã/phường. Phân cấp đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật và xã hội quy mô nhỏ tại địa phương cho cấp xã/phường, tạo sự chủ động và linh hoạt

(vi) Minh bạch và tham gia của cộng đồng. Các quy hoạch, kế hoạch phát triển đô thị cần được công khai, minh bạch để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, giám sát. Lấy ý kiến rộng rãi từ cộng đồng trong quá trình lập và điều chỉnh quy hoạch, đảm bảo sự phù hợp với thực tiễn và nguyện vọng của người dân.

4. THAY CHO LỜI KẾT

Quy hoạch, quản lý phát triển đô thị là một quá trình. Đô thị hoá là tất yếu khách quan, là một động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Trong kỷ nguyên vươn mình, quá trình đô thị hoá không thể tách rời quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá Đất nước. Tương lai đô thị Việt sẽ tiếp tục phát triển theo đúng quy luật của nó. Đặc biệt chúng ta tin tưởng rằng hệ thống đô thị Việt tiếp tục phát triển bền vững theo mạng lưới, phân bổ hợp lý, phù hợp với từng vùng, miền, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền; tiếp tục phát triển các đô thị có chức năng tổng hợp với quy mô và dân số ở mức hợp lý theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh; bảo đảm tính kết nối cao giữa các đô thị trực thuộc Trung ương, đô thị trung tâm cấp quốc gia với đô thị vùng và khu vực nông thôn; có những đô thị lớn, đủ tầm cỡ, đủ sức cạnh tranh, sánh vai với các đô thị lớn trên thế giới như Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị đã xác định... Các bộ Luật liên quan đến quy hoạch, quản lý phát triển dô thị - nông thôn cần được sửa đổi, bổ sung cùng với Nghị quyết 06 - NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết 148/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 06 của Bộ Chính Trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là nền tảng căn bản, là công cụ hữu hiệu để đô thị Việt Nam tiếp tục được quy hoạch, quản lý phát triển ngày một xanh, thông minh, sáng tạo, đàng hoàng, to đẹp hơn trong kỷ nguyên thịnh vượng, hùng cường của Đất nước./.

Tài liệu tham khảo

1. Con đường đô thị của hóa Trung Quốc/Người dịch: Nguyễn Thị Mai Anh; Hiệu đính và biên soạn: Bạch Minh Tuấn.

2. Con đường phát triển đô thị hóa của Hàn Quốc/Dương Minh/Nguồn: http://www.newsccn.com (Trang web: Tin tức xây dựng Trung Quốc) ND: Bích Ngọc

3. Đô thị hóa trên thế giới: Những cái bẫy cần tránh/ Phạm Hoàng/Nguồn: Chinhphu.vn ngày 12,16,18/10/2017

4. Đô thị hoá và phát triển các khu ven đô ở các thành phố lớn của Việt Nam/PGS.TS. Lưu Đức Hải

5. Nghị quyết 06 - NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính Trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị việt nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

6. Kết luận số 127-KL/TW về triển khai nghiên cứu, để xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị...

7. Nghị định số 145/2025/NĐ-CP/ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính Phủ về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp; phân quyền phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch Đô thị và Nông thôn;

8. Nghị định số 178/2025/NĐ-CP/ngày 1/7/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết mộ số điều của Luật quy hoạch Đô thị và Nông thôn

9. Dự thảo Nghị định của Chính phủ Quy định về phân cấp, phân định trách nhiệm, thẩm quyền trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.../Bộ Xây dựng.

GIẢI PHÁP LẬP VÀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG

PGS.TS. Hoàng Vĩnh Hưng

Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia

1. Tổng quan về đô thị hóa và thách thức của khu vực đô thị

Với tất cả các quốc gia trên thế giới, khu vực đô thị luôn là nơi tạo ra động lực tăng trưởng kinh tế. Mức độ tập trung về dân số, hoạt động sản xuất công nghiệp, thương mại và dịch vụ ở đô thị có tác động tích cực. Khi đạt đến một ngưỡng nhất định, mật độ tập trung cao ở đô thị sẽ giúp giảm chi phí sản xuất và phát triển được dịch vụ chuyên nghiệp.

Đầu thế kỷ 21, hơn 50% dân số thế giới đã tập trung ở các khu vực đô thị. Quá trình đô thị hóa diễn ra khác nhau ở các nước phát triển và đang phát triển. Ở các nước phát triển, quá trình này diễn ra theo quy luật: công nghiệp hóa sẽ dẫn tới đô thị hóa. Ở nhiều nước đang phát triển: đô thị hóa chủ yếu do di dân nông thôn - đô thị, thiếu vắng vai trò của công nghiệp hóa.

Đối với các nước đang phát triển, đô thị hóa chắc chắn mang lại nhiều cơ hội. Có sự tương quan tỷ lệ thuận giữa tốc độ đô thị hoá và tăng trưởng GDP bình quân đầu người. Đô thị thường là nơi tập trung các yếu tố tạo thành cực tăng trưởng, đó là: các hoạt động kinh tế có giá trị gia tăng cao và các hoạt động công nghệ, nghiên cứu phát triển.

Đến 2050, tỷ lệ dân số đô thị trung bình trên thế giới sẽ là 70%. Đô thị hóa đang và sẽ diễn ra chủ yếu ở các nước đang phát triển. Tuy nhiên, đô thị hoá nhanh cũng sẽ phải đối mặt với nhiều thách thức. Trong đó, thách thức lớn đặt ra cho các đô thị của các nước đang phát triển là làm thế nào để: (i) đáp ứng được nhu cầu của người dân đô thị về nhà ở, hạ tầng, dịch vụ, việc làm và (ii) thúc đẩy các hoạt động kinh tế trong phạm vi mà nó có ảnh hưởng.

3. Các giải pháp chính để vượt qua thách thức, thực hiện tốt định hướng phát triển

Việt Nam đang thực hiện cuộc cách mạng về tinh gọn bộ máy hành chính, chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Việc giảm số tỉnh sẽ giúp nguồn lực đầu tư của Trung ương được tập trung hơn; tăng hiệu ứng về quy mô kinh tế của các tỉnh.

Thách thức và cơ hội đặt ra cho tỉnh và chính quyền các đô thị là cần xác định được giải pháp quy hoạch đúng đắn, kiểm soát được sự phân bố dân cư và các hoạt động của con người một cách khoa học; từ đó kiến tạo được các giải pháp cho tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững trong tương lai.

Trong thời gian tới, để thực hiện có hiệu quả công tác phát triển đô thị và hạ tầng, các chính quyền địa phương cần quan tâm tìm giải pháp cho ba nội dung cơ bản: quy hoạch đô thị và nông thôn; quản lý đầu tư phát triển; huy động và sử dụng tài chính địa phương.

3.1. Giải pháp trong Quy hoạch và Quy hoạch đô thị và nông thôn

Về cơ bản, có 2 loại quy hoạch cần quan tâm trước tiên: Quy hoạch theo Luật Quy hoạch 2017 và quy hoạch theo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn 2024.

Quy hoạch là quá trình chính quyền địa phương và các bên liên quan cùng nhau làm việc để dự báo phát triển và đưa ra giải pháp tổ chức không gian trên một vùng lãnh thổ xác định cho tương lai gần (khoảng 10-20 năm). Các quy hoạch này cần đạt được các mục tiêu chính: (i) đáp ứng nhu cầu của người dân về hạ tầng, nhà ở, việc làm và dịch vụ; (ii) đảm bảo cân bằng giữa các nhu cầu của các nhóm khác nhau, tiến tới xác định lợi ích chung của toàn xã hội; (iii) giúp chính quyền địa phương quản lý hiệu quả đất đai: đảm bảo quỹ đất cho xây dựng hạ tầng (công nghiệp, dân dụng), cải tạo chỉnh trang và phát triển dự án mới; (iv) gìn giữ và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái; (v) tạo thuận lợi cho phát triển các hoạt động kinh tế, tạo được nhiều việc làm. Tất cả các mục tiêu này đều có vai trò quan trọng như nhau trong việc đảm bảo sự phát triển cân bằng và bền vững của địa phương.

Việc dung hòa các mục tiêu và thách thức khác nhau trong quy hoạch là một thách thức lớn khó vượt qua nhất. Một hướng giải pháp quan trọng là xác định chính xác khu vực ưu tiên phát triển theo từng giai đoạn ở từng địa phương. Việc xác định các mục tiêu trong thời kỳ quy hoạch phải phù hợp với nguồn lực

và phương tiện thực tế có thể huy động ở từng tỉnh/ thành phố, phường / xã để phục vụ cho việc thực hiện các quy hoạch cũng như theo dõi về sau. Các đồ án quy hoạch rất không nên đưa ra những mục tiêu quá tham vọng so với năng lực thực hiện và phương tiện để đạt được mục tiêu này.

Quy hoạch chung đô thị cần phải xác định được mục tiêu, phạm vi, ranh giới phát triển hợp lý của đô thị trong tương lai dài hạn và từng giai đoạn (giúp hạn chế và ngăn ngừa hiện tượng đô thị dàn trải, cũng như bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái); xác định rõ lợi ích chung, vấn đề chung của đô thị và đưa ra được định hướng giải pháp để vượt qua các thách thức chung (như cung cấp đầy đủ, khớp nối và đồng bộ hoá hệ thống hạ tầng kinh tế, hạ tầng đô thị, nhà ở…). Các quy hoạch cấp thấp hơn (quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết) xác định được các khu vực chức năng khác nhau và chỉ tiêu phù hợp để quản lý từng khu vực chức năng đó (chẳng hạn, các khu vực bán kính tạo việc làm để đảm bảo hạn chế người dân phải di chuyển ở khoảng cách quá xa, giúp giảm phát sinh nhu cầu di chuyển).

Bối cảnh sau khi sáp nhập đơn vị hành chính các cấp, các ranh giới hành chính không phải lúc nào cũng tương ứng với các không gian chức năng, sẽ làm xuất hiện các khó khăn trong quản trị địa phương. Do tình hình dân số, kinh tế, xã hội biến động rất nhanh, cũng như yêu cầu cấp thiết cần quy hoạch lại không gian đô thị và nông thôn, nội dung các quy hoạch cấp trên cần phải đơn giản, linh hoạt và dễ điều chỉnh theo biến động của thị trường và tình hình kinh tế xã hội. Điều này đòi hỏi phải xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu chính xác, đáng tin cậy (về dân cư, đất đai, hạ tầng, nhà ở và các hoạt động kinh tế) của từng đơn vị hành chính đô thị và nông thôn; thường xuyên cập nhật các số liệu thống kê. Hệ thống các quy định pháp luật về quy hoạch, phát triển đô thị và nông thôn cần tạo được cơ chế và công cụ thống nhất, ổn định, mềm dẻo.

3.2. Giải pháp trong Quản lý đầu tư công

Quá trình phân cấp, phân quyền quản lý, dẫn đến sự khẳng định vai trò của chính quyền địa phương. Việc lập quy hoạch sẽ đáp ứng tốt hơn nhu cầu của địa phương nếu huy động được sự tham gia đầy đủ của người dân và giải pháp quy hoạch là do các chính tác nhân địa phương quyết định. Tuy nhiên, quản trị địa phương còn gặp nhiều thách thức. Sau khi ban hành được một hệ thống các văn bản và công cụ pháp lý đầy đủ, chi tiết; chính quyền địa phương còn cần phải có đủ phương tiện để đảm trách nhiệm vụ công của mình, nhất là phần ngân sách phân bổ từ nhà nước phải đủ để đáp ứng nhu cầu. Chính quyền địa phương còn phải đề ra các chính sách công phù hợp cho địa phương mình cũng như đảm bảo tìm ra các giải pháp bền vững. Chính quyền địa phương cũng phải tổ chức tốt mối quan hệ giữa các tác nhân khác nhau trong địa phương mình, dựa vào khu vực tư nhân và người dân, đưa họ vào trong quy trình ra quyết định.

Nhiều điều kiện cần phải có để tạo thuận lợi cho công tác quản lý đầu tư công ở các dự án phát triển địa phương. Đầu tiên, cần phải kiểm soát được vấn đề đất đai: cả ba ngành (quản lý đất đai và quản lý quy hoạch) đều cần biết rõ hiện trạng của các loại đất; thống nhất được việc lập quỹ đất dự phòng cho xây dựng các hạ tầng thiết yếu; thống nhất kế hoạch thực hiện quy hoạch đô thị, thực hiện các dự án lớn về cải tạo, tái thiết hay phát triển mới.

Cơ quan quản lý quy hoạch và phát triển đô thị cần có đủ nguồn nhân lực để đảm bảo triển khai thực hiện quy hoạch và theo dõi thực hiện dự án: nhân lực phải có đủ trình độ, mức thu nhập phải tương xứng với trách nhiệm và công việc, điều kiện làm việc và phải đảm bảo ổn định số lượng nhân lực.

Các cơ quan phải có năng lực trong quản lý các khâu về hành chính trong đầu tư công, nhất là phải có khả năng tổ chức đấu thầu cho nhiều dự án cùng một lúc, ký hợp đồng với các doanh nghiệp trúng thầu và hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện, đồng thời phải có khả năng đảm trách công tác bảo trì bảo dưỡng thiết bị và hạ tầng.

3.3. Giải pháp về Tài chính cho phát triển đô thị

Các chính quyền địa phương được phân cấp quản lý hoặc phân quyền có nhiều nguồn tài chính tiềm năng có thể huy động để đầu tư cho công tác phát triển đô thị. Tham khảo thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế có thể thấy các nguồn tài chính đến với địa phương ở Việt Nam theo các kênh sau:

Thứ nhất, tiền từ Nhà nước sẽ được phân bổ cho các địa phương. Tiền ngân sách có thể cấp theo định kỳ 5 năm, hàng năm hoặc đột xuất khi cần phải thực hiện một dự án có phạm vi tác động lớn. Đối

với phần cấp ngân sách định kỳ, mức được cấp thường tỷ lệ thuận với quy mô dân số và mức đóng góp từ thuế của địa phương vào ngân sách nhà nước. Mức này cũng được tính toán trên cơ sở quy chế hành chính của địa phương nhận ngân sách (tỉnh/ thành phố, phường/ xã), và theo một cách khác, mức cấp sẽ được tính toán trên cơ sở nhu cầu hoặc hoàn cảnh khó khăn của địa phương. Theo đó, nhiều cơ chế cân bằng ngân sách giữa các địa phương được áp dụng để tăng mức ngân sách cấp cho các địa phương nghèo, số tiền bù chênh lệch này sẽ được lấy từ phần đóng góp ngân sách của các địa phương giàu hơn.

Nguồn tài chính thứ hai có thể là nguồn riêng của các địa phương. Các khoản này có nhiều loại. Tiền thu từ bán quyền sử dụng đất, từ thuế đất, thuế bất động sản được địa phương thu trực tiếp; nguồn này thường có đối với các địa phương được phân quyền quản lý. Bên cạnh đó còn có thêm các loại thuế đánh vào các hoạt động kinh tế (thuế hoạt động nghề nghiệp, hoặc tiền kinh doanh, cho thuê các cơ sở thương mại), các khoản này thường thu trực tiếp ở địa phương, kể cả ở những địa phương không được phân quyền quản lý. Ngoài ra, các địa phương cũng thu tiền phí sử dụng dịch vụ công tại địa phương nếu có: tiền thu dọn rác thải sinh hoạt, tiền nước, tiền đỗ xe, tiền phí dịch vụ giao thông công cộng, v.v... Địa phương sẽ tìm cách để cải thiện các nguồn thu này vì đây là một nguồn thu nhập quan trọng cho ngân sách địa phương.

Nguồn thu tài chính thứ ba có thể áp dụng được ở Việt Nam là trích một phần giá trị gia tăng từ đất đai và bất động sản. Khi cấp phép xây dựng, địa phương có thu phí. Ngoài ra, địa phương cũng có thể bán quyền phát triển trên các mảnh đất thuộc sở hữu của mình, hoặc chuyển quyền xây dựng cho một bên nào đó, những việc này cũng mang lại thu nhập. Giá trị gia tăng (lợi nhuận) mà bên tư nhân được chuyển giao quyền xây dựng thu được từ việc chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp thành đất đô thị, hoặc các giao dịch khác (mua bán, chuyển nhượng) hoặc từ thừa kế, cũng có thể đánh thuế nếu như việc chuyển nhượng hoặc giao dịch đó được thực hiện một cách hợp pháp, theo quy định. Các dự án và hạng mục quy hoạch được thực hiện với sự tham gia của các công ty bất động sản, các công ty xây dựng và khai thác lớn của Nhà nước (đối với hạ tầng) và các doanh nghiệp và tập đoàn (trong quy hoạch các khu công nghiệp) sẽ mang lại nhiều lợi ích cho khu vực tư nhân, từ đó nâng cao nguồn đóng góp cho ngân sách địa phương.

Nguồn tài chính thứ tư cho phát triển đô thị là áp dụng mô hình đối tác công - tư. Chính quyền địa phương góp vốn vào dự án bằng đất, bảo lãnh vay vốn ngân hàng cho doanh nghiệp, còn các công ty tư nhân sẽ đảm trách chi phí thực hiện (quy hoạch chi tiết, xây dựng hạ tầng, v.v...). `Ủy quyền dịch vụ công' cũng là một hình thức của mô hình đối tác công - tư, trong đó, đối tác tư nhân chịu trách nhiệm phân phối một loại dịch vụ công nào đó cho cộng đồng. Đối tác tư nhân sẽ phải thực hiện các khoản đầu tư cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ này (chẳng hạn, mở rộng mạng lưới đường ống dẫn nước sạch).

Nguồn tài chính cuối cùng cho phát triển đô thị là nguồn vốn vay ngân hàng. Nguồn này thường được áp dụng ở các nước phát triển nhưng hiện nay ít khi áp dụng ở các nước đang phát triển. Trên cơ sở dự báo nguồn thu hàng năm tính toán được và chất lượng của công tác quản lý tài chính, một địa phương có thể trực tiếp vay tiền ngân hàng, có thể là ngân hàng trong nước hoặc các định chế tài chính quốc tế (như Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á hoặc Cơ quan Phát triển của một số quốc gia có tại Việt Nam), hoặc vay gián tiếp từ các khoản vay của chính phủ (từ Bộ Tài chính). Địa phương cũng có thể hưởng cơ chế bảo lãnh nợ, theo đó, một tổ chức tài chính cam kết bảo đảm rủi ro cho các khoản vay của địa phương. Một nguồn nữa có thể nghĩ đến là một số thành phố lớn có thể phát hành trực tiếp trái phiếu trên thị trường tài chính để có thể đảm bảo có nguồn vốn lớn. Tuy nhiên, việc phát hành trái phiếu cũng nên chỉ giới hạn ở một mức độ hợp lý, tránh trường hợp nợ quá nhiều như đã từng xảy ra với nhiều tỉnh của Brasil và Argentina, gây ra hai cuộc khủng hoảng tiền tệ vào năm 1997 và 2001.

Tất cả các hướng giải pháp trên đều nên được nghiên cứu khả năng áp dụng ở Việt Nam để huy động được nguồn vốn cho phát triển đô thị, đáp ứng nhu cầu đang ngày càng tăng do dân số gia tăng. Thực tế, phát triển đô thị sẽ không mang lại lợi ích gì nếu như không tìm được nguồn vốn cần thiết để thực hiện được các mục tiêu phát triển bền vững.

4. Kết luận

Để giải quyết các thách thức của quá trình đô thị hoá của Việt Nam, khi lập và thực hiện quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn cần phải tính đến việc xây dựng và củng cố ba trụ cột của phát triển bền vững: phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và giải quyết tình trạng bất bình đẳng xã hội.

Phát triển kinh tế là động cơ giúp các đô thị mang lại cho người dân việc làm, dịch vụ, và cung cấp nguồn lực cho xây dựng hạ tầng công cộng. Đối với công tác quy hoạch đô thị cần phải xây dựng được các chiến lược và kế hoạch đầu tư hiệu quả.

Quy hoạch cũng phải làm sao đảm bảo phát huy được mô hình đô thị phát triển bao trùm (inclusive - không để ai bị bỏ lại phía sau). Để làm được điều này, công tác quy hoạch, quy hoạch đô thị phải đặt ra mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi để mọi người dân đều được tiếp cận với các dịch vụ cơ bản, và tiếp cận được với hạ tầng chung và các không gian công cộng chung. Công tác quy hoạch cũng phải đảm bảo ngăn chặn được hiện tượng phân tách không gian xã hội, mang lại cho người dân dịch vụ nhà ở hợp lý cho mọi người, cải thiện điều kiện sống ở các khu vực hiện hữu thông qua các dự án cải tạo đô thị.

Cuối cùng, việc lập quy hoạch đô thị cũng phải đưa ra các công cụ bảo vệ môi trường. Những thách thức chủ yếu hiện nay trong lĩnh vực này là làm sao thực hiện được các cam kết đã đưa ra (bảo vệ tài nguyên, bảo vệ không gian xanh, netzero) và tìm được nguồn tài chính cần thiết cho việc triển khai các biện pháp đã đưa ra (chẳng hạn để cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng trong sản xuất công nghiệp, hoặc hạn chế lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính thải vào môi trường).

Tài liệu tham khảo

1. Club France Rio+20 (2012), Sustainable Urban Territories: towards a new Model?, Club France Rio+20.

2. De Sherbinin A., A. Schiller, A. Pulsipher (2007), The vulnerability of global cities to climate hazards, Publishing by SAGE on behalf of International Institute for Environment and Development.

3. Fujita, M. and Thisse, J.F. (2002) Economics of agglomeration: Cities, industial location, and regional growth. Cambridge University Press, Cambridge.

4. Irène Salenson. 2015, Future Urban Challenges and Territorial Planning, AFD Conference

5. UN-Habitat. 2014, Urban Equyty in Development - Cities for Life, Report of Seventh Session of the World Urban Forum

6. UN-Habitat, 2015, Urban Rules and Legislation, Habitat III

QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN THEO CHÍNH QUYỀN HAI CẤP Ở VIỆT NAM: THÁCH THỨC, CƠ HỘI VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN THỂ CHẾ

Nguyễn Quang

Nguyên Giám đốc Chương trình UN-Habitat tại Việt Nam

TÓM TẮT

Báo cáo này nhằm phân tích và làm rõ những **thách thức, cơ hội và giải pháp hoàn thiện khung pháp lý, thể chế** trong quản trị phát triển **đô thị và nông thôn theo chính quyền hai cấp ở Việt Nam**, trong bối cảnh xây dựng **Luật Quản lý Phát triển Đô thị (QLPTĐT) năm 2025** và các chương trình đổi mới thể chế quản lý địa phương.

Việt Nam đang trong giai đoạn đô thị hóa mạnh mẽ, với hơn **870 đô thị**, tỷ lệ dân số đô thị đạt **trên 42% năm 2025**. Tuy nhiên, hệ thống quản trị hiện hành vẫn chịu ảnh hưởng của mô hình hành chính tập trung, trong khi yêu cầu phát triển đòi hỏi **phân cấp - phân quyền - tự chủ địa phương - liên kết đô thị - nông thôn**.

Báo cáo cho thấy:

- Hệ thống pháp luật về quản lý phát triển đô thị và nông thôn còn phân tán, thiếu tính tích hợp;
- Cơ chế phân quyền hai cấp (tỉnh - cấp dưới tỉnh) mới được hình thành, chưa chứng minh được hiệu quả;
- Các địa phương tiên phong như Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, Bình Dương, Quảng Ninh, Thừa Thiên Huế đã có những thử nghiệm mô hình quản trị đáng chú ý;
- Tuy nhiên, còn tồn tại thiếu phối hợp liên ngành, thiếu công cụ tài chính đô thị, năng lực quản lý hạn chế, và bất cập dữ liệu số hóa.

Báo cáo đề xuất nhóm **giải pháp đột phá**:

1. Hoàn thiện khung pháp lý Luật QLPTĐT 2025 theo hướng tích hợp đô thị - nông thôn;
2. Đổi mới cơ chế phân cấp, phân quyền hai cấp rõ ràng, gắn với trách nhiệm giải trình;
3. Xây dựng hệ thống quy hoạch tích hợp vùng đô thị - nông thôn, gắn với kinh tế - xã hội - môi trường;
4. Tăng cường công cụ tài chính, huy động PPP, trái phiếu đô thị;
5. Nâng cao năng lực quản trị và chuyển đổi số;
6. Ban hành chính sách khung cấp trung ương về quản trị đa cấp và phát triển bền vững đô thị - nông thôn.

I. BỐI CẢNH VÀ KHUNG PHÁP LÝ VỀ QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ - NÔNG THÔN THEO CHÍNH QUYỀN HAI CẤP

1.1. Bối cảnh đô thị hóa và yêu cầu đổi mới mô hình quản trị địa phương

Ba thập niên qua, Việt Nam đã đạt tốc độ đô thị hóa cao trong khu vực Đông Nam Á. Nếu năm 1990 cả nước mới có 500 đô thị với khoảng 19% dân số đô thị, thì đến năm 2025 con số này là **trên 870 đô thị**, chiếm hơn **42% dân số**, đóng góp khoảng **70% GDP quốc gia**.

Quá trình đô thị hóa đã tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng kinh tế, hiện đại hóa hạ tầng và chuyển dịch cơ cấu lao động. Tuy nhiên, mặt trái của quá trình này là sự **phân hóa không gian phát triển**, **gia tăng bất bình đẳng giữa trung tâm và ngoại vi**, cùng với tình trạng **quản lý chồng chéo, thiếu hiệu quả** trong bộ máy hành chính địa phương.

Các đô thị lớn như **Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, Cần Thơ** đều đối mặt với sức ép dân số, giao thông, môi trường và nhà ở. Trong khi đó, khu vực nông thôn lại thiếu đầu tư hạ tầng, dẫn đến dòng di cư mạnh, làm mất cân bằng phát triển lãnh thổ. Điều này đòi hỏi một **mô hình quản trị mới - linh hoạt, đa cấp và tích hợp giữa đô thị và nông thôn**. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam bước vào một giai đoạn phát triển mới với kỳ vọng tăng trưởng hai con số, khi công nghiệp hóa theo định hướng sáng tạo - công nghệ - xanh kết hợp với đô thị hóa bền vững - tăng năng suất.

Trên thực tế, **đô thị hoá hiện nay phần lớn theo chiều rộng (mở rộng địa giới, phân lô) hơn là chất lượng đô thị hoá** (hạ tầng, việc làm phi nông nghiệp, dịch vụ đô thị chất lượng cao). Năng suất lao động ở khu vực đô thị cao gấp 2,2 lần nông thôn, nhưng tốc độ di cư ròng đang giảm vì chi phí sống đô thị cao và hạn chế nhà ở, hạ tầng. Khi đô thị hoá gắn với **công nghiệp - dịch vụ - hạ tầng đồng bộ**, nó tạo "cú nhảy năng suất". Tuy nhiên, nếu đô thị hoá không đi đôi với **quy hoạch không gian, giao thông, nhà ở xã hội**, thì lại gây tắc nghẽn, bất bình đẳng, ô nhiễm, và **làm giảm hiệu quả tăng trưởng dài hạn.**

Rõ ràng, **đô thị hoá cần kết nối với công nghiệp hoá** để đạt tăng trưởng nhanh - nếu tách rời hoặc lệch pha, hiệu quả sẽ giảm mạnh. Việt Nam có dư địa đô thị hoá và công nghiệp hoá sâu hơn, nhưng **cần tái cấu trúc mô hình tăng trưởng:**

SỰ TƯƠNG TÁC CÔNG NGHIỆP HOÁ - ĐÔ THỊ HOÁ

Yếu tố	Vai trò với tăng trưởng	Tình hình Việt Nam hiện nay	Rào cản chính
Công nghiệp hoá	Nâng năng suất, xuất khẩu, lan toả FDI	Tỷ trọng công nghiệp cao nhưng giá trị gia tăng thấp	Phụ thuộc FDI, công nghệ thấp, hạ tầng và năng lượng hạn chế
Đô thị hoá	Tăng cầu nội địa, năng suất lao động, thu hút dịch vụ	Tốc độ 42%, còn tiềm năng lớn	Quy hoạch, tắc nghẽn hạ tầng, nhà ở, bất bình đẳng không gian
Liên kết công nghiệp - đô thị	Tạo "vành đai tăng trưởng" (industrial-urban corridors)	Đang hình thành Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh, TP.HCM-Đồng Nai-Bình Dương	Thiếu quy hoạch vùng, kết nối giao thông yếu, chính quyền vùng chưa hiệu quả

1.2. Sự chuyển đổi mô hình chính quyền địa phương từ ba xuống hai cấp ở Việt Nam

a. Cấu trúc ba cấp trong hệ thống chính quyền địa phương

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương (2015, sửa đổi 2023), hệ thống hành chính ở Việt Nam được chia thành bốn cấp: một cấp trung ương, và ba cấp địa phương: tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, và xã/phường/thị trấn.

Ở các đô thị lớn và đô thị loại I như TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội, Cần Thơ, Bình Dương, Quảng Ninh, Nhà nước đã từng bước thực hiện mô hình chính quyền đô thị, xóa bỏ hội đồng nhân dân cấp quận và phường nhằm tinh giản bộ máy, giảm tầng nấc trung gian, và tăng tính chủ động cho đô thị cơ sở.

Trong 10 năm qua, mô hình chính quyền đô thị đã góp phần quan trọng trong việc tăng tốc phát triển hạ tầng đô thị, cải thiện năng lực quản lý địa phương, và nâng cao chất lượng dịch vụ công. Các địa phương có thẩm quyền cao hơn đã chủ động hơn trong triển khai chương trình phát triển đô thị, cải tạo hạ tầng, huy động vốn xã hội hóa.

Đà Nẵng đã vận hành chính quyền đô thị không có HĐND cấp quận, phường, giúp việc ra quyết định nhanh, thống nhất và linh hoạt. Bình Dương áp dụng cơ chế "vùng đô thị - công nghiệp - dịch vụ" linh hoạt, cho phép các thành phố Dĩ An, Thuận An chủ động thu hút đầu tư, quy hoạch khu đô thị - công nghiệp gắn kết vùng lân cận, với vai trò điều phối của tỉnh. Một số tỉnh như Quảng Ninh và Thừa Thiên Huế đã xây dựng quy hoạch cấp tỉnh tích hợp toàn diện (phê duyệt 2023-2024), kết hợp giữa quy hoạch đô thị, nông thôn, công nghiệp, hạ tầng, môi trường, văn hóa. TP. Hồ Chí Minh: triển khai mô hình "thành phố trong thành phố" (Thủ Đức) từ năm 2021 - đây là thử nghiệm đầu tiên của Việt Nam trong tổ chức cấp hành chính đô thị trung gian, cho phép địa phương này được giao quyền như cấp huyện nhưng có cơ chế tự chủ tài chính cao hơn, hướng tới "chính quyền đô thị thông minh".

Tuy nhiên, nhìn chung trong thực tiễn, phân định thẩm quyền giữa các cấp chính quyền vẫn còn mờ nhạt. Cấp tỉnh vẫn nắm quyền chủ đạo trong phê duyệt quy hoạch, cấp phép đầu tư, quản lý ngân sách và hạ tầng, trong khi cấp dưới (quận, huyện, thị xã) và phường chưa có đủ nguồn lực tài chính, nhân sự và công cụ pháp lý để thực hiện các nhiệm vụ phát triển đô thị và nông thôn. Hệ quả là nhiều địa phương thiếu tính chủ động, phụ thuộc vào quyết định hành chính cấp trên, làm giảm hiệu quả của các chương trình phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới.

b. Hệ thống pháp luật liên quan đến quản trị đô thị-nông thôn cho chính quyền địa phương ba cấp

Khung pháp lý điều chỉnh trực tiếp hoạt động quản lý phát triển đô thị - nông thôn và quản trị ba cấp trước đây gồm các văn bản chính sau:

1. Luật Quy hoạch (2017): đặt nền tảng cho việc xây dựng **hệ thống quy hoạch thống nhất và tích hợp** từ trung ương đến địa phương. Tuy nhiên, quy định về mối liên hệ giữa quy hoạch cấp tỉnh và cấp dưới tỉnh và ngành còn thiếu cụ thể, khiến quá trình triển khai còn chồng chéo.

2. Luật Tổ chức Chính quyền địa phương (2015, sửa đổi 2023): chưa quy định rõ **phạm vi trách nhiệm trong quản lý đất đai, đầu tư hạ tầng, và điều hành kinh tế - xã hội** giữa các cấp.

3. Luật Đất đai (2024): có bước tiến mới khi bổ sung quy định về **quản lý, sử dụng và khai thác đất đô thị**, song vẫn chưa có cơ chế **chia sẻ nguồn thu từ giá trị tăng thêm của đất** giữa các cấp chính quyền.

4. Luật Xây dựng (2014, sửa đổi 2020) và **Luật Nhà ở (2023)**: điều chỉnh hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý công trình, nhưng chưa xác lập rõ **vai trò của cấp dưới tỉnh** trong quy hoạch và kiểm soát phát triển không gian đô thị - nông thôn.

5. Dự thảo Luật Quản lý Phát triển Đô thị (QLPTĐT) sửa đổi 2025: là bước ngoặt hướng tới **một khung pháp lý tích hợp và linh hoạt hơn**, quy định rõ cơ chế phối hợp đa cấp, đa ngành, cùng với các nguyên tắc phát triển đô thị - nông thôn bền vững.

Ngoài ra, các **nghị quyết và chiến lược quốc gia** như **Nghị quyết 06-NQ/TW (2022)** của Bộ Chính trị và **Chiến lược phát triển hệ thống đô thị quốc gia giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050** đã xác định rõ yêu cầu: "Phát triển hệ thống đô thị quốc gia thống nhất, đồng bộ, đa trung tâm, kết nối hài hòa giữa đô thị và nông thôn; hoàn thiện thể chế và mô hình quản trị đô thị theo hướng hiện đại, phân cấp, tự chủ và minh bạch."

c. Xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp

Từ ngày 1/7/2025 theo Luật số 72/2025/QH15, cả nước thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp bao gồm cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và cấp xã (xã, phường, đặc khu ở hải đảo), với mục tiêu tinh gọn bộ máy và nâng cao hiệu quả quản lý. Chính phủ ban hành Nghị quyết 268/NQ-CP ngày 3/9/2025 về việc triển khai và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Các bộ, ngành và địa phương được giao rà soát, ban hành Nghị định, Thông tư để cụ thể hóa việc vận hành mô hình hai cấp. Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp đem lại nhiều cơ hội tích cực, có thể kể đến như sau:

- **Tinh gọn bộ máy**: Loại bỏ tầng cấp huyện giúp giảm đầu mối trung gian, bộ máy hành chính gọn hơn, chi phí quản lý có thể giảm, thủ tục hành chính có thể thông suốt hơn.
- **Tăng cường vai trò cấp xã**: Khi chỉ có cấp tỉnh và cấp xã, cấp xã có thể gần dân hơn, xử lý nhanh hơn các vấn đề cơ sở, nâng cao hiệu quả phục vụ nhân dân và doanh nghiệp.
- **Rõ phân định thẩm quyền**: Luật nhấn mạnh phân quyền, phân cấp rõ hơn giữa trung ương - địa phương, giữa cấp tỉnh và cấp xã. Điều này giúp giảm chồng chéo và nâng cao trách nhiệm.
- **Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số**: Luật đặt ra yêu cầu chính quyền địa phương "hiện đại, chuyên nghiệp, ứng dụng CNTT, chuyển đổi số" để nâng cao hiệu quả.
- **Thúc đẩy phát triển địa phương, doanh nghiệp và người dân**: Theo thông báo của Chính phủ, mô hình được xem là mở "không gian phát triển", tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp

Tuy nhiên, trong thực thi cũng có không ít thách thức như xác định thẩm quyền trong từng nội dung quản lý, khối lượng lớn văn bản cần sửa đổi, bổ sung một cách đồng bộ, nguồn lực và năng lực cấp phường xã, việc chuyển đổi bộ máy và văn hóa quản lý, sự khác biệt thực tiễn tại địa phương, việc triển khai đồng bộ, tránh gián đoạn dịch vụ hành chính.

d. Những hạn chế và thách thức cơ bản hiện nay

Mặc dù mục tiêu là tiến bộ, mô hình quản trị hai cấp tại Việt Nam sẽ đối mặt với nhiều vướng mắc ảnh hưởng từ mô hình quản lý cũ, có thể chia thành bốn nhóm chính:

(1) Thể chế - pháp lý chưa đồng bộ

- Các quy định về chức năng, nhiệm vụ giữa tỉnh và cấp dưới tỉnh chưa được thực tế chứng minh hiệu quả quản lý và phối hợp.
- Chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể cho việc phối hợp giữa quy hoạch cấp tỉnh và cấp phường xã, giữa quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn;
- Thiếu quy định về phân chia nguồn lực tài chính giữa các cấp trong phát triển hạ tầng, nhà ở và dịch vụ công.

(2) Năng lực và nguồn lực của cấp dưới tỉnh còn hạn chế

- Cán bộ cấp phuòng xã chưa được đào tạo chuyên sâu về quy hoạch, hạ tầng, kinh tế đô thị, dẫn đến năng lực phân tích - điều hành yếu;
- Ngân sách địa phương còn phụ thuộc lớn vào tỉnh, thiếu công cụ tài chính (thuế đất, phí phát triển đô thị, trái phiếu địa phương);
- Công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng, hạ tầng kỹ thuật còn thủ công, chưa số hóa.

(3) Thiếu cơ chế phối hợp vùng và chia sẻ dữ liệu

- Hệ thống dữ liệu đô thị - nông thôn chưa đồng bộ giữa các cấp. Ví dụ, dữ liệu đất đai và quy hoạch thường do các sở ngành tỉnh quản lý, cấp phường xã khó truy cập hoặc cập nhật;
- Chưa có **cơ chế điều phối vùng đô thị** giữa các đô thị liền kề - như Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên; TP.HCM với Bình Dương, Đồng Nai - dẫn đến cạnh tranh thu hút đầu tư và sử dụng đất không hiệu quả.

(4) Chênh lệch giữa đô thị và nông thôn

- Ở nhiều tỉnh, các đô thị được đầu tư mạnh về hạ tầng, nhưng vùng nông thôn lại chậm tiếp cận dịch vụ cơ bản (giao thông, nước sạch, y tế, giáo dục).
- Quy hoạch nông thôn nhiều nơi còn mang tính hình thức, thiếu gắn kết với chiến lược phát triển đô thị của tỉnh.

e. Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

Các nước có đặc điểm tương đồng với Việt Nam như Hàn Quốc, Nhật Bản, Indonesia đều tổ chức quản trị đô thị - nông thôn theo mô hình hai hoặc ba cấp chính quyền, trong đó:

- Cấp tỉnh (hoặc vùng) đảm nhiệm điều phối quy hoạch vùng và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội;
- Cấp địa phương (thành phố, quận, huyện) có thẩm quyền cao về quản lý đất đai, hạ tầng, và dịch vụ công.

Ví dụ:

- Hàn Quốc phân quyền mạnh cho các thành phố và quận trong quy hoạch và đầu tư hạ tầng, nhưng có cơ chế phối hợp vùng đô thị Seoul để bảo đảm thống nhất chiến lược phát triển;
- Nhật Bản áp dụng cơ chế "vùng đô thị mở rộng" (Metropolitan Region), nơi chính quyền tỉnh và các đô thị con cùng chia sẻ cơ sở dữ liệu và ngân sách;
- Indonesia sau khi dời đô (Jakarta - Nusantara) đã ban hành Luật Thủ đô mới (2023), trong đó quy định rõ phân quyền tài chính và quản trị giữa trung ương - tỉnh - thành phố.

Bài học kinh nghiệm đô thị hóa ở các nước công nghiệp mới nổi (các "Con Rồng" và Trung Quốc) cho thấy đô thị hóa nhanh tạo **tập trung lao động, tri thức, dịch vụ**, thúc đẩy năng suất và tiêu dùng nội địa. Chính vì vậy, chính sách quy hoạch và phát triển đô thị được **điều phối chặt với chiến lược công nghiệp hoá** - ví dụ: Hàn Quốc tạo hành lang công nghiệp quanh Seoul, Trung Quốc xây dựng đặc khu như Thâm Quyến.

Những kinh nghiệm này cũng cho thấy: phân quyền phải đi đôi với tích hợp quy hoạch và điều phối vùng, nếu không sẽ dẫn đến mâu thuẫn trong quản lý không gian, đầu tư, và dịch vụ công. Mục tiêu là

chuyển từ "quản lý hành chính" sang "quản trị phát triển", nơi chính quyền địa phương có thể chủ động hoạch định, triển khai, điều phối và giám sát phát triển đô thị - nông thôn trong phạm vi của mình.

II. CƠ HỘI VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI QUẢN TRỊ HAI CẤP

2.1. Động lực mới từ cải cách thể chế và Luật Quy hoạch Đô thị & Nông thôn (sửa đổi 2025)

Sự ra đời của **Luật Luật Quy hoạch Đô thị & Nông thôn sửa đổi năm 2025** đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong tiến trình đổi mới quản trị đô thị - nông thôn ở Việt Nam. Đây là lần đầu tiên một đạo luật quy định **toàn diện và tích hợp** các khía cạnh của phát triển đô thị, bao gồm: quy hoạch, hạ tầng, không gian, quản lý đất đai, nhà ở, và cơ chế điều hành phát triển.

Luật mới có ba điểm đột phá mang lại cơ hội lớn cho chính quyền hai cấp:

1. Đưa nguyên tắc "quản lý phát triển đô thị tích hợp" vào luật: Thay vì quản lý theo ngành, luật quy định đô thị phải được phát triển trên cơ sở phối hợp đồng bộ giữa quy hoạch, hạ tầng, môi trường, kinh tế - xã hội.

2. Phân quyền mạnh mẽ cho địa phương: Các đô thị cấp tỉnh và cấp dưới tỉnh (phường và đặc khu) được quyền lập chương trình phát triển đô thị, điều chỉnh cục bộ quy hoạch, huy động vốn và triển khai các dự án hạ tầng theo cơ chế ủy quyền.

3. Xác lập mô hình quản trị đa cấp - đa ngành: Luật nên đề xuất thành lập **"Hội đồng phát triển đô thị cấp tỉnh"** và **"Ban điều phối phát triển đô thị cấp phường"**, tạo hành lang thể chế mới để các cấp phối hợp chặt chẽ hơn trong quản trị không gian và nguồn lực.

Luật Quy hoạch Đô thị & Nông thôn 2025 đồng thời khuyến khích việc **lồng ghép phát triển đô thị - nông thôn**, coi đây là quá trình thống nhất trong quy hoạch không gian lãnh thổ. Đây chính là bước tiến quan trọng giúp mô hình **quản trị hai cấp** phát huy hiệu quả trong thực tiễn.

2.2. Cơ hội từ chuyển đổi số và quản trị thông minh

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang đến cơ hội chưa từng có cho các đô thị Việt Nam trong việc hiện đại hóa bộ máy quản lý. Với sự phát triển của **dữ liệu lớn (Big Data)**, **hệ thống thông tin địa lý (GIS)** và **trí tuệ nhân tạo (AI)**, chính quyền các cấp có thể quản lý hạ tầng, đất đai, dân cư và dịch vụ công theo thời gian thực.

Một số địa phương đã tiên phong:

- Đà Nẵng vận hành Trung tâm điều hành đô thị thông minh (IOC) từ năm 2019, tích hợp 16 lĩnh vực dữ liệu như quy hoạch, giao thông, y tế, môi trường, an ninh.
- Bình Dương phát triển hệ thống "Data sharing hub" kết nối dữ liệu giữa cấp tỉnh và cấp đô thị.
- Hà Nội và TP.HCM triển khai cơ sở dữ liệu địa chính số, hỗ trợ quy hoạch và cấp phép trực tuyến.

Những tiến bộ này mở ra cơ hội lớn cho việc **xây dựng nền tảng dữ liệu liên thông hai cấp**, giúp chính quyền cấp tỉnh- phường xã có thể chủ động phân tích, dự báo và ra quyết định nhanh hơn, chính xác hơn.

Việc triển khai **"chính quyền số - đô thị thông minh - xã hội số"** nếu được đồng bộ ở cả hai cấp sẽ giúp:

- Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp;
- Giảm chi phí hành chính;
- Minh bạch hóa thông tin quy hoạch và đầu tư;
- Hỗ trợ công tác giám sát, đánh giá chính sách đô thị - nông thôn.

2.3. Cơ hội từ định hướng phát triển bền vững và liên kết vùng

Nghị quyết 06-NQ/TW (2022) của Bộ Chính trị đặt mục tiêu:

"Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững, hình thành mạng lưới đô thị quốc gia hiện đại, liên kết chặt chẽ giữa đô thị và nông thôn". Đây là định hướng chiến lược để chuyển từ **phát triển đơn lẻ từng đô thị** sang **phát triển vùng đô thị - nông thôn tích hợp**. Mỗi địa phương không còn là "ốc đảo" mà là **một mắt xích trong mạng lưới đô thị quốc gia**.

Các cơ hội nổi bật gồm:

- **Liên kết vùng đô thị:** Các vùng kinh tế trọng điểm như Bắc Bộ (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh), miền Trung (Đà Nẵng - Huế - Quảng Nam), và phía Nam (TP.HCM - Bình Dương - Đồng Nai - Bà Rịa Vũng Tàu) đang hình thành các cụm đô thị - công nghiệp - dịch vụ gắn bó chặt chẽ.
- **Phát triển hành lang kinh tế - đô thị:** Nhiều tuyến hạ tầng chiến lược (cao tốc Bắc - Nam, vành đai 3 - 4, đường ven biển, đường sắt tốc độ cao) sẽ tạo hành lang phát triển liên vùng, thúc đẩy các khu vực đô thị phụ thuộc trở thành trung tâm vệ tinh.
- **Chương trình quốc gia về phát triển đô thị thích ứng biến đổi khí hậu:** Tập trung cho Đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung và ven biển, giúp gắn kết giữa quản lý đô thị - nông thôn và bảo tồn sinh thái.

Tất cả những xu hướng này đều đòi hỏi **một cơ chế quản trị hai cấp hiệu quả**, trong đó cấp tỉnh đảm nhận điều phối liên vùng, còn cấp dưới tỉnh triển khai và kết nối trực tiếp với cộng đồng dân cư và doanh nghiệp.

2.4. Cơ hội từ đổi mới tài chính đô thị và cơ chế huy động nguồn lực

Việt Nam đang từng bước xây dựng **chính quyền đô thị tự chủ tài chính**, theo hướng phân cấp nguồn thu và chi hợp lý hơn. Đây là cơ hội lớn để các địa phương cấp tỉnh và dưới tỉnh phát huy vai trò chủ động.

Các hướng đổi mới gồm:

1. Phân quyền tài chính: Cho phép chính quyền đô thị cấp tỉnh và chính quyền địa phương được giữ lại một phần nguồn thu từ thuế sử dụng đất, lệ phí trước bạ, hoặc phí phát triển hạ tầng để tái đầu tư tại chỗ.

2. Công cụ tài chính mới: Thúc đẩy việc phát hành **trái phiếu đô thị xanh**, **trái phiếu phát triển hạ tầng**, và cơ chế **PPP (hợp tác công - tư)** minh bạch hơn.

3. Cơ chế chia sẻ giá trị gia tăng từ đất: Áp dụng nguyên tắc "land value capture" - phần giá trị tăng thêm từ phát triển hạ tầng phải được phân bổ lại cho cộng đồng địa phương và ngân sách hai cấp.

4. Thành lập Quỹ phát triển hạ tầng đô thị địa phương: Hỗ trợ các đô thị và nông thôn ven đô trong công tác cải tạo, chỉnh trang hạ tầng cơ bản.

Ví dụ, **Bình Dương và Đà Nẵng** đã thành lập Quỹ đầu tư phát triển đô thị có thể cho vay lại dự án hạ tầng, trong khi **Quảng Ninh** áp dụng cơ chế chia sẻ nguồn thu giữa các khu vực đô thị trong cùng tỉnh để cân bằng phát triển.

2.5. Đổi mới mô hình quản trị hướng tới phát triển toàn diện và bao trùm

Cơ hội cải cách không chỉ nằm ở thể chế hay tài chính, mà còn ở **triết lý quản trị**: chuyển từ "hành chính - quản lý" sang "kiến tạo - phục vụ - đồng hành".

Trong mô hình hai cấp, cấp tỉnh đóng vai trò hoạch định và điều phối, còn cấp dưới tỉnh phải trở thành **"chính quyền gần dân"**, trực tiếp đáp ứng nhu cầu sống, làm việc, sinh kế và văn hóa của người dân địa bàn.

Xu hướng mới của thế giới - được các tổ chức như **UN-Habitat, OECD, World Bank** khuyến nghị - là:

- Quản trị đô thị - nông thôn phải **bao trùm và có sự tham gia của cộng đồng**;
- Khu vực đô thị phải là **trung tâm đổi mới sáng tạo**, nơi thử nghiệm mô hình năng lượng sạch, giao thông công cộng, quản lý chất thải, và phát triển xanh;
- Phát triển đô thị không thể tách rời nông thôn: đô thị phải hỗ trợ tiêu thụ nông sản, tạo việc làm phi nông nghiệp cho dân cư nông thôn, hình thành **vòng tuần hoàn kinh tế - xã hội vùng**.

Việt Nam, với mô hình chính quyền hai cấp, có điều kiện thuận lợi để áp dụng cách tiếp cận này - nếu cấp tỉnh thực sự **trao quyền, hỗ trợ, và giám sát hiệu quả**, còn cấp dưới tỉnh **vận hành linh hoạt, sáng tạo và minh bạch**.

PHẦN III. GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

3.1. Nguyên tắc chỉ đạo

Để mô hình quản trị đô thị - nông thôn hai cấp vận hành hiệu quả, các nguyên tắc chỉ đạo sau cần được xác lập thống nhất:

1. Phân quyền rõ, trách nhiệm rành mạch: Mỗi cấp phải có quyền hạn thực chất, đồng thời chịu trách nhiệm giải trình trước cấp trên và người dân.

2. Phối hợp liên ngành và liên cấp: Quy hoạch, đầu tư, đất đai, môi trường và hạ tầng phải được điều phối thống nhất.

3. Minh bạch, công khai dữ liệu: Mọi quyết định quy hoạch, đầu tư công, tài chính phải được số hóa và công khai.

4. Tự chủ có điều kiện: Cấp dưới tỉnh được quyền quyết định trong phạm vi quy định, nhưng phải bảo đảm cân đối ngân sách và tuân thủ pháp luật.

5. Phát triển bền vững và bao trùm: Kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường.

3.2. Giải pháp thể chế

1. Hoàn thiện khung pháp lý về quản trị đô thị - nông thôn:

- Sớm ban hành **Luật Quản lý Phát triển Đô thị (sửa đổi 2025)** và các nghị định hướng dẫn, tạo khung pháp lý thống nhất.
- Xây dựng **Nghị định về phân quyền và phối hợp giữa tỉnh - cấp dưới tỉnh**, nêu rõ thẩm quyền, cơ chế kiểm tra, giám sát.
- Áp dụng **quy trình đánh giá dự án đầu tư công theo ICOR & MDG** (ít nhất 3 chỉ số: IRR xã hội, ICOR dự báo, khả năng giải ngân) trước khi duyệt.

2. Tăng cường điều phối vùng và liên kết phát triển:

- Thành lập **Hội đồng phát triển vùng**, có chức năng tư vấn, điều phối và giám sát quy hoạch vùng.
- Áp dụng mô hình **"vùng hành chính - kinh tế đặc thù"** để xử lý các vấn đề liên tỉnh (giao thông, môi trường, logistics).
- Tạo các hành lang công nghiệp-đô thị (industrial-urban corridors) để tận dụng hiệu ứng agglomeration, giảm chi phí logistics. Thí dụ: Chọn 3 hành lang chiến lược (ví dụ: Hà Nội-Hải Phòng-Quảng Ninh; TP.HCM-Đồng Nai-Bình Dương; Đà Nẵng-Quảng Nam) và ban hành **regional master plans** tích hợp (logistics, nhà ở công nhân, đào tạo nghề, cảng/giao thông).
- Khuyến khích phát triển nhà ở công nhân & dịch vụ xã hội trong khu công nghiệp để giữ chân lao động và giảm chi phí di cư.

3. Cải cách tài chính đô thị:

- Ban hành **cơ chế thí điểm trái phiếu đô thị và quỹ phát triển đô thị quốc gia.**
- Áp dụng **công cụ thu hồi giá trị tăng thêm từ đất (Land Value Capture)** để tái đầu tư vào hạ tầng.
- Tăng tỷ lệ điều tiết ngân sách để lại cho địa phương có hiệu quả cao.

4. Thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia:

- Xây dựng **nền tảng dữ liệu liên thông quốc gia về đô thị và nông thôn (OneMap - OneData).**
- Ban hành **Bộ chỉ số quản trị đô thị quốc gia (National Urban Governance Index - NUGI)** làm căn cứ đánh giá, xếp hạng địa phương.
- Khuyến khích đầu tư cho **hạ tầng số (băng thông rộng, data centers)** và hỗ trợ chuyển đổi số cho DN vừa và nhỏ (SMEs digital vouchers).

3.3. Giải pháp cấp tỉnh

1. Quy hoạch tích hợp đô thị - nông thôn:

- Lập **Chương trình phát triển đô thị - nông thôn tích hợp (CPĐT)** cho toàn tỉnh, gắn kết các lĩnh vực: quy hoạch, đất đai, đầu tư, hạ tầng, xã hội.
- Sử dụng cơ sở dữ liệu GIS để đồng bộ hóa quy hoạch và theo dõi tiến độ phát triển.

2. Thực hiện "Thỏa thuận phát triển đô thị" giữa tỉnh và cấp dưới tỉnh:

- Xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn và cam kết nguồn lực.
- Hằng năm đánh giá kết quả thực hiện, công khai trước nhân dân.

3. Phát triển tài chính đô thị bền vững:

- Thành lập **Quỹ phát triển hạ tầng đô thị tỉnh**, huy động vốn từ ngân sách, trái phiếu và khu vực tư nhân.
- Xây dựng **cơ chế PPP linh hoạt**, ưu tiên dự án hạ tầng xã hội và xanh.

4. Nâng cao năng lực quản trị địa phương:

- Tổ chức chương trình đào tạo, tập huấn thường xuyên cho cán bộ cấp tỉnh, phường xã về quy hoạch, tài chính, dữ liệu.
- Hình thành mạng lưới "**Trung tâm phát triển đô thị - nông thôn**" ở cấp tỉnh làm đầu mối hỗ trợ kỹ thuật.

3.4. Giải pháp cấp cơ sở

1. Đổi mới quản trị hành chính:

- Xây dựng **chính quyền điện tử - chính quyền số cấp phuong xã**, tích hợp dịch vụ công trực tuyến, dữ liệu dân cư, quản lý đất đai và quy hoạch.
- Tăng cường vai trò **hội đồng nhân dân và cơ chế giám sát của người dân**.

2. Phát triển cộng đồng và doanh nghiệp địa phương:

- Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, hợp tác xã nông nghiệp - đô thị, dịch vụ đô thị thông minh.
- Khuyến khích **đối tác công - tư (PPP) và công ty / hợp tác xã địch vụ công** ở quy mô nhỏ: chiếu sáng, thu gom rác, không gian xanh.
- Thành lập **Quỹ đào tạo doanh nghiệp-đồng tài trợ** (tax credit cho doanh nghiệp đào tạo lao động, đặc biệt FDI cam kết nội địa hoá).

3. Thúc đẩy quản trị minh bạch:

- Công khai dữ liệu quy hoạch, tài chính và môi trường.
- Ứng dụng nền tảng phản ánh trực tuyến để người dân tham gia giám sát.

3.5. Chuyển đổi số và dữ liệu liên thông

Việc triển khai chuyển đổi số hai cấp cần được xem như **nhiệm vụ trọng tâm của cải cách quản trị địa phương**. Các địa phương cần xây dựng hệ thống dữ liệu thống nhất, gồm:

- **Bản đồ quy hoạch số hóa (One Map).**
- **Hệ thống dữ liệu dân cư, đất đai, hạ tầng (One Database).**
- **Trung tâm điều hành đô thị - nông thôn (IOC) kết nối hai cấp.**

Mô hình này giúp **tăng hiệu quả điều hành, giảm thời gian xử lý**, đồng thời tạo môi trường minh bạch để người dân, doanh nghiệp giám sát. Ngoài ra, xây dựng chương trình nâng cao kỹ năng số (digital upskilling) cho cán bộ và doanh nghiệp, tập trung vào kỹ thuật số, bảo trì tự động hoá, QC, logistics.

PHẦN IV. TRIỂN VỌNG VÀ KẾT LUẬN CHUNG

Quản trị đô thị - nông thôn tích hợp theo chính quyền hai cấp là xu hướng bắt buộc của Việt Nam trong tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đây không chỉ là một mô hình hành

chính, mà là **một bước tiến về tư duy quản trị lãnh thổ**, đặt người dân và cộng đồng làm trung tâm.

Thành công của mô hình này phụ thuộc vào ba yếu tố then chốt:

1. **Thể chế linh hoạt - minh bạch - đồng bộ.**
2. **Phân quyền gắn với năng lực và trách nhiệm giải trình.**
3. **Cơ chế tài chính - dữ liệu - nhân lực hỗ trợ cho phát triển bền vững.**

Nếu được triển khai quyết liệt, mô hình hai cấp sẽ giúp Việt Nam:

- Rút ngắn khoảng cách phát triển đô thị - nông thôn;
- Tăng năng lực cạnh tranh vùng, hiệu quả đầu tư công;
- Xây dựng chính quyền phục vụ, kiến tạo và gần dân;
- Đưa Việt Nam tiến gần hơn đến mục tiêu **phát triển đô thị bền vững và bao trùm đến năm 2045**.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội Việt Nam (2015, sửa đổi 2023). *Luật Tổ chức chính quyền địa phương.*
2. Quốc hội Việt Nam (2024). *Luật Đất đai.*
3. Bộ Xây dựng (2025). *Dự thảo Luật Quản lý Phát triển Đô thị (sửa đổi).*
4. Chính phủ (2022). *Nghị quyết 06-NQ/TW về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045.*
5. UN-Habitat Việt Nam (2023). *Báo cáo Đánh giá quản trị đô thị và năng lực thể chế địa phương.*
6. Bình Dương Smart City (2023). *ICF Report on Smart City Performance.*
7. Quảng Ninh (2024). *Đề án Liên kết vùng và quản trị đô thị toàn tỉnh.*
8. Đà Nẵng (2023). *Báo cáo tổng kết mô hình chính quyền đô thị.*

UN-HABITAT

Multi-level policy frameworks supporting Viet Nam to achieve sustainable and smart urban development

UN-Habitat Bangkok Multi-Programme Office

Vietnam Urban Forum - 5 November 2025

UN-HABITAT

Table of Contents

- UN-Habitat in Asia-Pacific and Vietnam
- Global Frameworks
- Regional Frameworks
- National Frameworks: SDG Reporting as a Governance Tool in Thailand
- How Can Viet Nam Leverage Global and Regional Frameworks?

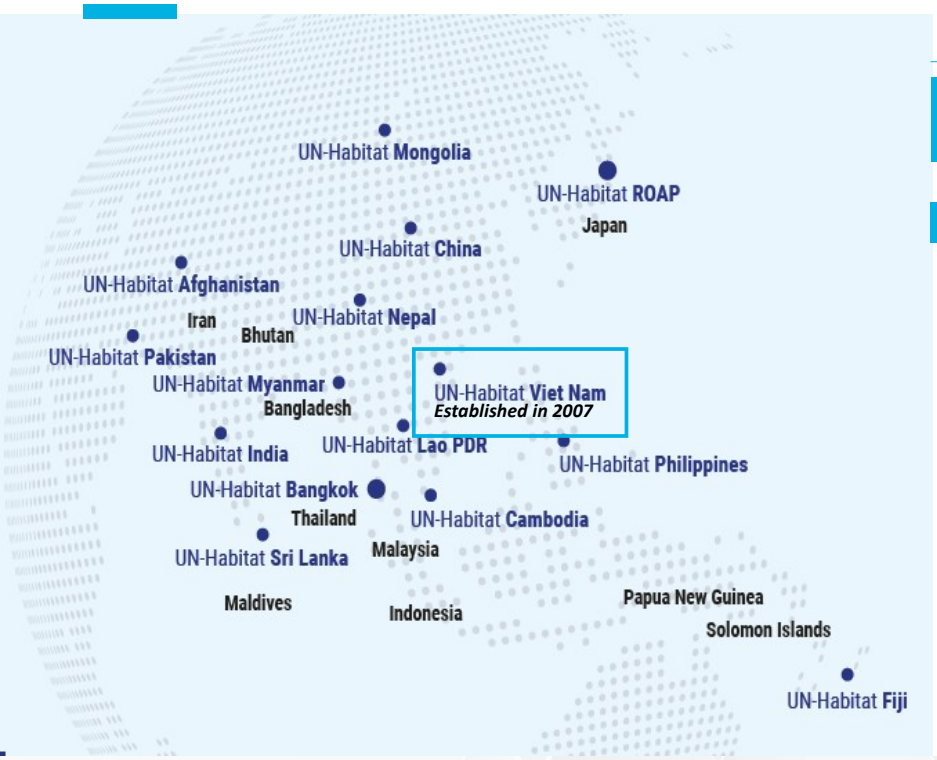
3

UN-HABITAT

UN-Habitat in Asia-Pacific and Vietnam

4

UN-Habitat in Asia-Pacific and Vietnam



Vision

A better quality of life for all in an urbanizing world

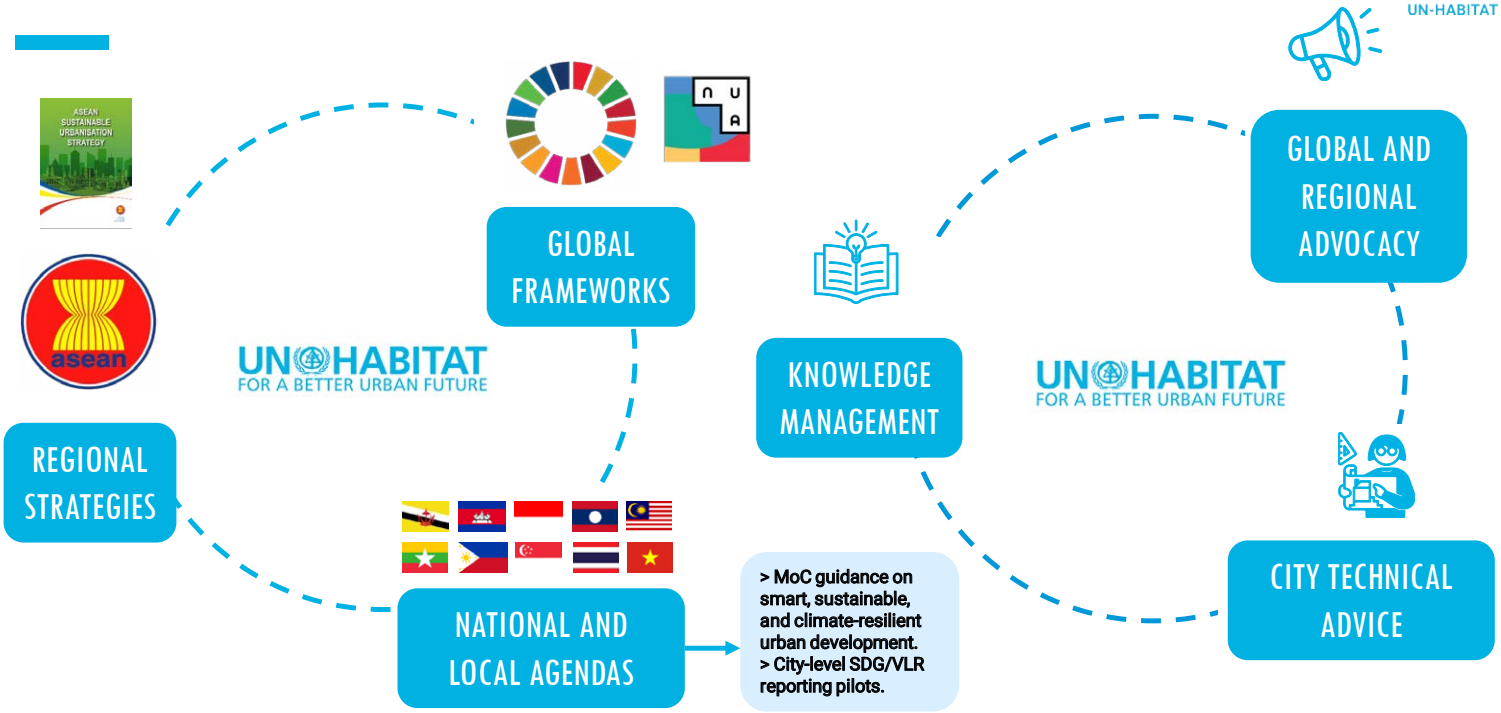
11 SUSTAINABLE CITIES AND COMMUNITIES

Areas of focus on UN-Habitat Vietnam

- Support governments to translate global commitments into national systems and local action.
- Support cities to localise the SDGs and report progress.
- Support the government and cities in climate action and building resilience.
- Implement ASEAN's vision on smart and sustainable urban development and facilitate peer learning.

5

Framework Alignment and UN-Habitat Approach



6

UN-HABITAT

Global Frameworks

7

The 2030 Agenda for Sustainable Development (2015)



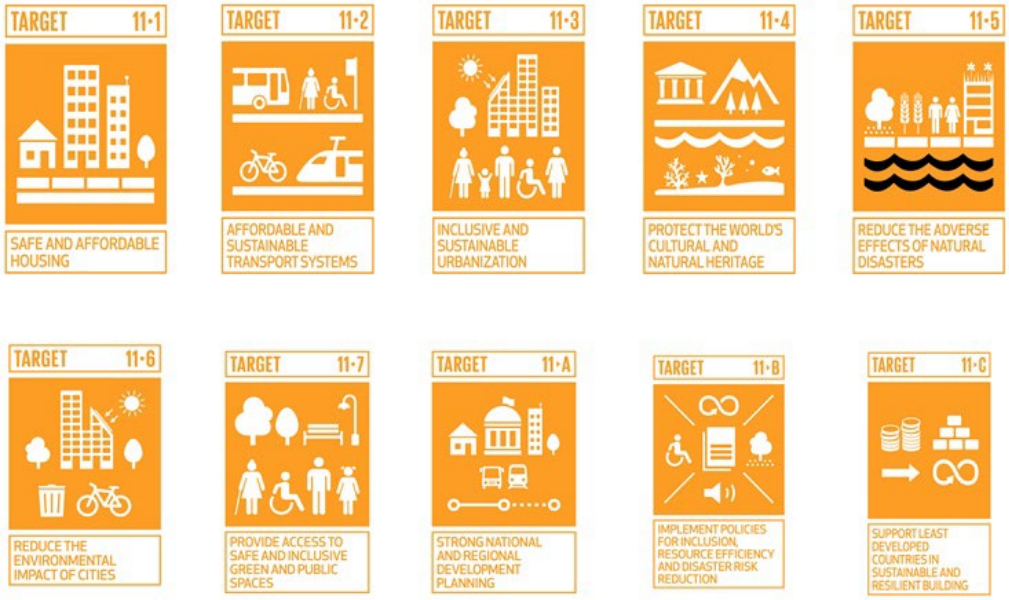


Figure 11.1. Key targets for SDG 11

8

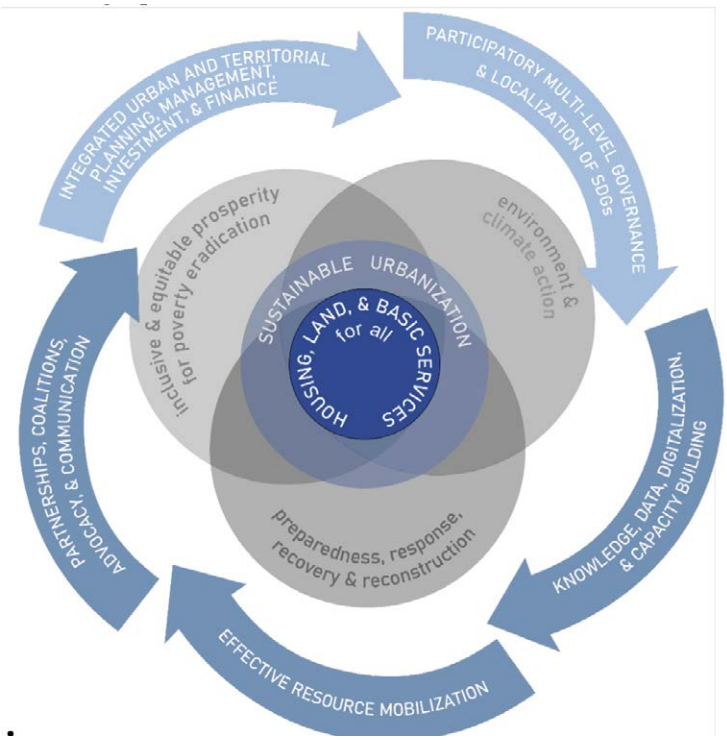
The New Urban Agenda

The New Urban Agenda is UN-Habitat's action blueprint approved by UN Member States to achieve urban sustainable development by creating cities that are **socially inclusive, economically productive, and climate-proof**.



9

UN-Habitat Strategic Plan 2026-2029



UN-Habitat's **strategic focus** for 2026-2029 is:

- **Adequate housing**
- **Land**
- **Basic services**

With this focus, the strategic plan seeks to address global challenges mirrored by **3 impact areas:**

a) Equitable and inclusive prosperity for poverty eradication.
b) Preparedness, response, recovery and reconstruction.
c) Environment and climate action.

The new Plan aligns with Viet Nam's priorities of achieving inclusive access to services, climate resilience in fast-growing areas, and post-disaster recovery planning in urban settings.

10

People Centered Smart Cities



International Guidelines

The **International Guidelines On People-centred Smart Cities** are under development and a **Global Experts Working Group Meeting** met for the first time to discuss how smart cities can be an inclusive force for growth.

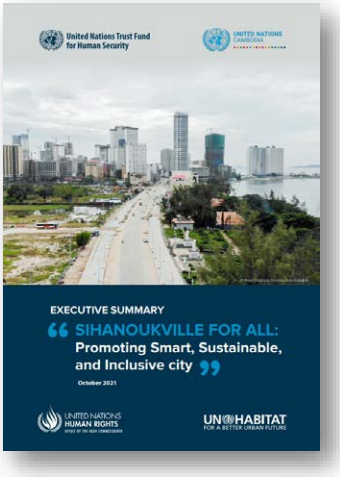
Playbook Series

A series of playbooks was launched under **UN-Habitat's People Centred-Smart Cities programme** that aims to empower local governments to take a multi-stakeholder approach to digital transformation that realises **sustainability, inclusivity, prosperity and human rights**.



National and Cities Strategies

'Sihanoukville for all: Promoting a Sustainable, Inclusive Smart City'.



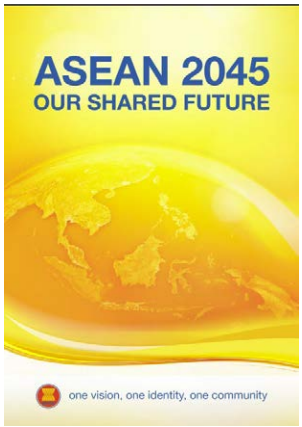
11

UN-HABITAT

Regional Frameworks

12

The ASEAN Community Vision 2045



The **ASEAN Community Vision 2045 "Resilient, Innovative, Dynamic, and People-Centred ASEAN"** identifies key challenges and opportunities faced by Member States that can be related to urbanisation:

Advancement of technology: *artificial intelligence, cybersecurity, digitalisation and its impacts on the future of work*

Acceleration of Net-Zero Transition and Green Economy: *climate change, environmental degradation, biodiversity loss, and natural disasters response; food, water and energy security*

Social shifts: *poverty, widening development gaps and scarcity of funding, increased world population, ageing societies, and migration; inclusion of vulnerable and marginalised groups.*

The vision conceives ***'A Community capable of managing future urban growth by leveraging modern technologies, and innovative infrastructure, as well as enhancing ASEAN smart and sustainable cities.'***

13

The ASEAN Sustainable Urbanisation Strategy (ASUS)



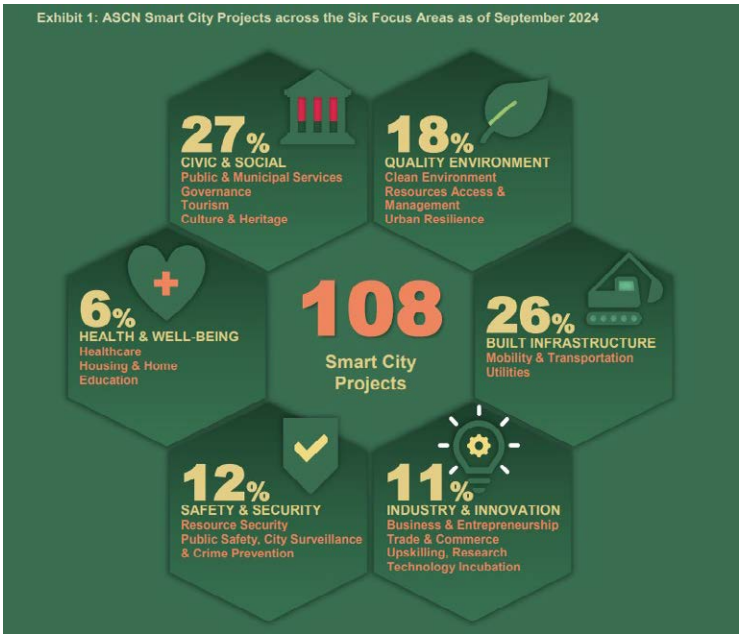
Finalised in 2018, ASUS detailed six core areas and 18 sub-areas of focus, including seven identified as priorities through **extensive consultations with cities and urban stakeholders** in the region.

Four overarching "enablers" for city-level action were also identified as part of the strategy.

14

The ASEAN Smart City Network

- The ASEAN Smart Cities Network (ASCN) was established by the ASEAN Leaders at the ASEAN Summit in April 2018.
- As of 2025, the ASCN has **34 cities**, including the capitals, from all ASEAN Member States.
- The ASCN provides AMS a valuable **platform for collaboration, peer-learning and technical assistance** on smart and sustainable urban development.
- Through the ASEAN Smart City Financing Toolkit, launched in 2024, cities can identify suitable financing options and align them with project maturity and stakeholder conditions.



15

UN-HABITAT

National Frameworks: SDG Reporting as a Governance Tool in Thailand

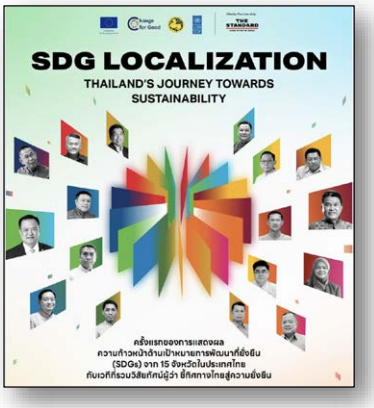
16

Thailand's Background

UN-HABITAT

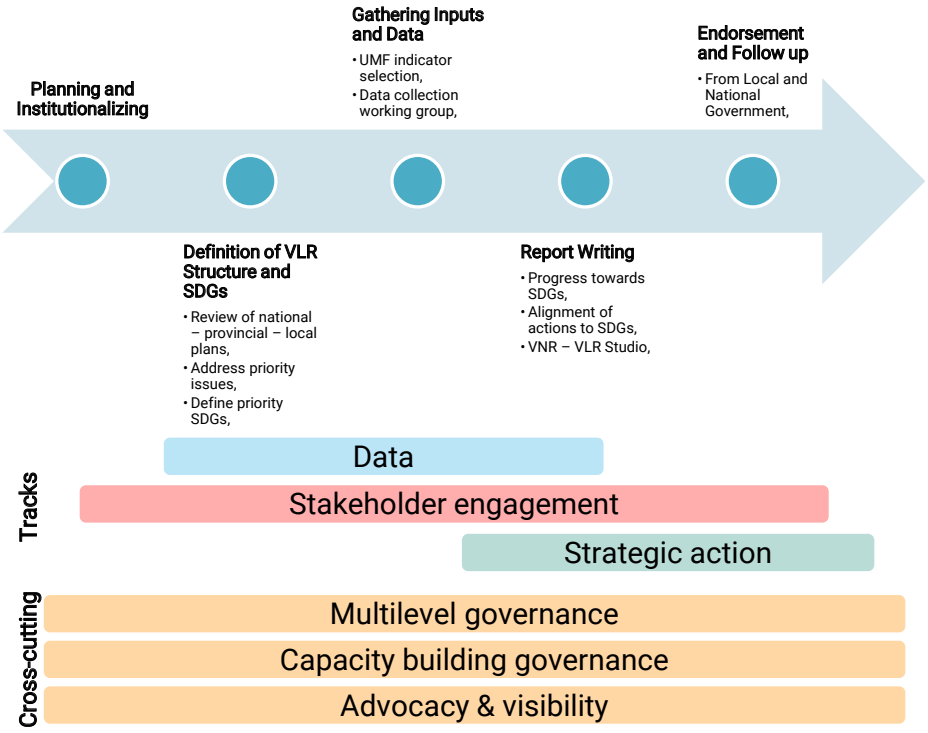
The United Nations in Thailand has been actively promoting the Sustainable Development Goals (SDGs) at the local level through various initiatives. This collaborative effort, under the policy of **Local 2030: Localizing the SDGs**, involves UN Habitat and UNDP working together to accelerate SDG implementation.

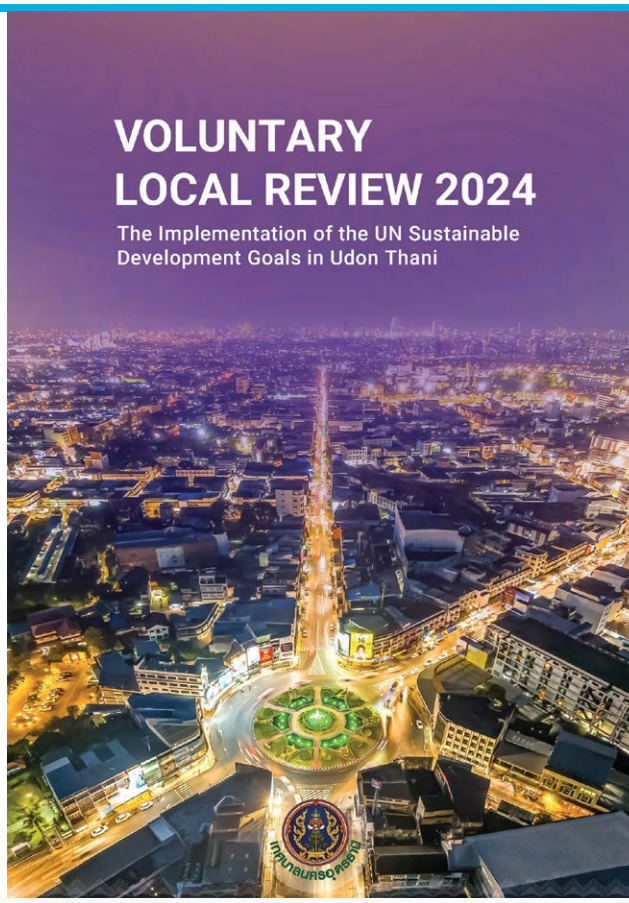
In response to significant economic and social setbacks caused by the multi-layer crises, Thailand has established mechanisms to drive local SDG initiatives, formalized by a Cabinet resolution on October 25, 2016. This includes the **Thailand SDG Roadmap**, which serves as a crucial guideline for sustainable development efforts in the country.



17

VLR in Udon Thani





18

Multi-level SDG reporting

UN-HABITAT

Voluntary National Review (VNR)

National level

Ministry of Foreign Affairs, National Economic and Social Development Council





Voluntary Sub-national Review (VSR)

Provincial level



SDG Profile will support the process of VSR.

Voluntary Local Review (VLR)

Local level

Local Administration Organizations





Udon Thani City Municipality (UN-Habitat)

Nakhon Si Thammarat City Municipality (ESCAP)

19

The role of UN-Habitat in Multi-level SDG reporting

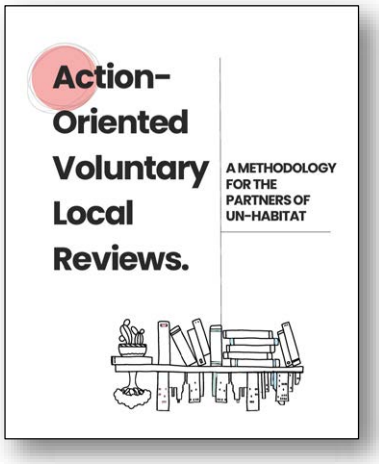
UN-HABITAT

Provide strategic advice concerning project implementation, opportunities and risks and ensure alignment with relevant government policies and initiative.

Leveraging partnerships and mobilizing resources for the implementation of projects.

Provide ad hoc guidance to cities during the project implementation.

Provide feedback on significant project revisions and workplans.



UN-Habitat SDG Localization

https://sdglocalization.org/

20

UN-HABITAT

How Can Viet Nam Leverage Global and Regional Frameworks?

21

Leveraging Global and Regional Frameworks

UN-HABITAT

1. Adopt a national SDG 11 / New Urban Agenda monitoring platform that provinces and cities feed into, using VLRs-style reporting.

2. Capitalise on ASEAN platforms (ASUS / ASCN) for peer learning and targeted technical assistance in Vietnamese cities, especially on people-centred smart services and climate resilience.

3. Show to development partners that infrastructure and resilience investments will be prioritized and monitored through a shared framework, which is aligned with SDGs, the Paris Agreement, and ASEAN Community Vision 2045.

22

UN-HABITAT

Thank you!

TỪ CẢI TẠO ĐẾN TÁI THIẾT: HƯỚNG TIẾP CẬN ĐÔ THỊ BAO TRÙM VÀ BỀN VỮNG PHÙ HỢP VỚI MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN HAI CẤP

PGS.TS.GVCC.KTS. Nguyễn Vũ Phương

Phó Giám đốc, Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng (Bộ Xây dựng)

MỞ ĐẦU

Quá trình đô thị hóa nhanh cùng những hệ lụy môi trường và tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu đặt ra yêu cầu chuyển đổi tư duy *từ **urban renewal sang urban regeneration*** - hướng tới phát triển bao trùm, bền vững và quản trị tích hợp (integrated governance). Urban Renewal (cải tạo đô thị) chủ yếu tập trung phục hồi khu vực cũ, nâng cấp hạ tầng và cải thiện cảnh quan; trong khi Urban Regeneration (tái thiết đô thị) đòi hỏi "tái thiết" toàn diện về không gian, kinh tế, xã hội và môi trường, dựa trên sự tham gia cộng đồng và quản trị số (digital governance).

Tại Việt Nam, cải cách hành chính theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp - với việc xóa bỏ cấp trung gian (thị trấn, thị xã, quận, thành phố trực thuộc tỉnh), đã làm thay đổi đáng kể cơ chế và vai trò quản trị đô thị. Trong bối cảnh đó, việc hình thành **khung quản trị tái thiết đô thị URG** (Urban Regeneration Governance) trở nên cấp thiết, nhằm điều phối quy hoạch, huy động nguồn lực và liên kết đa tác nhân trong **vùng chức năng đô thị FUA** (Functional Urban Areas).

Bài tham luận tập trung phân tích tiến trình đô thị hóa, xu hướng và khung quản trị tái thiết đô thị phù hợp với bối cảnh ở Việt Nam, hướng tới phát triển bao trùm, bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu (SDG 11).

- **Từ khóa:** Cải tạo **đô thị**; T**ái thiết đô thị**; Khung quản trị tái thiết đô thị URG; Bao trùm & Bền vững; Vùng chức năng đô thị (FUA), Chính quyền hai cấp.

I. THỰC TRẠNG VÀ BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THI Ở VIỆT NAM

1.1. Đô thị hóa và phát triển đô thị

Sau thời kỳ Đổi mới năm 1986, Việt Nam có hơn 300 đô thị, với tỷ lệ đô thị hóa khoảng 19%, tương đương gần 11,8 triệu người sinh sống tại khu vực đô thị. Trải qua gần bốn thập kỷ, hệ thống đô thị đã mở rộng nhanh chóng cả về quy mô và chất lượng. Đến tháng 12 năm 2024, cả nước có 926 đô thị, tỷ lệ đô thị hóa đạt 44,3%.

Quá trình phát triển đô thị đã đạt nhiều kết quả tích cực, tập trung vào mở rộng không gian đô thị, xây dựng các khu đô thị mới, nâng cấp hạ tầng, chỉnh trang không gian công cộng và cải thiện chất lượng sống. Nhiều địa phương đã kết hợp giữa cải tạo, tái định cư và bảo tồn di sản, vừa hình thành diện mạo đô thị mới, vừa duy trì bản sắc văn hóa địa phương.

Đặc biệt, các chương trình như **"Đô thị tăng trưởng xanh", "Đô thị thông minh", "Đô thị di sản"**, và việc lồng ghép thích ứng BĐKH trong các đồ án quy hoạch chung đã bước đầu đặt nền tảng cho chuyển đổi hướng tới đô thị bao trùm và bền vững (SDG 11, Target 11.3 - Inclusive and Sustainable Urbanization)

1.2. Công tác quản lý phát triển đô thị

Hiện nay, công tác quản lý đô thị vẫn thiếu tính liên kết và đồng bộ, khi quy hoạch, đất đai, hạ tầng và môi trường chưa được điều phối hiệu quả theo chức năng đô thị. Nguồn lực tài chính cho cải tạo, nâng cấp đô thị vẫn phụ thuộc chủ yếu vào ngân sách nhà nước, trong khi hợp tác công - tư (PPP) và xã hội hóa đầu tư chưa phát huy hiệu quả. Sự tham gia của cộng đồng còn hạn chế, dẫn đến xung đột lợi ích hoặc làm phai nhạt bản sắc đô thị trong một số dự án.

Bên cạnh đó, thời tiết cực đoan và biến đổi khí hậu, cùng các vấn đề đặc thù như tắc nghẽn giao thông, ngập úng, sụt lún, đảo nhiệt và ô nhiễm môi trường vẫn chưa được tích hợp đầy đủ trong quy hoạch và quản lý đô thị, làm gia tăng rủi ro và giảm khả năng thích ứng của các đô thị hiện nay.

1.3. Bối cảnh cải cách hành chính

Từ ngày 1/7/2025, Việt Nam chính thức chuyển sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Theo đó, từ 926 đô thị hiện có, cả nước chỉ còn 06 thành phố trực thuộc Trung ương, trong khi khoảng 920 đô thị còn lại được tổ chức ở cấp phường/xã.

Tại cấp cơ sở, năng lực chuyên môn và khả năng quản lý liên ngành còn hạn chế, đồng thời thiếu công cụ số phục vụ điều phối và giám sát. Việc xóa bỏ cấp trung gian (thị trấn, thị xã, quận, thành phố trực thuộc tỉnh) tiềm ẩn nguy cơ phân tán, giảm tính liên kết vùng, nếu không có cơ chế điều phối thống nhất và hệ thống dữ liệu tích hợp.

Thực tế này đặt ra thách thức lớn về thể chế, quy hoạch và huy động nguồn lực, đòi hỏi Việt Nam phải tái thiết đô thị theo hướng liên phường/xã**,** hình thành vùng chức năng đô thị (FUA) phù hợp với mô hình chính quyền hai cấp và định hướng phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

(xem thêm bài báo của tác giả TCXD số tháng 8, 9 /2025)

II. TỪ CẢI TẠO ĐẾN TÁI THIẾT: YÊU CẦU ĐỔI MỚI TƯ DUY

2.1. Chuyển đổi tư duy phát triển đô thị

Về học thuật, urban regeneration (tái thiết đô thị) có phạm vi rộng hơn urban renewal (cải tạo/chỉnh trang), bao quát tái cấu trúc không gian - thể chế - cộng đồng - môi trường. Bài tham luận sử dụng thuật ngữ "tái thiết đô thị" tương đương urban regeneration để phản ánh tinh thần đổi mới - phục hồi - kiến tạo phù hợp bối cảnh Việt Nam, đồng thời nhấn mạnh tiếp cận quản trị tích hợp - phát triển bao trùm - bền vững theo mục tiêu Phát triển bền vững số 11 (SDG 11 - Sustainable cities and Communities) của Liên Hợp Quốc.

Chuyển từ urban "cải tạo đô thị" sang "tái thiết đô thị" thể hiện sự thay đổi căn bản trong tư duy phát triển đô thị: từ cách làm thiên về kỹ thuật, nâng cấp từng phần và xử lý cục bộ, sang tái thiết hệ thống - không gian, hạ tầng, xã hội, môi trường và văn hóa - theo lộ trình dài hạn, dựa trên dữ liệu, có sự tham gia của cộng đồng và bảo đảm công bằng đô thị.

Bảng 1. Thuật ngữ quốc tế và cách hiểu gợi ý trong bối cảnh Việt Nam

THUẬT NGỮ TIẾNG ANH	NGHĨA TIẾNG VIỆT	NỘI HÀM & BỐI CẢNH ÁP DỤNG
Urban Renewal	Cải tạo, chỉnh trang đô thị	Thuật ngữ kinh điển, chỉ quá trình phục hồi khu vực cũ hoặc xuống cấp.
Urban Regeneration	Tái thiết / Tái sinh đô thị	Nhấn mạnh khía cạnh phục hồi kinh tế, xã hội, môi trường toàn diện (Anh, EU).
Urban Redevelopment	Tái phát triển đô thị	Tập trung vào đầu tư xây mới, thay thế công trình cũ.
Urban Rehabilitation	Phục hồi đô thị	Tập trung vào cải tạo hạ tầng, môi trường, kiến trúc mà không phá dỡ toàn bộ.
Urban Transformation	Chuyển đổi đô thị	Biểu hiện xu hướng tái cấu trúc không gian và chức năng đô thị.
Urban Revitalization	Hồi sinh đô thị	Thường dùng cho khu trung tâm, khu di sản, khu phố cũ.
Urban Renaissance	Phục hưng đô thị	Gắn với chính sách tái sinh và đổi mới văn hóa - xã hội (Nhật, Anh).
Urban Conservation	Bảo tồn đô thị	Kết hợp bảo tồn di sản với phát triển mới.

Hệ thống hóa các thuật ngữ quốc tế về cải tạo và tái thiết đô thị (Bảng 1), giúp làm rõ sự khác biệt giữa các khái niệm như *urban renewal, regeneration…* Mỗi thuật ngữ phản ánh một giai đoạn hoặc cấp độ khác nhau trong tiến trình phát triển đô thị - từ nâng cấp hạ tầng đến tái thiết toàn diện, góp phần hỗ trợ việc lựa chọn thuật ngữ, công cụ và giải pháp phù hợp trong bối cảnh Việt Nam

2.2. Tái thiết đô thị trong mô hình chính quyền hai cấp

Tái thiết đô thị, nhất là ở các đô thị lớn ở Việt Nam, đòi hỏi quá trình *"tái cấu trúc không gian đô thị"*: phát triển nén, đa chức năng, gắn với giao thông công cộng, hạ tầng xanh và không gian mở. Trọng tâm tái thiết đô thị cũng cần được mở rộng từ cải thiện hạ tầng vật chất sang các chiều cạnh kinh tế, xã hội và văn hóa, nhằm tăng tính bao trùm, khả năng thích ứng và giữ gìn bản sắc địa phương. Yêu cầu này gắn trực tiếp với bối cảnh cải cách hành chính theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Trong mô hình hai cấp, vai trò quản trị tái thiết đô thị cần được phân định rõ:

1. Cấp tỉnh/thành phố: giữ vai trò chiến lược và điều phối; chịu trách nhiệm định hướng quy hoạch, ban hành chính sách, ưu tiên đầu tư công và huy động nguồn lực xã hội hóa.

2. Cấp xã/phường: là cấp thực thi và giám sát cộng đồng; trực tiếp quản lý không gian đô thị, vận hành dự án và thúc đẩy sự tham gia của người dân trong quá trình tái thiết.

Để nâng cao hiệu quả quản trị, cần xây dựng mô hình quản lý đô thị phù hợp với cấu trúc hành chính hai cấp, linh hoạt và dựa trên nền tảng số. Việc ứng dụng các công nghệ như BIM, GIS, CIM, Digital Twin và hệ thống Dashboard KPI trong quy hoạch và điều hành sẽ tạo cơ sở cho quản trị đô thị thông minh và minh bạch, cho phép giám sát tiến độ, hiệu quả đầu tư và chất lượng phát triển không gian đô thị.

2.3. Khung quản trị tái thiết đô thị (URG) và 3 trụ cột cốt lõi

Tái thiết đô thị bền vững chỉ có thể thành công khi được xây dựng trên ba trụ cột liên kết: thể chế, tài chính và công nghệ, các nền tảng cốt lõi của quản trị đô thị hiện đại.

1. Thể chế linh hoạt: Tăng cường phân cấp, phối hợp liên ngành và cơ chế giám sát đa bên; tạo điều kiện để địa phương chủ động, sáng tạo và huy động sự tham gia của cộng đồng trong quá trình tái thiết đô thị.

2. Tài chính đa nguồn: Hình thành các quỹ tái thiết đô thị, phát triển nguồn vốn xanh, mở rộng cơ chế hợp tác công - tư (PPP) và huy động nguồn lực xã hội hóa, qua đó giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

3. Công nghệ số: Xây dựng hạ tầng dữ liệu đô thị tích hợp và ứng dụng các nền tảng như BIM, GIS, CIM, Digital Twin và hệ thống Dashboard KPI, nhằm minh bạch hóa thông tin, giám sát tiến độ và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Quản lý phát triển đô thị ở Việt Nam cần chuyển từ tư duy cải tạo thuần túy sang tái thiết đô thị theo hướng bao trùm và thông minh, gắn với cơ chế quản trị theo vùng chức năng đô thị (FUA) và các thiết chế điều phối tái thiết đô thị theo mô hình đối tác công - tư (PPP)

Trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp, **Quản trị tái thiết đô thị (Urban Regeneration Governance - URG)** là khung tiếp cận phù hợp. URG giúp liên kết và điều phối thể chế, nguồn lực và cộng đồng trong quản lý phát triển vùng đô thị; đồng thời kết nối cấp chiến lược (tỉnh/thành phố) với cấp thực thi (phường/xã), hình thành hệ thống quản trị liên ngành, minh bạch và thích ứng và có khả năng chống chịu trước biến động tương lai.

III. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

3.1. Seoul - Hàn Quốc: Tái thiết toàn diện với sự tham gia của cộng đồng

Seoul là một trong những đô thị tiên phong chuyển từ "mở rộng" sang "tái thiết toàn diện", chú trọng yếu tố xã hội, môi trường và bản sắc địa phương. Chính quyền thành phố giữ vai trò **điều phối và hỗ trợ**, trong khi cấp cơ sở - phường và khu dân cư trở thành hạt nhân thực thi, huy động sự tham gia của cộng đồng, tổ chức xã hội và doanh nghiệp nhỏ.



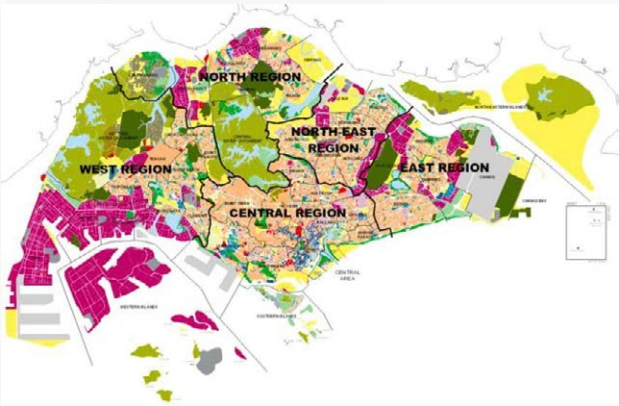
Hình 1 (a,b): Trước và sau khi thực hiện dự án hồi sinh suối cổ Cheonggyecheon

Thông qua c**ơ quan tái thiết đô thị**, Seoul đã triển khai hơn 130 dự án cải tạo - tái thiết, tiêu biểu như dự án hồi sinh dòng suối lịch sử Cheonggyecheon Restoration, cải thiện môi trường và không gian công cộng. Nhiều khu vực như Jangwi-dong hay Sangdo 4-dong đã tích hợp giải pháp thích ứng khí hậu và hạ

tầng xanh vào quy hoạch. Mô hình này thể hiện rõ **nguyên tắc tái thiết đô thị - lấy con người làm trung tâm**, cho thấy URG có thể vận hành hiệu quả trong hệ thống chính quyền phân cấp, thông qua sự phối hợp giữa chính quyền đô thị, địa phương và cộng đồng.

3.2. Singapore: Quản trị tích hợp và phát triển gắn với bảo tồn

Singapore là điển hình trong việc kết hợp tái thiết đô thị gắn với bảo tồn di sản thông qua mô hình quản trị tập trung, minh bạch và đa cấp. **Cơ quan tái thiết và phát triển đô thị URA** (Urban Redevelopment Authority) đóng vai trò trung tâm trong điều phối quy hoạch, kiểm soát phát triển và liên kết giữa chính quyền và khu vực tư nhân.



Hình 2: Quy hoạch tổng thể - URA 2014



Hình 3: Dự án Golden Mile Complex

URA đã triển khai nhiều chương trình "Urban Regeneration" như Jurong Lake District, phát triển trung tâm phụ trợ nhằm giảm tải cho khu lõi; dự án Golden Mile Complex thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa tái thiết và bảo tồn kiến trúc biểu tượng; trong khi dự án cải tạo hệ thống sông của Singapore là minh chứng cho mô hình quản lý phát triển đô thị gắn với môi trường, văn hóa và kinh tế du lịch.

3.3. Tokyo: Tái thiết trung tâm đô thị và Điều phối đa cấp

Tokyo là đô thị tiên phong trong chương trình Urban Renaissance tập trung tái thiết khu trung tâm theo hướng bền vững và có quản trị đa cấp. Chính phủ Nhật Bản chỉ định các vùng tái thiết khẩn cấp như Shibuya Station Redevelopment Area (từ năm 2005) để tập trung nguồn lực, chính sách và đầu tư cho các khu vực trọng điểm.



Hình 4: Tái cấu trúc trung tâm đô thị Tokyo



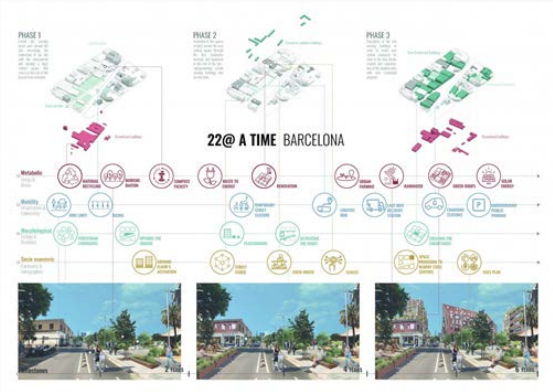
Hình 5: Tái thiết Shibuya station

Quá trình quy hoạch được **điều phối chặt chẽ** giữa chính quyền trung ương, thành phố, phường và khu vực tư nhân, thông qua cơ chế hợp tác linh hoạt. Cơ quan chỉ đạo phục hưng đô thị URH (Urban Renaissance Headquarters) thành lập năm 2001, giữ vai trò trung tâm trong hoạch định chính sách và điều phối các dự án tái thiết trên toàn vùng đô thị Tokyo**. Land readjustment - c**ông cụ **tái cơ cấu đất** cho phép điều chỉnh ranh giới và tái phân chia đất đai để phát triển hạ tầng mà không cần giải phóng mặt bằng lớn, giúp giảm chi phí, duy trì quyền sở hữu của người dân và phát triển hạ tầng đồng bộ.

3.4. Barcelona: Tái thiết đô thị gắn Đổi mới sáng tạo và kinh tế tri thức

Dự án 22@ Barcelona là **hì**nh mẫu điển hình về tái thiết **đô** thị gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi

khu công nghiệp cũ **Poblenou thành "khu đô thị sáng tạo"** (innovation district) kết hợp nhà ở, nghiên cứu, công nghệ và văn hóa. Chính quyền thành phố giữ vai trò định hướng và điều phối, liên kết doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cộng đồng trong một mạng lưới đối tác mở theo nguyên tắc **"mixed-use + multi-stakeholder governance" -** quản trị nhiều **bên trong mô hình đô thị đa chức năng**





Hình 6 (a,b): Dự án 22@ Barcelona với mô hình "**đa chức năng + quản trị đa bên**"

Quá trình tái thiết, không chỉ cải thiện hạ tầng mà còn tái cấu trúc kinh tế đô thị, bảo tồn di sản công nghiệp và tích hợp yếu tố văn hóa, sáng tạo để hình thành bản sắc mới cho thành phố. Dự án minh chứng rằng tái thiết đô thị **có thể đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế tri thức, nâng cao chất lượng sống và khả năng cạnh tranh toàn cầu.**

3.5. Vương quốc Anh: Mô hình hợp tác công - tư (PPP) và Quản trị đa cấp

Vương quốc Anh là một trong những quốc gia tiên phong trong tiếp cận Urban Regeneration dựa trên quan hệ đối tác công - **tư** PPP. Chính phủ Anh đã thành lập các **Urban Regeneration Companies (URCs)**, đây là tổ chức hợp tác giữa chính quyền địa phương, khu vực tư nhân và cộng đồng, chịu trách nhiệm lập kế hoạch và triển khai các dự án tái thiết ở những khu vực suy thoái như Sheffield, Bristol, Manchester.

URCs giữ vai trò then chốt trong việc huy động nguồn vốn tư nhân, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước, đồng thời nâng cao tính chuyên nghiệp và linh hoạt trong quản lý dự án so với mô hình hành chính truyền thống. Song song với những thành công ban đầu, một số dự án vẫn đối mặt với **nguy cơ "gentrification"** - tức là tái cấu trúc dân cư khiến nhóm thu nhập thấp bị đẩy ra ngoài khu vực tái thiết, dẫn đến xung đột lợi ích và mất cân bằng xã hội trong cộng đồng.

3.6. Hồng Kông: Cơ quan tái thiết đô thị - URA

Urban Renewal Authority - URA của Hồng Kông là một cơ quan công quyền chuyên trách về tái thiết đô thị, được thành lập nhằm xử lý tình trạng khu dân cư cũ xuống cấp, hạ tầng lạc hậu và không gian sống chật hẹp. **URA** có quyền thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và hợp tác với khu vực tư nhân để triển khai các dự án tái phát triển đô thị, thường tập trung ở những khu vực trung tâm cũ.

Tuy nhiên, cách tiếp cận của URA cũng gặp nhiều tranh cãi, nhất là việc phá bỏ nhiều công trình di sản, di dời cư dân gốc và làm suy yếu mạng lưới cộng đồng địa phương. Dù vậy, đây vẫn là một ví dụ điển hình về **mô hình quản trị tập trung** trong thực thi tái thiết **đô thị**, thể hiện khả năng **điều phối mạnh mẽ, minh bạch và hiệu quả trong huy động nguồn lực**.



Hình 7: Tái thiết đô thị của Anh



Hình 8: URA của Hồng Kông

Các kinh nghiệm Quốc tế này đều cho thấy URG chỉ thành công khi chính quyền *giữ vai trò điều phối, nhưng cộng đồng* **là động lực chính của các dự án** *tái thiết*

IV. BÀI HỌC VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHO VIỆT NAM

4.1. Những bài học từ kinh nghiệm quốc tế

Kinh nghiệm quốc tế từ **Seoul, Singapore, Tokyo, Barcelona, Vương quốc Anh và Hong Kong** cho thấy sáu mô hình tiêu biểu của **quản trị đa cấp (multi-level governance)** và **sự tham gia của cộng đồng (community participation)** trong các chương trình tái thiết - cải tạo, hồi sinh và phát triển đô thị. Thành công của quá trình tái thiết đô thị không chỉ phụ thuộc vào quy hoạch hay đầu tư hạ tầng, mà quan trọng hơn nằm ở **cơ chế quản trị linh hoạt**, **sự phối hợp hiệu quả giữa các cấp - các ngành**, và **vai trò chủ động của cộng đồng địa phương** trong từng giai đoạn của mỗi dự án.

Đối với Việt Nam, việc xây dựng mô hình **Quản trị tái thiết đô thị (Urban Regeneration Governance - URG)** là cần thiết, kết hợp:

- **Tư duy đổi mới của châu Âu** của Barcelona, Vương quốc Anh;
- **Tính cộng đồng và nhân văn của Hàn Quốc - Nhật Bản**;
- **Tính kỷ luật và hiệu quả quản lý của Singapore và Hong Kong**.

Việt Nam có nhiều điểm tương đồng về thể chế với **Hàn Quốc và Nhật Bản**, đặc biệt trong mô hình hành chính tập trung và phân cấp hai tầng. Đây là cơ sở thuận lợi để vận dụng linh hoạt các bài học quốc tế, hình thành mô hình **URG "Made in Vietnam"** - phù hợp với bối cảnh thể chế và định hướng phát triển đô thị bền vững của quốc gia.

Bảng 2: Các bài học và hướng áp dụng cho Việt Nam

STT	NỘI DUNG CHÍNH	Ý NGHĨA VÀ HƯỚNG ÁP DỤNG CHO VIỆT NAM
1	**Phân cấp rõ ràng** và linh hoạt	Cấp tỉnh giữ vai trò chiến lược, điều phối và giám sát. Cấp phường/xã là đơn vị thực thi, gắn kết cộng đồng.
2	**Thiết lập mô hình** hợp tác bốn bên	Kết nối Nhà nước - Doanh nghiệp - Cộng đồng - Khoa học. Cần có đầu mối địa phương làm cầu nối và thúc đẩy dự án.
3	Tích hợp tái thiết - bảo tồn - sáng tạo	Nâng cấp hạ tầng song song bảo tồn di sản và bản sắc. Thể chế phải linh hoạt, tránh chia cắt theo ngành.
4	**Ứng dụng công cụ và** cơ chế mới	Sử dụng tái cơ cấu đất, PPP, quỹ tái thiết, chỉ số đô thị bền vững (ISO 37120/22/23). Hoàn thiện khung pháp lý khuyến khích đổi mới sáng tạo.
5	**Thí điểm** cấp liên xã / phường trong vùng FUA	Thử nghiệm triển khai mô hình URG tại các đô thị lớn phù hợp thể chế hai cấp, trước khi nhân rộng toàn quốc.
6	**Kiểm soát** rủi ro và công bằng xã hội	Tránh gentrification, hỗ trợ tái định cư, đảm bảo quyền lợi cư dân gốc và cân bằng phát triển - công bằng xã hội.
7	**Áp dụng và điều chỉnh từ thực tiễ**n	Rút kinh nghiệm từ các khu thí điểm. Điều chỉnh chính sách theo kết quả thực tế và đặc thù từ mỗi địa phương.

4.2. Áp dụng mô hình quản trị tái thiết đô thị - URG

Để mô hình và khung **quản trị tái thiết** đô thị **- "URG - Made in Vietnam"** phát huy hiệu quả, Việt Nam cần đồng thời đổi mới thể chế, tăng cường năng lực địa phương và thúc đẩy hợp tác đa chiều - đa tác nhân.

Trước hết, cần **xây dựng khung thể chế và ban hành hướng dẫn chính thức về quản trị tái thiết đô thị URG** phù hợp với bối cảnh chính quyền hai cấp, đảm bảo sự thống nhất trong quy hoạch, quản lý và đầu tư. Song song đó, cần **nâng cao năng lực quản trị và tài chính cho địa phương**, hình thành **quỹ tái thiết đô thị** nhằm bảo đảm nguồn lực ổn định cho các dự án tái thiết dài hạn. Việc **phát huy vai trò của cộng đồng và khu vực tư nhân** phải gắn liền với **chuyển đổi số và công bằng xã hội**, để các bên cùng tham gia vào quá trình lập kế hoạch, thực hiện và giám sát.

Cuối cùng, **thí điểm quản trị tái thiết đô thị (URG) ở cấp liên phường cho các khu vực chức năng đô thị**, tiến tới **tái cấu trúc theo vùng chức năng đô thị (FUA) cấp tỉnh và quốc gia**, góp phần định hình mô hình quản trị đô thị bao trùm, linh hoạt và thích ứng trong giai đoạn mới.

Bảng 3: Phân tích SWOT khi áp dụng mô hình URG ở Việt Nam

ĐIỂM MẠNH (Strengths)	**ĐIỂM YẾU (Weaknesses)**
Chính phủ định hướng mạnh mẽ phát triển đô thị xanh, thông minh, bền vững, tạo nền tảng chính sách rõ ràng. **Kinh nghiệm** từ các chương trình đô thị xanh - thông minh - bền vững là cơ sở quan trọng cho tái thiết và nâng cao chất lượng sống. **Chính quyền hai cấp** giúp thuận lợi thí điểm mô hình URG, gắn kết chiến lược và cộng đồng. **Các đô thị lớn** đã có mô hình tái thiết khả thi, có thể điều chỉnh và nhân rộng toàn quốc. **Hợp tác quốc tế** trong phát triển đô thị bền vững ngày càng hiệu quả và thực chất.	**Rủi ro mất cân bằng xã hội** tại các khu tái thiết, giữa cư dân gốc và người mới. **Khung pháp lý,** thể chế về cải tạo / phát triển đô thị còn thiếu đồng bộ, thiếu hướng dẫn cụ thể. **Phối hợp liên ngành,** liên cấp còn hạn chế, gây phân tán nguồn lực. **Nguồn lực** và năng lực cấp cơ sở còn yếu, khó đáp ứng yêu cầu quản lý. **Cộng đồng tham gia** còn hình thức, thiếu cơ chế phản hồi thực chất. **Dữ liệu đô thị** chưa được tích hợp, thống nhất phục vụ quản lý hiệu quả.
CƠ HỘI (Opportunities)	**THÁCH THỨC (Threats)**
Chính quyền hai cấp tạo cơ hội tái định hình quản trị đô thị, tăng tính liên thông và phân quyền. **Thí điểm** tái cấu trúc liên phường giúp kiểm nghiệm mô hình tái thiết gắn với cộng đồng. **Chuyển đổi số** và kinh tế tuần hoàn mở ra động lực mới cho phát triển xanh, bền vững. **Hợp tác quốc tế** với Seoul, Singapore, Tokyo tạo điều kiện trao đổi kinh nghiệm, công nghệ. **Hỗ trợ** từ UN-Habitat, GIZ, UNDP…tăng cường nguồn lực và tư vấn chính sách cho tái thiết đô thị.	**Khung pháp lý** và cơ chế huy động vốn chưa hoàn thiện, thiếu công cụ tài chính linh hoạt. **Thiếu cơ chế giám sát**, đánh giá hiệu quả để nhân rộng mô hình tái thiết. **Năng lực thể chế** cấp cơ sở còn yếu, thiếu nhân lực và công cụ quản lý hiện đại. **Phát triển thiếu liên kết vùng**, quy hoạch và đầu tư chưa đồng bộ. **Biến đổi khí hậu,** ngập úng, ô nhiễm môi trường gây áp lực lớn lên quá trình tái thiết.

4.3. Định hướng chiến lược

Tái thiết **đô thị** cần được xác định là một trụ cột chiến lược trong tiến trình phát triển bền vững quốc gia, định hướng này cần gắn kết chặt chẽ với ***Nghị quyết 06-NQ/TW (01/2022)*** *về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;* ***Nghị quyết 57-NQ/TW (12/2024)*** xác **định** *khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số* **là đột phá chiến lược**; và ***Nghị quyết số 66-NQ/TW (4/2025)*** nhấn mạnh **đổi mới công tác xây dựng và thực thi pháp luật** *trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập Quốc tế*; và mục tiêu ***SDG11 -*** Đô thị và cộng đồng bền vững của Liên Hợp Quốc**.**

Tái thiết đô thị không chỉ là cải tạo không gian vật lý mà còn là tái định hình hệ thống đô thị theo hướng hiệu quả tài nguyên, công bằng xã hội, thích ứng khí hậu và quản trị hiện đại. Quá trình quy hoạch, tái thiết và đầu tư phát triển đô thị cần được thiết kế theo ba trục phát triển chiến lược:

1) **Chuyển đổi xanh & Kinh tế tuần hoàn:** Thúc đẩy năng lượng tái tạo, vật liệu tái chế, giảm phát thải carbon **và phát triển** hạ tầng xanh, bền vững.

2) **Chuyển đổi số & Quản trị thông minh:** Xây dựng hạ tầng dữ liệu thống nhất, ứng dụng BIM, GIS, CIM và Digital Twin trong quy hoạch và quản lý đô thị.

3) **Thích ứng biến đổi khí hậu:** Bảo vệ hạ tầng trọng yếu, kiểm soát ngập lụt, sụt lún **và các** rủi ro khí hậu, đảm bảo an toàn cho hệ thống đô thị.

X**ây dựng Bộ tiêu chí tái thiết đô thị bao trùm và bền vững** dựa trên bộ chỉ số quốc tế ISO 37120 (phát triển đô thị bền vững), ISO 37122 (đô thị thông minh) và ISO 37123 (đô thị thích ứng), làm cơ sở giám sát và đánh giá quá trình chuyển đổi của các địa phương. Bộ tiêu chí này sẽ giúp chuẩn hóa cách tiếp cận, đảm bảo tính đo lường, minh bạch và khả năng tích hợp vào hệ thống đánh giá năng lực đô thị quốc gia.

4.4. Giải pháp chính sách

Để hiện thực hóa định hướng trên, cần triển khai đồng bộ một số giải pháp:

- Ban hành hướng dẫn quốc gia: Xây dựng hướng dẫn về tái thiết **đô thị trong bối cảnh chính quyền hai cấp, làm cơ sở cho địa phương triển khai thống nhất.**
- Thiết lập quỹ tái thiết: Thành lập quỹ đô thị và hạ tầng xanh, khuyến khích PPP và xã hội hóa để huy động nguồn lực bền vững.
- Nâng cao năng lực cơ sở: Tăng cường quản lý dữ liệu, quy hoạch số và tham vấn cộng đồng, nâng cao hiệu quả thực thi chính sách tại địa phương.
- Thí điểm mô hình: Triển khai tại các địa phương có đặc thù riêng để thử nghiệm, rút kinh nghiệm và nhân rộng toàn quốc.
- Phát triển mạng lưới "5 Nhà": Tăng cường phối hợp giữa Trung ương (BXD) - Chính quyền - Viện nghiên cứu - Doanh nghiệp - Cộng đồng, tạo hệ sinh thái hợp tác bền vững.

4.5. Vai trò Học viện ACST

Học viện Chiến lược, bồi dưỡng cán bộ xây dựng (ACST) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng, giữ vai trò trung tâm trong hệ sinh thái nghiên cứu, đào tạo về quản lý xây dựng và phát triển đô thị:

- **Đào tạo và bồi dưỡng:** Phát triển đội ngũ cán bộ quy hoạch, quản lý đô thị hai cấp, đáp ứng yêu cầu quản trị số và phát triển bền vững.
- **Xây dựng chương trình:** Triển khai nội dung *"Tái thiết* **đô thị bao trùm, thông minh và bền vững"**, lồng ghép mô hình URG trong chương trình **đào tạo.**
- **Tư vấn chính sách:** Hỗ trợ thí điểm, tổng kết mô hình, góp phần hình thành nền tảng khoa học và cơ sở dữ liệu phục vụ quản trị đô thị hiện đại.

ACST không chỉ là hạt nhân tri thức, đào tạo nguồn nhân lực mà còn là cầu nối giữa chính sách - thực tiễn - công nghệ trong tiến trình phát triển đô thị Việt Nam.

KẾT LUẬN

Tiến trình từ cải tạo đến tái thiết đô thị phản ánh bước chuyển căn bản trong tư duy phát triển đô thị của Việt Nam. Trong bối cảnh chính quyền địa phương hai cấp, tái thiết đô thị không chỉ là yêu cầu của cải cách thể chế, mà còn là cơ hội chiến lược để kiến tạo mô hình đô thị xanh - thông minh - bao trùm - thích ứng khí hậu, với cộng đồng là trung tâm, thể chế là trụ cột và quản trị hiện đại là nền tảng.

Việt Nam có đủ điều kiện để hình thành mô hình và xây dựng khung **quản trị tái thiết đô thị "URG - Made in Vietnam"** mang tính linh hoạt, hiệu quả và giàu bản sắc địa phương, gắn với vùng chức năng đô thị (FUA) và các ủy ban tái thiết đô thị theo hình thức đối tác công - tư (PPP). Đây sẽ là nền tảng quan trọng để định hình tương lai đô thị Việt Nam bền vững, chống chịu và nhân văn.

***"Tái thiết* đô thị không chỉ là tái định hình không gian sống, mà còn là tái tạo năng lượng phát triển - hướng tới một Việt Nam xanh, sáng tạo và bền vững"** NVP - ACST 11/2025

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Xây dựng (2022). *Báo cáo tổng kết phát triển đô thị bền vững.*
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021). *Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh.*

3. Bộ Thông tin và Truyền thông (2022). *Bộ chỉ số chuyển đổi số quốc gia (DTI).*

4. Nguyễn Vũ Phương, TCXD (8/2025), *Tích hợp quy hoạch đô thị bền vững gắn với cải cách chính quyền 2 cấp ở Việt Nam.*

5. Nguyễn Vũ Phương, TCXD (9/2025), Đổi mới phân loại đô thị - nông thôn ở việt nam: Tiếp cận chức năng - không gian và kinh nghiệm quốc tế.

6. Nguyễn Vũ Phương, TCXD 10/2025, Đô thị thông minh và nông thôn thông minh trong bối cảnh chính quyền hai cấp: Tiếp cận tích hợp và chuyển đổi số lãnh thổ.

7. Frank FRIESECKE, Germany (2007), *The role of partnerships in Urban Regeneration - Similarities and differences between germany and united kingdom*

8. Andrew Tallon (2015), *Urban Regeneration in the UK*

9. CEPA (2018), *Towards Re-Imagining Infrastructure and Urban Development*

10. Vegara, A., & De Las Rivas, J. L. (2020). *Supercities-Territorial Intelligence.*

11. UN-Habitat (2021). *Urban regeneration as a tool for inclusive and sustainable recovery.*

12. Fangyun X, Guiwen L and Taozhi Z, MDPI (2021), *A Comprehensive Review of Urban Regeneration Governance for Developing Appropriate Governance Arrangements.*

13. UN-Habitat (2022). *Smart Cities and Public Participation.*

14. UN-Habitat (2023). *Our City Plan - In Action.*

15. Liangzi Wu and Jiawei Leng, MDPI (2025), *An Overview of Sustainable Urban Regeneration Development:A Synergistic Perspective of CIM and BIM.*

16. IUTC - Korea (2024). *KPIs for Smart Sustainable Cities and Communities.*

MỘT SỐ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ CÔNG TÁC CẢI TẠO, CHỈNH TRANG ĐÔ THỊ. BÀI HỌC ÁP DỤNG CHO CÁC ĐÔ THỊ Ở VIỆT NAM.

GS.TS.KTS Đỗ Hậu

Hội Quy hoạch Phát triển Đô thị Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Cải tạo, chỉnh trang đô thị có tầm quan trọng to lớn trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, cải thiện bộ mặt đô thị và thúc đẩy đô thị phát triển kinh tế - xã hội . Ngoài ra, công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị giúp cho bảo tồn các di sản văn hóa, tạo lập môi trường sống tốt hơn trong đô thị. Song song với đầu tư phát triển các khu vực đô thị mới, việc cải tạo đô thị, đặc biệt là cải tạo những khu dân cư cũ, ô phố đã và đang là nhu cầu cấp bách của người dân đô thị.

Trong quá trình đô thị hóa, nhiều khu dân cư, ô phố không được quy hoạch đồng bộ ngay từ ban đầu. Những khu dân cư này thường có mật độ dân số rất cao, nhà ở hầu hết là nhà xây dựng tự phát, lộn xộn cùng với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội không được bố trí đầy đủ và quá tải, ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống của người dân.

Thực tiễn cho thấy công tác cải tạo,chỉnh trang dô thị còn gặp nhiều thách thức, tồn tại và hạn chế trong khi dân số cơ học ngày càng tăng trong các đô thị, gây sức ép lên hệ thống hạ tầng kỹ thuật cũng như hạ tầng xã hội vốn đã thiếu tại các ô phố, khu dân cư.

Để giải quyết vấn đề này, trong thời gian qua, chính quyền tại một số đô thị đã đưa ra một số giải pháp như: đẩy mạnh công tác thiết kế đô thị hoặc thiết kế cải tạo, chỉnh trang các tuyến phố, khu ở cũ... Tuy nhiên, các dự án này chủ yếu tập trung vào việc cải tạo các khu chung cư cũ, cải tạo tuyến đường, tuyến phố... còn việc cải tạo đô thị đồng bộ theo các ô phố còn ít được quan tâm. Đặc biệt là các ô phố trong khu vực nội thành có quá trình phát triển từ làng xóm đô thị hóa trong giai đoạn trước đây là khu vực có nhu cầu cải tạo cấp thiết nhất nhưng tiến độ triển khai vẫn còn chậm.

Các đô thị có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của đất nước. Tại nhiều đô thị trên thế giới, chính quyền đô thị đã quan tâm đến công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị và đã đạt được nhiều kết quả tốt góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, cải thiện bộ mặt đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Cải tạo, chỉnh trang đô thị trở thành một xu hướng tất yếu nhằm cải thiện môi trường sống và nâng cao chất lượng sống đô thị, hướng đến phát triển bền vững, Mỗi một quốc gia có một cách tiếp cận khác nhau trong quá trình cải tạo, chỉnh trang đô thị. Một số mô hình tốt mà một số quốc gia trên thế giới áp dụng trong quá trình cải tạo, chỉnh trang đô thị.có thể sẽ là bài học giúp cho công tác cải tạo, chỉnh trang trong các đô thị ở Việt nam tham khảo.

2. Một số kinh nghiệm quốc tế

2.1. Maylayssia

Giống như nhiều quốc gia khác trên thế giới, Malaysia đang trải qua quá trình đô thị hóa nhanh chóng, nơi hiện có hơn 76% dân số sống trong thành phố và hơn 90% hoạt động kinh tế quốc gia trong các thành phố. Các thành phố liên tục mọc lên và mở rộng do sự gia tăng phát triển công nghiệp đã dẫn đến tạo ra các áp lực lên xã hội và môi trường. Do đó, thách thức chính đặt ra đối với các chính quyền thành phố là giảm thiểu sự mất cân đối giữa các hoạt động kinh tế - xã hội với các nhu cầu vật chất và kinh tế. Khái niệm cải tạo, chỉnh trang đô thị là khái niệm quan trọng để tái cấu trúc đô thị, đặc biệt là ở Kuala Lumpur, với sự tham gia của nhà nước và tư nhân vào các dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị. Thông thường công tác này thường tiêu tốn rất nhiều nguồn lực vì vậy việc tái cấu trúc đô thị thường tập trung vào gia tăng giá trị đất và tài sản đô thị như là một yếu tố kích thích tái tạo đô thị.

Theo Quy hoạch thành phố Kuala Lumpur, các khu vực bị xuống cấp, có chất lượng kém sẽ được tái tạo và hồi sinh để đáp ứng nhu cầu hiện tại của người dân. Các khu dân cư, không gian công cộng, công viên, cơ sở hạ tầng đô thị được tích hợp một cách có hệ thống thông qua sự hợp tác giữa các cơ quan đóng vai trò quan trọng trong thành phố. Cải tạo, chỉnh trang đô thị ngày càng nhận được sự quan tâm giữa các nhà hoạch định chính sách, các nhà phát triển bất động sản, các nhà bảo vệ môi trường và cộng đồng dân cư..

Tại các thành phố lớn ở Malaysia như Kuala Lumpur, Penang và Johor Bahru dường như đang gặp nhiều vấn đề về đô thị, đặc biệt là về tắc nghẽn giao thông, cơ sở hạ tầng, vấn đề nghèo đói trong đô thị và các vấn đề quy hoạch. Mục tiêu được đặt ra hướng tới xóa bỏ các khu ổ chuột và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, tái xây dựng thương hiệu thành phố như một nơi đáng sống với cơ sở hạ tầng và tiện nghi vật chất mới..

Ngoài ra, các thành phố của Malaysia hiện đang phải đối mặt với các vấn đề môi trường như: ô nhiễm các con sông trong thành phố, ô nhiễm không khí từ các hoạt động thương mại, giao thông vận tải, hoạt động xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng , khí thải từ các ngành công nghiệp và nhà máy, hoạt động khai thác mỏ…Vì vậy, mục tiêu của cải tạo, chỉnh trang đô thị của thành phố cần nâng cao chất lượng sống và các tiêu chuẩn an sinh xã hội. Vấn đề an sinh xã hội, phát triển cộng đồng ở Malaysia là chính sách cơ bản kể từ khi độc lập. An sinh là ưu tiên trong tầm nhìn của Malaysia năm 2020



Hình 1. Một trong các dự án cải tạo đô thị của Malaysia (nguồn: Firdaus Latif)

Ở Malaysia, một số nội dung được chú trọng trong cải tạo, chỉnh trang đô thị là việc cung cấp nước, cải tạo, chỉnh trang các công trình, cải tạo nâng cấp đường xá, cải tạo,nâng cấp công nghệ thông tin, năng lượng và hệ thống thoát nước. Cải tạo, chỉnh trang đô thị ở Maylaysia nhằm giảm sự mở rộng đô thị và khuyến khích tái tạo và chuyển đổi chức năng đô thị. Các chiến lược cải tạo, chỉnh trang không gian đô thị ban đầu đã được đưa ra để hạn chế sử dụng đất mới. Cải tạo, chỉnh trang đô thị cũng liên quan đến việc lập kế hoạch thúc đẩy các mô hình sử dụng đất; Khuyến khích tích hợp và kết hợp các chức năng; phát triển giao thông công cộng; quy hoạch các khu phố dành cho người đi bộ, tăng cường các không gian công cộng..

Malaysia là quốc gia có nhiều di sản. Vì vậy sáng kiến trong cải tạo, chỉnh trang đô thị được cho là sẽ làm sống động các khu di sản thông qua việc khôi phục bản sắc của các di sản, các thành phố lịch sử. Việc cải tạo, chỉnh trang đô thị không chỉ nhằm mục đích kích thích tái tạo kinh tế mà còn cân bằng với bản sắc xã hội.

2.2. Hàn Quốc

Ở Hàn Quốc, công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị bao gồm các dự án tái phát triển nhà ở, các dự án cải tạo, chỉnh trang nhà ở, các dự án nâng cấp môi trường đô thị và các dự án điều chỉnh lại các thành phố mới. Khu vực được chọn để cải tạo đô thị là quận đầu tiên của Seoul, quận Jung-gu, khu mua

sắm Dongseo, Daejeon, quận phía đông của Hàn Quốc và phần phía đông của Ga tàu điện ngầm. Các khu thí điểm này được nhắm mục tiêu để cải thiện môi trường dân cư, mở rộng và nâng cấp các cơ sở hạ tầng và phục hồi các chức năng đô thị. Hàn Quốc còn ban hành Đạo luật chỉnh trang Đô thị từ năm 2013. Đạo luật này đã thúc đẩy các hoạt động kinh tế, xã hội và văn hóa bằng cách nâng cao năng lực tổng thể của khu vực và sử dụng các nguồn lực địa phương Các dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị là mục tiêu quốc gia quan trọng trong kế hoạch 5 năm của Moon Jae-in. Có thể kể ra một số dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị ở Hàn Quốc như: Dự án tái tạo xung quanh khu vực Cảng để thúc đẩy nền kinh tế của quận trung tâm; Dự án Mở rộng cơ sở hạ tầng và các dự án như văn hóa, nghệ thuật và du lịch để thúc đẩy thị trường thương mại tạo thu nhập; dự án dỡ bỏ các con đường bê tông và khôi phục đường dẫn nước bên dưới trở thành dự án đổi mới đô thị mang tính bước ngoặt đầu tiên của quốc gia;



Hình 2. Dự án cải tạo dòng suối Cheonggyecheon tại Seoul (nguồn: internet)

Dự án cải tạo dòng suối Cheonggyecheon đã bị lấp trước đây để xây dựng đường cao tốc khôi phục thành không gian công cộng kết hợp sinh thái đã tạo ra không gian xanh giữa trung tâm thành phố, cải tạo vi khí hậu và môi trường đô thị, trở thành điểm thăm quan, thu hút khách du lịch.Thành phố sách Gyeonggi Paju, cách Seoul 30 km, đã trở thành một điểm thu hút khách du lịch; Làng Văn hóa Gamcheon, một tổ hợp các tòa nhà hình lego trên đỉnh đồi ở Busan. Trong quá khứ, Làng Gamcheon là một khu phố đổ nát, là trung tâm của những người tị nạn trong chiến tranh Triều Tiên. Ngày nay, ngôi làng được trang trí bằng những bức tranh tường và tác phẩm điêu khắc. Các tòa nhà trống cũ được chuyển thành không gian triển lãm.



Hình 3. Dự án làng Văn Hóa Gamcheon - Ngôi Làng Bích Họa Hàn Quốc (nguồn: internet)

2.3. Trung Quốc

Thành phố Thượng Hải, một trong những trung tâm kinh tế của Trung Quốc, đã trải qua quá trình mở rộng đô thị và tái phát triển khu vực trung tâm thành phố kể từ những năm 1990.

Bắt đầu từ những năm 1990, Chính quyền thành phố Thượng Hải đã công bố một loạt chính sách nhằm tái phát triển các khu phố đổ nát, bao gồm cả những khu nhà ở có chất lượng kém. Vào thời điểm đó, diện tích sàn nhà ở trung bình trên đầu người ở Thượng Hải là dưới 4 mét vuông/người. Năm 1992, Chính quyền thành phố Thượng Hải khởi xướng Chương trình 365, nhằm tái phát triển 365 ha các khu nhà ở dột nát. Chính quyền quận ở thành phố Thượng Hải được yêu cầu đề xuất các địa điểm cần cải tạo. Để tăng tốc độ thực hiện và để có nguồn lực thực hiện, việc cho thuê đất đầu tiên để làm nhà ở đối với người nước ngoài đã được đặt ra như một dự án thí điểm nhằm thu hút đầu tư nước ngoài vào các dự án tái tạo đô thị. Để thu hút đầu tư, các công trình kiến trúc được mọc lên theo dồ án Quy hoạch chung Thượng Hải (1999-2020), kêu gọi sự phát triển của một thành phố đẳng cấp thế giới. Để đạt được điều này, chất lượng cuộc sống được cải thiện để thu hút nhân tài quốc tế. Do đó, tại khu vực này đã được lên kế hoạch để tổ chức các không gian thương mại, bán lẻ, phục vụ ăn uống và giải trí với các đặc điểm lịch sử đặc biệt.

Để có được một đô thị chất lượng sống tốt, tỷ lệ diện tích sàn (FAR), tỷ lệ không gian xanh, giới hạn chiều cao và các thông số kỹ thuật cho từng khối nhà đã được tính toán cụ thể để vừa đảm bảo yêu cầu bảo tồn, cải tạo và tái phát triển thành các địa điểm giải trí và thương mại. Lợi tức đầu tư từ nhà ở được hỗ trợ xây dựng Công viên và Hồ Taipingqiao, làm tăng không gian xanh, không gian công cộng ở trung tâm thành phố Thượng Hải.



Hình 4. Dự án công viên Taipingqiao, Thượng Hải (nguồn: internet)

Từ các dự án trên, Chính quyền Thượng Hải cũng đúc rút ra bài học kinh nghiệm, để cải tạo, chỉnh trang đô thị thành công nên quan tâm những điều sau:

- Xây dựng đồ án quy hoạch chung hoặc khung thiết kế đô thị nhằm đạt được sự đồng thuận với các quan chức địa phương, cũng như các bên liên quan ngay từ đầu;

- Khuyến khích chỉnh trang và tái phát triển một khu vực đặc biệt trong một khu vực rộng lớn hơn nói chung có thể hữu ích trong việc cân bằng giữa chi phí và lợi ích dài hạn.

- Di sản văn hóa nên được coi là một tài sản và một dạng vốn có thể nâng cao bản sắc của một địa điểm, tạo ra và thậm chí nâng cao giá trị tài sản.

- Sự nhất quán trong các ý tưởng và ưu tiên của chính quyền địa phương đối với dự án là rất quan trọng, đặc biệt là trong các nỗ lực tái phát triển dài hạn.

2.4. Singapore

Công tác cải tạo, chỉnh trang ở Singapore triển khai theo nguyên tắc đảm bảo sự đồng thuận và tài khóa bền vững, trong đó nổi bật về hiệu quả pháp lý và quản lý đất đai nghiêm ngặt nhằm thúc đẩy tái phát triển và chống đầu cơ. Đối với các dự án tái phát triển nhà ở tư nhân (En Bloc Sales), Luật Singapore cho phép bán tài sản nếu đạt được tỷ lệ đồng thuận cao (thường là 80% hoặc 90% tùy theo thời gian sở hữu tài sản). Điều này cho phép sự phát triển tiến lên mà vẫn bảo vệ lợi ích của số đông, đồng thời yêu cầu cơ chế đền bù công bằng cho các hộ không đồng thuận. Chương trình Tái phát triển có chọn lọc (Selective En Bloc Redevelopment Scheme - SERS) của chính phủ Singapore khởi xướng cho các khu nhà ở là một ví dụ về việc tái định cư đi kèm với các quyền lợi ưu đãi mua nhà mới. Singapore dã kết hợp chỉnh trang đô thị với công nghệ và quy hoạch nhà ở bền vững; tập trung vào việc tái thiết nhà ở xã hội chất lượng cao, tích hợp công nghệ trong quản lý đô thị,bố trí mật độ cây xanh và không gian công cộng hợp lý…



Hình 5. Dự án tái thiết nhà ở tại Yishun ở phía bắc Singapore (nguồn: internet)

III. Một số mô hình và giải pháp cải tạo chỉnh trang đô thị

3.1. Cải tạo quy mô nhỏ (đơn vị ở) theo mô hình đồng thuận

Khi nhu cầu cải tạo các khu vực nhỏ (quy mô đơn vị ở) trong đô thị tăng nhanh, chính quyền đô thị sẽ không còn đủ nguồn lực để cải tạo toàn diện các khu ở cho tất cả các đối tượng nữa. Sự khác biệt về nhu cầu, tính phức tạp và sự đa dạng của bối cảnh phát triển mỗi khu vực dẫn đến việc sử dụng mô hình áp đặt theo khuôn mẫu có thể không đem lại kết quả như mong muốn nhưng lại tốn kém nguồn lực của chính quyền. Mô hình tiếp cận phù hợp cho khu vực này là sử dụng cách tiếp cận từ dưới lên hay quy hoạch có sự đồng thuận. Tuy nhiên, cách tiếp cận này cũng có nhiều mô hình khác nhau, ví dụ:

- Thủ đô London nước Anh.

Áp dụng giải pháp dự án cải tạo không di dời trong quy mô tiến hành khá độc lập trở thành bài học điển hình ở Coin Street (London) giai đoạn 1984-1994.

Dự án này được đề xuất bởi doanh nghiệp xã hội (social enterprises), với mô hình quỹ phát triển cộng đồng (Coin Street Community Builders CSCB). CSCB thiết lập quan hệ đối tác (partnership) với chính quyền (Quận SouthWark ở London) nhằm tiến hành các hoạt động quy hoạch cải tạo cho cộng đồng theo mô hình đồng thuận. Doanh nghiệp đại diện cho cộng đồng đề xuất cải tạo 13 mẫu Anh ở khu vực trung tâm London với nhiều hạng mục tiện ích xã hội, nhà ở và trung tâm thương mại (xem hình 3).



Hình 6: Dự án Coin Street ở London - sau khi đã cải tạo xong (Nguồn: internet)

Các đối tác tham gia bao gồm ngân hàng, doanh nghiệp, đại diện các `hàng xóm', chính quyền địa phương, cơ quan hướng dẫn quy hoạch vùng và trung ương (xem hình 4). Sau nhiều lần thương thảo đã thông qua phương án với chính quyền địa phương, đạt được thỏa thuận về phương án kinh tế và địa điểm tái định cư của cộng đồng, thu xếp tài chính với các nhà tài trợ (ngân hàng cho vay, thế chấp bằng quyền sử dụng đất trong dự án - mua lại từ các thành viên). Dự án kéo dài trong 10 năm và xây dựng được hầu hết các hạng mục đã đề xuất. Bộ phân tái thiết văn phòng chính phủ hỗ trợ về thể chế

Mô hình Coin street là mô hình hoàn toàn đồng thuận và không có sức ép từ doanh nghiệp bên ngoài, không có doanh nghiệp bên ngoài tham gia thu lợi nhuận, hầu như không di dời tái định cư và mọi đối tác đồng thuận trong cải tạo. Chính quyền đạt được các mục tiêu cải tạo và xây dựng tiện nghi đô thị theo quy hoạch không cần cấp kinh phí, nhưng có cho phép chuyển đổi một phần công năng: xây dựng trung tâm thương mại lấy tiền chi trả cho các hạng mục tiện ích xã hội.

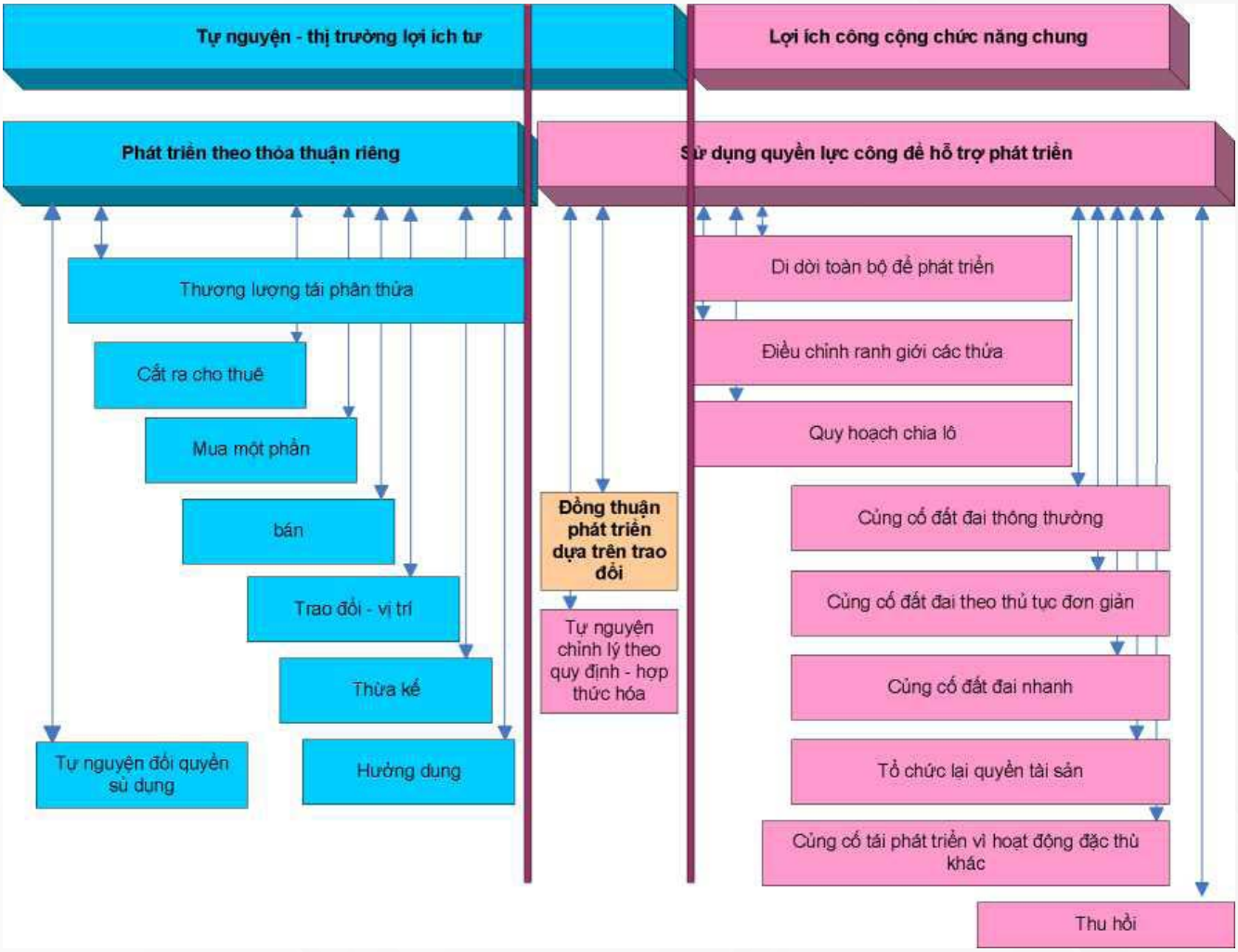
3.2. Cải tạo theo mô hình Quy hoạch đồng thuận tái phân thửa

Quá trình mở rộng nhanh chóng của đô thị ra các vùng ngoại vi dẫn đến việc `nuốt' gọn các làng hoặc khu ở cũ vào trong đô thị. Việc cải tạo những khu vực này không thể tiến hành nhanh chóng như việc `chia lô' các khu đất nông nghiệp ngoài đô thị. Chỉ những khu vực thật cần thiết thì chính quyền mới thu hồi để cải tạo nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết như mở đường, còn các khu vực bên trong liên quan đến các làng đô thị hóa thì chưa cần ưu tiên cải tạo ngay nhưng cũng cần làm để nâng cao giá trị sử dụng đất cũng như chất lượng cuộc sống.của người dân Sự lựa chọn thường là công cụ tái phân thửa hay hợp thửa tự nguyện rồi tái phân thửa và xây dựng cải tạo đồng bộ kết cấu hạ tầng (land pooling/land readjustment). Quy hoạch tái phân thửa là một công cụ phổ biến sử dụng ở nhiều quốc gia như CHLB Đức. Mô hình này áp dụng đại trà tại các vùng ven đô.

Kinh nghiệm quốc tế trong giải quyết vấn đề này là `mô hình quy hoạch cải tạo dựa trên sự thoả thuận' đã và đang được nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng thành công. Đây là mô hình cùng tham gia tạo ra sự gia tăng trong giá trị đất của khu vực sau khi tái phân thửa, một phần đất cần bán bớt đi để xây dựng hạ tầng, để đóng góp vào mở rộng đường, giá trị đất còn lại của các chủ sử dụng vẫn cao hơn phương án cũ (Schnidman Frank, 1988).

Chính quyền đô thị trong mô hình của Đức cung cấp không gian công cộng và sân chơi, còn trường học bệnh viện, cứu hỏa và hạ tầng khác chia sẻ giữa chính quyền các cấp, bao gồm cả huyện, bang và liên bang.

Việc đóng góp của chủ đất vào dự án thường tính bằng tiền chứ ít khi là đất, bao gồm khỏan chi đầu tư cho đến 90% chi phí cho sân chơi công cộng và đường sá và không quá 30% diện tích đất/giá trị tương đương với đất cho mục đích chia sẻ công cộng trong dự án.

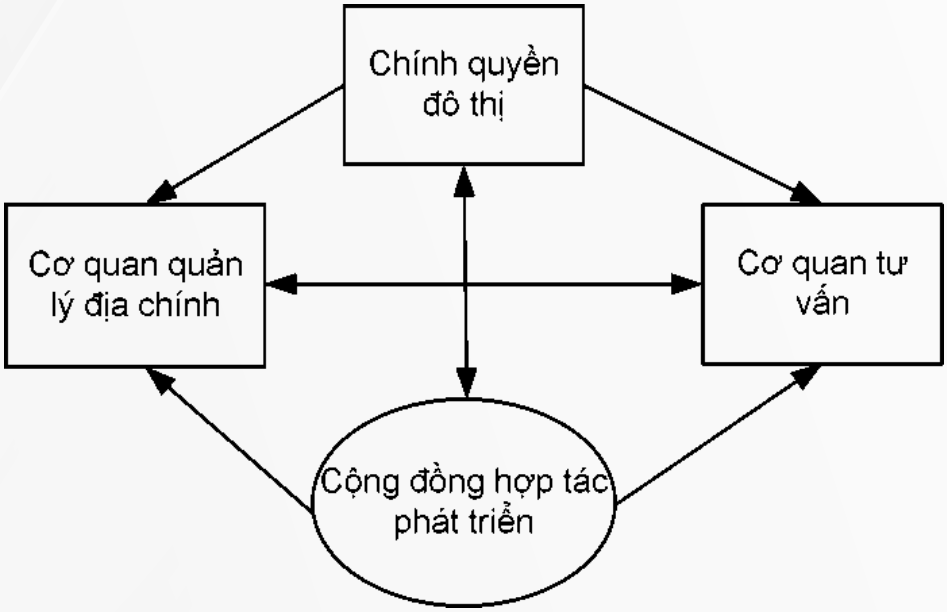


Hình 7: Phân loại hình thức phát triển đất - sơ đồ mô hình CHLB Đức

Nguồn: GS.TS. Holger Magel, 2004, Chủ tịch hội phát triển và tái phân lô đất đai, Đại học Bách khoa Munchen, 2004. (Thomas Joachim, 2004)

Thụy Điển ban hành Đạo luật hợp tác phát triển năm 1987 (Joint Development Act) tạo cơ hội cho vấn đề cải tạo đô thị và phát triển dưới sự quản lý của tư nhân/cộng đồng mà không cần phải thu hồi hoặc đền bù đất đai của các chủ đất trong quá trình cải tạo xây dựng.

Để thực hiện được công việc này, đạo luật xây dựng mô hình bốn bên là cộng đồng, chính quyền đô thị, cơ quan quản lý địa chính và cơ quan tư vấn (xem hình 6). Với cơ cấu này, các bên tham gia vào như sau:



Hình 8: Mô hình tham gia trong cải tạo phát triển đất tự nguyện ở Thụy Điển

Nguồn: TS. Nguyễn Ngọc Hiếu - Học viện hành chính

Cộng đồng quản lý quá trình quy hoạch và cải tạo. Cộng đồng thông qua một cơ cấu như pháp nhân quản lý toàn bộ hoạt động cải tạo xây dựng từ khâu đề xuất ý kiến, thảo luận nhất trí quy hoạch chi tiết, trình và thông qua quy hoạch chi tiết với chính quyền đô thị, lựa chọn tư vấn, vay vốn, giám sát việc thực thi cải tạo và chia sẻ lợi nhuận sau khi xây dựng xong.

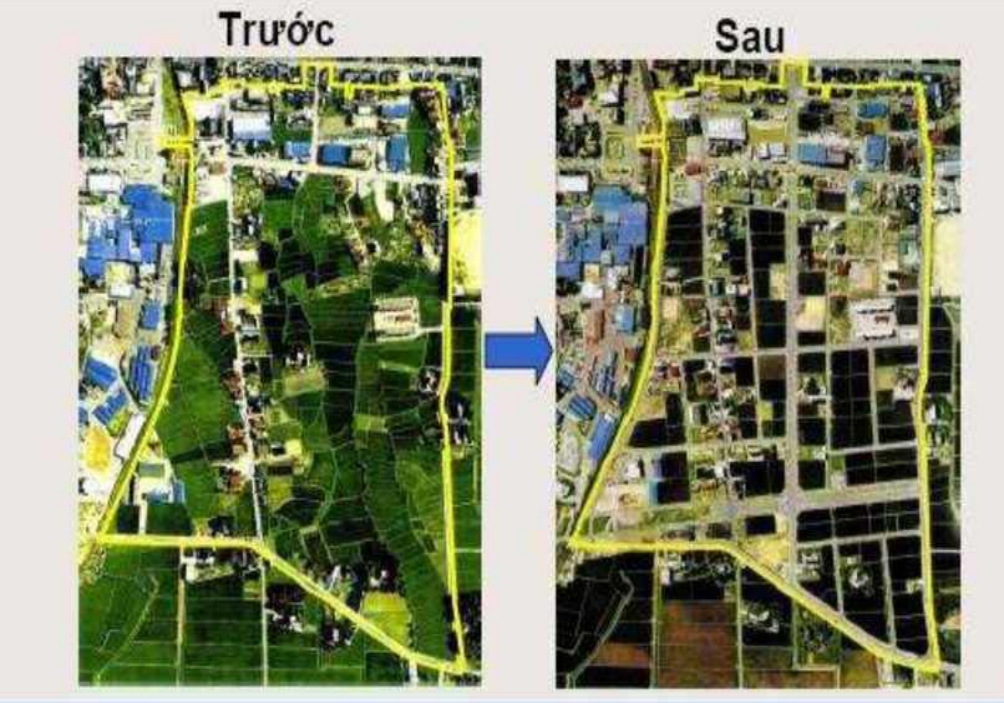
Chính quyền đô thị tổ chức và hỗ trợ. Chính quyền đô thị xây dựng quy hoạch tổng thể và các cơ sở pháp lý thực hiện việc quản lý phát triển cộng đồng. Chính quyền cũng ra quyết định cho phép hay không khu vực được thoả thuận tự phát triển và hỗ trợ về pháp lý như công nhận pháp nhân, công nhận thoả thuận và phê duyệt quy hoạch chi tiết do cộng đồng thoả thuận xây dựng. Chính quyền cũng giám sát việc tuân thủ các thoả thuận đã có cũng như việc tuân thủ các đạo luật về Quy hoạch và Xây dựng khác.

Cơ quan địa chính thực thi nhiệm vụ về quản lý địa chính. Việc quản lý địa chính hỗ trợ cho quá trình thực hiện bao gồm đo đạc, định giá đất đai, hình thành thửa đất, chứng thực, đăng ký và chuyển nhượng, tái phân lô và các dịch vụ địa chính khác nhằm thực hiện các quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ đất cũ trước khi cải tạo, trong khi cải tạo và sau khi kết thúc xây dựng.

Tại Nhật Bản, phương pháp tái phân thửa học từ phương Tây đã được sử dụng từ những năm đầu thế kỷ 20, đặc biệt sau trận động đất năm 1923. Sau thế chiến thứ hai, đây được coi là một công cụ quan trọng để phát triển đất đô thị và cách làm này dàn xếp được sự phản kháng của các chủ đất khi thu hồi đất phục vụ nhu cầu tái thiết đô thị.

Cách làm ở Nhật Bản yêu cầu có 2/3 số hộ, đại diện cho 2/3 diện tích đất của khu vực là đủ điều kiện tiến hành dự án tái phân thửa tự nguyện (Schnidman Frank, 1988a, p.4). Tùy theo loại dự án nhưng phần lớn tiện nghi chung được Chính quyền địa phương tài trợ/hỗ trợ xây dựng. Ban quản lý dự án phải tự cân đối về vấn đề đền bù giữa các hộ và tuân thủ các yêu cầu về kiểm soát phát triển và phát triển công trình hạ tầng.

Nhật Bản áp dụng mô hình của mình cho hầu hết các khu vực đô thị lớn như Tokyo và phụ cận với thành công trở thành mẫu hình của nhiều quốc gia khác. Tuy nhiên, không phải mô hình này không có vấn đề khi đặt mục tiêu chống hiệu ứng lan tỏa phát triển làm trọng tâm trong chiến lược phát triển theo vùng (Sorensen, 2000). Mô hình Nhật Bản cũng có nhược điểm là tiến hành tương đối lâu - 5-10 năm cho mỗi khu vực.



Hình 9: Minh họa kết quả tái phát triển đất tại Nhật Bản

Nguồn: báo cáo dự án Haidep 2007 (HPC & JICA, 2007)

Hàn Quốc áp dụng mô hình này từ trước đại chiến thế giới lần II, xong đã phát triển thành những công cụ riêng và được các địa phương sử dụng. Mặc dù có những tiềm lực về tài chính và tham vọng phát triển quy mô lớn kiểu Chaebol, nhưng Hàn Quốc vẫn chú trọng những công cụ phát triển dựa vào thỏa thuận. Có tới 84% các đô thị ở Hàn Quốc sử dụng công cụ này và những vùng đô thị lớn có nhiều cư dân ở như Seoul thì phân nửa diện tích cải tạo phát triển dựa trên thỏa thuận thay vì thu hồi trắng (Schnidman Frank, 1988b, p.4).

Hàn Quốc cũng có cách làm riêng với sự tham gia của chính quyền vào đa số các dự án. Những dự án do Chính quyền tham gia thì không cần sự đồng thuận của toàn bộ người dân, và ban quản lý dù tự cân đối các vấn đề phát triển nhưng có thể được ngân sách hỗ trợ. Các dự án do cộng đồng đề xuất cần sự đồng thuận của 2/3 số hộ gia đình và phải tự cân đối ngân sách. Tất cả các thỏa thuận đều có sự phê chuẩn từ Bộ Xây dựng (nay là Bộ đất đai, hạ tầng và giao thông). Tất cả các cơ sở hạ tầng chủ yếu đều phải đảm bảo xây dựng trong các dự án tái phân thửa. Các dự án ở Hàn quốc sử dụng khoảng 30% diện tích đất xây dựng các công trình công cộng và khoảng 10% diện tích bán trang trải chi phí xây dựng.

Vấn đề nhà ở cho người thu nhập thấp ở Hàn Quốc cũng được chú ý, Các dự án cho ngươi thu nhập thấp được tài trợ bởi các dự án tái phân lô rất đáng kể, thống kê sau 10 năm thực hiện ở thập kỷ 80 là 30% nhu cầu nhà ở đáp ứng cho người thu nhập thấp đến từ các dự án loại này. Tuy nhiên, dường như tỉ lệ góp đất vào các dự án loại này để xây dựng công trình công cộng là khá lớn, tỉ lệ này cũng đã được đề nghị điều chỉnh.

Đài Loan áp dụng mô hình củng cố đất nông nghiệp từ những năm 1962 và áp dụng tái phân thửa cho đất đô thị những năm 1970. Sự đồng thuận ở Đài Loan chỉ là quá bán (về cả số lượng chủ đất và diện tích), và chính quyền hỗ trợ việc `áp đặt' lên thiểu số. Thành phố lớn thứ hai ở Đài Loan là Cao Hùng đã triển khai nhiều dự án thành công nhất. Vấn đề mấu chốt trong cải tạo là định giá được sự thay đổi.

Không giống với các mô hình ở các nước phát triển khác, việc định giá không `đổ đồng' mà xác định giá trị khác biệt cụ thể cho cả hai thời điểm trước và sau khi tái phân thửa. Người được hưởng lợi nhiều được yêu cầu đóng góp nhiều đất hơn. Việc định giá phức tạp và được thực hiện bởi ủy ban thẩm định giá đô thị. Cơ quan này sẽ áp mức tỉ lệ đất đóng góp chung và giá đất quy đổi. Thông thường tỉ lệ đóng góp trong các dự án ở Đài Loan chỉ là 25% (trừ những trường hợp đặc biệt có thể lên đến 40%) nhưng thường chủ đất phải đóng thêm để đầu tư xây dựng hạ tầng tiện nghi (Schnidman Frank, 1988b, p.5).

Lợi ích cơ bản của mô hình này là: Cho phép phát triển tòan diện khu vực với sự tăng cường tính năng sử dụng đất; Phân bổ tương đối công bằng về chi phí và lợi ích giữa các bên tham gia: Giữ được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (quyền tài sản); Cho phép sự tham gia của các bên:

Ưu điểm của công cụ này là không cần sử dụng hoặc sử dụng hạn chế cưỡng chế giải tỏa khi thu hồi đất có thể áp dụng ở nhiều loại dự án, đặc biệt là cải tạo các khu vực nhỏ, có liên quan nhiều đến đất ở và đất vườn ao liền kề. Công cụ này cũng cho phép linh hoạt trong giải quyết vấn đề và đơn giản hóa khi tiếp cận bởi sự đồng thuận và đề xuất đến từ cộng đồng thì các mức độ cải tạo là đa dạng và phát huy sức sáng tạo của địa phương.

Bên cạnh thuận lợi, một số nhà nghiên cứu như John Whalen (Whalen J.P., 2006) và tổ chức UN-ESCAP (1995) cũng chỉ ra một số nhược điểm, tiêu biểu là: công cụ này chỉ áp dụng được ở khu vực đất tăng giá, còn nếu nhu cầu không tăng, giá đất không 'sốt' hay nhu cầu mới không có dồi dào thì không áp dụng được; Không còn có động lực duy trì các khu vực đất giá thấp thì người nghèo/thu nhập thấp sẽ khó còn cơ hội có chỗ ở; Việc áp dụng đòi hỏi chi phí và nỗ lực rất cao của cả doanh nghiệp, cộng đồng, và nhà nước; Những gia đình hay hộ nhỏ rất khó tham gia vào dự án vì không còn đất để hiến dễ gây mất đồng thuận; Quá trình tái phân thửa khó kiểm soát để đảm bảo yếu tố môi trường do lợi nhuận quá lớn dẫn dắt; Kinh phí do nhà nước hỗ trợ không đến cùng với các yêu cầu của cộng đồng dẫn đến chậm dự án; Nhiều khu vực đất gần trung tâm có quy mô lô nhỏ, hình dáng thửa đất xiên méo kém giá trị nhưng giá đất vẫn cao làm cho dự án khó thành công về mặt tài chính.

Tuy nhiên, mô hình này vẫn đem lại hiệu quả đặc biệt cho quá trình phát triển ở chỗ nó ít dùng nguồn lực của chính quyền và có tính hợp lý cao ở cấp độ cộng đồng, hầu như không phát sinh chi phí di dời cả cộng đồng hoặc làm mất sinh kế của người dân cùng các quan hệ xã hội của cộng đồng nhưng vẫn đảm bảo nâng cao điều kiện sống đô thị.

IV. Một số bài học rút ra trong công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị từ kinh nghiệm quốc tế

Kinh nghiệm quốc tế trong cải tạo, chỉnh trang các đô thị cũ thể hiện sự đa dạng trong giải quyết các vấn đề. Một số bài học rút ra khi triển khai cải tạo, chỉnh trang ở Việt Nam có thể chú ý những nội dung như sau;

- Cải tạo đô thị cần đặt lợi ích và nhu cầu của thành phố và người dân đô thị lên hàng đầu nhằm đảm bảo chất lượng sống, an sinh xã hội và khả năng tiếp cận các lợi ích cơ bản. Ví dụ ở thành phố Copenhagen - Đan Mạch: chuyển đổi không gian đô thị để ưu tiên người đi bộ và xe đạp thay vì xe ô tô.

- Cần có các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục, cơ chế chính sách cải tạo ô phố, khu dân cư hiện hữu. Hàn Quốc, Nhật Bản và Đài Loan đều có Luật riêng quy định về tái thiết đô thị.



Hình 10: Chuyển đổi không gian đô thị, ưu tiên cho xe đạp tại Copenhagen (nguồn: internet)

- Quá trình cải tạo đô thị cần chú ý đến vấn đề bảo vệ môi trường, bảo tồn tài nguyên và không gian xanh. Ví dụ: Singapore kết hợp giữa phát triển, cải tạo đô thị với phủ xanh thành phố, xây dựng công trình tiết kiệm năng lượng…



Hình 11: Cải tạo đô thị và phủ xanh thành phố Singapore (nguồn: internet)

- Lấy con người làm trung tâm, ưu tiên phát triển không gian công cộng, thân thiện với người đi bộ và sinh hoạt cộng đồng

- Cải tạo đô thị gắn với bảo tồn di sản đô thị. Ví dụ: Paris (Pháp) giữ lại các công trình kiến trúc có giá trị, kết hợp giải pháp hạ tầng như metro để tránh phá vỡ cảnh quan di sản.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình cải tạo đô thị.

- Tái sử dụng hạ tầng, tận dụng và cải tạo lại các khu vực, công trình bị bỏ hoang để tạo ra giá trị mới

- Phối hợp đa ngành, đa cấp, giữa chính quyền đô thị, nhà đầu tư, chuyên gia quy hoạch và người dân

- Huy động sự tham gia của cộng đồng, có sự giám sát của cộng đồng trong quá trình cải tạo đô thị. Ví dụ: Dự án tái thiết các khu nhà ổ chuột ở Medellin (Colombia) thành công nhờ lấy ý kiến của cộng đồng và cải thiện dịch vụ công.

- Tạo sự sự đồng thuận trong các ý tưởng và ưu tiên của chính quyền địa phương, cũng như các bên liên quan ngay từ đầu trong các dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị; cân bằng giữa chi phí và lợi ích dài hạn của một khu vực đặc biệt trong quá trình chỉnh trang và tái phát triển; di sản văn hóa phải được coi là một tài sản, có thể nâng cao bản sắc của một đô thị, làm gia tăng giá trị tài sản.

- Coi trọng nguồn vốn xã hội (social capital) trong việc thu xếp vốn, tự điều chỉnh cộng đồng nhằm làm hài hòa lợi ích trong phát triển. Chính quyền cần phát triển các công cụ để khai thác nguồn tài nguyên này;

- Sử dụng các công cụ kiểm soát cần mở rộng phạm vi tới cách thức sử dụng mới của không gian, không chỉ quản lý trong lĩnh vực cải tạo là xây dựng. Cần có những đổi mới trong cách tiếp cận quản lý phát triển tổng hợp.

V. Kết luận

Trong thời gian qua công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị đã được các cấp, các ngành và người dân quan tâm thực hiện, đã tập trung huy động nhiều nguồn lực để triển khai các dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị. Kết quả đạt được là đã từng bước làm thay đổi bộ mặt đô thị ngày càng khang trang, hiện đại, nâng cao chất lượng sống của người dân, góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đô thị..

Tuy nhiên, cải tạo, chỉnh trang đô thị là một nội dung rất cần thiết, cấp bách nhưng cũng là một trong những nội dung khó, cần có sự tham gia của các cấp, ngành và cộng đồng dân cư. Cải tạo, chỉnh trang đô thị là trách nhiệm chung của chính quyền, doanh nghiệp và người dân đô thị. Cải tạo đô thị không chỉ là công việc mang tính kỹ thuật, mà còn là vấn đề mang tính xã hội, văn hóa và môi trường và con người. Cải tạo và chỉnh trang đô thị là quá trình phức tạp cần có tầm nhìn dài hạn, sự linh hoạt và sự đồng thuận của cộng đồng.

Bài học rút ra từ cải tạo đô thị ở các nước trên thế giới cho thấy chìa khóa của sự thành công nằm ở quy hoạch tổng thể, sự dồng thuận và tham gia của cộng đồng và định hướng phát triển đô thị bền vững. Tại nhiều đô thị trên thế giới, chính quyền đô thị đã quan tâm đến công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị và đã đạt được nhiều kết quả tốt góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân, cải thiện bộ mặt đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Mỗi một quốc gia có một cách tiếp cận khác nhau trong quá trình cải tạo, chỉnh trang đô thị để phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của mình. Việc học hỏi và chọn lọc từ những bài học kinh nghiệm về công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị ở các đô thị nước bạn sẽ giúp cho công tác cải tạo, chỉnh trang trong các đô thị ở Việt nam tốt hơn trong thời gian tới..

Tài liệu tham khảo:

- Bộ Xây dựng, Báo cáo tổng hợp kinh nghiệm quốc tế về quản lý phát triển đô thị.(2024).
- Một số kinh nghiệm quốc tế trong cải tạo chỉnh trang khu đô thị cũ, TS. Nguyễn Ngọc Hiếu - Học viện hành chính quốc gia.
- Báo cáo đề án chỉnh trang đô thị tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2030. GS.TS Đỗ Hậu và cộng sự (năm 2023)

KINH NGHIỆM QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HÀ NỘI TRONG MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

TS. KTS. Nguyễn Hoàng Minh, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

ThS. Nguyễn Hà Kiên, Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội

Tóm tắt

Việc chuyển đổi sang mô hình chính quyền địa phương hai cấp (Tỉnh - Xã/Phường) theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 là một bước thay đổi thể chế lớn trong quản lý đô thị tại Việt Nam. Mô hình mới kỳ vọng giúp tinh gọn bộ máy, phân quyền sâu hơn cho cấp cơ sở, đồng thời bảo đảm sự thống nhất trong điều hành vùng đô thị chức năng. Hà Nội - với vai trò là đô thị trung tâm quốc gia - vừa là địa bàn có cấu trúc hành chính phức tạp, vừa là không gian phát triển liên vùng, trong đó nhiều khu vực đã và đang vượt khỏi ranh giới hành chính truyền thống (quận, huyện). Quy hoạch chi tiết Sông Tô Lịch là minh chứng tiêu biểu cho yêu cầu điều phối, quản lý phát triển không gian đô thị "liên kết địa bàn phi địa giới hành chính" tại Hà Nội.

Bài viết phân tích kinh nghiệm của Thành phố Hà Nội trong quản lý phát triển đô thị ở các dự án nằm trên nhiều địa bàn ranh giới hành chính thông qua nghiên cứu trường hợp hành lang Sông Tô Lịch - không gian đô thị điển hình, dài khoảng 14 km, rộng trung bình 150 m, trải qua 7 quận/huyện (trước đây), dự án đóng vai trò kết nối lõi trung tâm với các khu vực lân cận. Thành công trong mô hình quản lý liên kết nhiều địa giới hành chính dựa trên đồ án quy hoạch chi tiết làm công cụ cốt lõi - đã được vận hành hiệu quả, bảo đảm minh bạch, đồng thuận đáp ứng yêu cầu kiểm soát phát triển. Những kinh nghiệm từ Hà Nội, đặc biệt qua hành lang Sông Tô Lịch, có thể được nhân rộng cho các đô thị lớn khác trong quá trình chuyển đổi mô hình quản lý liên kết không gian phát triển đô thị và quản lý theo đơn vị hành chính ở Việt Nam.

Từ khóa: Liên kết địa bàn; chính quyền hai cấp; quy hoạch chi tiết; hành lang đô thị chức năng; Sông Tô Lịch.

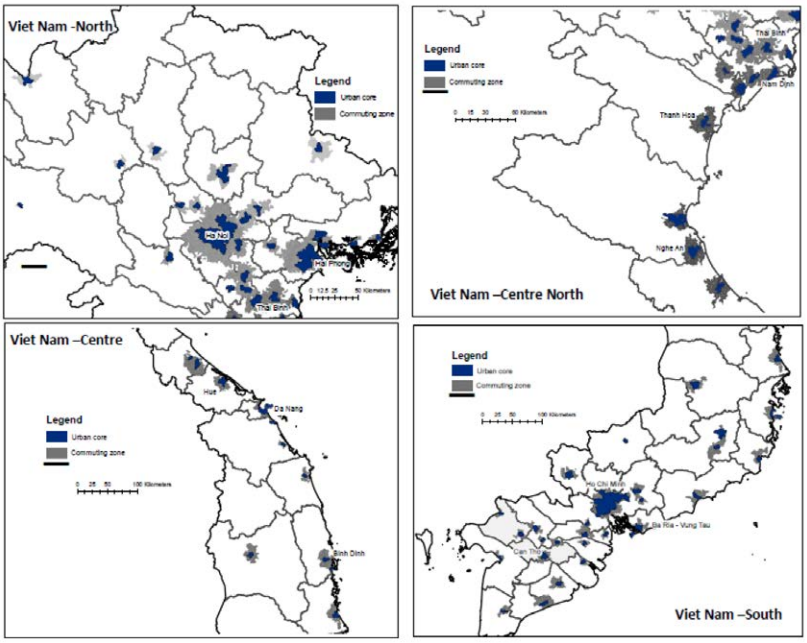
1. Mở đầu

Từ ngày 01/7/2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 có hiệu lực, xác lập mô hình đơn vị hành chính địa phương hai cấp (Tỉnh - Xã/Phường) thay cho hệ thống ba cấp (Tỉnh - Quận/Huyện/Thị xã - Xã/Phường). Đây là bước đổi mới sâu rộng, hướng tới tinh gọn bộ máy và tăng cường tính tự chủ của chính quyền cơ sở. Đối với các đô thị đặc biệt như Hà Nội, mặc dù có hệ thống quản lý theo các đồ án quy hoạch rất bài bản nhưng việc bãi bỏ cấp Quận và phân quyền cũng tạo ra một số thách thức nhất định trong quản lý phát triển liên kết không gian đô thị.

Thực tiễn cho thấy nhiều khu vực phát triển có phạm vi, quy mô vượt qua ranh giới hành chính của nhiều đơn vị hành chính, đặc biệt là các không gian tuyến hành lang sông, trục giao thông và các tuyến đô thị chức năng. Một ví dụ tiêu biểu đó là quản lý lập quy hoạch chi tiết (QHCT) hành lang Sông Tô Lịch (dài 14 km) nối Hồ Tây - Sông Nhuệ - Sông Hồng - là không gian liên kết địa bàn thuộc nhiều đơn vị hành chính (cấp xã hiện nay), đòi hỏi cần có các cơ chế điều phối liên kết địa bàn "phi địa giới hành chính" vượt qua các xã phường lân cận nhưng vẫn phải bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về quy hoạch, đất đai và pháp luật liên quan.

2. Khung pháp luật và kinh nghiệm quốc tế quản lý phát triển không gian đô thị liên kết địa bàn phi địa giới hành chính.

2.1. Quản lý phát triển đô thị theo các không gian chức năng



Trong các nghiên cứu quốc tế, liên kết không gian đô thị (Functional Urban Area - FUA) được hiểu là phạm vi phát triển của một đô thị tính theo dòng di chuyển lao động, dịch vụ và hạ tầng, chứ không giới hạn bởi ranh giới hành chính (OECD, Definition of Functional Urban Areas, 2018). Trên cơ sở đó, OECD khuyến nghị các quốc gia xây dựng cơ quan điều phối vùng đô thị (Metropolitan Governance) để xử lý các vấn đề vượt cấp hành chính, đặc biệt là: hạ tầng giao thông, quản lý tài nguyên đất, và phát triển không gian công cộng.

Theo OECD, Khu vực đô thị chức năng (FUA) thường bao gồm (hình bên):

+ Lõi trung tâm đô thị (Urban core) - khu vực có mật độ dân cư và việc làm cao;

+ Vùng kết nối (commuting zone) - khu vực có quan hệ làm việc, dịch vụ, hạ tầng trực tiếp với lõi.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy nhiều mô hình quản lý phát triển đảm bảo vấn đề liên kết địa bàn thúc đẩy sự phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường. Ví dụ, tại Hoa Kỳ, mô hình MPO (Metropolitan Planning Organization) được áp dụng từ năm 1962, là tổ chức mang tính kỹ thuật độc lập, điều phối quy hoạch và đầu tư trong vùng đô thị có dân số trên 50.000 người. Ở Pháp, mô hình EPCI (Établissement Public de Coopération Intercommunale) cho phép nhiều đơn vị hành chính cấp xã/huyện hợp phép hợp tác trong quy hoạch và chia sẻ ngân sách, thu thuế trong đầu tư phát triển hạ tầng đô thị nông thôn. Ở Trung Quốc, với tinh thần "Văn minh sinh thái" của chủ tịch Tập Cận Bình, chính quyền đã đưa ra xác lập 03 ranh giới phát triển (Sinh thái/Nông nghiệp/Đô thị), trong đó khái niệm UDB (Urban Development Boundary) được sử dụng để kiểm soát sự phát triển mở rộng đô thị, bảo đảm phát triển trong phạm vi quy hoạch tổng thể được phê duyệt mà không làm tổn hại đến đất hệ sinh thái môi trường và đất nông nghiệp.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy bài học chung về các mô hình quản lý duy trì quyền lực hành chính của địa phương, nhưng bổ sung công cụ điều phối kỹ thuật liên vùng để thống nhất quy hoạch - đầu tư - giám sát phát triển.

2.2. Cơ chế chính sách quản lý quy hoạch đô thị nông thôn ở Việt Nam và thành phố Hà Nội

(1) Cấu trúc pháp luật điều chỉnh lĩnh vực quy hoạch đô thị nông thôn

Từ 01/7/2025, hệ thống pháp luật Việt Nam về quy hoạch đô thị và nông thôn đã được hoàn thiện theo hướng thống nhất, đồng bộ và có tính tích hợp, đồng bộ giữa các hệ thống quy định pháp luật trong bối cảnh mới. Cụ thể như

Cấp độ văn bản	Tên văn bản	Nội dung chính	Hiệu lực
Luật	Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15	Hợp nhất hai lĩnh vực đô thị - nông thôn; phân định rõ lập - thẩm định - phê duyệt; quy định trình tự lấy ý kiến và công bố quy hoạch	01/7/2025
Nghị định	NĐ 145/2025/NĐ-CP	Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp (Tỉnh - Xã/Phường)	12/6/2025
	NĐ 178/2025/NĐ-CP	Quy định chi tiết thi hành Luật 47/2024, bao gồm nội dung, trình tự, và trách nhiệm cơ quan lập - thẩm định	01/7/2025
Thông tư	TT 16/2025/TT-BXD	Hướng dẫn nội dung hồ sơ nhiệm vụ và đồ án QHĐT&NT; quy định thời hạn thẩm định, công khai hồ sơ	30/6/2025
	TT 17/2025/TT-BXD	Quy định định mức chi phí lập, thẩm định và quản lý QHĐT&NT	30/6/2025

Hệ thống khung pháp lý mới đã tạo hành lang pháp lý rõ ràng minh bạch, giúp chính quyền địa phương chủ động quản lý theo ranh giới hành chính nhưng vẫn bảo đảm khả năng tích hợp và phối hợp vùng chức năng.

(2) Cơ chế phân quyền trong mô hình hai cấp tại thành phố Hà Nội

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị định 145/2025/NĐ-CP, chính quyền địa phương được tổ chức thành hai cấp: cấp tỉnh và cấp xã/phường. Các chức năng chính trong quản lý quy hoạch được phân định như sau:

Cấp chính quyền	Chức năng nhiệm vụ lập quy hoạch đô thị nông thôn
Cấp tỉnh (UBND TP Hà Nội)	Thẩm định, phê duyệt và tổ chức quản lý các đồ án liên xã/phường hoặc các khu vực liên quan đến 02 đơn vị hành chính trở lên; chỉ đạo Sở QHKT làm cơ quan thường trực kỹ thuật.
Cấp xã/phường	Tổ chức lập nhiệm vụ, lấy ý kiến cộng đồng, quản lý và cập nhật dữ liệu quy hoạch chi tiết trên địa bàn; rà soát, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh cục bộ hoặc tổng thể khi có các yêu cầu cần quản lý,phát triển.

Cơ chế này cho phép trao quyền nhiều hơn cho cấp xã nhưng vẫn bảo đảm sự điều phối thống nhất của cấp tỉnh. Điểm đặc biệt của Hà Nội, trong công tác quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch theo ranh giới hành chính nhưng không cản trở tính liên kết không gian, đồng thời thực hiện nghiêm cơ chế "tiếp thu - giải trình" và công khai hồ sơ quy hoạch trên hệ thống trực tuyến, giúp người dân và nhà đầu tư tiếp cận dễ dàng.

(3) Vai trò của quy hoạch chi tiết trong quản lý không gian phát triển liên kết địa bàn theo vùng chức năng

Quy hoạch chi tiết (QHCT) là "cấp độ quy hoạch gần dân nhất, bảo đảm nguyên tắc: tính pháp lý - tính thực thi". Trong bối cảnh đô thị hóa mạnh và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, QHCT cần được hiểu là "công cụ điều phối không gian theo ranh giới hành chính, nhưng mở về dữ liệu và phối hợp theo không gian của các vùng chức năng". Vấn đề này đối với Hà Nội không phải mới, đã vận dụng nguyên tắc này trong giai đoạn dài trước đây. Do có cơ quan chuyên trách quản lý quy hoạch phát triển đô thị do vậy tổ chức quản lý các đồ án QHCT dọc Sông Tô Lịch, mặc dù mỗi đoạn sông thuộc quản lý địa bàn trước đây của các Quận khác nhau (Thanh Xuân, Đống Đa, Hoàng Mai…) nhưng vẫn được đảm bảo sự tích hợp chung một cơ sở dữ liệu thống nhất, đảm bảo các vấn đề liên kết cảnh quan - hạ tầng - môi trường được xuyên suốt.

Quan điểm tiếp cận này không chỉ tuân thủ đúng quy trình pháp lý mà còn hướng đến mô hình khu vực đô thị chức năng (FUA) và cơ quan quản lý vùng đô thị (MPO) trong thực tiễn quốc tế.

2.3. Bài học kinh nghiệm quản lý không gian liên kết địa bàn các đơn vị hành chính từ cách tiếp cận nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết sông Tô Lịch

Sông Tô Lịch dài khoảng 14 km, rộng trung bình 150 m, đi qua 7 quận/huyện cũ, nay thuộc 12 phường mới (Ngọc Hà, Nghĩa Đô, Láng, Giảng Võ, Cầu Giấy, Yên Hòa, Thanh Xuân, Đống Đa, Khương Đình, Định

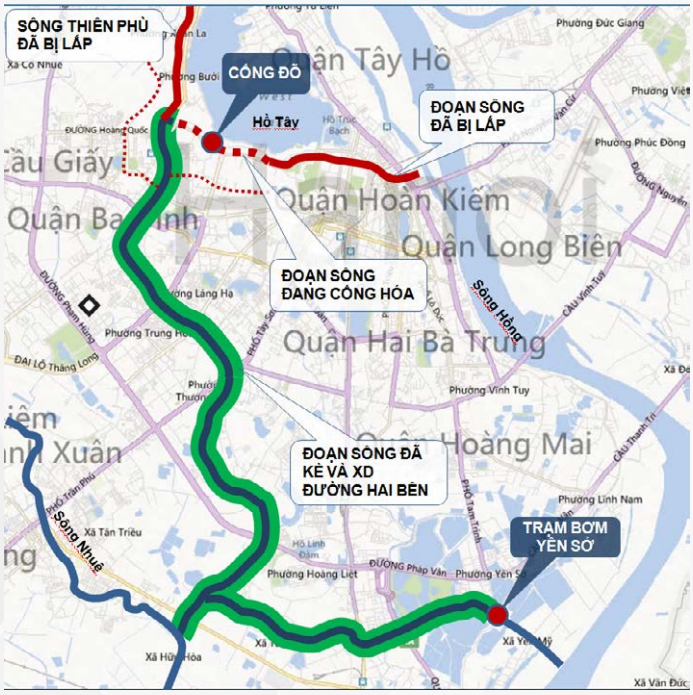
Công, Thanh Liệt và Hoàng Liệt), có điểm đầu Cống Đõ (Hồ Tây), điểm cuối Trạm bơm Yên Sở (Sông Hồng), kết nối Sông Nhuệ. Hà Nội phân đoạn tuyến thành 3 khu QHCT.

Về cấu trúc không gian, không gian sông Tô Lịch là trục tự nhiên - hạ tầng - văn hóa đa lớp, vừa được nghiên cứu để đảm bảo chức năng thủy lợi, vừa mang ý nghĩa lịch sử - biểu tượng của Thăng Long - Hà Nội. Theo đánh giá đây là "Không gian đô thị chức năng liên kết địa bàn điển hình nhất của khu trung tâm Hà Nội" được nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết thống nhất theo tuyến hành lang ven sông, đảm bảo yếu tố thực tế khi triển khai các dự án đầu tư thành phần.

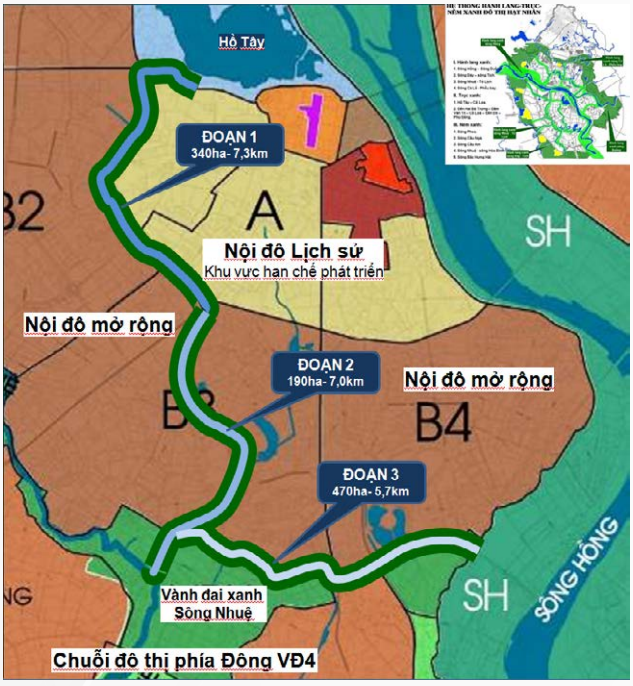
Quy mô và vị trí của các đoạn đang nghiên cứu lập đồ án quy hoạch chi tiết

Đoạn	Giới hạn địa lý	Chiều dài (km)	Diện tích QH (ha)	Đơn vị hành chính (cũ)
Đoạn 1	Cống Đõ - Cầu Dậu	6,2 km	~1.346 ha	Tây Hồ, Ba Đình, Cầu Giấy, Đống Đa
Đoạn 2	Cầu Dậu - Kim Giang	4,2 km	~950 ha	Thanh Xuân, Hoàng Mai
Đoạn 3	Kim Giang - Trạm bơm Yên Sở	3,6 km	~720 ha	Hoàng Mai, Thanh Trì

Sông Tô lịch hiện nay



Sông Tô lịch trong Quy hoạch chung HN



(1) Tổ chức bộ máy, cơ quan quản lý không gian đô thị ven sông Tô Lịch

Thành phố giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc (QHKT) làm cơ quan thường trực kỹ thuật chủ trì điều phối lập quy hoạch toàn tuyến; các quận/huyện chịu trách nhiệm phối hợp lập và lấy ý kiến quy hoạch, quản lý thực hiện theo quy hoạch.

Hệ thống quản lý được phân công vai trò, trách nhiệm gắn với từng đơn vị hành chính cấp quận, huyện và cơ quan chuyên môn, cụ thể:

Cấp	Vai trò, chức năng nhiệm vụ	Công cụ quản lý
UBND TP Hà Nội	Phê duyệt QHCT liên xã; chỉ đạo đầu tư, phân bổ vốn, duyệt tổng thể hạ tầng ven sông	Hệ thống văn bản pháp luật, cơ sở dữ liệu quy hoạch TP; Danh mục dự án…
Sở QHKT	Cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định kỹ thuật, hợp nhất chỉ tiêu và bản đồ giữa các đoạn	CSDL, GIS, Các hồ sơ Quy hoạch chung, QH phân khu 1/2000, QHCT 1/500 và các dự án có liên quan, Quy chế quản lý kiến trúc…

Cấp	Vai trò, chức năng nhiệm vụ	Công cụ quản lý
Viện QHXD (cơ quan nghiên cứu, thiết kế quy hoạch trực thuộc Thành phố)	Lập QHCT, lấy ý kiến nhân dân, phối hợp quản lý trật tự xây dựng	Thông tin quy hoạch; biên bản tiếp thu - giải trình lấy ý kiến cộng đồng, Cơ sở dữ liệu quy hoạch, GIS…

(2) Bộ máy phối hợp liên ngành

Dự án Quy hoạch chi tiết Tô Lịch có sự tham gia của các Sở ngành quản lý các vấn đề liên quan gồm:

- Sở XD: Kiểm soát cấp, thoát nước, hệ thống đường giao thông dọc và ngang sông (các cầu mới, đường ven sông, bến đỗ xe đạp - xe buýt mini), hạ tầng kỹ thuật, cây xanh 2 bên sông;

- Sở VH&TT: quản lý cảnh quan văn hóa - di tích ven sông;

- Sở NN&MT: kiểm soát chất lượng nước, môi trường, đất đai 2 bên sông;

- Sở TC: quản lý đầu tư công, bố trí vốn hoặc dự án BT.

(3) Tổ chức lập quy hoạch và quản lý toàn tuyến

- Toàn tuyến được chia thành 03 đoạn quy hoạch chi tiết, mặc dù chia theo ranh giới Quận, tất cả các đoạn đều tuân thủ cùng một bộ tiêu chí kỹ thuật, chỉ tiêu sử dụng đất, và phương án thoát nước - giao thông - cảnh quan.

- Hồ sơ QHCT của từng đoạn đều được tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung của Sở QHKT, đảm bảo khi phê duyệt hoặc điều chỉnh một phần thì toàn tuyến vẫn được cập nhật đồng bộ.

- Việc công khai hồ sơ, lấy ý kiến cộng đồng và tiếp thu - giải trình được thực hiện theo đúng quy trình hành chính, giúp tăng cường tính đồng thuận và minh bạch.

3. Nhận diện thách thức chính quản lý phát triển không gian đô thị liên kết địa bàn phi địa giới hành chính trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

(1) Mô hình của cơ quan điều phối quản lý phát triển không gian liên kết địa bàn

Mặc dù quản lý công tác lập quy hoạch của Sở QHKT có thể tạo được sự kết nối về khung không gian liên tục về cảnh quan - thoát nước - giao thông; Hạn chế tình trạng "vênh ranh" quy hoạch giữa các phường, xã;

Tuy nhiên việc làm rõ trách nhiệm từng cấp chính quyền địa phương (phường, xã, TP) trong tổ chức và quản lý thực hiện quy hoạch cũng là một thách thức, trong đó cần thiết phải nghiên cứu về mô hình bộ máy quản lý "Không gian hành lang đô thị chức năng" đối với các dự án liên kết địa bàn phi địa giới hành chính như quy hoạch chi tiết sông Tô Lịch. Tuy nhiên, các định hướng về phân quyền, trao quyền cho các đơn vị hành chính cấp xã gặp trở ngại lớn là thách thức về quản lý tính kết nối kỹ thuật của các địa bàn.

(2) Sự phân tán chức năng quản lý theo đơn vị hành chính

Giai đoạn sau 01/7/2025, dự án thuộc ranh giới từ 07 đơn vị hành chính cấp quận, huyện cũ chuyển thành 12 đơn vị hành chính phường. Vai trò của cơ quan tổng hợp (UBND Quận, Huyện cũ) là đầu mối điều hòa giữa các bên, tổng hợp kế hoạch, quản lý hạ tầng và phối hợp đầu tư… nay sẽ được phân tách về nhiều các đơn vị hành chính phường mới tạo nên thách thức mới về công tác phối hợp quản lý có sự liên kết địa bàn. Do vậy, vai trò quản lý "đầu mối kỹ thuật cấp TP" phần lớn sẽ là cơ quan tham mưu về chuyên môn của thành phố Hà Nội.

(3) Hạn chế năng lực kỹ thuật ở cấp xã/phường

Nhiều xã/phường hiện chưa đủ nhân lực quản lý và sử dụng các công cụ số hóa để quản lý hồ sơ QHCT hoặc cập nhật dữ liệu GIS. Nếu không có cơ chế hỗ trợ (đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật, chia sẻ dữ liệu), việc chuyển giao thẩm quyền lập và quản lý QHCT cho cấp xã sẽ dễ dẫn đến mất kiểm soát không gian chi tiết và thiếu tính liên kết địa bàn.

4. Kết luận và khuyến nghị thể chế

Kinh nghiệm nghiên cứu lập quy hoạch thực tế tại Hà Nội cho thấy thách thức quản lý theo ranh giới hành chính vẫn có thể bảo đảm liên kết không gian nếu có được các quy trình kỹ thuật minh bạch và cơ

chế điều phối thống nhất. Trong mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, có thể nghiên cứu thực hiện bổ sung, nâng cấp (không thay thế, lập mới) dựa trên các nền tảng hiện quản lý hiện hữu, đồng thời tăng cường vai trò cấp xã và điều phối không gian đô thị hành lang ở cấp TP.

Khuyến nghị trong tổ chức bộ máy quản lý không gian đô thị liên kết địa bàn, Sở QHKT tiếp tục đóng vai trò điều phối quản lý phát triển không gian, tuyến, hành lang không gian chức năng đô thị, chịu trách nhiệm tổng hợp, giám sát đồng bộ toàn tuyến và phối hợp với các đơn vị hành chính cấp xã quản lý theo từng địa bàn và liên kết địa bàn các đơn vị hành chính cấp xã.

Khuyến nghị các nguyên tắc quản lý không gian liên kết địa bàn trong bối cảnh mô hình chính quyền địa phương hai cấp cần dựa trên các yếu tố: (1) Quản lý hành chính là nền tảng; (2) Đồ án quy hoạch là công cụ; (3) Liên kết không gian có cơ chế điều phối mềm ở cấp TP; (4) Xã/Phường là điểm tiếp xúc quan trọng, quản lý và thúc đẩy phát triển đô thị nông thôn, cần được hỗ trợ nâng cao năng lực; (5) Số hóa dữ liệu, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ, AI, GIS, CIM… trong quản lý là điều kiện tiên quyết, thúc đẩy nhanh điều phối theo hành lang, tuyến, khu vực (TOD) liên kết địa bàn phi địa giới hành chính./.

Tài liệu tham khảo

(1). Quốc Hội, "Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12," Hà Nội, 2009.

(2). Quốc Hội, "Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 76/2015/QH13," Hà Nội, 2015.

(3). Chính phủ (2025). Nghị định 145/2025/NĐ-CP về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp.

(4). Chính phủ (2025). Nghị định 178/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

(5). Bộ Xây dựng (2025). Thông tư 16/2025/TT-BXD quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn.

(6). OECD and European Commission, Redefining "Urban": A New Way to Measure Metropolitan Areas, OECD Publishing, Paris, 2012, p. 14.

(7). U.S. Department of Transportation. MPO Database and FHWA Planning Review

(8). Ministry of Natural Resources of China, Territorial Spatial Planning Guidelines, Beijing, 2020.

(9). Nguyễn Hoàng Minh (2025), Đổi mới mô hình quản lý phát triển đô thị phi địa giới hành chính ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới". Tạp chí Khoa học Kiến trúc & Xây Dựng - Đại học Kiến trúc Hà Nội, ISSN 1859-350X, số 60.2025, tháng 6 năm 2025.

(10). Nguyễn Hoàng Minh (2025), Quy hoạch và quản lý phát triển đô thị phi địa giới hành chính ở Việt Nam trong kỷ nguyên mới, Tạp chí Quy hoạch đô thị số 59/2025 - ISN 1859-3658, tháng 7 năm 2025;



DIỄN ĐÀN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM 2025

VIETNAM URBAN SUSTAINABILITY SUMMIT 2025

vietnamurbansummit.vn

05/11
2025
HÀ NỘI